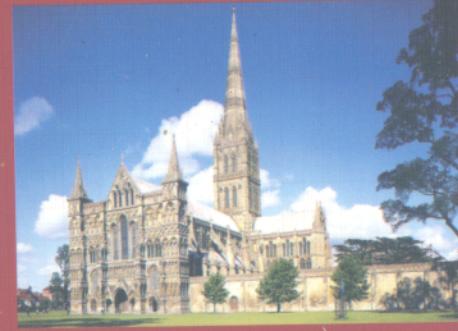
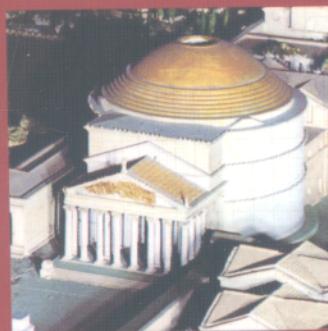
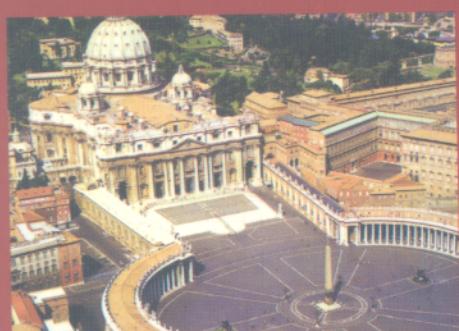
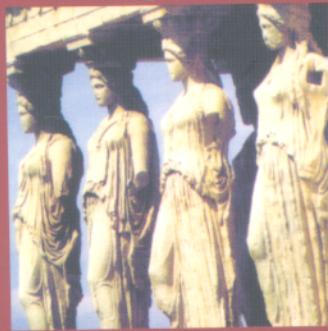
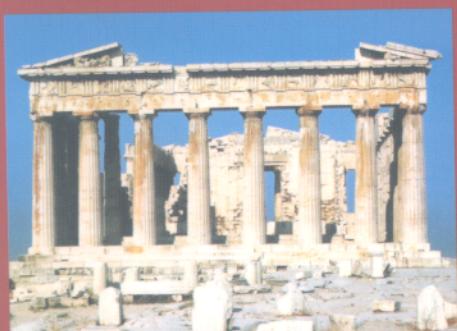


TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG - KHOA KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH  
BỘ MÔN LÝ THUYẾT VÀ LỊCH SỬ KIẾN TRÚC

Đặng Thái Hoàng - Nguyễn Văn Đỉnh  
Nguyễn Đình Thi - Vũ Thị Ngọc Anh - Nguyễn Trung Dũng  
Đặng Liên Phương - Đoàn Trần Trung

# GIÁO TRÌNH LỊCH SỬ KIẾN TRÚC THẾ GIỚI

TẬP I



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG - KHOA KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH  
BỘ MÔN LÝ THUYẾT VÀ LỊCH SỬ KIẾN TRÚC

Đồng chủ biên

PGS. KTS. ĐẶNG THÁI HOÀNG - TSKH. KTS. NGUYỄN VĂN ĐÌNH

Những người tham gia

TS. KTS. NGUYỄN ĐÌNH THI

KTS. VŨ THỊ NGỌC ANH - ThS. KTS. NGUYỄN TRUNG DŨNG

ThS. KTS. ĐẶNG LIÊN PHƯƠNG - KTS. ĐOÀN TRẦN TRUNG

GIÁO TRÌNH  
**LỊCH SỬ KIẾN TRÚC**  
THẾ GIỚI

TẬP I

TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỶ XVIII

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG  
HÀ NỘI - 2006

## LỜI NÓI ĐẦU

Bộ môn Lý thuyết và Lịch sử kiến trúc, Khoa kiến trúc và Quy hoạch, trường Đại học Xây dựng hiện nay và trong tương lai gần đặt vấn đề biên soạn và in ấn hệ thống các giáo trình Lý luận và Lịch sử kiến trúc dành cho sinh viên các ngành Kiến trúc và Quy hoạch.

Đối với giáo trình Lịch sử kiến trúc thế giới, việc biên soạn sẽ được chia thành hai tập, trong đó Tập I, từ Xã hội nguyên thủy đến thế kỷ XVIII, ra mắt lần này bao gồm những nội dung sau đây:

*Chương 1. Kiến trúc Xã hội nguyên thủy*

*Chương 2. Kiến trúc Ai Cập cổ đại*

*Chương 3. Kiến trúc Lưỡng Hà và Ba Tư*

*Chương 4. Kiến trúc Hy Lạp cổ đại*

*Chương 5. Kiến trúc La Mã cổ đại*

*Chương 6. Kiến trúc Cơ đốc giáo tiền kỳ, kiến trúc Byzantine và kiến trúc Nga Trung thế kỷ*

*Chương 7. Kiến trúc Rôman*

*Chương 8. Kiến trúc Gôtich*

*Chương 9. Kiến trúc thời đại Phục hưng*

*Chương 10. Kiến trúc Baroque Cổ điển chủ nghĩa và Rococo*

*Chương 11. Kiến trúc Hà Lan, Tây Ban Nha, Đức và Anh thế kỷ XVI - thế kỷ XVIII*

Cuốn sách do PGS.KTS. Đặng Thái Hoàng và TSKH.KTS. Nguyễn Văn Định chủ biên, với sự tham gia của TS.KTS. Nguyễn Đình Thi, KTS. Vũ Thị Ngọc Anh, ThS.KTS. Nguyễn Trung Dũng, ThS.KTS. Đặng Liên Phương, KTS. Đoàn Trần Trung.

Bộ sách Lịch sử kiến trúc thế giới hai tập là sản phẩm trí tuệ xuất bản vào năm 2006 chào mừng 50 năm đào tạo (1956-2006) và 40 năm thành lập trường Đại học Xây dựng (1966-2006).

Biên soạn Giáo trình Lịch sử kiến trúc thế giới để cập đến những vấn đề khá khăn và phức tạp, cho nên bước đầu không tránh khỏi những khiếm khuyết, chúng tôi mong muốn được sự góp ý chân thành của các Nhà nghiên cứu lịch sử kiến trúc và các bạn đọc quan tâm đến những nội dung của lịch sử kiến trúc thế giới.

Nhóm tác giả

## Chương 1

# KIẾN TRÚC XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

### 1.1. KHÁI QUÁT CHUNG

Loài người xuất hiện trên Trái đất cách đây khoảng hơn 3 triệu năm, lúc đầu người vượn - tổ tiên loài người ngày nay có cuộc sống khắc nghiệt, hoang dã hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên. Họ sống thành từng bầy, lấy thức ăn từ thiên nhiên nhờ hái lượm, đào bới cù rẽ và săn bắt, lấy t้น cây, hang động làm nơi trú ẩn. Trong quá trình tiến hóa, con người đã dần dần cải biến hoàn thiện, việc phát hiện ra lửa và làm ra lửa là phát minh quan trọng của loài người, từ đó con người sống không hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên mà đã biết khai thác tự nhiên để tạo cho mình nơi cư trú cố định. Đến thời điểm cách đây khoảng 3 vạn năm, con người đã dần chuyển từ lối sống du mục sang định canh định cư và hình thức xã hội đầu tiên đã ra đời - đó là Xã hội nguyên thủy. Xã hội nguyên thuỷ là xã hội chưa có giai cấp, trình độ sản xuất thấp kém, của cải làm ra ít, con người làm ăn chung, giúp đỡ nhau trong mọi công việc.

Xã hội nguyên thuỷ được chia làm 3 giai đoạn: Thời kỳ đồ đá cũ, Thời kỳ đồ đá mới, Thời kỳ đồ đồng.

Biểu hiện nguyên thuỷ nhất của những công trình nghệ thuật nhân tạo xuất hiện vào cuối thời kỳ đồ đá cũ (2,5 vạn năm đến 1 vạn năm tr. CN), lúc đó con người sống trong các hang động có gác công và làm những công trình kết bằng cành cây. Mặc dù xã hội nguyên thuỷ ở các nơi trên thế giới trải qua thời gian dài ngắn khác nhau nhưng tập trung nhiều ở vùng ôn đới nên hình thức kiến trúc ở các nơi đều có những nét giống nhau.

Nói chung, ở xã hội nguyên thuỷ, con người đã có những hình thức nhà thô sơ và dần dần đã có những kiến trúc thô cứng bằng đá. Mặc dù những công trình kiến trúc đó còn đơn giản nhưng nó đã bắt đầu đáp ứng được nhu cầu vật chất cũng như tinh thần của con người lúc bấy giờ, đồng thời nó cũng khẳng định những bước đi đầu tiên của Kiến trúc - một ngành nghệ thuật quan trọng có tác dụng to lớn và gắn bó với cộng đồng.

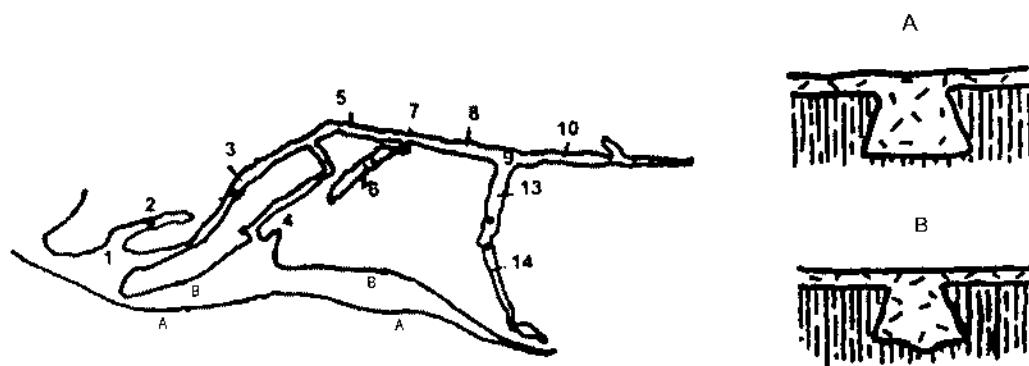
### 1.2. THỜI KỲ ĐỒ ĐÁ CŨ (2,5 vạn - 1 vạn năm tr. CN)

Con người sống theo chế độ thị tộc: Con người sống theo từng nhóm nhỏ, gồm vài chục gia đình có quan hệ họ hàng gần gũi với nhau, làm chung, ăn chung.

Để tồn tại trước thiên nhiên khắc nghiệt, con người đã lân lượt sống trong các hang động thiên nhiên, hang động gia công, rồi tạo ra những công trình cư trú thích hợp dù rất còn thô sơ.

Những hình thức nhà ở thô sơ lúc bấy giờ như: Đào hầm trong lòng đất, khoét hang vào núi đá, lấy cây ghép thành liếp chắn gió, rồi dần dần cải tiến thành lều tròn có mái chóp nón, hoặc nhà vuông mái dốc hai bên, nhà sàn với vật liệu thường làm bằng cành cây và miết đất.

Hiện nay còn tồn tại một số di chỉ như hang động Lascaux có hình vẽ khắc những con nai, con ngựa, hang động Font de Game ở Pháp, hang động Pech Merle ở Lot thuộc nước Pháp..., một số di tích còn sót lại của các liếp chắn gió ở Alsace tại Pháp, ở Olduvai tại Tanzania... Sau này trong suốt 4 thế kỷ từ thế kỷ XV, người ta đã gặp những bộ lạc người da đỏ ở Châu Mỹ vẫn sống trong thời kỳ đồ đá. Loại lều của họ được làm bằng vỏ cây hay bằng đất, có hình chóp nón hay hình vòm khum.



Mặt bằng và mặt cắt nơi đào sâu vào trong đất đá ở Font de Game, Pháp,  
nơi có vết tích cư trú của con người nguyên thủy đồ đá cũ.  
Ở ba nơi 7, 8, 10 có bích họa khắc trên đá dài tối 123 mét.



Nơi ở kiểu tổ chim ở bán đảo  
Malaya, thời đồ đá cũ.

Nhà ở buộc bằng cành  
cây hình tròn, thời đồ đá cũ.

Nhà lều của bộ lạc da đỏ ở Mỹ,  
thời kỳ đồ đá cũ.

Một số công trình tiêu biểu thời kỳ đồ đá cũ

### 1.3. THỜI KỲ ĐÔ ĐÁ MỚI (1 vạn năm - 3 nghìn năm tr. CN, hay còn gọi là thời kỳ đá mài)

Thời kỳ này con người đã biết gia công kỹ đá, mài đá, sử dụng công cụ đá có hiệu quả; nông nghiệp và chăn nuôi phát triển, con người từ bỏ cuộc sống du cư sang định cư và tôn giáo đã có mầm mống rõ rệt hoặc ở một số khu vực đã định hình, chín muồi. Ở thời kỳ này chăn nuôi và trồng trọt phát triển, những công việc này do người phụ nữ đảm nhiệm nên chế độ xã hội chuyển sang mẫu hệ, không còn sống theo chế độ quân hòn.

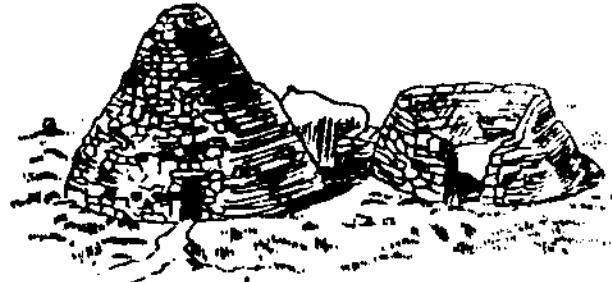
Do nhu cầu định cư nên trong giai đoạn này thôn xóm đã được hình thành, làng mạc tập trung hơn với những nhà ở có nhiều gian, mỗi gian có một bếp lò riêng. Nhà ở có thêm kho và chuồng súc vật chứng tỏ con người đã có sản phẩm dư thừa và chăn nuôi được chú trọng. Quy hoạch kiến trúc của con người ở thời kỳ này cũng bắt đầu mang tính quy luật cao hơn. Nhà được đặt quanh sân, có nhà chính và nhà phụ, quanh làng có chuồng ngai vật để bảo vệ, đó là hình thức phôi thai của các loại tường chắn và hàng rào ngày nay.

Nhiều làng xóm xuất hiện ở khắp nơi trên trái đất như ở Palestine vào Thiên niên kỷ IX tr. CN, làng Scara Brey ở Irlanda, Khirotikia đảo Chypre vào Thiên niên kỷ V... Các cộng đồng làng xóm này mới được mở ra và còn lạc hậu nhưng nó là nguồn gốc của đô thị, là sự sơ khởi của những nền văn minh sơ khai cùng với việc phát minh ra chữ viết.

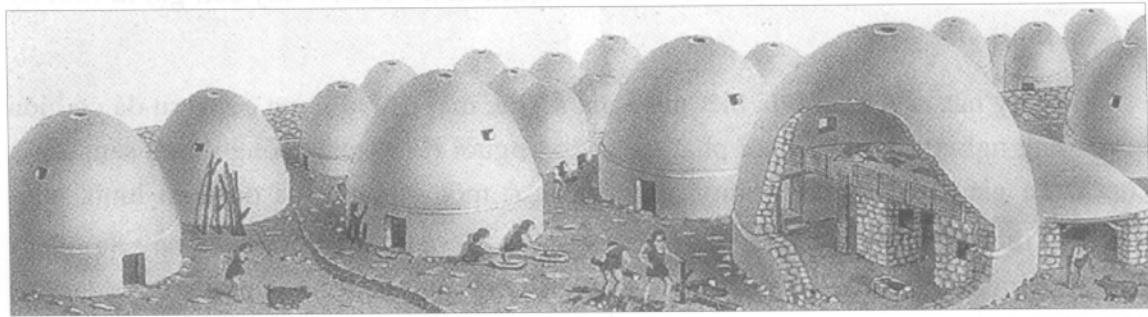
Thời kỳ này nhà ở bớt thô sơ hơn, ngoài nhà đất còn có nhà sàn trên đất, nước. Vật liệu và kết cấu: nhà có tường làm bằng cành cây trát đất, đá, có nơi có nền nhà làm bằng cả những tấm đất sét nung, mái nhà dốc.



*Nhà chòi trên cọc: có tác dụng ngăn thú dữ lên sàn và được làm thành cụm ven sông, hồ. Loại nhà này thấy nhiều ở Thụy Sĩ, Monaco.*



*Nhà làm bằng đá kiểu tổ ong ở Alsace, Pháp.  
Điều thời kỳ đồ đá mới, có mặt bằng hình tròn.*



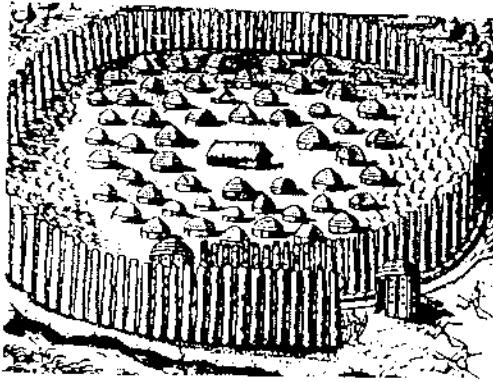
Làng xóm Khirokitia, ở đảo Chypre, Thiên niên kỷ V tr. CN,  
xây dựng bằng gạch không nung đặt trên nền bằng đá



Nhà ở đặt trên cọc ở trên hồ, Neuchatel, Thụy Sĩ, thời đồ đá mới



Một ngôi làng ở Indonesia, di chỉ thời kỳ đồ đá mới.  
Các ngôi nhà trong làng có dạng nhà sàn với mặt bằng hình chữ nhật.



*Làng của bộ tộc da đỏ Florida - Mỹ, thời kỳ đồ đá mới. Mặt bằng nhà hình tròn, giữa là nhà tộc trưởng. Xung quanh là tường rào bảo vệ.*



*Dấu vết làng mạc thời kỳ đồ đá mới ở Kiev, Ukraina, mặt bằng các nhà hình chữ nhật, ở giữa là nhà tộc trưởng.*

#### 1.4. THỜI KỲ ĐỒ ĐỒNG (3 nghìn năm tr. CN)

Thời kỳ này công cụ lao động đã thay đổi do con người phát minh ra việc nấu chảy kim loại, nhờ có công cụ bằng kim loại con người có thể khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt, xe gỗ đóng thuyền, xe đá làm nhà, đẩy mạnh sản xuất. Lúc này những người đàn ông làm những công việc nặng nhọc, còn người phụ nữ ở nhà trồng trọt, chăn nuôi do đó chế độ Phụ hệ dần dần thay thế chế độ Mẫu hệ. Sản phẩm Xã hội đã có dư thừa, mầm mống của xã hội nô lệ đã nảy sinh trong lòng xã hội nguyên thủy. Việc phân hóa kẻ giàu, người nghèo, các cuộc chiến tranh giữa các bộ lạc đã đưa đến việc hình thành các thành lũy kiên cố, công trình phòng ngự của tầng lớp thống trị.

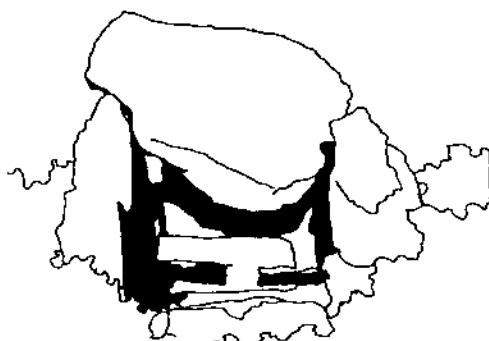
Về mặt kiến trúc trong thời kỳ này: Ngoài nhà ở là dạng nhu cầu thiết yếu, một số loại hình kiến trúc thờ cúng đầu tiên nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của người nguyên thủy đã ra đời. Đó là:

**Phòng đá** (Dolmen, còn gọi là thạch dài hay bàn đá): ngôi mộ nguyên thuỷ là nơi mai táng và thờ cúng các lãnh chủ và phù thủy lúc bấy giờ. Đó là những công trình làm bằng 2 cột đá lớn dựng đứng, bên trên đặt một tấm đá ngang. Ban đầu kích thước của phòng đá nhỏ (dài 2m và cao 1,5m), dần dần được xây bằng các khối đá lớn hơn đặt cách nhau tới 20m và tấm đá lợp nặng tới hàng tấn.

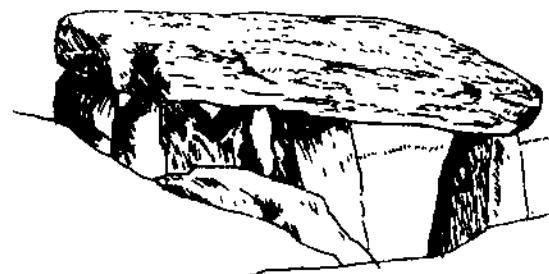
Cách xây dựng phòng đá được dự đoán là: đầu tiên người ta dựng những cột đá đứng trước, phủ đá và đất tới cột, nén chặt, tiếp đó đặt đòn khiên, con lăn trượt tấm đá mái lên. Sau đó tháo dỡ nền đá nhỏ, tháo đòn khiêng và con lăn.

Phòng đá được tìm thấy ở một số nơi như Đức, Thụy Điển, Pháp, Anh, phòng đá tìm thấy ở Đức, phía trên còn đắp đất như hình ngôi mộ đích thực. Phòng đá tìm thấy

ở Thụy Điển, ngoài những phòng đá đơn còn có những phòng đá có mặt bằng dài hình chữ nhật hay chữ T, sắp xếp nhiều phiến đá đứng và bên trên có 3-4 đến 7-8 phiến đá lợp.



*Phòng đá ở Bretagne, Pháp: đến nay còn nguyên vẹn phần đá (phần đất đã bị thời gian làm hao mòn).*



*Phòng đá ở Anh*

**Cột đá** (Menhir, hay Monolith): là những phiến đá dài có khi tới 20m và nặng 300 tấn được dựng làm cột độc lập, thân cột thường chạm khắc hình cây cối, người, vật. Có thể mỗi cột đá để kỉ niệm một người chết, cũng có thể tượng trưng cho lòng tin của con người đối với sức mạnh thiên nhiên.

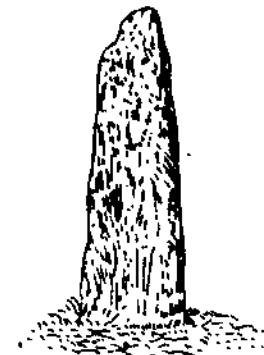
Việc xây dựng cột đá được dự đoán là: con người đẩy cột đá đến những chiếc hố đào sẵn, buộc dây vào đầu cột, kéo lên và cố định chân cột.

Hiện nay tại vùng Carnac (Bretagne, Pháp) còn giữ được 3000 cột đá chôn thành nhiều dãy, tạo thành hành lang dài tới 3 km (con số trước đây theo dự đoán có thể có tới 10000 cột đá).

Ở vùng Locmariaquer, Bretagne, Pháp và Anh còn giữ được di chỉ về cột đá.



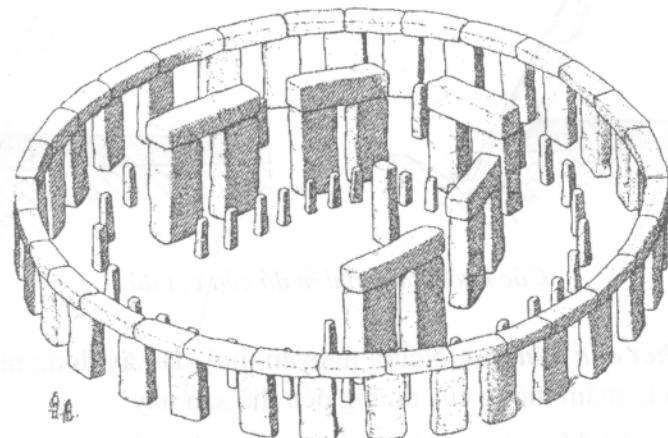
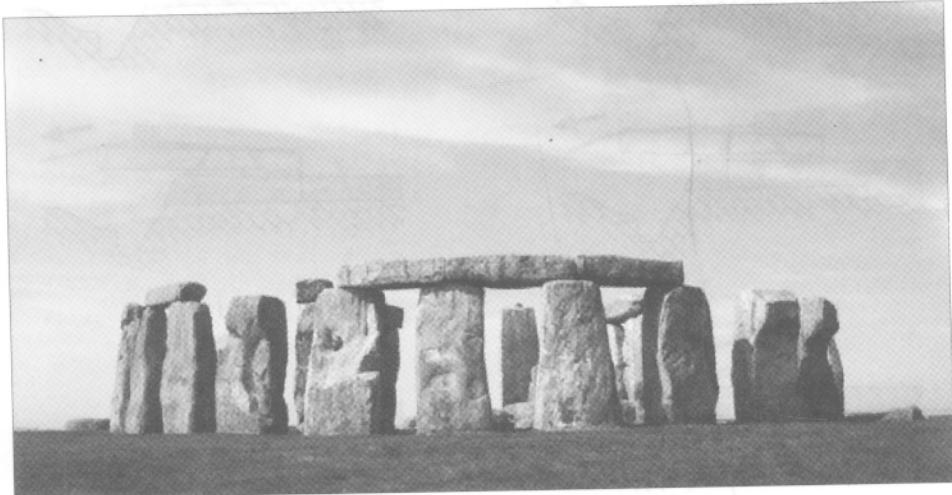
*Cột đá ở Locmariaquer, Bretagne, Pháp.  
Cây cột lớn nhất có đường kính 4.28m,  
cao 19.2m, nặng 260 tấn.*



*Cột đá ở Anh*

**Lan can đá** (Cromlech, hay còn gọi là thạch hoàn): Là một vòng tròn hoặc những vòng tròn đồng tâm, dựng nên bởi những cột đá, trên lợp các tấm đá dài tạo thành vòng tròn khép kín. Lan can đá dùng để cúng ma thuật, ở giữa là một tấm đá dùng để đặt vật hy sinh cho lễ cúng.

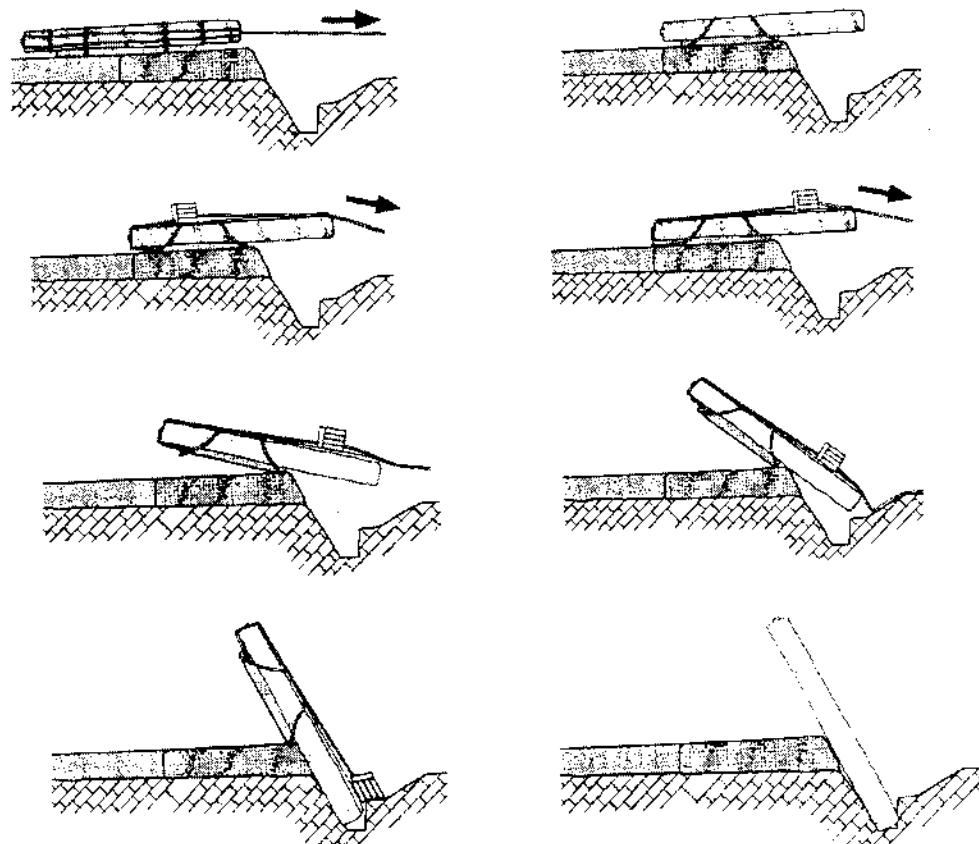
Lan can đá nổi tiếng trong lịch sử kiến trúc là lan can đá Salisbury ở Stonehenge nước Anh. Có đường kính 90 mét, các thanh đá đứng còn lại hiện nay cao tới 5 mét, bên trong vòng đá trong cùng còn có 5 cổng đá (còn gọi là tháp đá, bao gồm hai thanh đá đứng cao từ 7 đến 8 mét nối liền với một dầm đá ngang). Các cột đá làm thành lan can đá có cột nặng 32 tấn hay 50 tấn, muốn kéo và dựng lên phải dùng tối công sức hơn 200 con người hợp lại. Có nghiên cứu cho rằng các cột đá này được vận chuyển từ Ireland cách xa đó 300 km bằng thuyền lớn. Theo một số trắc nghiệm, các vòng đá và các cổng đá có vị trí và chiều cao gắn liền với ngày, tháng, mùa dựa trên bóng đổ mặt trời, mặt trăng lúc mọc và lặn có thể là một kiểu đài quan sát thiên văn đương thời. Đây là một kỳ công của con người trong thời kỳ nguyên thủy.



*Lan can đá Salisbury ở Stonehenge, Anh*

**Xây dựng những phiến đá lớn:** Gần đây một cuộc thử nghiệm đã được thực hiện để dựng lại những khối đá to lớn đồ sộ. Để hoàn thành công việc cần tới gần 150 người tham gia. Việc dựng những phiến đá đồ sộ này cũng không kém phần kỳ công so với việc vận chuyển chúng. Phương pháp được sử dụng ở đây là dùng bờ dốc và đối trọng, theo nguyên tắc đòn bẩy.

Người ta đào sẵn một cái hố sâu có bờ dốc để chôn phiến đá lớn. Những phiến đá đồ sộ được kéo trượt đến bờ dốc của hố, hòn đá đối trọng được kéo trượt từ đỉnh và dọc theo phiến đá, đến khi nó trượt qua điểm tựa của phiến đá lớn trên hố nhờ trọng lượng của nó làm cho phiến đá lớn nghiêng theo và cả hai trượt nhẹ vào vị trí. Thành công của công việc này dựa trên hình dạng hợp lý của cái hố chôn phiến đá và sự điều chỉnh cẩn thận trong suốt quá trình kéo những phiến đá nguyên khối đồ sộ xuống hố.

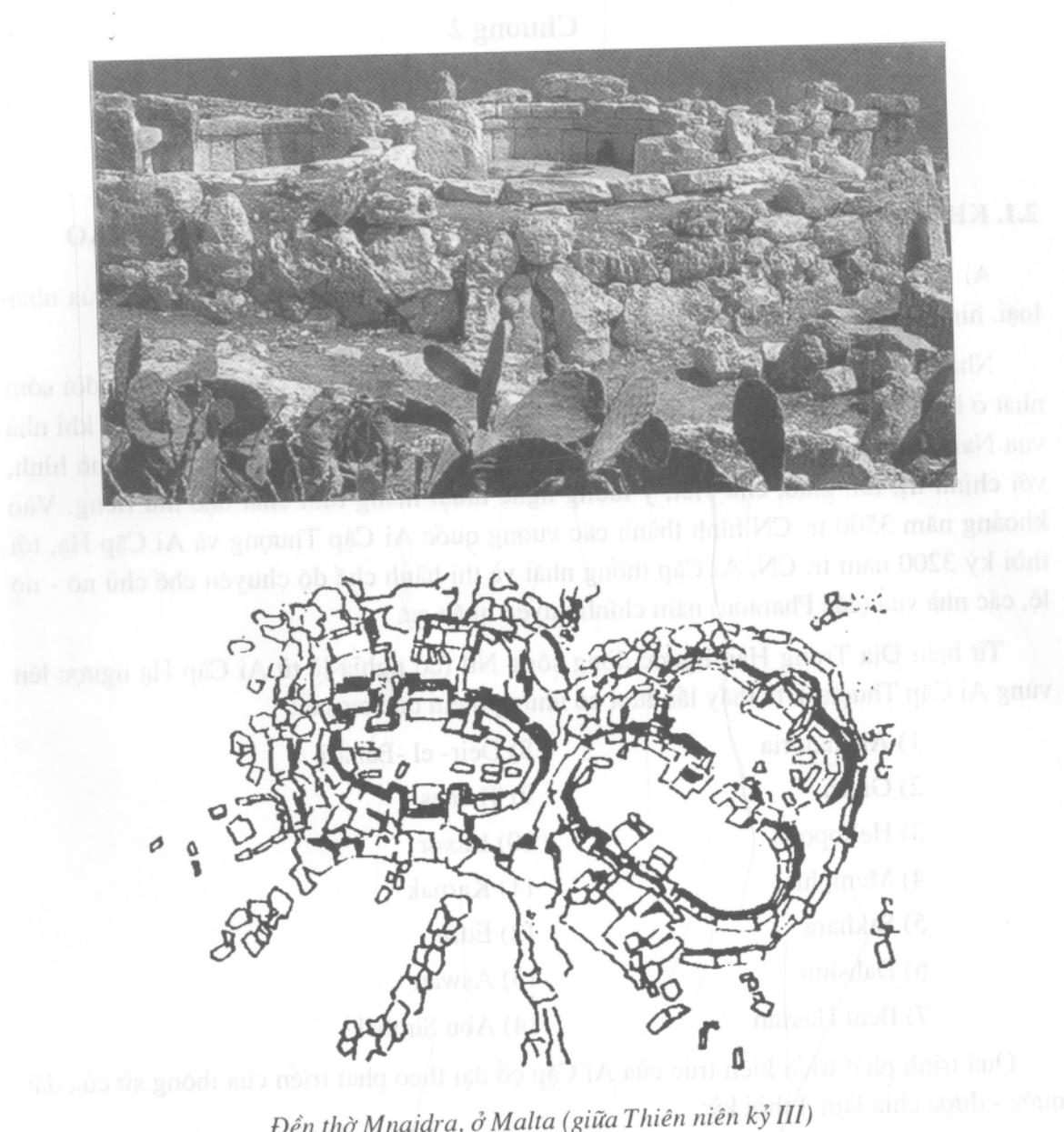


Các bước dựng phiến đá của cột đá

**Hình thức sơ khai của đền thờ:** Người nguyên thuỷ đã xây dựng những đền thờ kiểu sơ khai bằng đá, nó là mầm mống của những đền thờ sau này.

Tiêu biểu là đền thờ Mnajdra - thờ nữ thần mùa màng ở Malta. Đó là những khồng gian tạo dựng bằng đá có hình Elliptical sơ khai kiên cố, đền chưa có hình dáng hình

học rõ nét, điều này phản ánh do bị hạn chế bởi vật liệu và kết cấu cũng như công cụ chế tác nên tính chuẩn tắc của hình thức kiến trúc còn hạn chế.



Đền thờ Mnajdra, ở Malta (giữa Thiên niên kỷ III)

Tóm lại: Kiến trúc thời nguyên thủy, ngoài việc đáp ứng yêu cầu cơ bản là đảm bảo những yêu cầu về công năng, đã bắt đầu quan tâm đến sự trang trí, đến cái đẹp. Những vết tích nói trên tuy không còn nguyên vẹn nhưng đã đánh dấu những bước đi đầu tiên của buổi bình minh của nghệ thuật kiến trúc nhân loại.

## Chương 2

# KIẾN TRÚC AI CẬP CỔ ĐẠI

### 2.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ XÃ HỘI VÀ TÔN GIÁO

Ai Cập cổ đại một trong những nền văn minh cổ xưa nhất và rực rỡ nhất của nhân loại, hình thành cách đây 6000 năm (năm 4000 tr. CN).

Nhà nước Ai Cập cổ đại là một trong những nhà nước theo chế độ nô lệ ra đời sớm nhất ở lưu vực sông Nil vùng Đông Bắc Châu Phi. Từ thời kỳ cổ vương quốc, sau khi nhà vua Narmer thiết lập triều đại Memphis, nền văn minh Ai Cập bắt đầu được định hình, với chính trị, tôn giáo, chữ viết, ý tưởng nghệ thuật mang tính chất đặc thù riêng. Vào khoảng năm 3500 tr. CN hình thành các vương quốc Ai Cập Thượng và Ai Cập Hạ, tới thời kỳ 3200 năm tr. CN, Ai Cập thống nhất và thi hành chế độ chuyên chế chủ nô - nô lệ, các nhà vua (các Pharaon) nắm chính quyền quân sự.

Từ biển Địa Trung Hải, ngược dòng sông Nil (có nghĩa là từ Ai Cập Hạ ngược lên vùng Ai Cập Thượng), ta thấy lần lượt có những điểm dân cư sau:

- |                |                     |
|----------------|---------------------|
| 1) Alexandria  | 8) Deir- el -Bahari |
| 2) Gizeh       | 9) Thèbes           |
| 3) Heliopolis  | 10) Luxor           |
| 4) Memphis     | 11) Karnak          |
| 5) Sakhara     | 12) Edfu            |
| 6) Dahshur     | 13) Aswan           |
| 7) Beni Hassan | 14) Abu Simbel      |

Quá trình phát triển kiến trúc của Ai Cập cổ đại theo phát triển của thông sử của đất nước - được chia làm 4 thời kỳ:

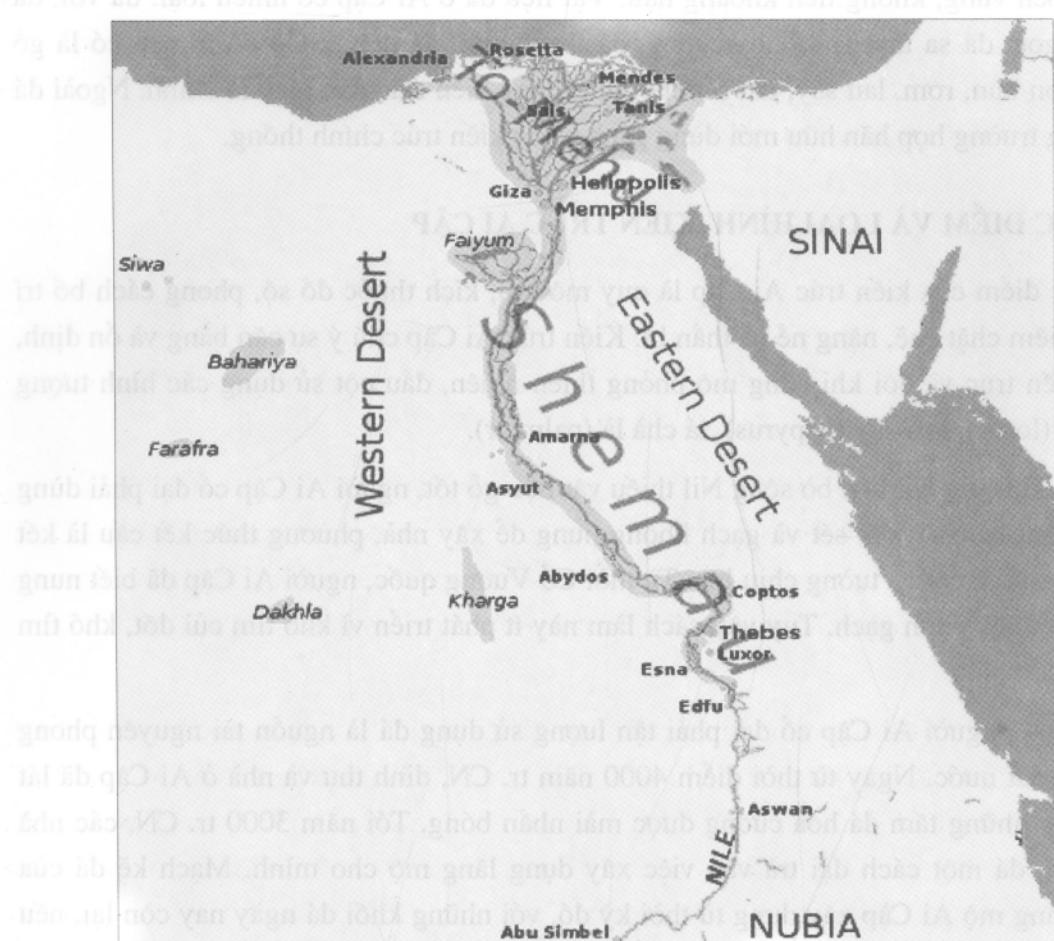
+ Thời kỳ Cổ Vương quốc (*từ Vương triều thứ I đến Vương triều thứ 10, khoảng từ 3200-2130 trước Công nguyên*) có địa điểm phát triển chính là khu tam giác châu thổ phía Bắc, với thủ đô là Memphis, với loại hình kiến trúc chủ yếu là lăng mộ (Mastaba và Kim Tự Tháp).

+ Thời kỳ Trung Vương Quốc (*từ Vương triều thứ 11 đến Vương triều thứ 17, từ 2130-1580 tr. CN*) lấn thổ mở rộng xuống khu vực phía Nam, hoạt động xây dựng chủ yếu tập trung xung quanh thủ đô Thebes, với loại hình kiến trúc chủ yếu là đền dài.

+ Thời kỳ Tân Vương quốc (*từ Vương triều thứ 18 đến Vương triều thứ 30, năm 1580-332 tr. CN*) vẫn lấy Thebes làm thủ đô, với các loại hình kiến trúc chủ yếu là đền dài, đền dài đục trong đá, lăng mộ đục trong đá và nhà ở.

+ Hậu kỳ (*từ năm 332 - 30tr. CN*) thời kỳ này phía Bắc bị xâm lược, cuối cùng bị La Mã thôn tính, kiến trúc có quy mô nhỏ nhưng tinh tế, bị ảnh hưởng của Hy Lạp và La Mã.

Vương quyền và thần quyền chi phối tư tưởng xã hội và ảnh hưởng đến sự liên tục phát triển suốt 4000 năm tồn tại của các nhà vua (các Pharaon), dưới nhà vua là các tăng lữ (Priest), dưới nữa là các thư lại (Virit). Nông dân và thợ thủ công chiếm số lượng khá đông, tầng lớp dưới cùng là dân nô lệ.



Mỗi địa phương ở Ai Cập thờ một số thần, tổng số thần được thờ ở Ai Cập lên đến con số 2000. Ở Thebes, thờ bộ ba thần Amon (thần mặt trời), thần Mut là vợ thần Amon (mẹ của mọi sự vật) và thần Khons (thần Mặt Trăng). Ở Memphis thờ các thần Ptah

(thần sáng tạo), thần Sekmet (vợ của thần Ptah, nữ thần Chiến thắng), thần Sekkhet (nữ thần lửa), thần Iem Hetet (thần Chữa bệnh), thần Orisis (thần Chết) và vợ là thần Isis, thần Horus (thần Mặt trời), thần Hathor (thần Tình Yêu), thần Set (thần Ác) và thần Serapis (thần Đầu trâu).

Dấu ấn của nhà vua trong xã hội thể hiện khắp nơi, ghi rõ trong các văn bia, các văn bản papyrus (viết lên vỏ sậy), và đặc biệt thể hiện rõ nét trên các công trình kiến trúc.

Tôn giáo Ai Cập cổ đại có các đặc điểm là tin tưởng vô bờ bến vào tương lai, vào kiếp sau. Quan niệm này cùng với tay nghề cao của dân Ai Cập, cùng với các vật liệu xây dựng tốt, kiến cố đã góp phần tạo nên các công trình kiến trúc lăng mộ, đền dài to lớn và bền vững, không tiền khoáng hậu. Vật liệu đá ở Ai Cập có nhiều loại: đá vôi, đá minh ngọc, đá sa thạch, đá hoa cương, đá thạch anh, đá đen,... Gỗ có ít, nếu có là gỗ nhập, còn bùn, rơm, lau sậy, đất sét chỉ dùng trong kiến trúc dân gian là chính. Ngoài đá ra, trong trường hợp hàn hưu mới dùng gạch trong kiến trúc chính thống.

## 2.2. ĐẶC ĐIỂM VÀ LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC AI CẬP

Đặc điểm của kiến trúc Ai Cập là quy mô lớn, kích thước đồ sộ, phong cách bố trí tôn nghiêm chặt chẽ, nặng nề và thần bí. Kiến trúc Ai Cập chú ý sự cân bằng và ổn định, chú ý đến trực và đôi khi cũng mô phỏng thiên nhiên, đầu cột sử dụng các hình tượng hoa sen (lotus), hoa sậy (papyrus), lá chà là (palmier).

Các khu vực hai bên bờ sông Nil thiếu vật liệu gỗ tốt, người Ai Cập cổ đại phải dùng những loại lau sậy, đất sét và gạch không nung để xây nhà, phương thức kết cấu là kết hợp giữa dầm, cột và tường chịu lực. Từ thời Cổ Vương quốc, người Ai Cập đã biết nung gạch, biết xây cuốn gạch. Tuy vậy cách làm này ít phát triển vì khó tìm củi đốt, khó tìm gỗ làm cốt pha.

Vì vậy, người Ai Cập cổ đại phải tận lương sử dụng đá là nguồn tài nguyên phong phú của đất nước. Ngay từ thời điểm 4000 năm tr. CN, dinh thự và nhà ở Ai Cập đã lát nền bằng những tấm đá hoa cương được mài nhẵn bóng. Tới năm 3000 tr. CN, các nhà vua dùng đá một cách đại trà vào việc xây dựng lăng mộ cho mình. Mạch kẽ đá của những lăng mộ Ai Cập xây dựng từ thời kỳ đó, với những khối đá ngày nay còn lại, nếu chưa bị phong hóa, lưỡi dao cũng không lách vào nổi. Đền thờ của nhà vua Khephren, ở chỗ cửa vào, có một khối đá dài 5,45m, nặng 42 tấn. Thời Trung Vương quốc, công cụ sản xuất bằng đồng chưa nhiều, nhưng đã chế tác được các cột bia đá tiết diện vuông nguyên khối cao hàng chục mét, cột cao nhất tới 52m, tỷ lệ giữa chiều ngang trên bề cao là 1:10. Vào thời kỳ Tân Vương quốc, trong các đền thờ có những chiếc dầm đá dài tới 9m, còn cột đá cao tới 21m. Nghệ thuật điêu khắc đá của người Ai Cập cổ đại rất siê

viet, họ đã chạm khắc nhiều phù điêu, tượng tròn để trang trí cho kiến trúc. Những đầu cột đã được người lao động Ai Cập cổ đại chạm khắc hết sức tinh vi.

Kinh nghiệm xây dựng thủy lợi đại quy mô trên hai bờ sông Nil đã làm môn hình học và trắc đạc phát triển, làm tiền đề cho người dân Ai Cập phát minh ra máy nâng, máy vận chuyển và làm cho họ biết cách tổ chức lao động khoa học cho hàng vạn người một lúc. Về kiến trúc với mặt bằng, mặt đứng bằng thước đo, vẽ tổng bình đồ và mặt cắt công trình... đã được dùng phổ biến trong thực tế xây dựng. Tiếp đến là sử dụng các dụng cụ của rìu, búa và thước thủy chuẩn.

*Có thể tổng kết các loại hình kiến trúc chủ yếu của Ai Cập cổ đại như sau:*

- Mastaba và Kim tự tháp (Kim tự tháp có bậc và Kim tự tháp tròn).
- Lăng mộ đục trong núi đá.
- Những đền thờ Ai Cập cổ đại .
- Kiến trúc dinh thự, cung điện và nhà ở.

### 2.3. MASTABA

Người Ai Cập cổ đại có tục lè ướp xác, tạo thành các "mômi" và chôn trong những ngôi mộ đồ sộ là Mastaba và Kim tự tháp. Đó là những "ngôi nhà vĩnh cửu", ở đó, linh hồn con người (Ka) sẽ trở về làm cho thân thể (Ba) được bảo tồn mãi mãi. Ở Ai Cập đương thời, có tới một triệu xác ướp.

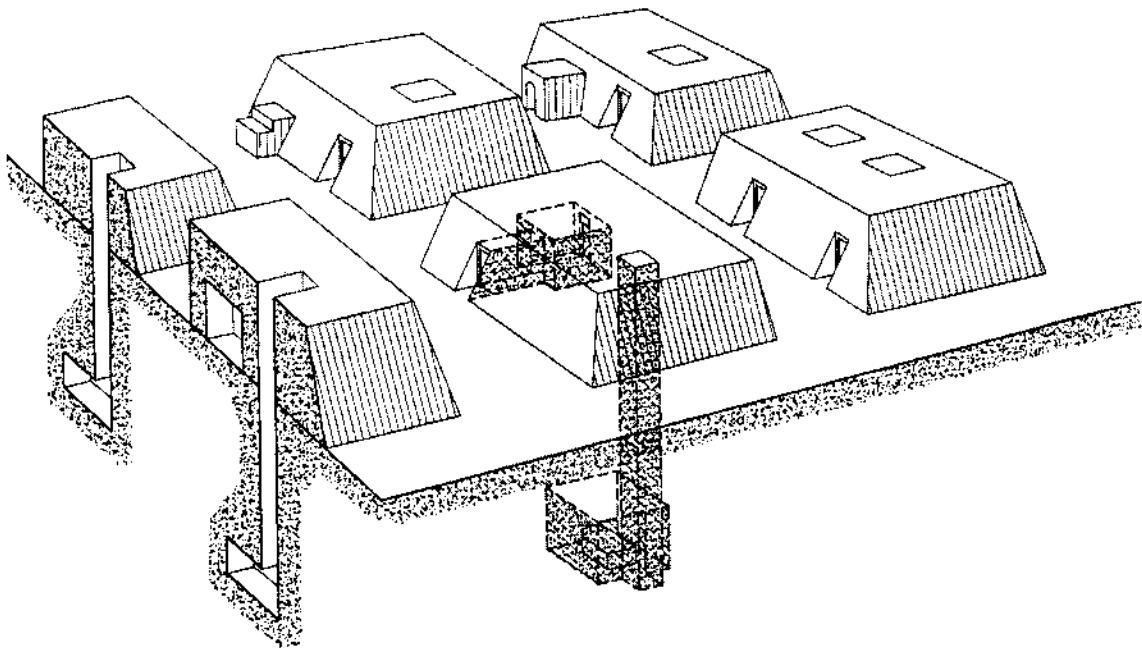
**Mastaba** là lăng mộ của tầng lớp quý tộc (trong tiếng Ả Rập, Mastaba có nghĩa là Đài, Bệ băng đá). Mastaba có tiền thân của nó là những ngôi mộ của những người giàu và có quyền thế xuất hiện từ 4000 năm tr. CN: đó là một cái bệ nổi hình chữ nhật hơi có thu phân về phía trên, xung quanh có tường bao chỉ để chừa một lối vào.

Mastaba là một khối xây bằng đá (ở giữa có đất nén), có mặt cắt hình thang, mặt bằng hình chữ nhật. Ăn sâu vào dưới khối xây này là một số phòng để tưởng niệm người chết. Từ cạnh ngắn của Mastaba đi vào có ba lớp không gian hay là ba phòng: phòng sảnh, phòng tế lễ (có đàn tế) và phòng thờ (có đặt tượng người chết).

Từ mặt trên Mastaba người ta đào một cái giếng hình tròn hoặc vuông, xuyên thẳng xuống đá ở một độ sâu đáng kể, có nơi sâu đến 30m, đáy giếng ăn thông sang một hành lang ngang và phòng mai táng (nơi để quan tài). Người chết được chôn xong, giếng được lắp kín.

Mastaba được đặt thành từng cụm, có hướng Bắc - Nam, thường cùng với các kim tự tháp, hình thành một khu vực lớn gọi là Necropole, có thể coi là "thành phố của những người chết".

Ở Ai Cập còn tìm thấy nhiều dấu vết của các khu vực có Mastaba, ví dụ khu vực lăng mộ vua chúa ở Memphis, xây dựng vào vương triều thứ 3, khoảng thế kỷ XXVIII trước Công nguyên. Sở dĩ các Mastaba có dạng khối hình thang là vì chúng mô phỏng các kiểu nhà ở gạch đá của quý tộc thời bấy giờ.



Mastaba

#### 2.4. KIM TỰ THÁP

Kim tự tháp sau này có nguồn gốc ban đầu là Mastaba. Hình thức quá độ của nó là kim tự tháp có bậc Djoser, kim tự tháp ở Meydum và kim tự tháp ở Dashur.

Với đặc thù ngoài việc dùng làm ngôi mộ ra, cũng phải xem xét đến tính kỷ niệm của kim tự tháp. Đầu tiên khi chưa có kim tự tháp, tôn giáo nguyên thủy không đáp ứng được nhu cầu tự sùng bái cá nhân của nhà vua. Cho nên vua phải tìm cho hình thức ngôi mộ của mình những nét mới mẻ, sao cho nhấn mạnh tính chất kỷ niệm, để cho đời sau nhớ mãi. Khái niệm này bắt đầu xuất hiện với ngôi mộ của nhà vua Nebetka Vương triều thứ 1 ở Sakkara thời kỳ Ai Cập cổ đại sơ kỳ: phần đế của điện tế lễ được xây cao lên như một cái đế có chín lớp gạch xây. Đến thời kỳ Cổ vương quốc, cùng với sự củng cố và cường thịnh của chế độ chuyên chế, các Pharaon càng ngày càng ý thức được cần phải tạo thêm nhiều nữa sự sùng bái hoàng đế nên đã dùng đá (loại vật liệu bền vững) vào việc xây dựng các lăng mộ. Cuối cùng, hình tượng kim tự tháp được hoàn tất.

### **Kim tự tháp có bậc**

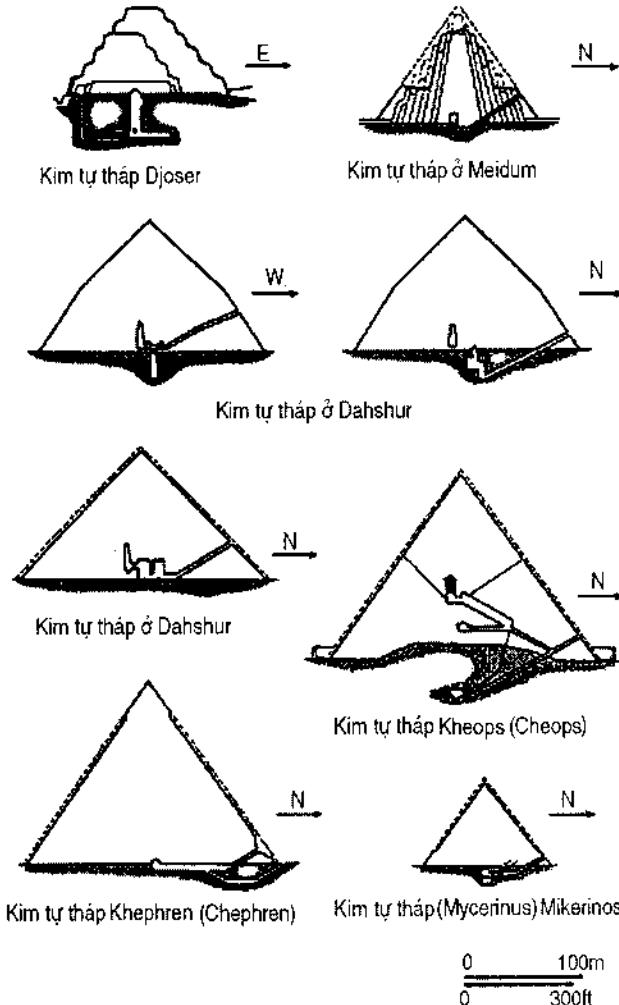
Một trong những kim tự tháp lớn xuất hiện xuất hiện đầu tiên trong lịch sử kiến trúc là kim tự tháp Djoser (Zoser). Nếu trước đây các ngôi mộ vua chỉ là "ngôi nhà" thì kim tự tháp có bậc Djoser ở Sakkara là "ngôi nhà vĩnh cửu". Kim tự tháp Djoser được xây dựng vào Vương triều thứ 3, năm 2770 tr. CN, dưới quyền chỉ huy của quan đầu triều của nhà vua, đồng thời cũng là một nhà kiến trúc lối lạc, nhà biết sử, coi trọng văn tự, trí thức, tên là Imhotep. Kim tự tháp Djoser có đáy hình chữ nhật, cạnh Đông - Tây dài 126m, cạnh Bắc - Nam dài 106m, cao 60m, có sáu bậc, các tầng thu nhỏ dần về phía trên.

Kim tự tháp Djoser đánh dấu một bước tiến vọt trong quá trình phát triển các loại hình lăng mộ của kiến trúc Ai Cập cổ đại, nếu so với ngôi mộ của Nebetka, nó khác xa ở những đổi mới sau đây:

- Đặt phòng tế lễ ở trước tòa tháp (mộ của Nebetka - phòng tế lễ đặt trên đỉnh mộ), phát triển phân bộ của mộ kiểu bậc cấp thành một hình khối có hình dáng đồ sộ và thuần túy, mang tính chất mạnh mẽ của một "cái bia kỷ niệm".

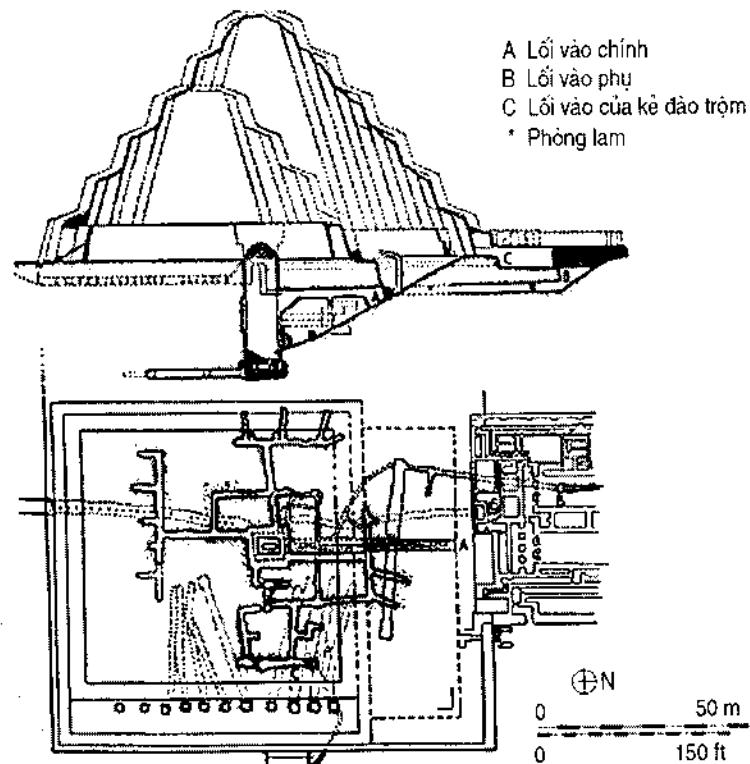
- Tòa kim tự tháp không còn mang dấu ấn của kết cấu gỗ, về mặt hình thức cũng như phong cách gần với kiểu lăng mộ của quý tộc hình chữ nhật hơn.

Nói chung kim tự tháp Djoser hình khối đơn giản, ổn định, vừa phù hợp với yêu cầu của một công trình kỷ niệm, vừa thích hợp với điều kiện thi công và xây dựng các công trình bằng đá.

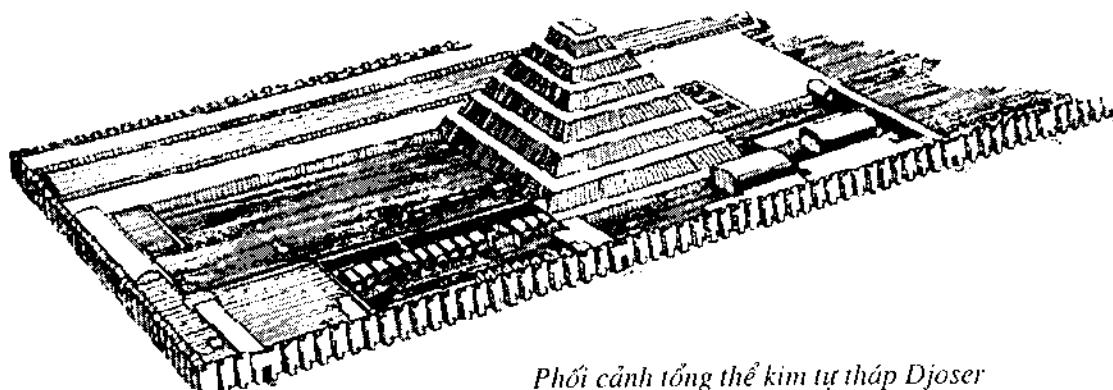


*Mặt cắt kim tự tháp Ai Cập*

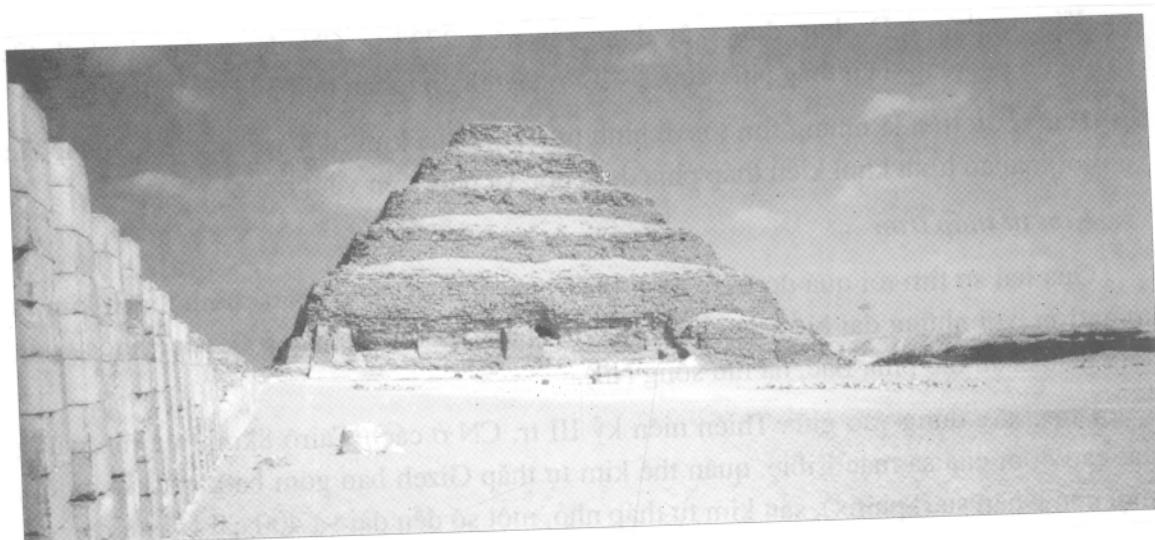
Kim tự tháp Djoser được xây dựng bằng đá vôi trắng, có hình thức rất nổi bật trên nền cát vàng. Đền thờ Djoser là một "ngôi nhà" bằng đá mà trang trí, điêu khắc còn mô phỏng rất tuyệt diệu kiến trúc gỗ và sây phổ biến khi đó. Tòa kim tự tháp với đền thờ, một số lăng mộ quý tộc được đặt trong khuôn viên lớn có kích thước hình chữ nhật  $545 \times 278\text{m}$ , có tường cao 9m vây quanh, lối vào từ phía Đông Nam. Trước khi vào sân lớn và chiêm ngưỡng được kim tự tháp, phải qua một đường hầm, tiếp đến là một lối đi. Thủ pháp này rất gây ấn tượng do hiệu quả tối sáng, tạo thành không khí thần bí.



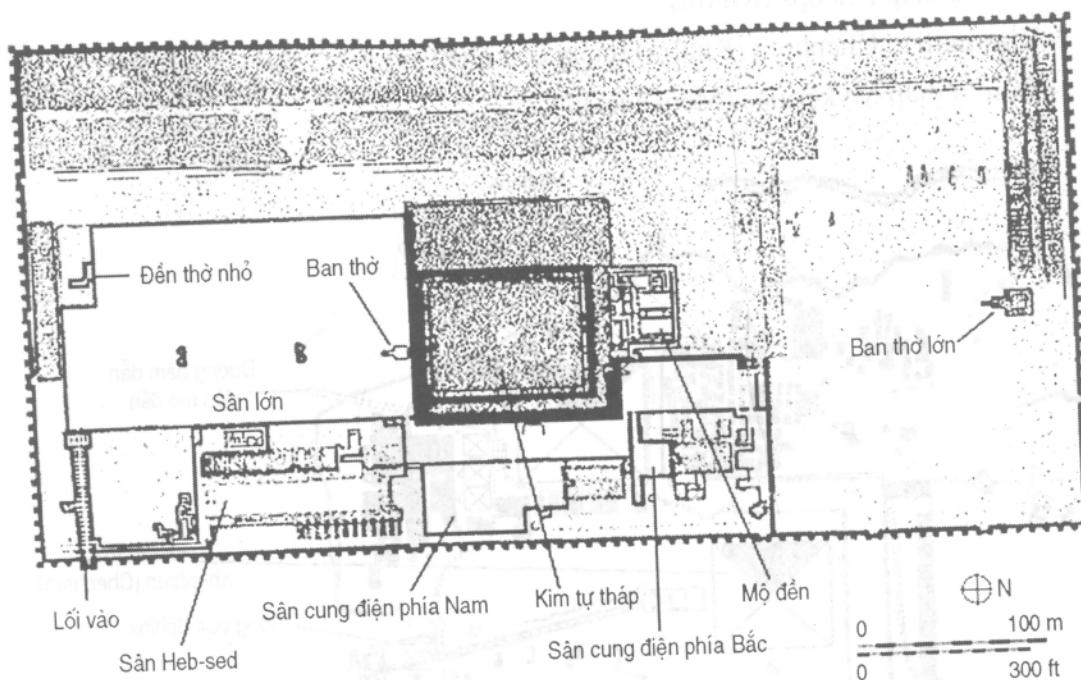
Mặt cắt và mặt bằng kim tự tháp Djoser



Phối cảnh tổng thể kim tự tháp Djoser



*Kim tự tháp Djoser*



*Tổng mặt bằng quần thể kim tự tháp Djoser*

Sau kim tự tháp Djoser, quá trình phát triển từ kim tự tháp có bậc đến kim tự tháp trơn được đánh dấu bằng hoạt động xây dựng kim tự tháp ở Meidum và kim tự tháp ở Dashur.

Kim tự tháp ở Meidum, được xây dựng vào thời kỳ cuối của vương triều thứ 3, đáy tháp hình vuông kích thước 144,5m, cao khoảng 90m, góc nghiêng của thân tháp là  $51^{\circ}$ .

Kim tự tháp ở Dashur, được xây dựng vào năm 2723 tr. CN, đáy vuông kích thước 187m, độ nghiêng thân tháp phía dưới  $54^{\circ}15'$ , độ nghiêng thân tháp phía trên là  $43^{\circ}$

Hai ví dụ trên là những tìm tòi về hình thức mới của kim tự tháp, một loại có ba bậc và một loại có hình khối kiểu tháp phia dưới dốc và phia trên vuốt nhọn.

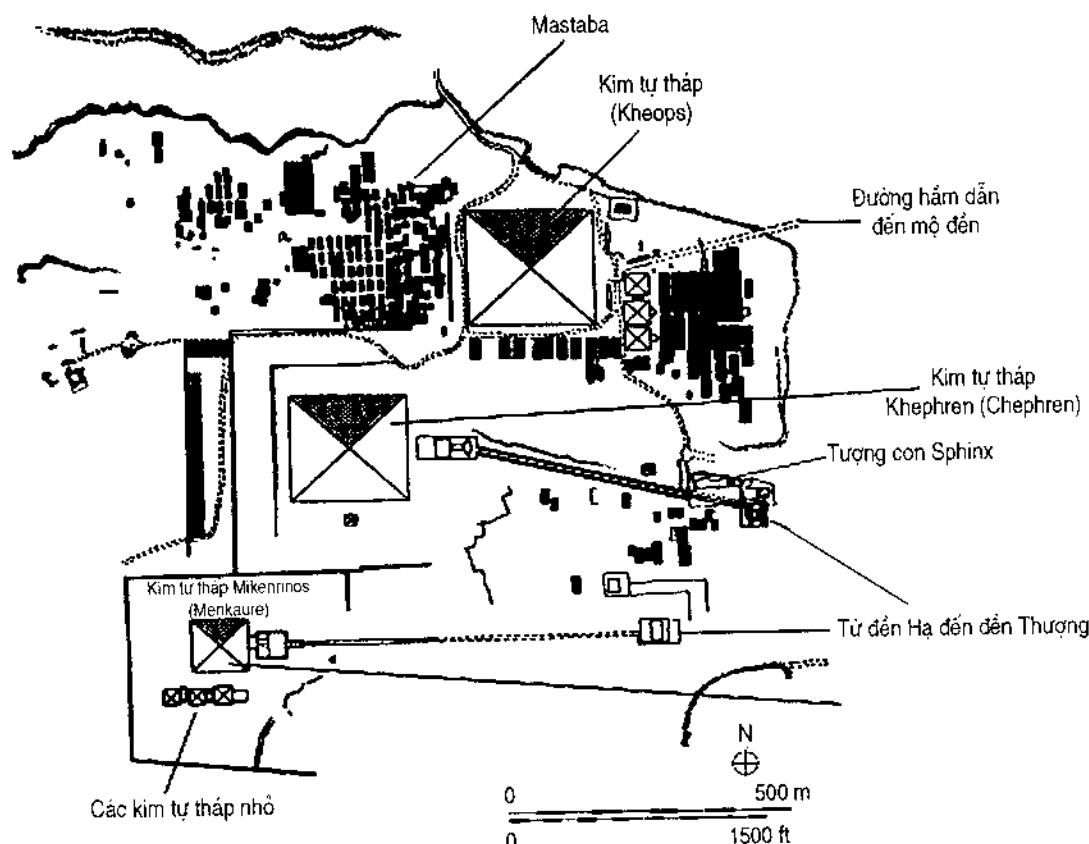
#### **Kim tự tháp tròn**

Qua hai sự tìm tòi quá độ trên, hình thức kim tự tháp được hoàn chỉnh thành kim tự tháp tròn, với những đại biểu tiêu biểu nhất là quần thể kim tự tháp ở Gizeh (thuộc vùng tam giác châu thổ phia Bắc, hạ lưu sông Nil).

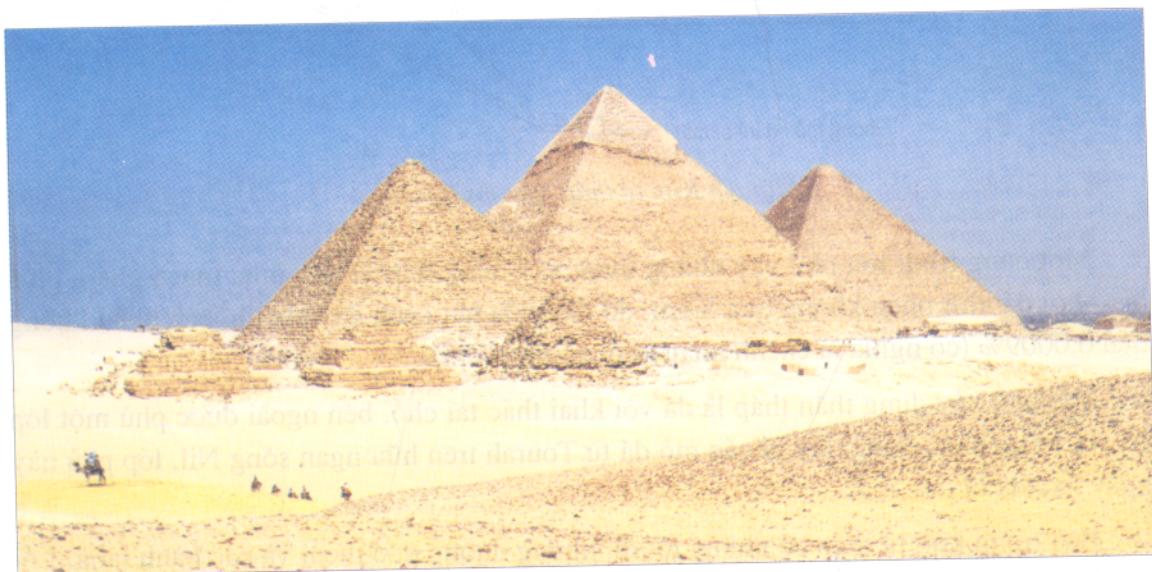
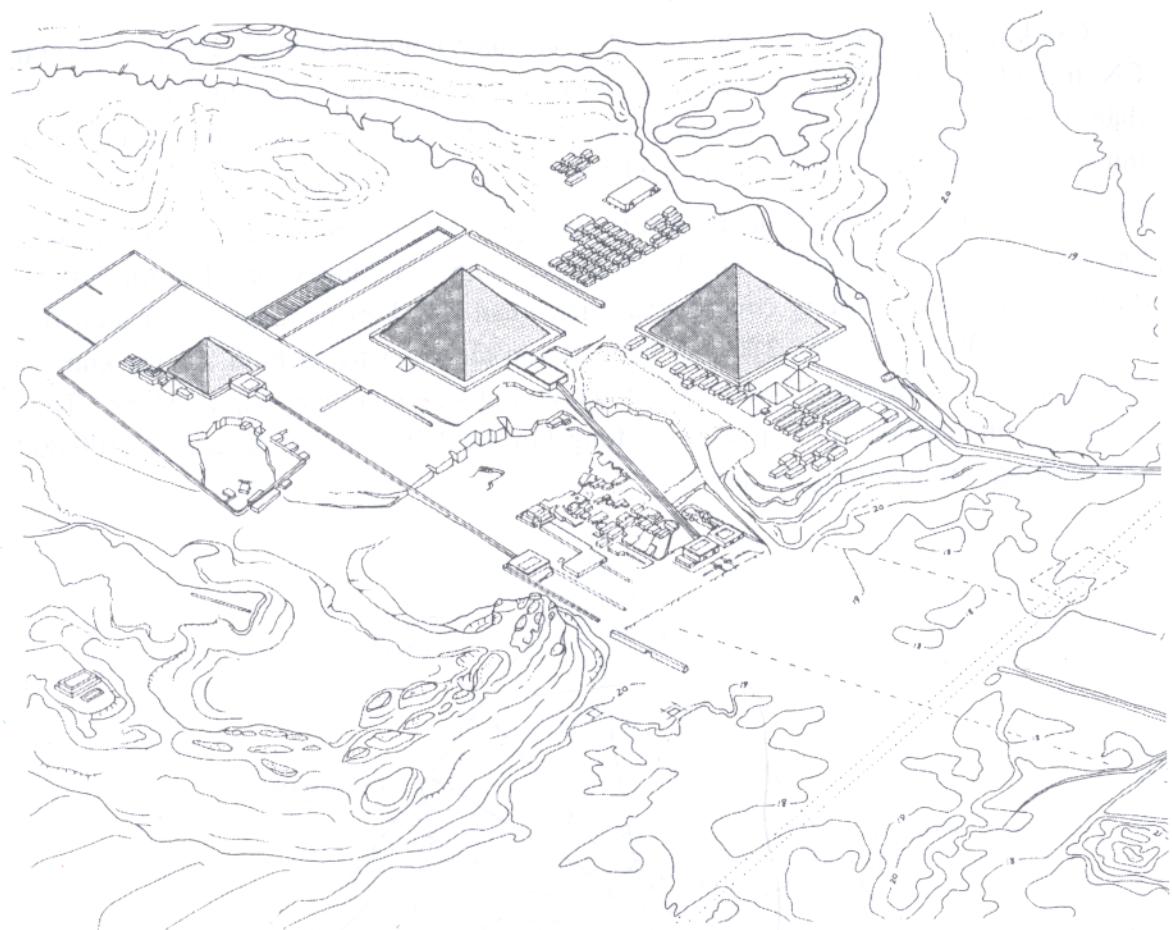
Được xây dựng vào giữa Thiên niên kỷ III tr. CN ở cách Cairo 8km, trên một vùng cát cao 40m của sa mạc Libie, quần thể kim tự tháp Gizeh bao gồm ba kim tự tháp lớn, một con Nhân sư (Sphinx), sáu kim tự tháp nhỏ, một số đền dài và 400 cái Mastaba.

Ba kim tự tháp lớn có tên là:

- Kim tự tháp Kheops (Khufu)
- Kim tự tháp Khephren (Khafra) (cùng con nhân sư)
- Kim tự tháp Mykerinos (Menkaura).



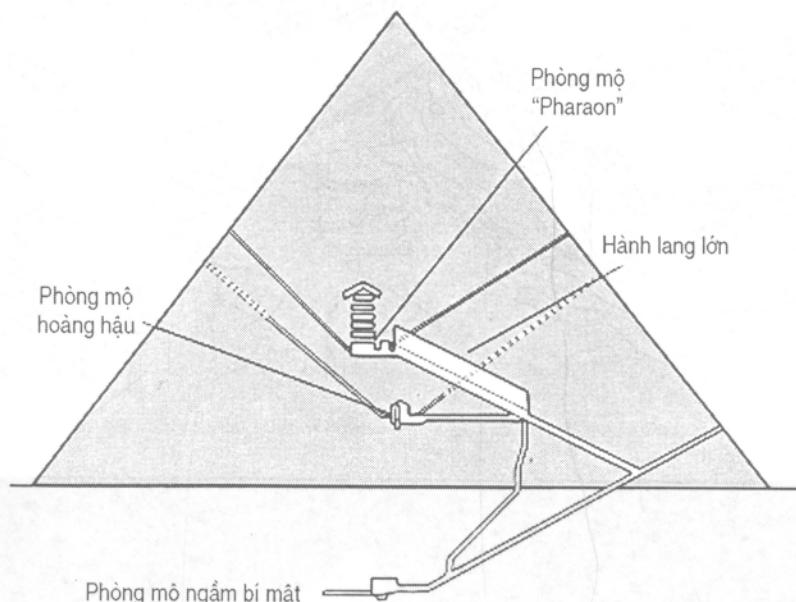
Tổng mặt bằng quần thể kim tự tháp Gizeh



Quần thể kim tự tháp Gizeh

Các kim tự tháp trên mang tên các nhà vua của Vương triều thứ 4, (thời kỳ 2600 tr. CN, trong khoảng năm 2723-2563 tr. CN), các kim tự tháp nhỏ khác được gọi là kim tự tháp vẹt tinh, là lăng mộ của các hoàng hậu cùng thời. Các kim tự tháp đều có hình thức thuần khiết cao độ, khác xa kim tự tháp Djoser.

Kim tự tháp Kheops (Cheops Khufu, còn gọi là Hufu, Skiufu,...) là kim tự tháp lớn nhất, cao 146,7m (hiện còn 137m) có các cạnh đáy hình vuông lớn tới 230,6m (hiện còn 227,5m). Những con số khác liên quan đến kim tự tháp này là diện tích chiếm đất 5,3ha, dùng đến 230 vạn khối đá lớn tải trọng trung bình 2,5 tấn/khối để xây dựng, tổng cộng nặng 7.000.000 tấn đá, độ nghiêng của thân tháp là  $51^{\circ}52'$ . Theo Hérodote, nhà sử học Hy Lạp, để xây dựng kim tự tháp Kheops, đã cần tới 100.000 thợ lao động liên tục trong 20 năm.



*Mặt cắt Kim tự tháp Kheops (Cheops)*

Một công trình lớn như vậy nhưng được xây dựng tinh vi đến mức mạch ghép giữa hai khối đá khít nhau không quá 5mm, độ dài giữa hai cạnh đáy chênh lệch nhau không quá 0,0009% (có nghĩa là chênh nhau không quá 20cm).

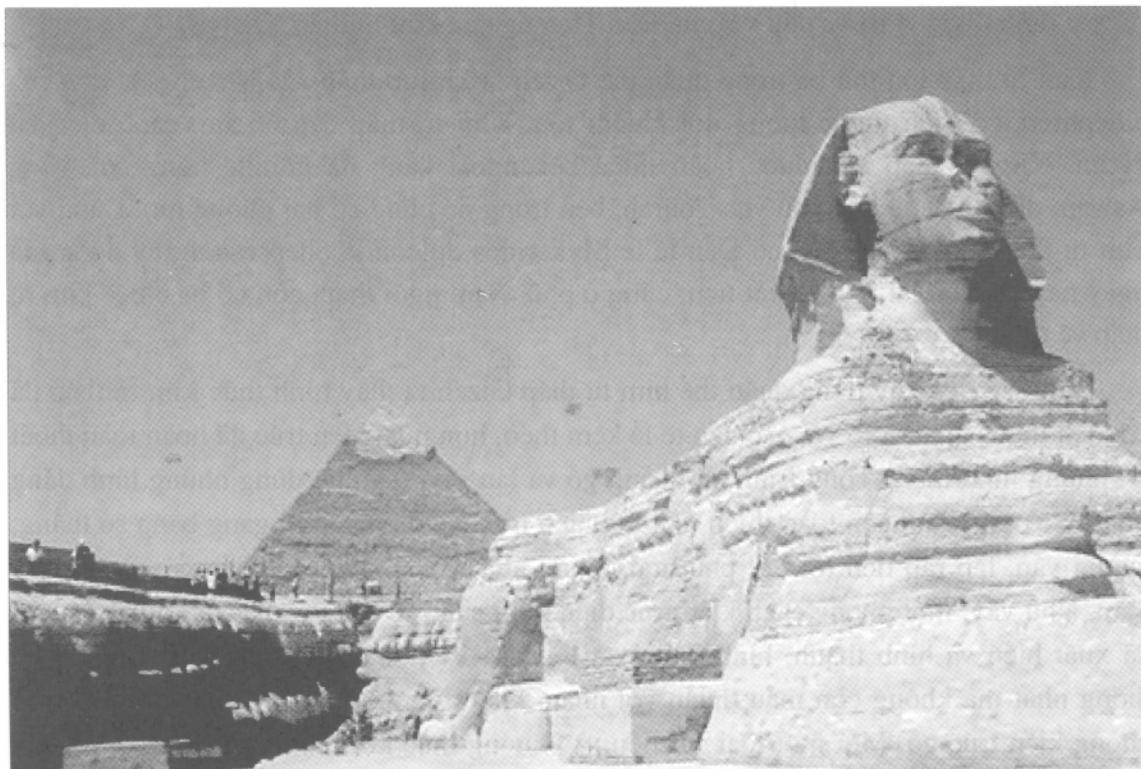
Vật liệu xây dựng thân tháp là đá vôi khai thác tại chỗ, bên ngoài được phủ một lớp đá vôi trắng nhẵn bóng, lấy từ các mỏ đá từ Tourah trên hố ngạn sông Nil, lớp phủ này ngày nay đã bị tróc mất.

Bên trong kim tự tháp có những lối đi, những đường dốc thoai và các hành lang. Lối vào kim tự tháp từ phía Bắc, ở vị trí cao cách mặt đất 17m, thông qua một lối vào hẹp có thể liên hệ với các hành lang để đến ba phòng mộ phân biệt ở các vị trí trên cao, giữa và dưới thấp.

Phòng mộ cao nhất là phòng mộ Pharaon Kheops, phòng mộ giữa là phòng mộ hoàng hậu, lối nghiêng lên từ cốt cao độ phòng hoàng hậu đến phòng mộ Pharaon rộng 2,1m, cao 8,5m được gọi là "hành lang lớn". Phòng mộ vua cao 42,28m so với mặt đất, kích thước mặt bằng  $5,2 \times 10,43$ m, cao 5,81m, chưa kể tầng đá cấu trúc bên trên, ở giữa đặt một cái quan tài bằng đá. Từ phòng mộ vua có hai đường ống nối với bên ngoài (hai kẽm thông gió chéo lên) kích thước tiết diện  $20,3 \times 15,2$ cm. Mộ hoàng hậu có kích thước mặt bằng  $5,18 \times 5,71$ m, chỗ cao nhất 6,17m và ở độ cao 22m so với mặt đất. Nếu tiếp tục hành lang nghiêng xuống ban đầu đi mãi, sẽ đến phòng mộ thứ ba nằm sâu dưới đất, là nơi chôn vật tùy táng.

Kim tự tháp của Pharaon Khephren (Chephren, Khafra) có tượng đầu người mình thú (con Sphinx) đặt bên cạnh, có vị trí đặt hơi lùi về phía sau so với kim tự tháp Kheops và có chiều cao hơi thấp hơn - bằng 136,4m, cạnh đáy bằng 216m. Kim tự tháp Khephren trên phia đỉnh ngày nay còn giữ lại được một phần lớp đá phủ. Trong kim tự tháp Khephren có hai phòng mộ: một phòng ở chính tâm công trình (có quan tài bằng đá granite hồng) và một phòng ở dưới đất.

Tượng đầu người mình thú (con Sphinx) là một tác phẩm điêu khắc - kiến trúc hết sức đáng chú ý: cao 20m, dài 46m, những nghiên cứu gần đây nhất cho rằng khuôn mặt người của pho tượng chính là hình ảnh vĩnh cửu hóa của khuôn mặt của nhà vua Khephren.



Con Sphinx

Ngoài con Sphinx, phía trước kim tự tháp Khephren, từ hướng Đông sang hướng Tây, có hai ngôi đền lớn, là Đền Hạ, đặt trong thung lũng gần với sông Nil, và Đền Thượng, đặt gần với kim tự tháp.

Như vậy vương quốc của người chết không chỉ hạn chế trong ngôi mộ vĩnh viễn của các Pharaon là các kim tự tháp mà đã bắt đầu từ ngay bên bờ tả ngạn của sông Nil với một hệ thống đền dài, hành lang đi lại, dùng cho việc tế lễ, ướp xác trước khi đưa đến phòng mộ chính trong tháp. Trình tự nghi lễ bắt đầu từ đoạn đường sông Nil đến Đền Hạ, đó là một đoạn kênh ngắn; sau khi ướp xác xong ở Đền Hạ, người ta đưa tiếp nó đến Đền Thượng bằng một đoạn hành lang ngắn.

Đền Thượng có quy mô lớn, nhiều phòng, có sân trong và những hàng cột thúc. Sự chuyển đổi từ không gian kín của hành lang ngầm sang không gian hở của Đền Thượng là một quá trình tổ chức không gian có suy tính. Ra đến đây, mắt người vừa bị choáng ngợp bởi ánh sáng của sân trong làm cho chưa kịp định thần thì đã vấp phải bức tượng Pharaon uy nghi đặt ngay trước mặt, rồi cả khối lớn của kim tự tháp chót vót chùm lắp hết cả trường nhìn, che kín cả một khoảng trời lớn. Tất cả đều như đã được chương trình hóa.

Đền Thượng của kim tự tháp Khephren cho đến hiện nay vẫn được bảo quản tốt, Đền Hạ không còn nguyên vẹn vì thường bị lũ lụt của sông Nil. Gần đây người ta cũng đã xác định được vị trí và dấu vết của Đền Thượng của kim tự tháp Kheops.

Kim tự tháp lớn thứ ba trong quần thể Gizeh là kim tự tháp của Mikerinos, con của Khephren, có kích thước tương đối khiêm tốn. Kim tự tháp cao 66,5m, cạnh đáy dài 109m. Kim tự tháp này được hoàn thiện bên ngoài bằng đá granite hồng của vùng Aswan, đá vôi trắng của khu vực Tourah, bên trong nó cũng có hai phòng mộ. Cùng với kim tự tháp Mykerinos còn có Đền tế lễ Mykerinos do con là Shepseskaf xây dựng mà ngày nay chỉ còn lại một số vết tích; cũng ở phía Nam ngôi tháp, còn có ba chiếc kim tự tháp vệ tinh.

Nhìn lại việc xây dựng quần thể kim tự tháp Gizeh ta thấy hình thức kim tự tháp đã có kích thước áp đảo so với các đền tế lễ kèm theo, hơn nữa, kiến trúc đã hoàn toàn thoát ly, những hình tượng công trình làm bằng gỗ và lau sậy, toàn bộ dùng những hình dáng hình học đơn giản hoàn toàn thích ứng với kiến trúc đá, đường nét ngang bằng sổ thẳng, vuông vắn, lắp ráp tiện lợi, rất phù hợp, thống nhất với phong cách cần có của kim tự tháp. Như vậy, một phong cách kiến trúc điển hình của các công trình kiến trúc kỷ niệm đã xuất hiện và hình thành, hình thức, vật liệu, và kỹ thuật xây dựng kiến trúc đá đã thống nhất mà không còn mâu thuẫn với nhau, kiến trúc đá cuối cùng đã rời bỏ sự mô phỏng kiến trúc gỗ. Mỗi một loại vật liệu và phương thức kết cấu tương ứng với nó đều có tiềm lực rất lớn về mặt tạo hình, nhưng không nghi ngờ gì nữa, đó là loại hình đương thời, rất thích hợp với kiến trúc các công trình kỷ niệm. Sức biểu hiện nghệ thuật của các

kim tự tháp, với hình dáng hình học của nó, với vật liệu mà nó sử dụng, chủ yếu đạt được do hình tượng bên ngoài. Nếu không có những yếu tố trên, các kim tự tháp không thể trụ nổi với sa mạc mênh mông. Ý tưởng tạo thành hình tượng kim tự tháp cao lớn ổn định, vững chắc, thuần khiết ở Ai Cập cổ đại không tách khỏi những đặc điểm xã hội, đó là đa thần giáo, báu vật giáo, sự sùng bái nhà vua; về mặt tự nhiên, đó là sông dài, núi cao, sa mạc rộng lớn... kiến trúc phát triển không tách khỏi hai yếu tố này.

Con người Ai Cập cổ đại đã biết dùng toán học, ứng dụng hình học và số học vào trong kiến trúc. Hiện nay con người hiện đại cho rằng, về phương pháp thi công kim tự tháp người Ai Cập cổ đại có thể đã dùng các phương pháp sau:

- Đắp những nền dốc nghiêng (xây cao đến đâu, đắp cao đến đó) tiếp đến là kéo trượt những tảng đá lên cao đến cao trình xây dựng.
- Dùng các giá gỗ để vận chuyển đá, đầu tiên dùng một hệ đòn bẩy để trực đá đặt lên giá gỗ, sau đó lát ván gỗ nghiêng theo mặt nghiêng của kim tự tháp, dùng nhân công đứng phía trên kéo giá gỗ trên đặt các khối đá lên cao trình thi công (các giá đỡ có thành tựa để cố định khối đá).

Phương pháp sau có xuất xứ từ cách lấy nước sông Nil lên bờ của người Ai Cập cổ đại. Theo công trình sư người Đức L.Kroll thì để xây dựng một kim tự tháp lớn, một lúc cần đến 3500 cái giá gỗ như vậy.

Một số nghiên cứu cũng lại cho rằng hình thức giá gỗ vận chuyển đá được làm bằng hai tấm gỗ gần giống nhau hình trăng khuyết đặt song song với nhau và được liên kết bằng các thanh gỗ; người ta đặt đá lên giá và nó sẽ chuyển động như một con lắc nhờ một đòn bẩy.

Những bức tranh tường trong mộ táng thời kỳ Vương triều thứ 17 (vào khoảng 1450 tr. CN, đã vẽ cảnh dùng nền đất đắp nghiêng để đưa các cột đá lên xây dựng các đền dài. Dấu vết các nền đắp nghiêng - theo các nhà Ai Cập học người Mỹ - cũng đã được tìm thấy ở Meydum, Gizeh và List.

Kim tự tháp, nói theo quan điểm hiện đại, còn là phương tiện để thông tin khoa học. Đó là những hàng chữ và những hình vẽ ở lớp đá phủ ngoài của kim tự tháp, nhưng ngày nay đa phần đã bị mai một. Những bài viết, những áng văn của Herodotc, của Achile nghiên cứu kim tự tháp, đã dẫn ra những khái niệm toán học, địa lý và thiên văn liên quan đến việc xây dựng và tồn tại của các ngôi kim tự tháp.

Những kim tự tháp của các giai đoạn sau của văn minh Ai Cập thường có kích thước bé hơn nhiều, ví dụ như kim tự tháp của nhà vua Pepi II.

Ý nghĩa của các hình tượng kim tự tháptron có thể là để biểu hiện sức mạnh, quyền lực, cũng có thể là một biểu tượng của Mặt Trời, giống như một chùm tia ánh sáng mặt trời.

Hình thức lăng mộ kiểu kim tự tháp về sau này, còn được tiếp tục sử dụng ở Vương triều thứ 25 ở Ethiopie (750-650 tr. CN) hay ở những người Soudan sau đó (thế kỷ IV sau CN).

Trong thế giới hiện đại, thế kỷ XX, việc hồi sinh của hình thức kim tự tháp trong kiến trúc - tất nhiên là với những hình thức vật liệu, kết cấu và công năng mới - đã được đẩy mạnh, điều đó cho thấy giá trị vĩnh cửu của những hình tượng kiểu kim tự tháp.

## 2.5. NHỮNG LĂNG MỘ XÂY DỰNG TRONG NÚI ĐÁ

Những lăng mộ xây dựng trong núi đá (Hypogée) được hiểu là những lăng mộ đục ngầm trong đá hay những lăng mộ một phần xây dựng ngoài trời và một phần đục ngầm trong đá.

Lăng mộ xây dựng ngầm trong đá là sản phẩm tiếp theo của lăng mộ kiểu kim tự tháp.

Vào thời kỳ Trung Vương quốc, thủ đô rời lên Thebes thuộc miền Ai Cập Thượng, ở đây núi cao và thung lũng, địa hình hiểm trở, diện tích đất bằng phẳng ít. Vì vậy xây dựng những kim tự tháp không còn thích hợp, cần phải có những ý tưởng mới cho loại công trình lăng mộ.

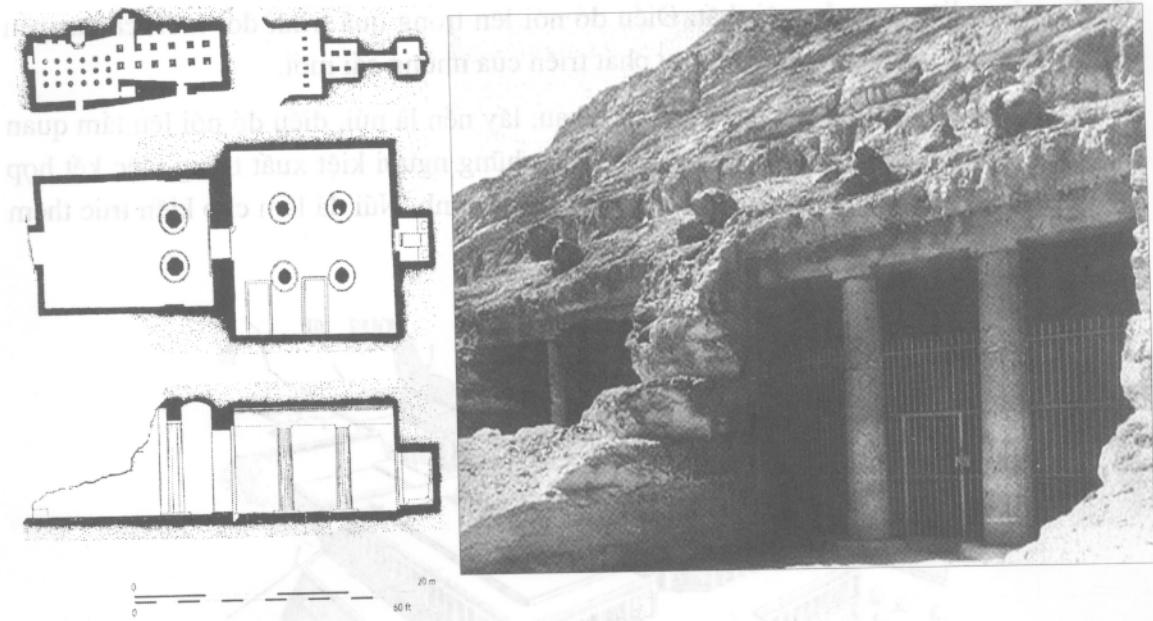
Các Pharaon thời kỳ này, theo tập quán của các quý tộc Thebes, đã thực hiện các ngôi mộ của mình trên núi cao trong các hang động hoặc đục sâu vào trong đá. Điều đó cũng phù hợp với việc thờ thần Núi trong Báu vật giáo nguyên thủy, các nhà vua đã lợi dụng hình tượng núi đá cao để thần thánh hóa vai trò của mình.

Hình thức lăng mộ xây dựng ngầm trong núi đá đầu tiên là lăng mộ của nhà vua Beni-Hassan và những lăng mộ của những người thuộc Vương triều thứ 11 và 12, có niên đại từ năm 2130-1785 tr. CN. Bên cạnh những lăng mộ của Beni-Hassan đục ngầm trong đá, còn có 39 lăng mộ khác, có hình thức mặt bằng đều giống kiểu Mastaba.

Lăng Beni-Hassan đặt trong một khu vực núi đá cao, phần lối vào có hai cột giữa, tạo thành ba cửa vào, tiếp đến là một vách đá có trổ cửa đi, bên trong là một động đá lớn hình vuông, có 4 cột đỡ ở giữa, đáy trong cùng đặt điện thờ.

Lúc đó kỹ thuật kết cấu đã tiến bộ thêm một bước: dùng lết cầu dầm cột để tạo thành những không gian nội thất rộng rãi và vai trò của những không gian bên trong của các công trình kỷ niệm đã được khẳng định.

Sau lăng mộ Beni-Hassan, các lăng mộ xây dựng trong núi có một chuỗi trình tự các không gian ngày một phức tạp hơn: chúng bao gồm một đền thờ nửa lộ thiên, một hành lang dài đục trong đá, tiếp đến là một loạt các phòng và các sảnh đục ngầm trong đá.



Lăng mộ Beni-Hassan

Với bố cục như vậy, các đèn thờ trở thành chủ thể của kiến trúc lăng mộ, có quy mô lớn, xây dựng phía trước vách núi, chỗ để mai táng trong cùng, sâu vào trong núi. Như vậy toàn bộ ngọn núi đá được kết hợp một cách khéo léo vào trong tổng thể kiến trúc lăng mộ, đóng vai trò như một kim tự tháp trước đây.

Tòa lăng mộ xây dựng trong đá nổi tiếng nhất trong lịch sử kiến trúc là lăng của Mentu - Hotep III ở Deir-el-Bahari, nhà vua của Vương triều thứ 11, có niên đại khoảng năm 2065 tr. CN.

Với tòa lăng Mentu-Hotep III, một chế định về lăng mộ đã ra đời. Bằng cách triệt để khai thác cả khu đất bằng phẳng trước lấp ngọn núi đá phía sau, bằng một loạt các không gian kế tiếp nhau và được bố cục bởi một trình tự chặt chẽ, một quan niệm mới về kiến trúc lăng mộ đã được xác lập.

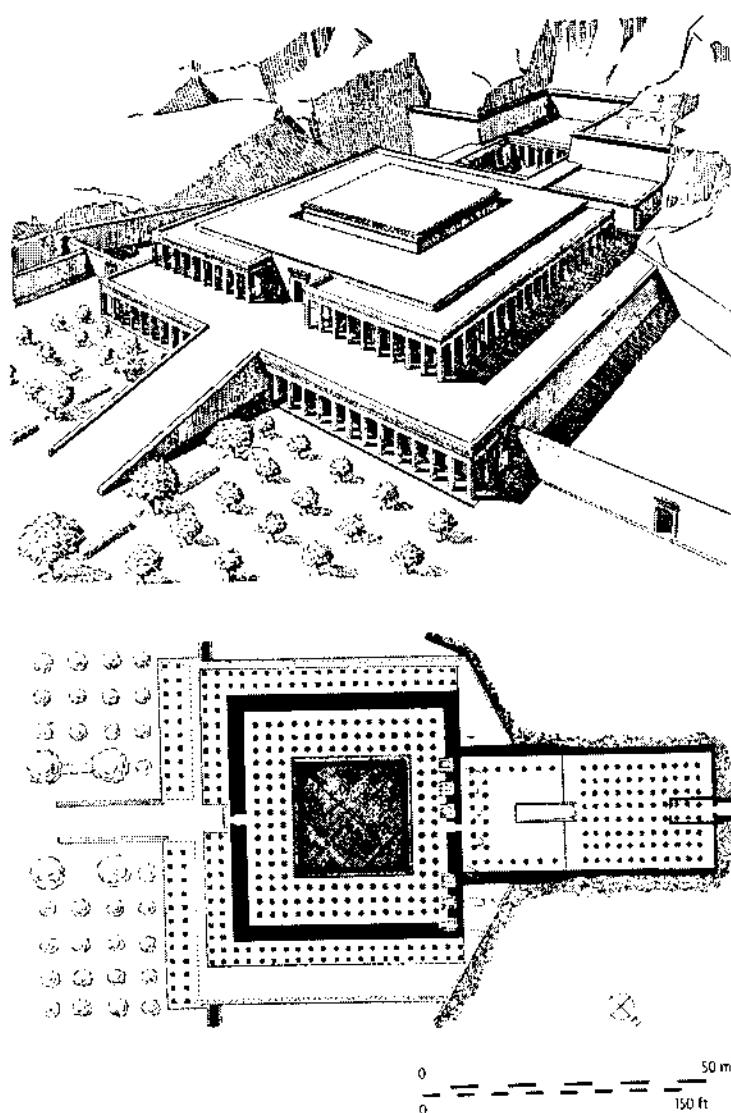
Bắt đầu qua cửa lớn của khu lăng mộ là một con đường lát đá, hai bên đặt các tượng đầu người mồ hôi sứ tử, dài độ 1200m; tiếp theo là một quảng trường lớn, ở giữa có một con đường, hai bên đặt nhiều tượng của nhà vua và một đường dốc dẫn lên một bản phẳng, tiếp nữa là một bản phẳng thứ 2 có diện tích thu vào, hình bậc cấp, ở phần xung quanh đều có các hành lang cột, ở phần giữa có một kim tự tháp có độ dài lớn vừa phải.

Sau đó lại là một sân lớn có hành lang cột bao quanh, rồi đến một đại sảnh có 80 cột đỡ, cuối cùng là phòng thờ ăn sâu vào trong đá.

Với kiến trúc tòa lăng Mentu - Hotep III, vai trò của không gian nội thất đã sánh ngang với vai trò của kiến trúc ngoại thất. Tòa lăng còn giữ lại hình ảnh của ngôi kim tự tháp của những đời vua trước, trong nội thất đền thờ, cấu trúc của ngôi kim tự tháp này

đã cản trở sự liên tục của nội thất. Điều đó nói lên trong quá trình đổi mới, các truyền thống cũ có lúc là chướng ngại cho sự phát triển của những cái mới.

Kiến trúc đã kết hợp với ngọn núi phía sau, lấy nền là núi, điều đó nói lên tầm quan trọng của thiên nhiên. Người Ai Cập cổ đại là những người kiệt xuất trong việc kết hợp thiên nhiên vào trong tinh ý sáng tác và bố cục của mình. Núi đá làm cho kiến trúc thêm hùng vĩ.

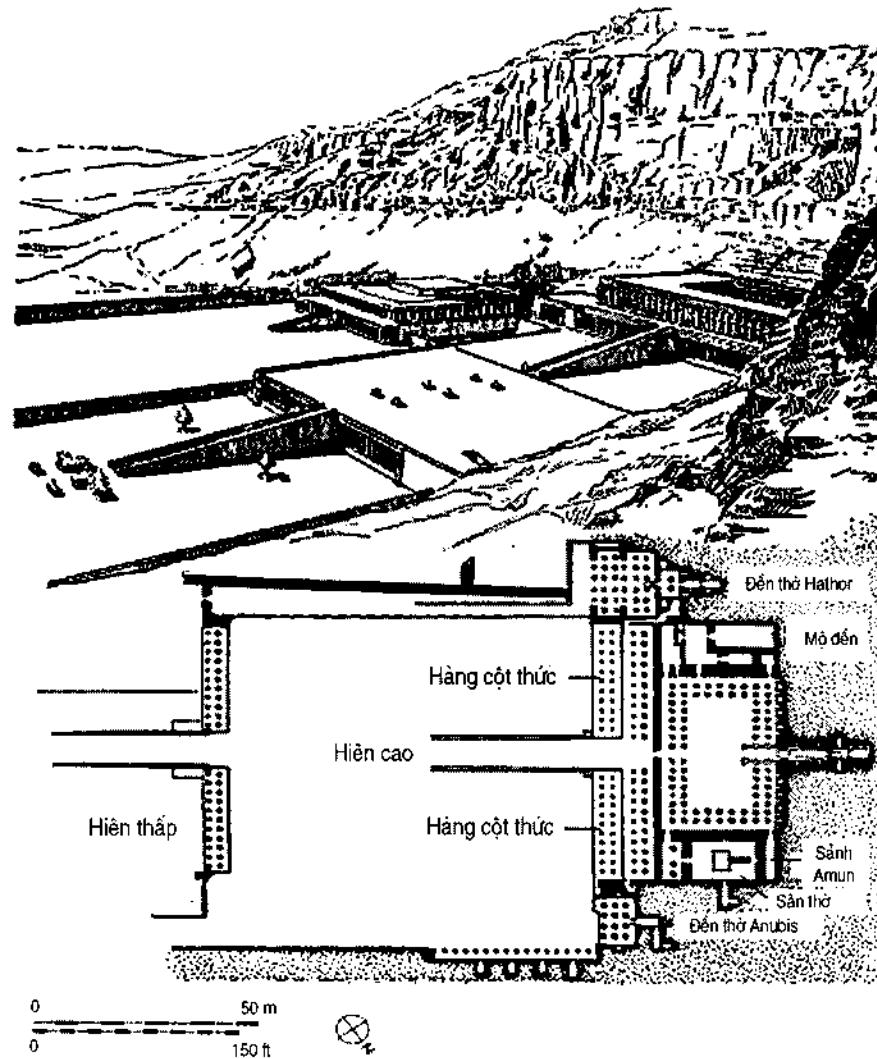


Lăng mộ của Menty-Hotep III

Bản thân kiến trúc hình dốc bậc với các hành lang cột, đã tạo thành ánh sáng, bóng đổ và bóng bản thân, tạo thành những phần đặc và những phần rỗng, có tác dụng thẩm mỹ rất lớn do sự tương phản gây nên. Nguồn gốc của thủ pháp dùng hành lang cột trong kiến trúc lăng mộ thời kỳ này có một phần xuất xứ từ ảnh hưởng văn hóa của vùng biển

Égée thuộc Địa Trung Hải, một phần khác xuất xứ từ địa vị và đời sống được nâng cao hơn của tầng lớp thương nhân và thủ công nghiệp Ai Cập (kiến trúc nhà ở tư nhân của họ cởi mở và hoa lệ hơn, đó là điều mà tầng lớp thống trị cũng mong muốn). Và như vậy, các hành lang cột được chế tác công phu và tinh xảo được đưa vào lãnh vực kiến trúc chính thống.

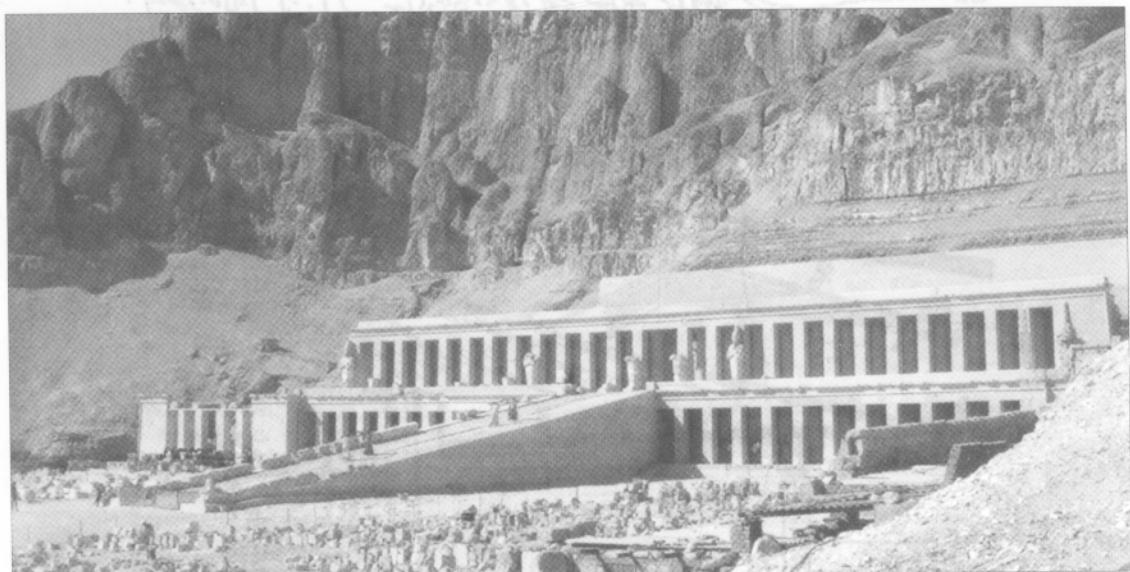
Lăng mộ Mentu-Hotep III còn mang những đặc điểm khác đáng chú ý như: nhấn mạnh trực, nhấn mạnh sự đối xứng, dùng sân trong, dùng điêu khắc và dùng các đại sảnh... Điều đó cũng có lợi và phù hợp với nhu cầu tăng vẻ trang nghiêm và hoành tráng của kiến trúc, rất cần thiết cho việc đáp ứng những nghi lễ ngày càng phức tạp trong việc cúng bái, tôn thờ vua chúa. Nằm sát với lăng mộ Mentu-Hotep III, về phía Đông Bắc có lăng mộ nữ hoàng Hatshepsut (xây dựng vào khoảng 1525-1503 tr. CN), cũng là một khu vực lăng rất đáng chú ý.



Lăng mộ của Mentu-Hotep III và nữ hoàng Hatshepsut

Lăng mộ nữ hoàng Hatshepsut, Vương triều thứ 18, là một tổng thể kiến trúc biết khai thác và lợi dụng địa hình một cách khéo léo, dùng nhiều bản phẳng, nhiều bậc cấp, nhiều đường dốc thoải, nhiều hành lang cột đá và đại sảnh. Cạnh tòa lăng này còn có lăng mộ và đền thờ của một nhà vua khác. Mộ của Hatshepsut về mặt ý tưởng và phong cách, nhìn chung cũng nhất trí với lăng mộ của Mentu-Hotep III nhưng quy mô lớn hơn, kết hợp với tòa núi đá chặt chẽ hơn, và điều khác biệt là không có tòa kim tự tháp. Kiến trúc sư Senmut, người thiết kế tòa lăng này đã nói "kim tự tháp đã lỗi thời". Bỏ kim tự tháp khỏi bố cục, nội thất rộng lớn, tính chất trực của công trình được nhấn mạnh hơn.

Tỷ lệ của hành lang cột ở đây hài hòa. Chiều cao cột lớn hơn năm lần đường kính cột, khoảng cách thông thủy giữa hai cột lớn hơn hai lần đường kính cột, tạo nên một không khí trang nghiêm. Vẻ hoa lệ ngoài do các cột tròn tạo nên, còn do nhiều phù điêu và tranh tường, với các màu sắc tươi tắn tạo nên. Hành lang ngoài của bản phẳng thứ hai, các cột có tiết diện vuông, trên mỗi mặt cột phía bên ngoài đều có khắc tượng đứng của nữ hoàng, mặc quần áo của thần Orisis, là loại thước cột đặc biệt, chỉ có đền tế nhà vua mới có.



Lăng mộ của nữ hoàng Hatshepsut

## 2.6. NHỮNG ĐỀN THỜ AI CẬP CỔ ĐẠI

Những đền thờ Ai Cập cổ đại dùng để thờ thần Mặt Trời. Thờ Thần Mặt trời (thần Amon) cũng chính là thờ vua, vì vua Ai Cập cổ đại chính là hóa thân của thần Mặt trời. Do sự phát triển vững vàng lên của chế độ nô lệ và do sự giải thể thêm một bước của các công xã thị tộc, chế độ chuyên chế của nhà vua ngày càng mạnh hơn, bắt đầu từ thời kỳ Trung Vương Quốc, tục lệ thờ thần Mặt Trời bắt đầu được hình thành và

thần Mặt trời chiếm địa vị thống trị so với các thần khác. Đến thời kỳ Tân Vương quốc, tôn giáo này phát triển hết sức mạnh mẽ, hoàng đế được kết hợp với Mặt trời làm một và những quy tắc về thờ thần Mặt trời là một hệ thống những quy ước phức tạp và hoàn chỉnh.

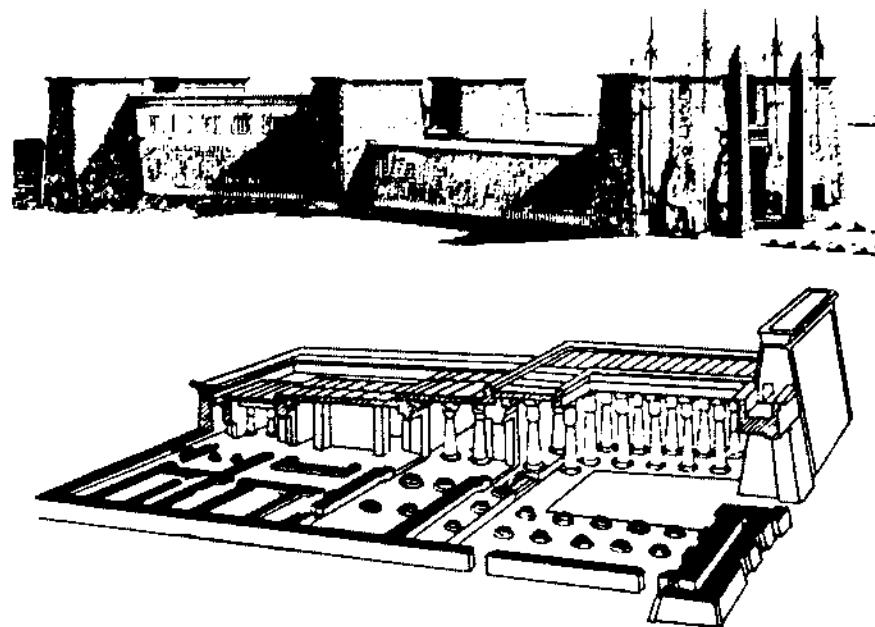
Như vậy các chế định về đền thờ bắt đầu được định hình từ thời kỳ Trung Vương quốc, lúc đầu là những đền miếu tế lễ của quý tộc trong vùng đặt ở phần trung tâm của những dinh thự để ở của quý tộc, đặt trên một trục dọc làm chuẩn, người ta lần lượt sắp đặt các thành phần sau đây: cửa lớn, sân trong có hàng cột thúc bao quanh, đại điện và một số phòng mật thất. Sau đó khi xuất hiện đền thờ thần Mặt trời ở Thebes, đền thờ đã lấy bối cục nối trên vào trong thiết kế và xây dựng đền, ở phía trước có thêm một đền hai cặp bia tháp vuông nhọn (hình thức như cột ghi công Obelisk) nhưng thật ra loại cột vuông có chiều cao lớn này là tượng trưng cho thần Mặt trời và cũng là tượng trưng cho xu hướng muốn vươn lên trời cao của người Ai Cập cổ đại. Đó là một khối đá nguyên khối, tiết diện vuông, càng lên trên càng nhỏ dần, vát nhọn ở đỉnh.

Đền thờ thần Ai Cập cổ đại có hai điểm chốt (hai trọng điểm) nghệ thuật kiến trúc. Một là cái cửa lớn, các nghi thức tôn giáo mang tính quần chúng được cử hành ở phần phía trước cửa này, cho nên cửa phải đường bộ, lôi cuốn, phù hợp với kích tính của nghi lễ. Hai là khu vực nội bộ của đại điện, ở đây nhà vua tiếp nhận sự sùng bái của một số ít người, nên không gian phải u uẩn đầy vẻ áp chế như vậy mới đáp ứng được tính chất thần bí của nghi thức.

Hình thức cửa này được tạo thành bởi hai bức tường đá hình thang hai bên, có kích thước lớn, đặt ở giữa là một cổng vào có diềm mái cao.

Phía trước đền, giữa cổng và các tháp bia, là một cặp tượng điêu khắc hình nhà vua ngồi. Mỗi quan hệ giữa cổng vào hình thang (Pylon), tượng nhà vua và tháp bia được xử lý khéo léo, tạo thành một bối cục vừa tương phản, vừa thống nhất, hài hòa, trong đó vừa nhấn mạnh sự rõ nét của các đơn thể, lại vừa đọc rõ được vai trò chủ đạo của tháp môn. Mẫu sắc của tháp môn, tháp bia rực rỡ, chạm khắc nhiều phù điêu và văn tự, cùng với các cột cờ trên cẩm cờ xí tung bay trước gió... đã góp phần rất lớn vào việc tạo nên một không khí lê hội sôi nổi, nhằm ca tụng vai trò "ân chủ của muôn loài" của nhà vua.

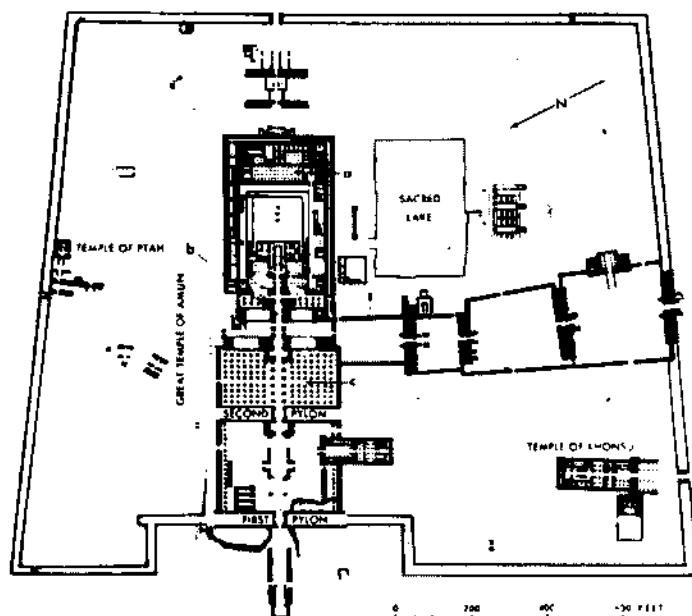
Trong đại điện là một mạng lưới dày đặc các cột đá, vừa to, vừa cao che khuất tầm nhìn của con người, sau những cái cột hình như có những hệ thống không gian khác đang sắp triển khai và ập tới. Ở giữa của đại điện có sảnh cột (hypostyle) được tạo thành bởi những cây cột cao vươn lên (khu vực này gồm hai hàng cột lớn và cao, tạo thành một không gian lớn có ba bước, hai hàng cột biên thấp và bé hơn, nhưng trên nó có cửa sổ bằng đá lấy ánh sáng từ hai bên vào). Đầu cột lõe ra đỡ toàn bộ phần trần, phía trên trang trí hình các chim ưng bay lượn, cùng với trời xanh và tinh tú.



*Hình thức đặc trưng chung của Đền thờ Ai Cập*

Một hình thức đền thờ thần Mặt trời như trên được gọi là một "hình thức cổ điển" với những chế định quy tắc thành văn và được áp dụng phổ biến. Đôi khi một "đền dài cổ điển" khi xây dựng trên một khu vực thánh địa còn được bao quanh bởi một bức tường thành, ở đây có trổ một cửa gọi là tiền tháp môn (propylon), sau đó là một con đường lớn lát đá, rộng 35m, dài 100-140m, hai bên đặt đầy những con Sphinx (hình con dê hay đầu người mình sư tử) tiếp đó mới đến các tháp bia, tượng vua và tháp môn.

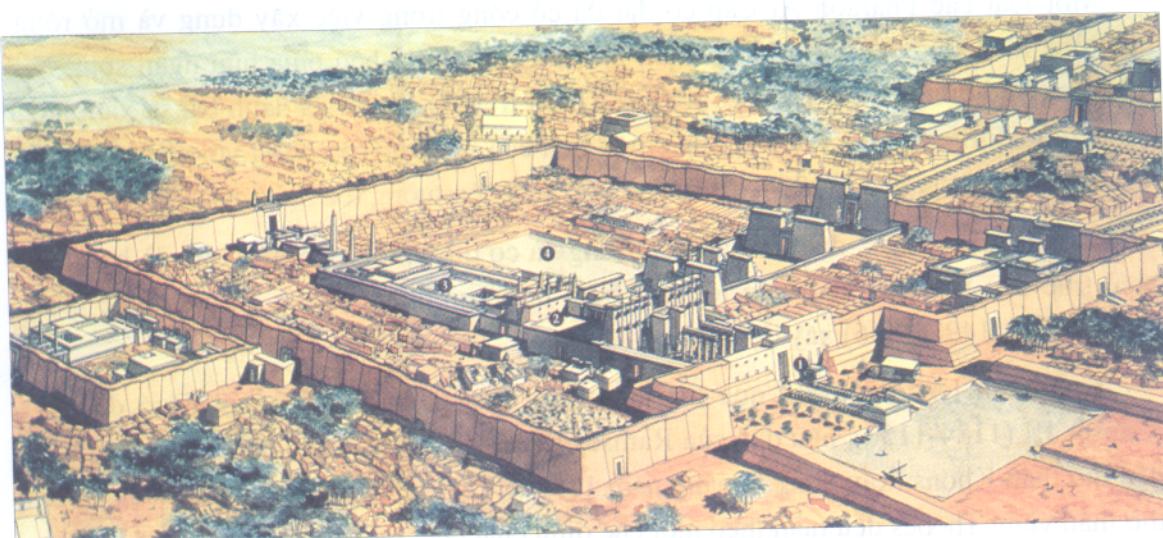
Nhìn chung nền của đền thờ nghiêng dần nhẹ lên, từ tháp môn cho đến chỗ đặt tượng thần của các thần, là không gian cuối cùng của đền thờ, không gian này được bao quanh bởi một hành lang, thường có dạng hình chữ U, gắn với hành lang này là phòng để các vật cúng, kho, phòng các thầy cúng, tăng lữ,... Trong khi đó trần đền thờ cũng được



*Mặt bằng Đền thờ Thần Ammon ở Karnak*

hạ thấp dần từ trước đến sau. Nguồn gốc của đền thờ thần Mặt trời, tuy phát triển đại trà và định hình vào thời kỳ Trung Vương quốc, nhưng có nguồn gốc sơ khai (ngoài việc phát triển lên từ các đền thờ tại gia của các quý tộc) được tìm thấy ở Vương triều thứ 5. Đó là ngôi đền Mặt trời cổ xưa nhất, đền thờ Mặt trời của nhà vua Néouséné, đó là những phòng lớn không có mái, được bao quanh bởi bức tường thành, và hướng ra một cái sân trong, ở đây có Mastaba, có một cái bàn cúng. Lúc đó, những chế định về một mặt bằng quy chuẩn cho đền thờ thần Mặt trời chưa được xác lập.

Những quần thể đền thờ thần Mặt trời chính thống được thấy ở Karnak và Luxor, gần Thebes. Đền lớn thờ thần Ammon ở Karnak (được xây dựng và mở rộng từ những năm 1530-323 tr. CN) là một bộ phận của một quần thể kiến trúc rất lớn ở khu vực Thebes. Công trình này được khởi công bởi nhà vua Aménophis III thời kỳ Vương triều thứ 19. Gần đền thờ thần Ammon còn có đền thờ thần Khons (thần Mặt trăng - được xây dựng vào khoảng năm 1198 tr. CN) và một số đền thờ quy mô nhỏ khác, đền thờ thần Mut (mẹ của vạn thần), đền thờ thần Ptah (thần sáng tạo) và một đại lộ những con Sphinx... Trong quần thể này còn có một đền thờ ở khu vực Luxor kế cận, cũng thờ thần Ammon.



Phối cảnh tổng thể Đền thờ Thần Ammon ở Karnak

Vào thời kỳ Tân vương quốc, nhà vua thường đem tặng cho nhà thờ nhiều của cải và nô lệ, các thầy cúng, tăng lữ trở thành tầng lớp quý tộc, chủ nô, giàu có và có thế lực nhất. Các đền thờ chiếm đến 1/6 diện tích đất canh tác trong cả nước và đại bộ phận các phường thủ công trong xã hội kể cả các phường hội khai mỏ và các thương thuyền trên mặt biển, do vậy các đền thờ mọc lên ở khắp nơi.

Đền thờ lớn thờ thần Ammon, với nhiều thời kỳ liên tiếp nhau xây dựng, là một ngôi đền có kích thước  $366 \times 110$ m, với 6 cái tháp môn trong đó cái thứ nhất lớn nhất, có kích thước  $113 \times 43,5$ m.

Đại điện của nó có kích thước 103x52m được ken đặc bởi 134 cây cột đá (được hoàn tất vào thời gian 1312-1301 tr. CN). Hai hàng cột trung tâm, mỗi hàng 12 cột có chiều cao mỗi cột 21m, đường kính lớn tới 3,57m, đỡ các đầm đá phía trên, có nhịp lớn tới 9,21m, nặng 65 tấn. Các cột khác của đại điện (còn gọi là trụ sảnh, sảnh cột, hay hypostyle), có chiều cao 12,8m, đường kính 2,74m.

Xem xét lại tỷ lệ giữa đường kính và chiều dài cột ta thấy thời kỳ Cổ Vương quốc hậu kỳ, tỷ lệ này là 1:7, khoảng cách thông thủy giữa hai cột bằng 2,5 đường kính cột; sang thời kỳ Trung Vương quốc, tỷ lệ này bảo đảm cho kiến trúc nhẹ nhàng, thanh mảnh hơn. Nhưng với tòa Đại sảnh của Đền lớn Ammon, tỷ lệ này lại bằng 1:4,66 và khoảng cách thông thuỷ giữa các cột nhỏ hơn đường kính cột, cột to lớn, nặng nề, dày đặc... đó là do muốn "cả một rừng cột" gây hiệu quả thần bí, áp chế con người.

Ngoài dùng đá là chủ yếu, trong vật liệu xây dựng cũng dùng một ít gạch cho tường bao xung quanh, tường có chiều cao 6,1m đến 9m, chiều dày đến 8m và tổng chiều dài là 2,5km.

Một loạt các Pharaon Ai Cập cổ đại đã có công trong việc xây dựng và mở rộng quần thể kiến trúc đền thờ Mặt trời lớn nhất Ai Cập đặt ở bên phía hữu ngạn sông Nil này, trong đó đứng đầu là Ramses II (1290-1224 tr. CN), người đã đánh bại sự xâm lăng của người Hittite từ phía Bắc. Những chiến tích của nhà vua này cùng với những dấu ấn về chiến thắng của Séti I (1304-1290) đã được khắc lên tường tòa đại điện.

Một đại sảnh khác, đặt vào sâu bên trong và có quy mô khiêm tốn hơn, là hạt nhân kiến trúc đầu tiên của ngôi đền lớn vào buổi bình minh của Trung Vương quốc là do Tumosis III (1490-1436) xây dựng.

Trong sân lớn ở sau khi qua tháp môn lớn đầu tiên, ở bên tay phải có đền thờ Ramses III (1184-1153), hậu duệ của Ramses II, đền thờ có quy mô nhỏ. Gần đó còn có đền thờ thần Khons (xây dựng khoảng năm 1198 tr. CN), nhìn chung tất cả các ngôi đền thờ thần vùng Thebes đều tuân theo một chế định chặt chẽ, thống nhất, dù to hay nhỏ.

Theo các nhà nghiên cứu lịch sử, các nghi thức tôn giáo bắt đầu từ Karnak và kết thúc ở Luxor. Giữa hai địa điểm có một con đường lớn lát đá dài hơn 1km, hai bên đường đặt các quái tượng đầu dê, là súc vật thờ của xã hội Ai Cập cổ đại.

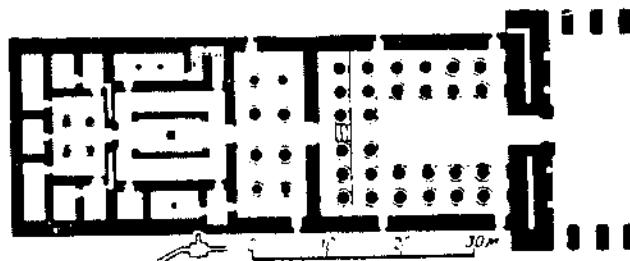
Đền thờ thần Ammon ở Luxor quy mô cũng rất hoành tráng, tổng chiều dài khoảng 260m, giữa hai sân trong có 7 đôi cột lớn cao 20m, có thể đó là khu vực trung tâm của tòa đại điện chưa được xây dựng xong, các hàng cột khác nhỏ hơn đã hoàn tất việc xây dựng, các cột kiểu papyrus này được điêu khắc từ đầu cột đến thân cột rất tinh tế. Việc xây dựng đền thờ Mặt trời ở Luxor do Aménophis III (1402-1364) khởi xướng và Ramses II thực hiện tiếp tục.

Ramses II cũng là người xây dựng ngôi đền đục trong đá (Speos) ở Nubie, Abu Simbel, một loại hình đền đài độc đáo khác của Ai Cập cổ đại. Loại đền này có không gian khoét sâu vào trong núi đá, hầu như không dùng đến vữa, có các thành phần là các sảnh cột và các phòng tối.

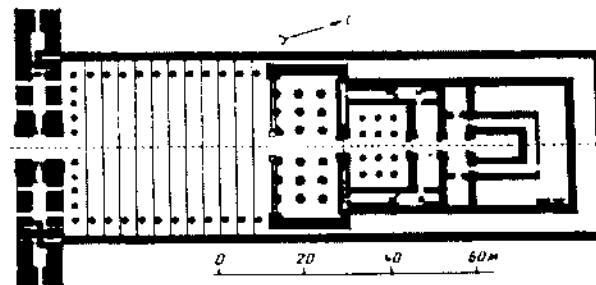
Ngôi đền ở Abu Simbel là ngôi đền đục trong đá lớn nhất của Ai Cập cổ đại, được xây dựng vào khoảng năm 1301 tr. CN, kích thước bức tường lớn trước đền là 36x33m làm nên cho 4 bức tượng Ramses II, mỗi bức tượng cao 20m. Bên trong nội thất đền Abu Simbel có 2 sảnh cột, phần trong cùng là đàn thờ, tám cái cột hình chữ nhật ở sảnh cột phía ngoài là cột có tượng thờ, xung quanh tường có nhiều phù điêu.

Toàn bộ ngôi đền được đục trong một ngọn núi đá lớn, mặt trước hướng ra phía sông Nil. Ngoài 4 bức tượng lớn Ramses II nổi bật ở lối vào, cửa vào được đặt ở giữa, trên cửa có một hốc tường cao đặt tượng thần Ra - Harakhty – vị thần lớn nhất Ai Cập cổ đại. Khi xây đập nước Aswan năm 1966, để tránh mức nước dâng cao làm ngập, vào khoảng năm 1963-1972, người ta đã phải dời ngôi đền lên một vị trí cao hơn, bằng cách chia nhỏ công trình đồ sộ này ra làm 1063 khối và sau đó lắp dựng lại.

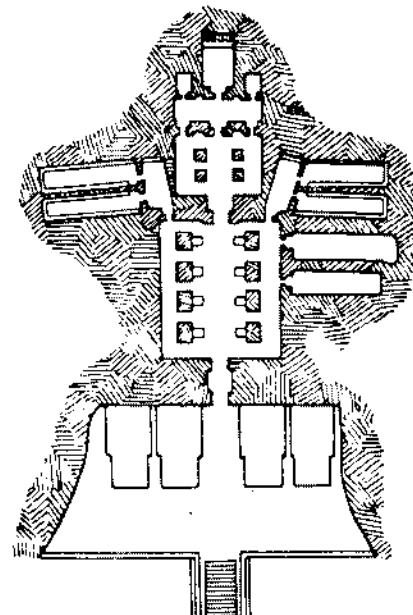
Nhìn chung, ngoài bộ phận cửa vào, sức biểu hiện của công trình kỷ niệm loại đền thờ tập trung vào bên trong nội thất công trình, điều đó phù hợp với việc có một tôn giáo mới phục vụ cho việc thần thánh vua chúa thay cho Báu vật giáo nguyên thủy của xã hội công xã thị tộc. Thủ pháp nghệ thuật thời kỳ Trung Vương quốc và Tân Vương quốc đã phong phú hơn, và có được điều này cũng là do kết cấu kiến trúc (kết cấu dầm cột) và kỹ thuật thi công, trình độ của thợ thủ công và nô lệ đã tiến bộ hơn một bước.



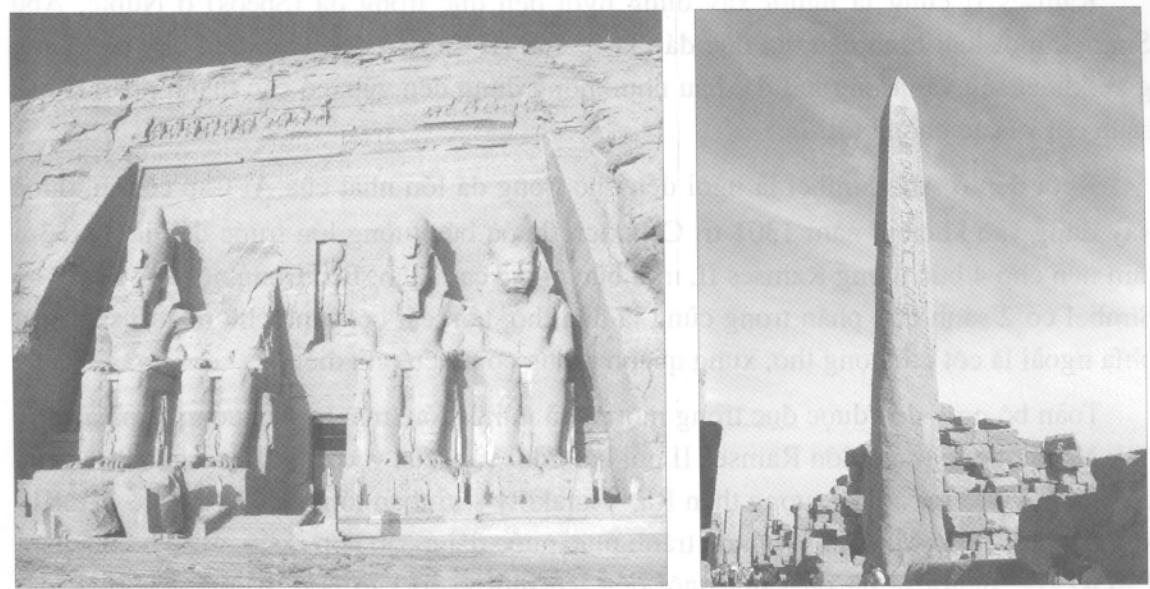
Mặt bằng Đền thờ thần Khons (1198 tr. CN)



Đền thờ Horus (237-57 TrCN)



Đền thờ lớn ở Abu Simbel

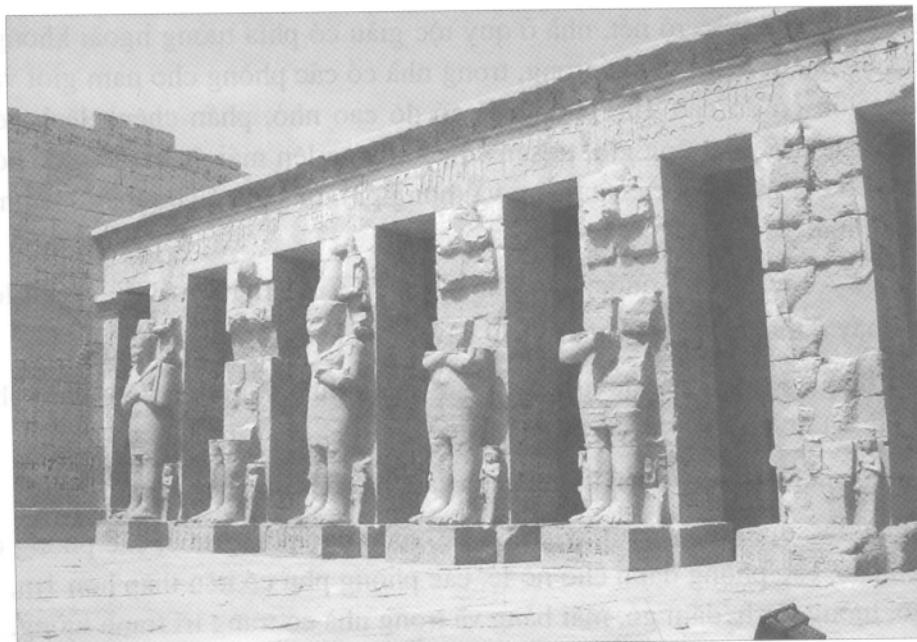


*Đền thờ Ramesses II-Abu Simbel*

*Cột ghi công Obelisk*



*Tháp môn (Pylon) trước đền thờ Ai Cập cổ đại*



Đền thờ Ramses III

## 2.7. DINH THỰ, CUNG ĐIỆN VÀ NHÀ Ở

Trong xã hội Ai Cập cổ đại, nhà ở thường làm bằng lau sậy và đất sét hoặc gỗ và gạch (đá chỉ dùng trong kiến trúc tôn giáo).

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra một điểm dân cư lớn ở về phía Tây Bắc Cairo, có niên đại 4000 năm trước Công nguyên (thời kỳ Vương quốc tiền kỳ), với loại nhà chính là nhà khung gỗ, trên khung tường bằng gỗ có ken sậy bên ngoài trát bùn hoặc không trát bùn, nhà có phong cách nhẹ nhàng. Mái nhà được làm bằng các bó sậy ken dày, hình hơi uốn vòng cung.

Trong khi đó, ở Ai Cập Thượng (vào thời kỳ Cổ Vương Quốc), nhà ở được làm theo kiểu móng đá hộc, tường gạch không nung, mái ken sít nhau, phủ thêm một lớp đất sét. Hình dáng ngoài nhà trông như khối chữ nhật nhưng có hơi thu nhỏ về phía trên. Loại mái nhà này mùa hè nóng nực có thể làm nơi ngủ rất tiện lợi.

Vào thời kỳ Trung Vương quốc (khoảng 2000 năm tr. CN) nhà vua Senuser II đã tập trung nhân dân xây dựng thành phố Kahun, Thành phố Kahun có hình dáng chữ nhật, kích thước  $380 \times 260m$ , với hai khu vực sau đây:

- Khu dân nghèo ở phía Tây có kích thước  $260 \times 105m$  với 250 ngôi nhà hai, ba gian bằng lau sậy và đất sét (chiều rộng nhà không quá  $7-10m$ ).
- Khu nhà phía Đông lại chia thành 2 khu vực, khu vực phía Đông Nam dành cho dân trung lưu và khu vực phía Đông Bắc dành cho các nhà giàu (gồm 10-11 trang viên, có nhà rộng tới  $60 \times 45m$  gồm 70 phòng).

Sự đối lập giàu nghèo rõ nét, nhà ở quý tộc giàu có phía tường ngoài không trồ cửa sổ, chỉ có một cửa đi hẹp vào sân trong, trong nhà có các phòng cho nam giới và phụ nữ riêng, phòng lớn có độ cao lớn, phòng bé có độ cao nhỏ, phần chênh lệch về độ cao dùng để làm cửa trời để thông gió, từ sân có cầu thang lên mái được dùng để hóng mát. Trong nhà ở đã coi trọng việc chắn nắng và thông gió, từ sân có cầu thang lên mái được dùng để hóng mát.

Đến thời kỳ Tân Vương quốc, vào khoảng thế kỷ XVII-XI tr. CN, nhiều loại hình nhà ở được thấy ở thành Tel-el-Amarna. Ở đây có ba loại nhà ở chính:

- Nhà ở ba gian (một gian làm bếp và cất lương thực, hai gian khác làm phòng ở), vật liệu xây dựng là lau sậy và đất sét, mái bằng.
- Nhà cho quan lại ( $70 \times 70$ m), tường gạch cao, mở ba cửa quay ra phố.
- Loại lâu dài, dinh thự, loại này có ao cá, vườn cây phía trước, các phòng của chủ nhân có nền cao, các phòng dành cho nô lệ, các phòng phụ có nền thấp hơn 1m, vật liệu dùng cột gỗ, tường gạch, dầm gỗ, mái bằng và trong nhà có trang trí tranh tường.

Nhà ở ở Tel-el-Amarna là nhân chứng sống về việc người Ai Cập cổ đại đã quan tâm đến vấn đề quy hoạch đô thị, đường phố thẳng góc, đã có nhà tầng, chú ý việc chống nóng cho khu dân cư... Điều này cũng thấy ở nhà ở ở Thebes và thấy trong những áng văn cổ mà Diodore ở Sicile đã đến Ai Cập và kể lại

Một dinh thự tiêu biểu ở Tel-el-Amarna có mặt bằng kiểu tập trung, phần trung tâm để cho chủ nhân ở có chiều cao lớn một tầng hoặc một tầng rưỡi, dài nhà phụ ở phía Nam và một phần phía Đông dùng để cho gia nô ở, để làm kho, chăn nuôi súc vật, làm phòng bếp và tắm, phần phía Bắc là sân trồng cây ăn quả, trồng các loại rau và dưa.

Các cung điện của nhà vua có quy mô lớn, nhấn mạnh trực dọc, bên trong các phòng có nhiều cột, ngoài trực dọc có khi lại còn có trực phụ. Ví dụ như hai tòa cung điện ở Tel-el-Amarna, có một tòa có một đại điện kích thước  $130 \times 75$ m, bên trong có 30 hàng cột, mỗi hàng có 17 cột; một tòa cung điện khác có diện tích  $112 \times 142$ m, ngự điện của nhà vua đặt ở phần tận cùng của trực dọc.

Cung điện cũng dùng kết cấu gỗ, tường gạch xây, mặt tường trát vữa, ngoài cùng xoa thạch cao. Ngoài lớp thạch cao người ta tô khắc trang trí hình các loại thực vật và chim muông. Trần, nền và cột nhà cũng được tô vẽ các hình vẽ rất đẹp mắt, không gian bên trong đặt nhiều tượng vua và hoàng hậu. Gỗ làm cung điện Ai Cập không có mà được vận chuyển từ Syria tới.

Càng về sau, các cung điện của nhà vua càng có tỷ lệ tốt, việc thần hóa nhà vua càng được cường điệu. Dưới triều đại Memphis, phía trước cung điện có một con đường hai bên đặt các con Sphinx, có đầu đê, dẫn tới hai cột ghi công, sau đó là cổng cung điện. Đến thời đại Thebes, cung điện của nhà vua lại càng mô phỏng hình thức của đền thờ thần hơn nữa, có nhiều sân, phòng đón tiếp, phòng để chầu báu và phòng cho nữ giới ở sâu vào bên trong, trực dọc lại càng được nhấn mạnh hơn nữa.

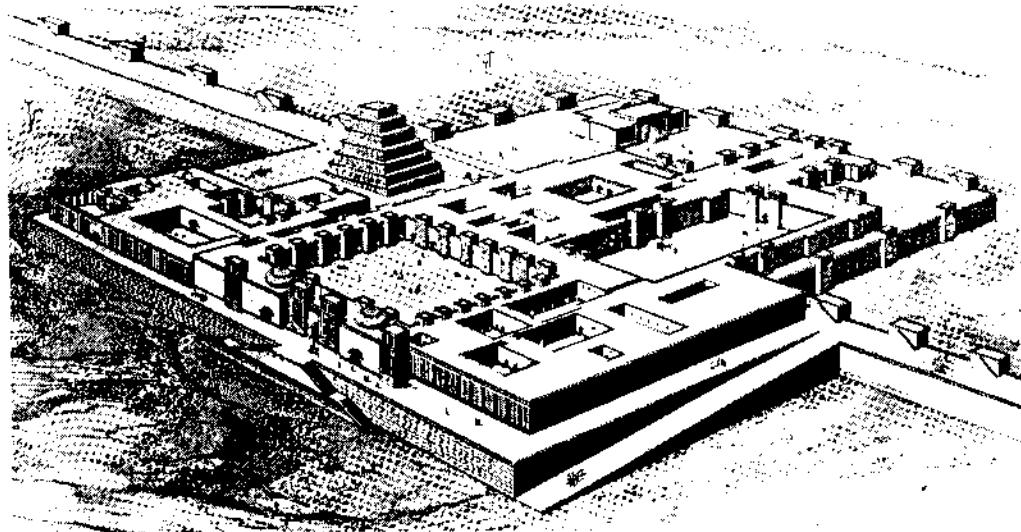
## Chương 3

# KIẾN TRÚC LUÔNG HÀ VÀ BA TƯ

### 3.1. BỐI CẢNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI

Nền văn minh Luồng Hà và Ba Tư thuộc vùng Trung Cận Đông, bắt đầu khoảng 4000 năm trước công nguyên.

Vùng Luồng Hà và Ba Tư là khu vực đồng bằng trù phú được tạo bởi 2 con sông lớn là Tigre và Euphrates. Do sự phát triển nhanh chóng của sản xuất thủ công nghiệp và thương mại trên cơ sở nông nghiệp và giao lưu nên khu vực này đã sớm xuất hiện các thành phố lớn như: Jerusalem (nay thuộc Israel và Palestine), Amirth (nay thuộc Syrie), và các thành phố: Khorsabad (Dur Sharukin), Ninive, Ashur, Ctesiphon, Babilon, Ur (nay thuộc Iraq) và Persepolis (nay thuộc Iran).



Thành phố Khorsabad (Dur Sharukin)

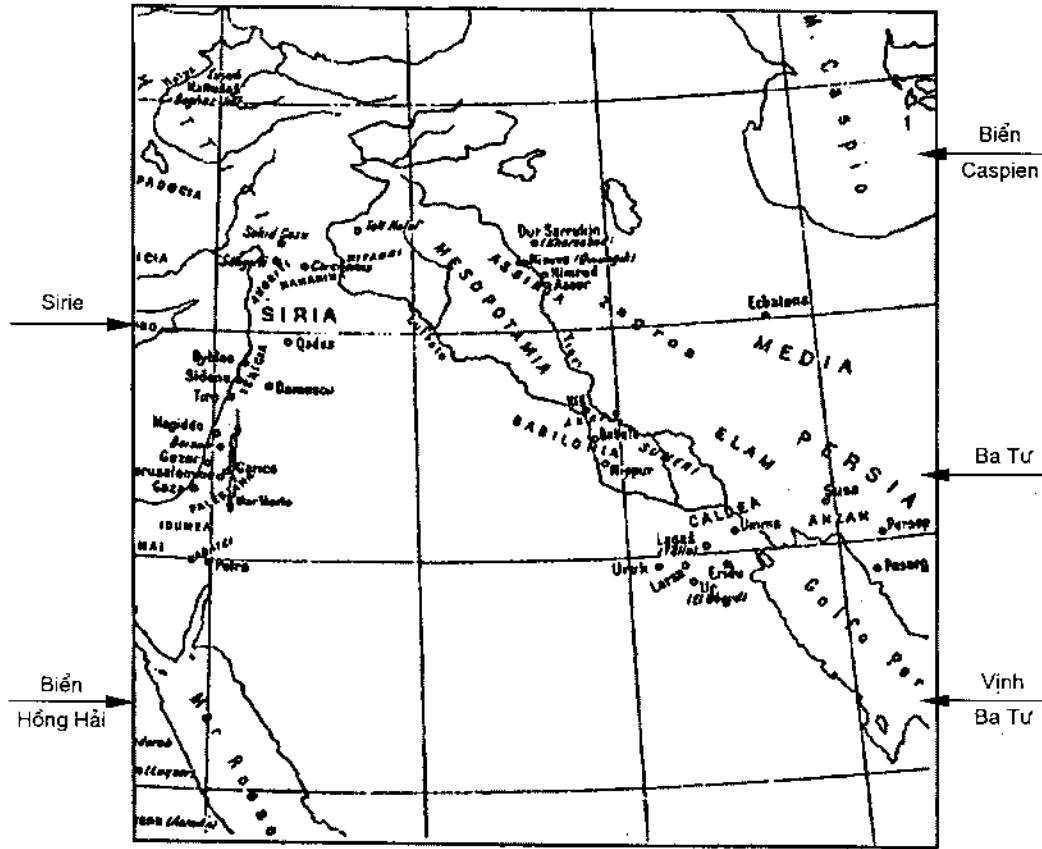
Khoảng năm 4000 trước công nguyên vùng hạ lưu sông Tigre và Euphrates đã hình thành các nhà nước nô lệ nhỏ và các khu đô thị của họ đã có nhiều cung điện, đài chiêm tinh, đền thờ,... đó là nền văn hóa Sumer. Đến năm 1758 trước công nguyên (tr. CN) vua Hammurabi thống nhất Luồng Hà và lập nên vương quốc Babilon. Khoảng năm 900 tr. CN nhà nước Ashur lại xâm chiếm toàn bộ vùng Luồng Hà, Syrie và một phần Ai Cập và lập nên đế quốc chuyên chế Assyrie. Năm 625 tr. CN người Chaldée đánh chiếm nhà nước Assyrie, lập nên nhà nước Tân Babilon. Sau một thời gian phát triển phồn thịnh,

năm 539 tr. CN nhà nước Tân Babilon bị tiêu diệt và khu vực này thuộc về Quốc vương Ba Tư.

Sự phát triển của nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại của Tây Á đã thúc đẩy sự phát triển của các bộ môn khoa học và nghệ thuật của khu vực. Các môn khoa học như: toán học, thiên văn, khí tượng học,...và các ngành kỹ thuật như: dệt, gốm, luyện kim,... đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Về mặt nghệ thuật: nghệ thuật tạo hình cũng đạt được nhiều thành tựu độc đáo thể hiện ở những trang trí bích họa phong phú, tinh xảo và nghệ thuật kiến trúc các đền đài, cung điện với quy mô rất đồ sộ.

Có thể nói các đô thị khu vực Tây Á đã trở thành trung tâm chính trị, kinh tế của cả vùng. Khung cảnh lịch sử, trung tâm đô thị chính và tính chất văn minh của nền văn minh Lưỡng Hà có thể khái quát qua bảng sau:

Thiên niên kỷ thứ III	Người Sumer ở phía Nam Chaldée	Trung tâm là thành Ur	Văn minh trồng trọt
Trước năm 2000	Người Sécmite ở Chaldée	Thủ đô là Babilon	Văn minh thương nghiệp
1100	Người Hittite xâm chiếm Ba Tư		
1100-600	Người Assyrie	Thủ đô là Ninive	Văn minh chiến tranh
539 tr. CN	Nhà vua Ba Tư Cyrus chiếm Babilon		



Bản đồ Khu vực Lưỡng Hà và Ba Tư

### 3.2. ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC

- *Loại hình:* kiến trúc Lưỡng Hà và Ba Tư có loại hình kiến trúc đa dạng: đền đài, cung điện, thành quách, kênh mương, nhà ở và tiêu biểu là các công trình Ziggurat (đài chiêm tinh).

- *Vật liệu và phương thức xây dựng:*

+ Người Chaldée: chủ yếu dùng gạch không nung để xây cất và dùng chất kết dính là một loại vữa bitum.

+ Người Assyrie: dùng gạch ướt để xây dựng và không cần chất kết dính hoặc xây nhiều vòm, cuốn bằng gạch khô và gắn kết với nhau bằng đất sét; ngoài ra còn sử dụng các vật liệu như: gỗ, đá, gạch lưu ly để trang trí.

- *Kiểu tạo hình:*

+ Các công trình của người Chaldée như: đền thờ hoặc nhà ở tư nhân thường có dạng hình chữ nhật, đặt trên một nền cao, nhằm mục đích chống lụt; kiến trúc sử dụng nhiều phù điêu, tranh tường bằng chất liệu gỗ hoặc gạch lưu ly.

+ Người Assyrie: cũng tương tự như người Chaldée, nhưng đặc biệt dùng nhiều gạch men lưu ly.

- *Kỹ thuật xây dựng và trang trí:*

*Kỹ thuật xây dựng* vùng Trung cận Đông và Tây Á có vật liệu chủ yếu là đất và các chế phẩm làm từ đất sét. Các kiến trúc chủ yếu dùng gạch không nung và liên kết với nhau bằng bitum.

Nhà cửa xây dựng thô sơ bằng đất sét và lau sậy trong những buổi đầu sơ khai sau đó chuyển sang dùng vật liệu là gạch không nung và gạch nung. Kiểu nhà ở phổ biến là xây bằng gạch, mặt tường đặt một ít thanh gỗ, rải lau sậy lên trên và trát đất sét.

Cung điện thường được xây dựng theo kiểu đối xứng, nhấn mạnh đại diện và phòng thờ. Cung điện thường có 3 sân trong hoặc nhiều sân trong đặt nối tiếp nhau. Sân thứ nhất phục vụ cho các phòng hành chính, sân trong thứ hai phục vụ cho các phòng ở, sân thứ ba phục vụ cho các phòng phụ trợ và sân thứ tư (nếu có) thường là sân để thờ.

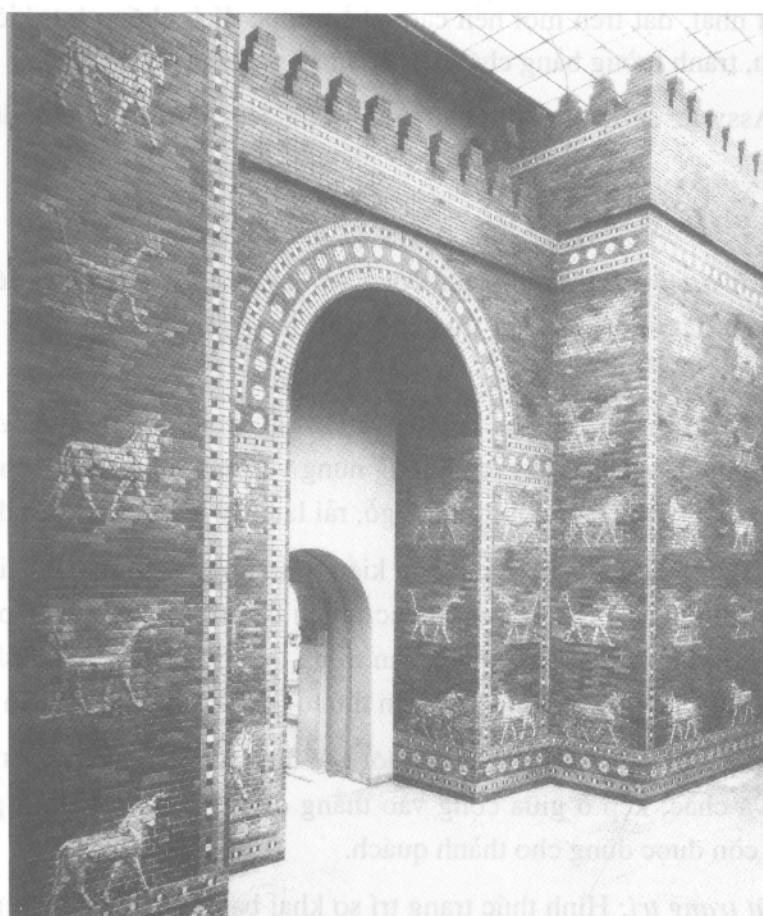
Cổng cung điện và đền thờ tuân theo một chế định nghiêm ngặt: hai tháp lâu đặt cao ở hai bên, to và chắc; kẹp ở giữa cổng vào thẳng đứng có cuốn vòm ở phía trên. Hình thức cổng này còn được dùng cho thành quách.

*Về kỹ thuật trang trí:* Hình thức trang trí sơ khai ban đầu, dùng những cái nêm bằng gốm đóng vào mặt tường để tăng thêm tuổi thọ của công trình trước tác động của thời tiết, khí hậu. Người ta kẹp dày các nêm gốm hình hoa văn của những cái chiếu coi đan bằng coi và sậy, với những hình thức hoa văn hình động và thực vật phong phú.

Đến năm 3000 tr. CN, người Lưỡng Hà còn có thêm hình thức trang trí mặt tường bằng cách quét bitum lên mặt tường, sau đó dùng các mảnh đá và mảnh sành ốp lên trên tạo thành những hình hoa văn trang trí rất đẹp. Thời kỳ này người ta cũng phát kiến ra việc dùng đá ốp chân tường để bảo vệ tường. Ví dụ điển hình là trang trí tường ở đền Tel-el-Obeid. Chân tường được khắc nhô ra một cách đều đặn, các nêm gốm có hình hoa hồng tạo nên nền là hoa văn đỏ, trắng, đen.

Vào khoảng năm 3000 tr. CN, người Lưỡng Hà đã sản xuất được gạch lưu ly, đây là đỉnh cao trong nghệ thuật trang trí mặt tường của kiến trúc Lưỡng Hà cổ đại. Gạch lưu ly có các mẫu men óng ánh khác nhau, có độ bền vững tốt; thường được sử dụng để trang trí thành các phù điêu rất ấn tượng theo chủ đề: thực vật, hoa văn,... Dần dần gạch lưu ly trở thành vật liệu truyền thống của cả khu vực Lưỡng Hà và cao nguyên Iraq.

Các chứng tích lớn về kiến trúc có sử dụng gạch lưu ly như: cửa thành Ishtar và bức tường phía sau ngự điện trong cung điện của nhà vua Nabucodonosor, thuộc thành phố Babilon.



Cổng thành Ishtar, thành Babilon, Mesopotamia (Iraq), năm 612-539 tr. CN  
(hiện được trưng bày tại Bảo tàng Pergamon ở Berlin)

### 3.3. KHÁI NIỆM VỀ ZIGGURAT

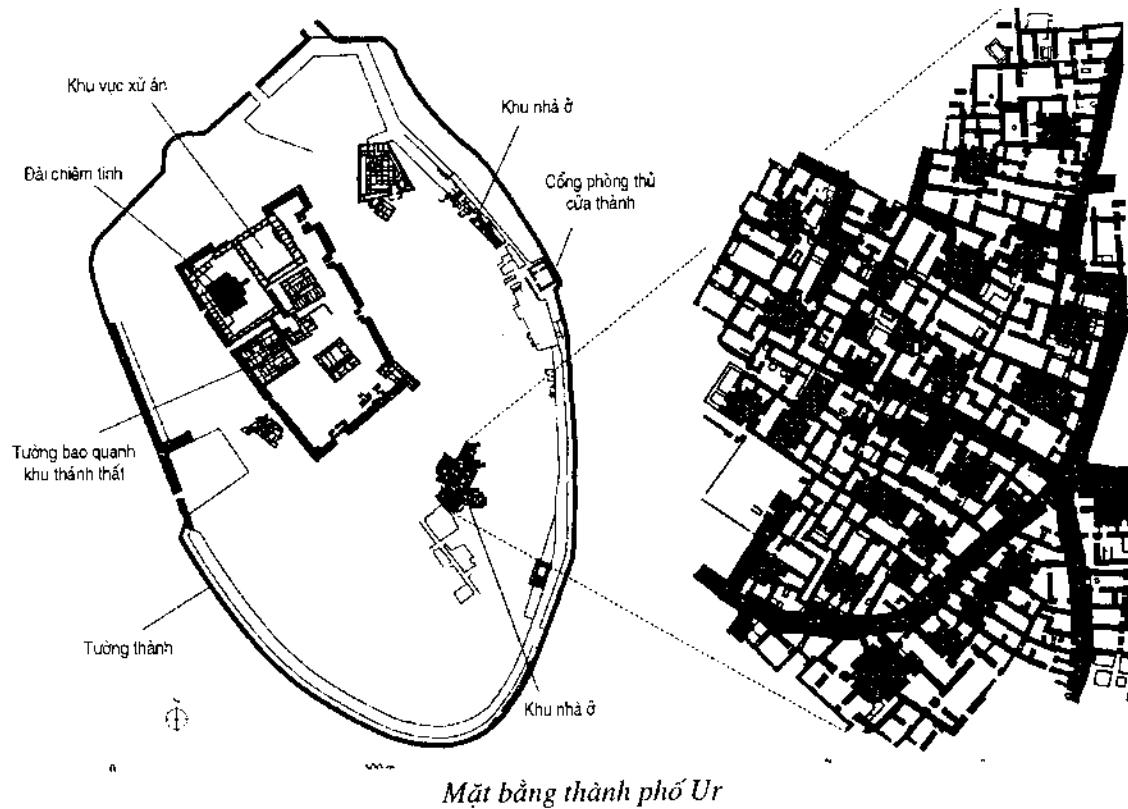
Ziggurat (dài chiêm tinh) là sản phẩm kiến trúc quan trọng của Lưỡng Hà, ra đời trên cơ sở tục lệ sùng bái đồi núi, sùng bái thiên thể và tục lệ xem sao, nghiên cứu tinh tú trên trời.

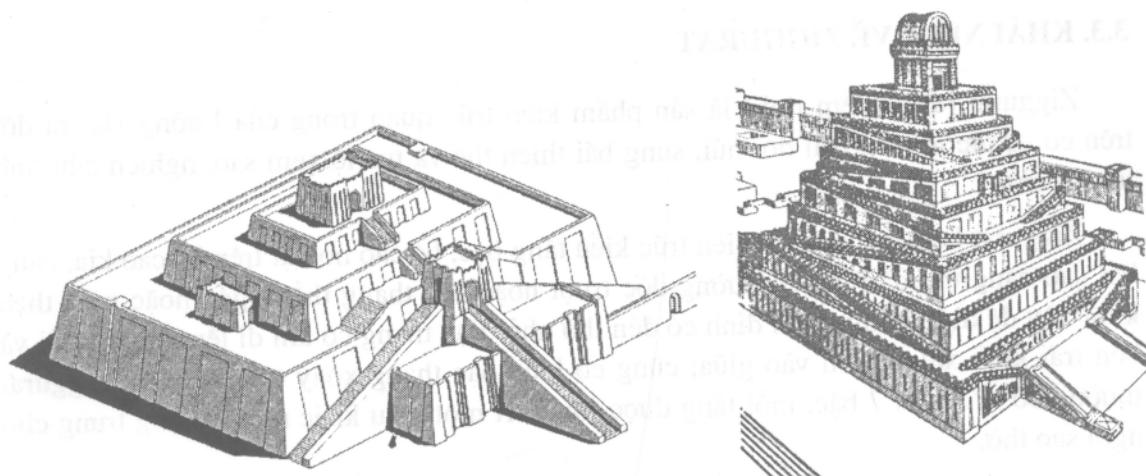
Ziggurat là một loại hình kiến trúc kiểu tầng bậc, bệ cao nẹp đặt trên bệ cao kia, càng lên cao càng thu dần lại, có đường dốc trượt hoặc bậc thang thẳng góc hoặc men theo khối xây để đi lên đỉnh, trên đỉnh có đèn thờ nhỏ. Bậc thang có khi đi lên từ bên phải và bên trái khối xây, chụm vào giữa; cũng có kiểu bậc thang xoáy tròn ốc. Các Ziggurat thường có từ 3 đến 7 bậc, mỗi tầng được trang trí một màu khác nhau, tượng trưng cho ngôi sao thờ.

Vào Thiên niên kỷ thứ ba, mỗi thành phố đều có một hoặc một số Ziggurat. Công trình này chính là điểm nhấn cho thành phố.

Ziggurat là thể loại công trình kiến trúc quan trọng trong đời sống xã hội vùng Lưỡng Hà. Nó thường được đặt cạnh đền dài và cùng với đền dài và các thương trường tạo nên một trung tâm xã hội, tôn giáo và thương nghiệp.

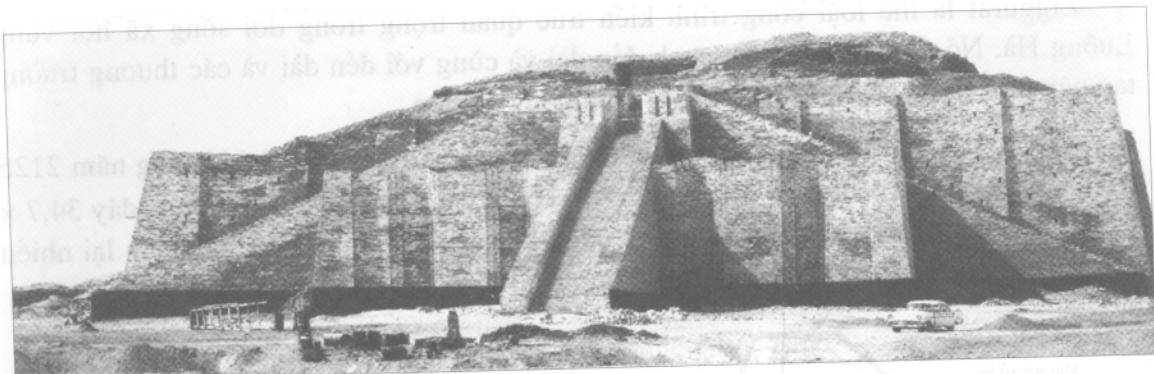
Chứng tích nổi tiếng nhất là Ziggurat ở thành phố Ur, có niên đại khoảng năm 2125 tr. CN, có kích thước đáy  $65 \times 43$ m, tầng 1 cao 9,75m ; tầng 2 có kích thước đáy  $34,7 \times 23$ m, cao 2,5m; chiều cao của tầng trên cùng khoảng 21m. Ngoài ra hiện còn lại nhiều dấu vết của các Ziggurat khác ở Uruk, Eridou, Ninive,...





Ziggurat ở thành phố Ur

Ziggurat cạnh đền thờ thần Babel



Phần còn lại của Ziggurat ở thành phố Ur

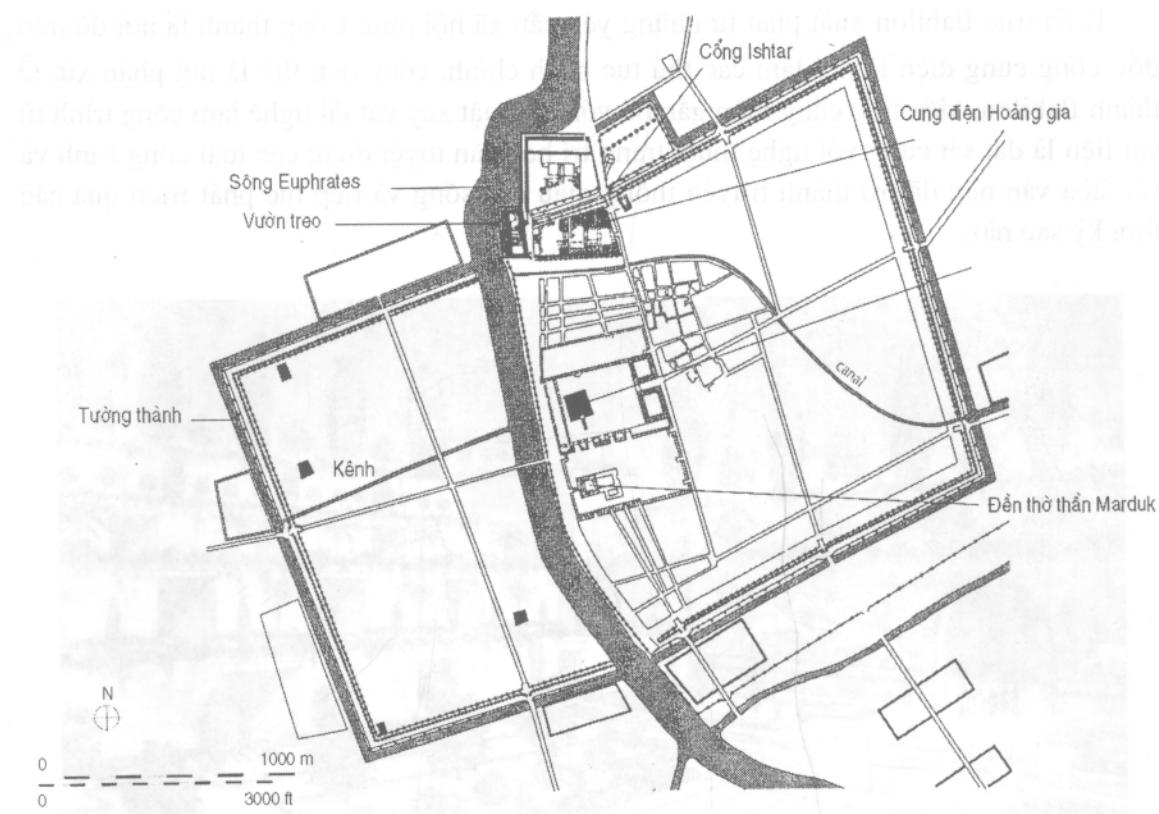
Theo dấu vết khảo cổ và theo miêu tả của các áng văn cổ, Ziggurat cạnh đền thờ thần Babel có chiều cao tổng cộng khoảng 80m; cạnh đáy 184m và chiều cao tầng thứ nhất là 24,5m; bên trên có bảy tòa tháp giật khắc nhô dần, mỗi tháp cao 8,1m; có đường dốc thoải lèn từ bên ngoài. Mầu sắc của bảy tầng tháp này từ dưới lên trên là đen, trắng, nâu, lam, đỏ, bạc, vàng.

### 3.4. THÀNH BABILON

Thành phố Babilon - thủ đô dưới triều vua Hammurabi được xây dựng khoảng năm 2000 tr. CN. Hạt nhân của thành phố là tòa thành có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước  $25.000 \times 15.000$ m, đặt theo hướng Đông - Tây. Sông Euphrates chảy theo hướng Bắc - Nam chia thành phố thành hai phần.

Thành Babilon thời kỳ đầu không có nhiều đền dài và cung điện; thành không có dấu vết nào còn lại đến ngày nay. Sự phát triển của thành Babilon thời đại Tân Babilon (thế kỷ VI tr. CN) gắn với sự phát triển của gạch lưu ly nổi tiếng. Tân Babilon hay

Babilon thứ hai với các di chỉ còn lại và theo miêu tả của nhà sử học Hy Lạp Herodote là có nhiều giá trị. Thành có hai bức tường thành vây quanh với chu vi là 88km và 66km; bức thành nội có chu vi 16,5km; cao 25-30m, mặt thành rộng 7,5m; thành có 250 vọng lâu, 100 cửa bằng đồng và 9 cửa vào lớn.

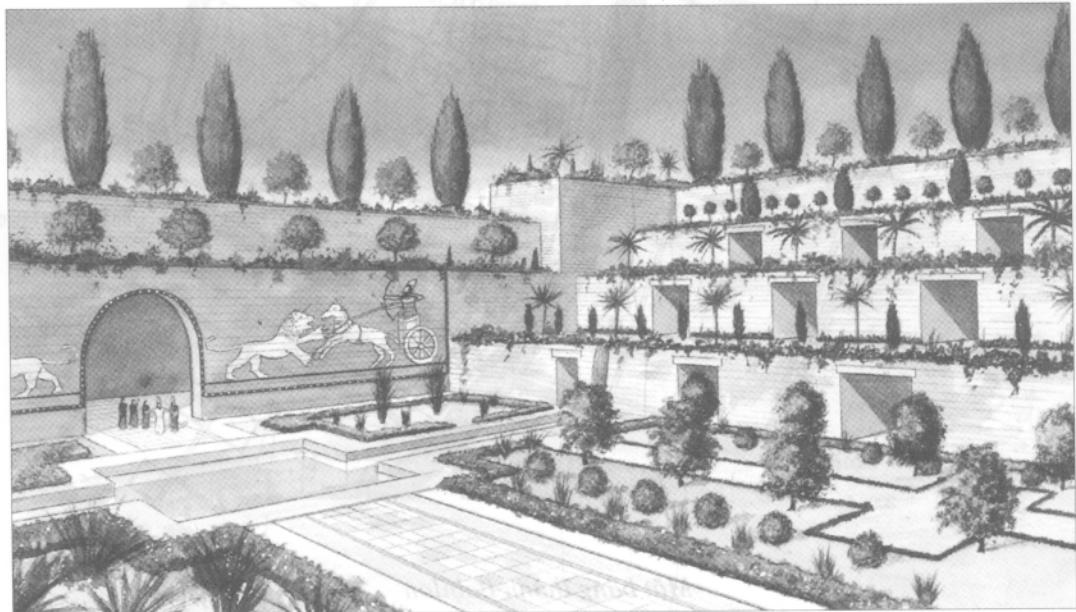


Mặt bằng thành Babilon

Ở vị trí trung tâm của thành là cung điện dành cho vua và tăng lữ, bên cạnh đó có đền thờ thần Marduk. Đền thờ xây dựng trên một khu đất rộng, kích thước 550x450m. Cạnh đó là Ziggurat Babel. Ngoài ra khu trung tâm còn có nhiều công trình kiến trúc quan trọng khác như đền thờ Ishtar de Akkad, vườn treo Babilon,... Vườn treo Babilon được xem là một trong bảy kỳ quan thế giới cổ đại - được dựng lên vào năm sau khi Nabucodonosor xây dựng xong Cung điện hoàng gia của mình. Các học giả cổ đại miêu tả về công trình này rất nhiều, nhưng vết tích còn lại ở các đời sau quá ít khiến lịch sử xây dựng và tồn tại của vườn treo là một huyền thoại lớn. Vườn treo là món quà của nhà vua Nabucodonosor xây dựng cho Hoàng hậu vốn là công chúa người Mèder - là một xứ sở có núi non hùng vĩ. Công trình này nằm giữa sông Euphrates và Cung điện nhà vua, có chiều cao bao quát hết cả một vùng thành phố và khu vực lân cận, là điểm quan sát của những đoàn người, ngựa và lạc đà đi trên vùng Lưỡng Hà rộng lớn. Vườn treo xanh

tốt với nhiều loại cây lớn nhỏ khác nhau là do những bộ máy thủy lực và giếng nước, guồng nước bơm nước sông lên. Công trình cao hơn 100m, gồm 4 tầng tháp, mỗi tầng cao 25m. Trên mỗi tầng là một vườn phẳng, trồng nhiều cây và hoa mang về từ khắp các nơi. Đáy của phần vườn cây được lát bằng các phiến đá kích thước  $5 \times 1,2$ m đặt khít nhau và gối trên các hàng cột và tường dày chịu lực.

Kiến trúc Babilon xuất phát từ những yêu cầu xã hội như: Cổng thành là nơi để trao đổi, cổng cung điện là nơi làm các thủ tục hành chính, cổng đèn thờ là nơi phán xử. Ở thành Babilon, kiến trúc cũng luôn gắn bó với kỹ thuật xây cất tài nghệ làm công trình từ vật liệu là đất sét cùng với nghệ thuật trang trí hoa văn tuyệt diệu; các loại công trình và các hoa văn này đã trở thành truyền thống giàu sức sống và tiếp tục phát triển qua các thời kỳ sau này.



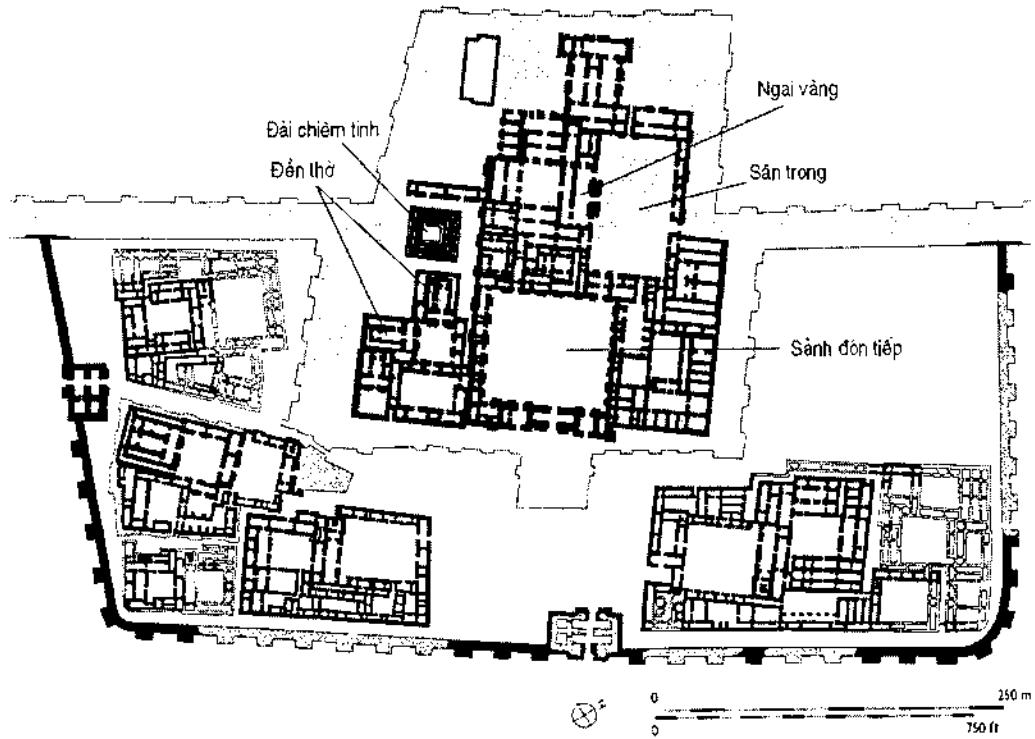
Vườn treo Babilon (vẽ lại theo các ghi chép cổ)

### 3.5. THÀNH DUR SHARUKIN VÀ CUNG ĐIỆN SARGON II

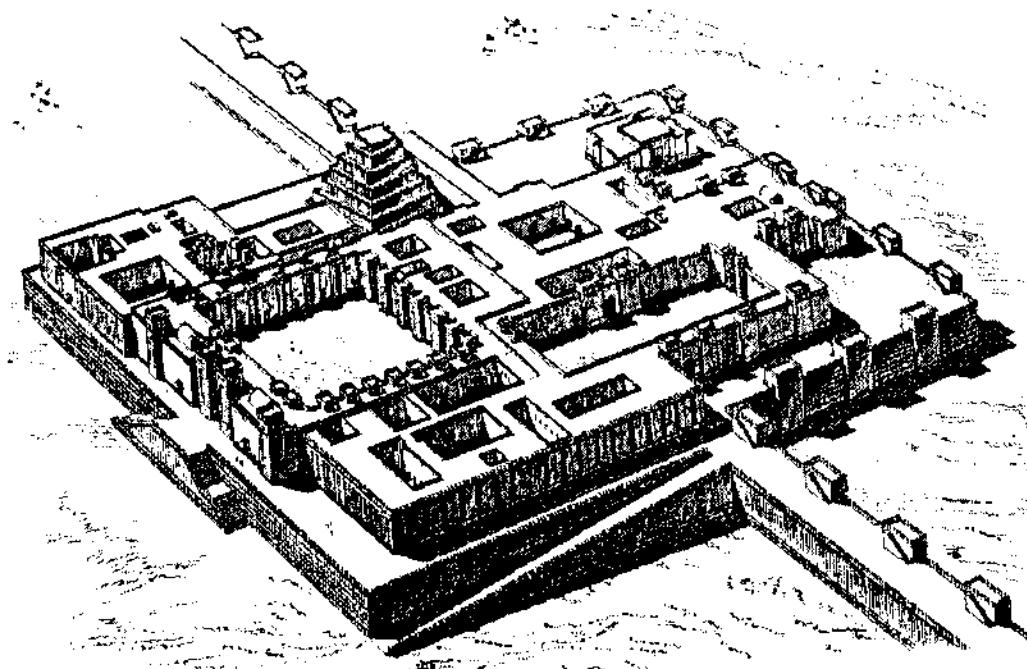
Thành Dur Sharukin (hay thành Khorsabad) và cung điện Sargon II được xây dựng ở thượng lưu Lưỡng Hà, dưới thời kỳ nhà nước Ashur.

Thành Dur Sharukin có hình dáng hình vuông, mỗi cạnh 2km, tường thành dày 50m, cao 20m. Ở những chỗ có cổng thành, chiều dày tường thành lên tới 85m. Thành có nhiều cửa và vọng lâu, trên thành có thể cùng chạy một lúc 4 cỗ chiến xa do ngựa kéo.

Cung điện Sargon II nằm trong một tòa vệ thành ở cạnh phía Tây Bắc của thành phố, được đặt trên bệ đất nhân tạo cao 18m để tránh ngập lụt. Do đó có các bậc thang dành cho người đi bộ và lối dốc dành cho xe ngựa kéo dẫn lên cung điện.



Mặt bằng thành Dur Sharukin và Cung điện Sargon II,  
Assyria, năm 720 tr. CN



Phối cảnh tổng thể Cung điện Sargon II

Cung điện chiếm diện tích 17ha với 210 phòng và 30 sân trong. Tường cung điện làm bằng gạch phoi dày 3÷8m, từ độ cao 1,3m trở xuống tường được xây bằng đá.

Chính điện và hậu cung của nhà vua đặt ở phía Bắc, nơi đây có cửa lớn thông ra ngoài thành, tính chất phòng ngự rất mạnh.

Cửa chính cung điện được xây theo kiểu 4 khối trụ hình chữ nhật, mỗi bên cửa chính có hai khối vuông cao. Hai cửa tròn nhỏ hơn trổ hai bên hình thành một kiểu tam quan. Cửa giữa rộng 4,3m, trên tường ốp gạch lưu ly, từ độ cao 3m trở xuống được ốp đá và khắc phù điêu. Hai bên cửa chính và phần chuyển góc của tháp môn có khắc hình tượng đầu người mình bò.

Phòng chiêu đãi lớn có kích thước lớn  $32 \times 8$ m, trên tường ốp gạch lưu ly tráng men theo hai chủ đề là: hình tượng trang trí và những lời chỉ dụ của nhà vua, ngoài ra còn dùng đá để ốp chân tường, làm tấm đan, đầu cột.

Phía Tây cung điện có Ziggurat, phản ánh sự nhất trí giữa thần quyền và vương quyền. Ziggurat có đáy hình vuông  $43 \times 43$ m, cao 4 tầng với chiều cao tổng cộng là 60m.

### 3.6. CUNG ĐIỆN PERSEPOLIS CỦA BA TƯ

Cung điện là loại hình chủ yếu của kiến trúc Ba Tư. Dựa trên truyền thống xây dựng Iran và các kinh nghiệm tích lũy được sau khi chinh phục đất nước của các dân tộc khác nên người Ba Tư đã xây dựng được rất nhiều cung điện xa hoa, lộng lẫy.

Trong các trung tâm kiến trúc, quần thể cung điện Persepolis là đáng chú ý và quan trọng nhất, có quy mô lớn nhất. Persepolis là thủ đô cũ của vương quốc Archéménide, ở phía Tây Nam Iran, cách thành phố Shiraz ngày nay khoảng 60km và được xây dựng bởi các đời vua Darius, Xerxes, Artaxerxes (từ năm 522÷424 tr. CN).

Cung điện được khởi công xây dựng từ năm 518 tr. CN; được đặt trên một nền cao 15m so với khu vực xung quanh với kích thước  $450 \times 300$ m.

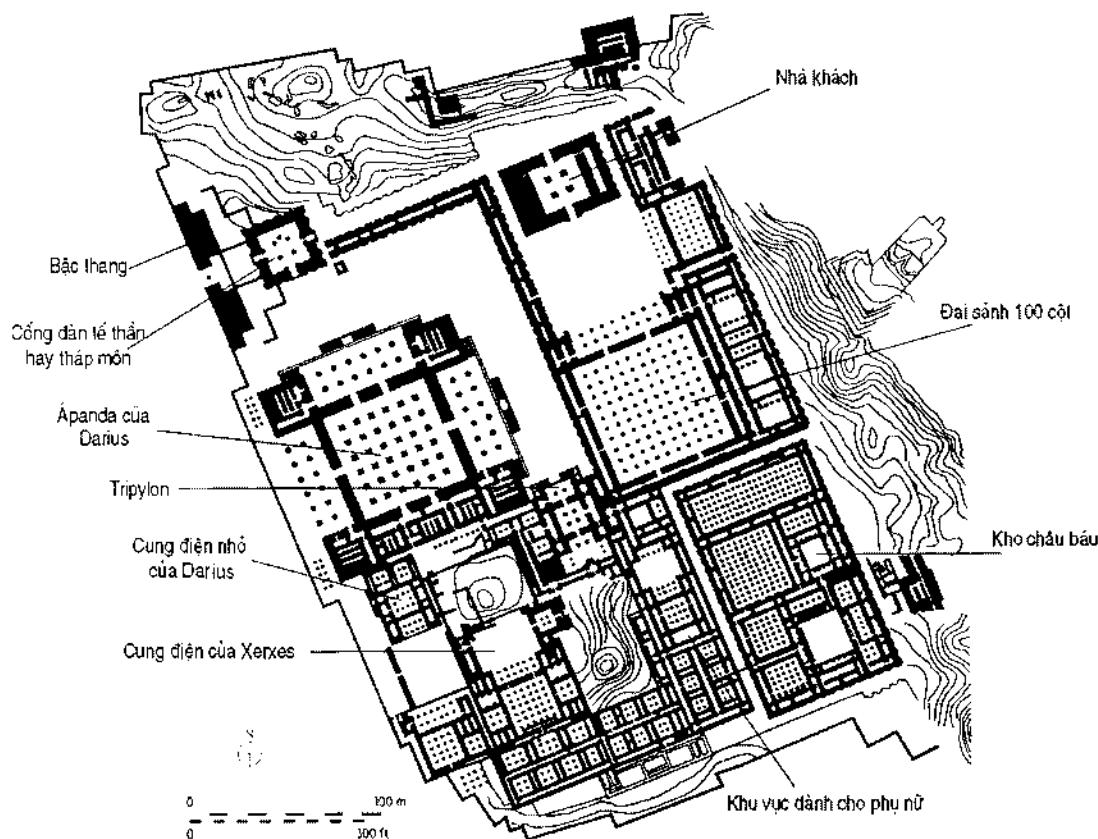
Lối vào chính là hai bậc thang lên đối xứng nhau xây bằng đá, quy mô đồ sộ, chiều ngang rộng 6,7m, nằm ở phía Tây Bắc quần thể. Hai bên lối lên có khắc hình binh sĩ canh giữ và người đến triều cống. Tiếp đến là môn lâu của cả khu vực, đầu mối chuyển tiếp dòng người đến các bộ phận chính của Persepolis.

Cung điện chia làm 4 khu vực chính:

- Khu vực đại sảnh tiếp đón 100 cột của Darius I (phía Đông Bắc)
- Khu vực đại sảnh tiếp đón của Xerxes I (phía Tây Bắc)
- Khu vực các phòng châu báu (phía Đông Nam)
- Khu vực hậu cung (phía Tây Nam)

Các khu vực này được kết nối bằng một sảnh liên hệ hình vuông có 3 cửa, nằm ở vị trí trung tâm hình học của khu vực.

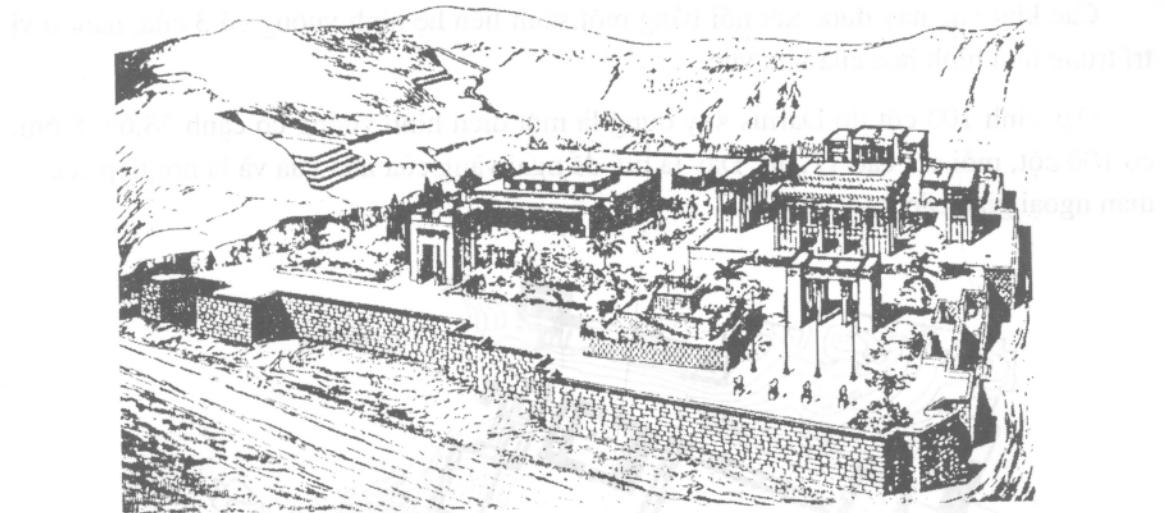
Đại sảnh 100 cột do Darius xây dựng là một điện hình vuông có cạnh  $68,6 \times 68,6$ m, có 100 cột, mỗi cột cao 11,3m. Đây là nơi để ngai vàng của nhà vua và là nơi tiếp các sứ thần ngoại giao các nước.



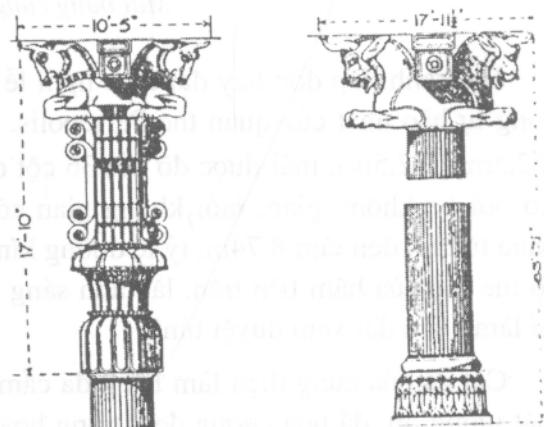
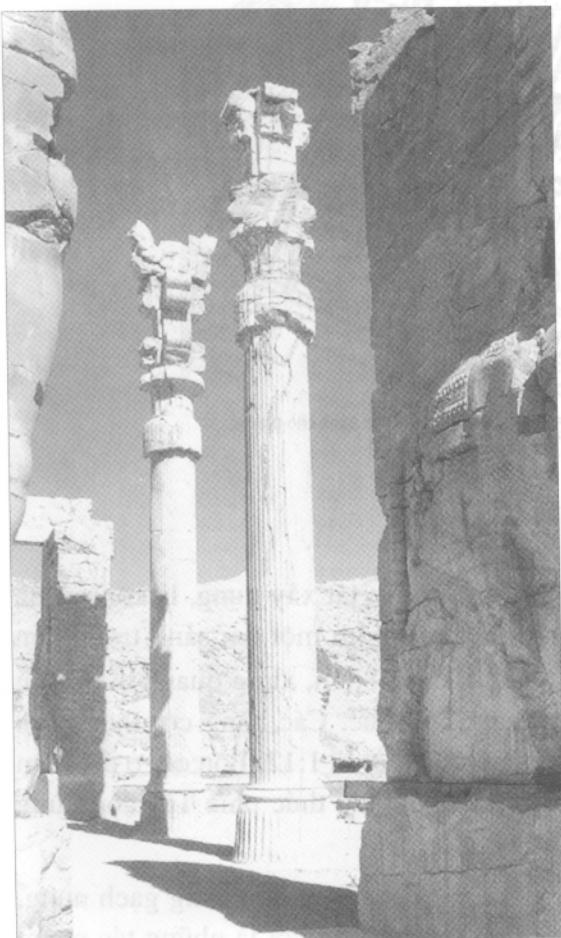
*Mặt bằng cung điện Persepolis*

Đại sảnh tiếp đón hay đại điện nghi lễ do Xerxes I hoàn tất xây dựng, là công trình đáng tự hào nhất của quần thể Persepolis. Công trình bao gồm một đại sảnh trung tâm ( $62,5m \times 62,5m$ ), mái được đỡ bởi 36 cột đá, mỗi cột cao 18,6m, xung quanh được phù trợ bởi ba không gian, mỗi không gian có hai hàng cột thúc. Các hàng cột thúc cách nhau từ tâm đến tâm 8,74m, tỷ lệ đường kính và chiều cao cột là 1:12. Bốn cột ở đại điện có thể mở cửa hầm bên trên, lấy ánh sáng chiếu vào. Hàng cột thúc phía Tây còn dùng để làm khán đài xem duyệt binh.

Cột đá của cung điện làm bằng đá cẩm thạch màu sẫm, tường làm bằng gạch nung, mặt tường ốp đá hoa cương đen, trắng hoặc ốp gạch lưu ly. Đầu cột là những tác phẩm điêu khắc tinh xảo, được tạc hình ảnh hai con bò thờ quỳ giáp lưng vào nhau. Chiều cao của các bộ phận đầu cột chiếm  $2/5$  tổng chiều cao cột



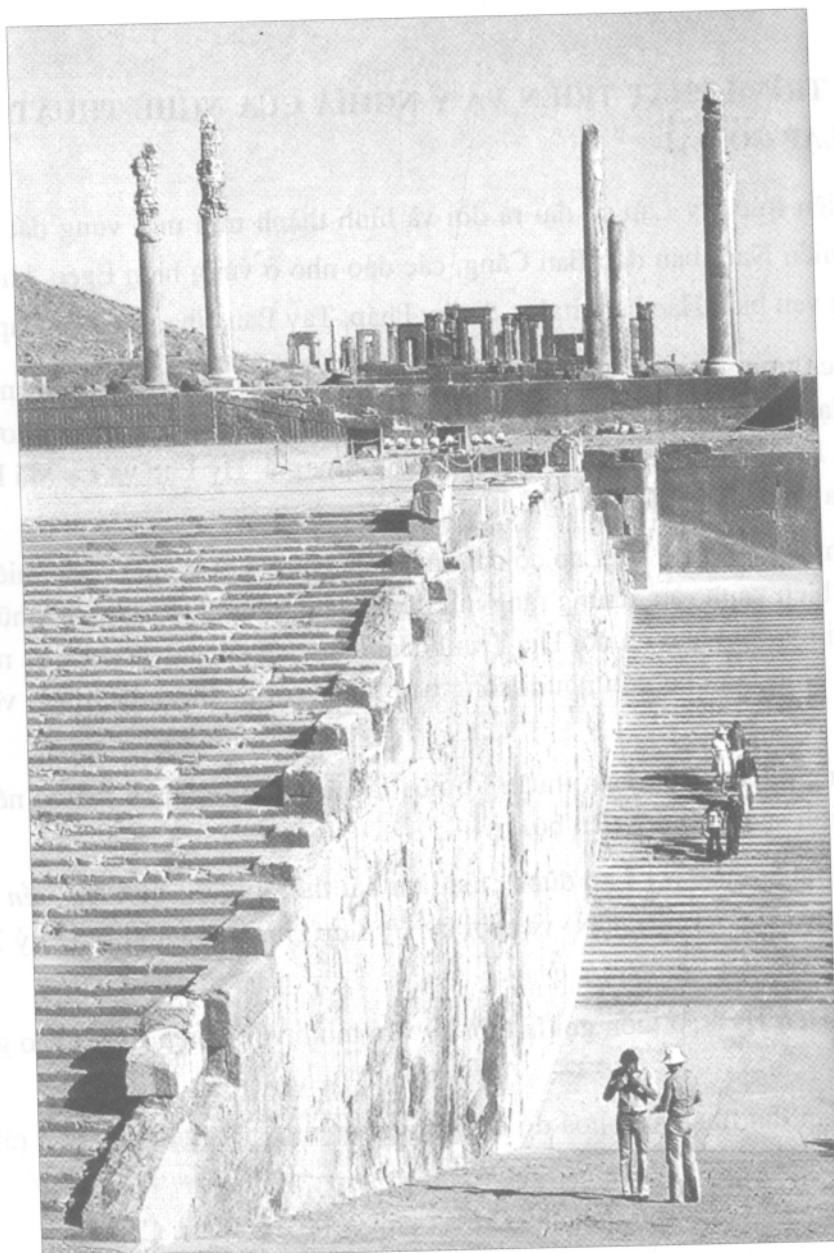
Phối cảnh tổng thể cung điện Persepolis



Cột đá trong cung điện Persepolis

Hệ thống kết cấu các cung điện ở Persepolis được xây dựng trên một tư duy logic, kết cấu phù hợp và làm sáng tỏ logic công năng và hình tượng.

Một đặc điểm khác của kiến trúc Persepolis cần nhấn mạnh là công trình không có sắc thái thần bí, không áp chế con người do xã hội Ba Tư lúc bấy giờ chưa hình thành tôn giáo rõ rệt.



Lối thang vào cung điện Persepolis

Đến năm 513 trước Công nguyên, quân đội của Xerxes đã đánh bại quân Hy Lạp tại trận Marathon. Sau đó, Xerxes đã bắt đầu xây dựng Persepolis như một trung tâm chính trị và kinh tế cho đế chế Achaemenid.

## Chương 4

### KIẾN TRÚC HY LẠP CỔ ĐẠI

#### 4.1. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ Ý NGHĨA CỦA NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC HY LẠP CỔ ĐẠI

Nền kiến trúc Hy Lạp cổ đại ra đời và hình thành trên một vùng đất đai rộng lớn, bao gồm miền Nam bán đảo Ban Cảng, các đảo nhỏ ở vùng biển Égée, khu vực Tiểu Á Tế Á, vùng ven biển Hắc Hải, Italia, Sicile, Pháp, Tây Ban Nha và cả Ai Cập.

Āngghen trong quyển "Chống Đuyrinh" đã đánh giá cao những giá trị mà Hy Lạp và La Mã để lại cho đời sau. Đặc biệt với Hy Lạp, trong triết học, lịch sử, thơ ca, văn học, nghệ thuật, kiến trúc... gia tài để lại là vô cùng quý giá. Hy Lạp và La Mã là quê hương đầu tiên của kiến trúc Châu Âu.

Nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp cổ đại này sinh trong một khung cảnh thiên nhiên đầy vẻ trữ tình: biển xanh rờn, những rặng núi đá lấp lánh như thuỷ tinh thể, những rừng cây um tùm tươi tốt. Khí hậu ôn đới Địa Trung Hải cũng hết sức ưu ái khu vực này, nhiệt độ mát mẻ, dễ chịu tạo cho con người sống hòa đồng với thiên nhiên, quen với sinh hoạt ngoài trời.

Một trong những điều kiện thuận lợi nữa là xã hội Hy Lạp cổ đại có nền chính trị, kinh tế ổn định và tương đối tiến bộ.

Lịch sử nghệ thuật Hy Lạp được chia làm hai thời kỳ lớn: thời kỳ *Tiền Hy Lạp* (từ 3000 năm đến 1200 năm tr. CN) và thời kỳ *Hy Lạp chính thống* (từ thế kỷ XII đến thế kỷ I tr. CN).

Thời kỳ Tiền Hy Lạp (còn gọi là thời kỳ văn minh vùng biển Égée) bao gồm ba giai đoạn là:

- Giai đoạn thứ nhất: văn hoá đồ đồng thiên niên kỷ III (gần như còn rất ít dấu vết để lại).

- Giai đoạn thứ hai: văn minh đảo Crète (năm 2000 - 1600 tr. CN).

- Giai đoạn thứ ba: văn minh Micènes (kéo dài trong nửa sau Thiên niên kỷ thứ II tr. CN).

Thời kỳ Hy Lạp chính thống, là thời kỳ sinh ra một trong những nền văn hoá rực rỡ nhất của nhân loại, được phân ra bốn thời kỳ nhỏ:

- Thời kỳ Hômer (thế kỷ XII đến thế kỷ IX tr. CN).
- Thời kỳ Viễn cổ (thế kỷ XIII đến thế kỷ VI tr. CN).
- Thời kỳ Cổ điển (thế kỷ V đến thế kỷ IV tr. CN).
- Thời kỳ Hy Lạp hoá (thế kỷ III đến thế kỷ I tr. CN).

Nhiều thành tựu kiến trúc Hy Lạp cổ đại tập trung nhất vào thời kỳ Cổ điển, đây là "Thời đại Vàng" của Hy Lạp cổ đại và được chia làm ba giai đoạn:

- *Giai đoạn cổ điển tiền kỳ* (nửa đầu thế kỷ thứ V tr. CN).
- *Giai đoạn cổ điển thịnh kỳ* (nửa sau thế kỷ thứ V tr. CN).
- *Giai đoạn cổ điển hậu kỳ* (nửa đầu thế kỷ thứ IV tr. CN).

Quá trình phát triển của kiến trúc Tiền Hy Lạp và Hy Lạp cổ đại theo bảng sau:

#### Phân kỳ kiến trúc - văn minh Égée

Thời gian	Thiên niên kỳ III	2000-1600 năm tr. CN	Nửa sau Thiên niên kỷ II
Thế kỷ	XXX-XX	XX-XVI	XV-XII
Các giai đoạn lịch sử	(1) Văn hoá đồ đồng	(2) Văn minh đảo Crète	(3) Văn minh Micènes

#### Phân kỳ kiến trúc Hy Lạp cổ đại chính thống

Thời gian	Thế kỷ XII-XI tr. CN	Thế kỷ X-IX tr. CN	Thế kỷ VIII-VII tr. CN	Thế kỷ VI-V tr. CN	Thế kỷ IV-III tr. CN	Thế kỷ II-I tr. CN
Thế kỷ	XII-XI	X-IX	VIII-VII	VI-V	IV-III	II-I
Các giai đoạn lịch sử	(1) Thời kỳ Hômer		(2) Thời kỳ Viễn cổ (3) Thời kỳ Cổ điển		(4) Thời kỳ Hy Lạp hoá (Macedonie)	

Nội dung của kiến trúc Hy Lạp cổ đại rất phong phú và có thể tiếp cận bằng nhiều cách: có thể nghiên cứu theo thời gian; theo cách diễn tiến, theo loại hình cũng như theo hình thức; bố cục; tư tưởng của tác phẩm kiến trúc.

#### 4.2. KIẾN TRÚC ĐẢO CRÈTE VÀ KIẾN TRÚC MICÈNNES

Vùng biển Égée cổ đại có biển Égée là trung tâm, với các đảo trên khu vực biển công thêm với bán đảo Hy Lạp và vùng bờ biển Tiểu Á Tế Á. Khu vực này bao gồm các địa danh sau đây:

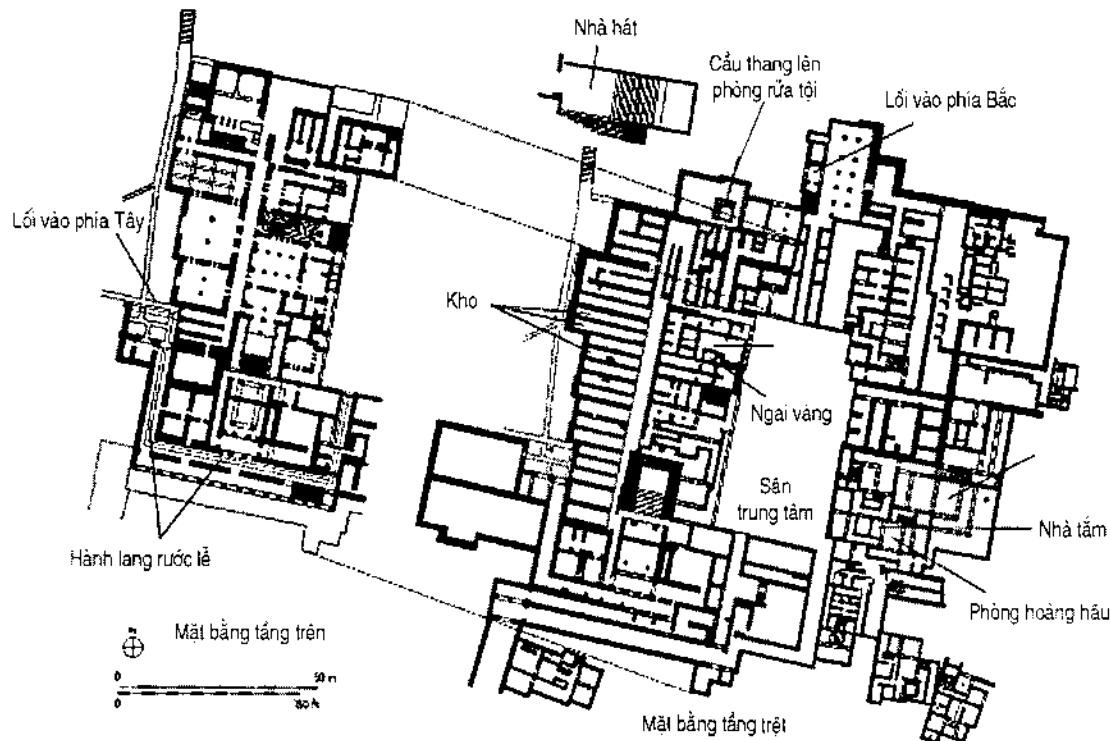
- 1) Núi Olymp (Hy Lạp);
- 2) Sparta (Hy Lạp);
- 3) Micènes (Hy Lạp);
- 4) Tiryns (Hy Lạp);
- 5) Corinth (Hy Lạp);
- 6) Epidaure (Hy Lạp);
- 7) Athènes (Hy Lạp);
- 8) Knossos (đảo Crète, Hy Lạp);
- 9) Byzantine (Thổ Nhĩ Kỳ);
- 10) Priene (Thổ Nhĩ Kỳ);
- 11) Milet (Thổ Nhĩ Kỳ);

Nền văn hoá đảo Crète (phát triển trong khoảng những năm 2000-1600 tr. CN) này nở tại các điểm dân cư đô thị Knossos, Phest, Triada trên đảo và lan truyền ra hàng chục đảo nhỏ khác và phát triển cả ở thành Troie (Tiểu Á Tế Á).

Đảo Crète cùng với thành Micènes trên đất liền đã phát triển nền kiến trúc rực rỡ của mình với các loại hình đa dạng như thành phố, cung điện, nhà ở, lăng mộ và thành quách.

### Kiến trúc đảo Crète

Ở thời kỳ này, việc xây dựng kiến trúc cung điện phát triển rất mạnh, nổi bật nhất là cung điện của nhà vua Minos ở Knossos là biểu tượng của văn hoá đảo Crète.



*Mặt bằng tổng thể Cung điện ở Knossos, đảo Crète*

Cung điện của nhà vua Minos được xây dựng năm 1600-1500 tr. CN. Người đảm nhiệm việc chủ trì xây dựng cung điện này theo truyền thuyết là kiến trúc sư Dédale (Dédale là người phát minh ra đôi cánh), ông đã lợi dụng vách núi đá cheo leo để xây dựng cung điện với một quy mô rất lớn. Do có hai lối vào rất khó nhận biết kết hợp với hệ thống phòng ốc, đường giao thông rất phức tạp nên cung điện này còn có tên gọi là Mê cung (Labyrinth).

Giữa cung điện có một cái sân trong lớn hình chữ nhật, cạnh Đông - Tây dài 27,4 mét, cạnh Bắc - Nam dài 51,8 mét, xung quanh sân bố trí dày đặc các phòng ở. Khu vực nhà vua ở nằm ở phía Nam sân trong lớn này, bao gồm chính điện, phòng ở của hoàng hậu, phòng ngủ, phòng tắm, nhà kho, các phòng trên được bố trí đan xen với một số giếng trời có kích thước to nhỏ khác nhau.

Phía Tây cung điện là khu vực nghỉ lê, tiếp theo là khu nhà kho có mặt bằng mảnh và dài, phía Bắc có nhà hát ngoài trời. Cung điện đặt trên địa thế bám theo núi đá nên cầu thang, lối đi rắc rối, phức tạp, tuy vậy một số sảnh đường dùng các cột liên hệ với ngoài trời vừa đón được hướng gió mát mẽ của đảo Crète vừa kết hợp với sân trong tạo nên thủ pháp kiến trúc rất hay. Cột hình thức tròn, trên to dưới bé nhưng do dùng tỷ lệ đường kính trên chiều cao là 1:5; 1:6 nên cân đối, mạnh mẽ. Các bức tranh tường dùng phong cách tả thực, màu sắc phong phú, tạo nên những bức tranh rất đẹp. Chân các bức tường xung quanh cung điện xây bằng đá hộc, tạo cho công trình vững chắc, khoẻ mạnh.

Cổng chính của cung điện có hình dáng giống chữ H, phía trước đặt hai cây cột. Kiểu cổng này rất thông dụng đối với kiến trúc Egée, về sau còn được Hy Lạp sử dụng nhiều trong các công trình kiến trúc công cộng.

Tương truyền, cung điện nhà vua Minos gắn liền với con "Nhân ngưu", câu chuyện con Nhân ngưu Ménotaire cũng xuất hiện từ cung điện này.

Điều đáng chú ý là cung điện Knossos tuy bí hiểm nhưng không có tường thành bảo vệ, điều đó chứng minh rằng sau những cuộc chiến tranh, đảo Crète đã có một thời gian khá dài ở vào thời kỳ thanh bình.

Ngoài cung điện Krossos, trên đảo Crète còn có cung điện Phaertus, diện tích mỗi cung điện này đều rộng khoảng 1,5 ha; nền văn hoá đảo Crète còn để lại nhiều dấu vết kiến trúc mang tính chất thế tục khác như nhà ở, biệt thự, nhà tắm công cộng.

### Kiến trúc Micènes

Cùng với nền kiến trúc của đảo Crète, nền kiến trúc Micènes được đánh giá là dấu ấn nổi bật trên đất liền. Dấu vết những công trình kiến trúc giai đoạn này được nhìn thấy qua khảo sát việc xây dựng thành quách, lâu đài và lăng mộ còn lưu lại.

Đặc trưng kiến trúc thành quách của Micènes phải kể đến tòa thành Micènes (thành Tyrins - thế kỷ XIV tr. CN), nó được xây dựng bằng những khối đá lớn khổng lồ (có

khối đá nặng tới 5-6 tấn), đó là một loại *vệ thành* (dùng để chỉ các điểm dân cư đô thị có tường thành bảo vệ kiến cổ, thường đặt trên các khu vực đồi núi cao, loại hình vệ thành đến giai đoạn kiến trúc Hy Lạp chính thống rất phát triển). Trong thành có cung điện, nhà ở quý tộc, kho tàng và lăng mộ.

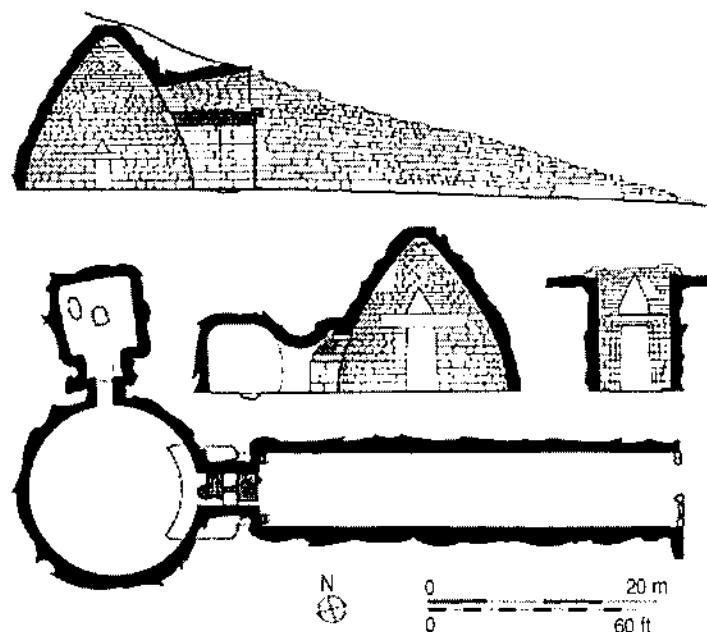
Các công trình kiến trúc đáng chú ý nhất ở Micènes là cổng thành Sư Tử (Lion Gate), khu lăng mộ của Atreus.

Cổng Sư Tử được xếp bằng những khối đá lớn chồng lên nhau, chủ yếu là hai khối đá dựng đứng tạo một khoảng rộng 3,2 mét thông thuỷ, bên trên gác một khối đá dài 4,9 mét, dày 2,4 mét và cao khoảng 1,06 mét. Trên đầm đá đặt một khối đá hình tam giác gần đều khắc hai con sư tử đang ở tư thế chồm lên quay mặt vào nhau. Giữa hai con sư tử có một cột đá thẳng đứng, cột này tượng trưng cho toà thành cần được Sư Tử bảo vệ. Loại cổng thành này ở Micènes có tương đối nhiều.

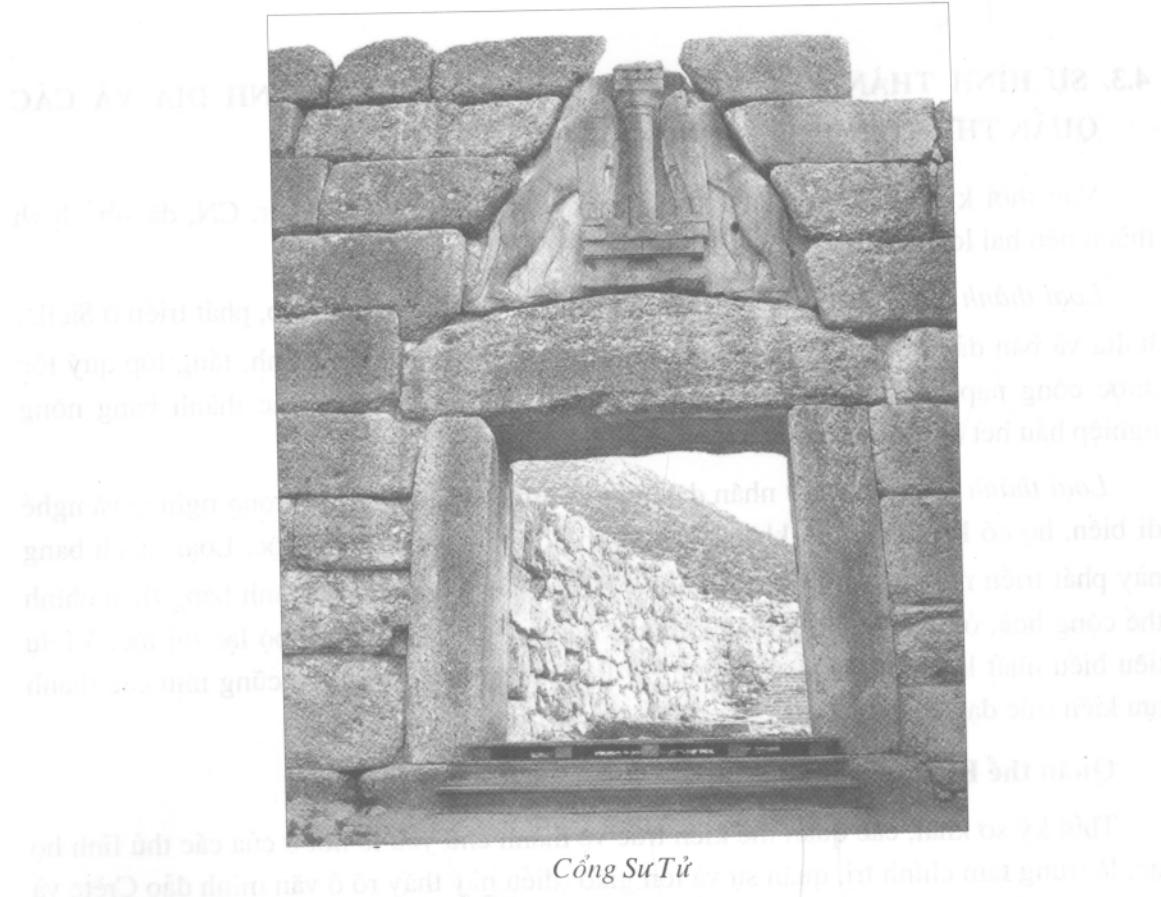
Lăng mộ (cũng là Kho báu) của Atreus được xây dựng vào khoảng năm 1325 tr. CN. Phòng mộ có dạng hình tròn, đường kính 14,5 mét, cao 13,4 mét, xây theo kiểu cuốn vòm. Để vào được Lăng mộ phải đi qua một hành lang dài khoảng 35 mét.

Nền văn minh Micènes chỉ được hình dung ra một cách trọn vẹn sau khi nhà khảo cổ học người Đức Heinrich Schlieman tiến hành khai quật bắt đầu từ năm 1874 đến năm 1880.

Người Crète và người Micènes đều xây dựng các công trình kiến trúc bằng gỗ, gạch không nung, đá không qua đẽo gọt, tuy vậy kỹ thuật xây đá hết sức hoàn hảo. So với đảo Crète, kiến trúc Micènes có phần đơn giản, thô mộc hơn.



Mặt bằng kho báu của Atreus



Cổng Sư Tử



Khu trung tâm lăng mộ của Atreus

### **4.3. SỰ HÌNH THÀNH CÁC QUẦN THỂ KIẾN TRÚC THÁNH ĐỊA VÀ CÁC QUẦN THỂ KIẾN TRÚC CỘNG CỘNG HY LẠP CỔ ĐẠI**

Vào thời kỳ chế độ nô lệ sơ khai, thế kỷ VIII đến thế kỷ VI tr. CN, đã sớm hình thành nên hai loại nhà nước thành bang.

*Loại thành bang thứ nhất:* lấy sản xuất nông nghiệp làm chủ đạo, phát triển ở Sicile, Italia và bán đảo Péloponnèse. Ở đây chế độ bộ lạc thị tộc còn mạnh, tầng lớp quý tộc được cống nạp và hưởng đặc quyền đặc lợi. Nền văn hóa của các thành bang nông nghiệp hầu hết lạc hậu và có nền kinh tế trì trệ.

*Loại thành bang thứ hai:* nhân dân có nghề thủ công nghiệp, thương nghiệp và nghề đi biển, họ có khả năng đối kháng nhất định đối với tầng lớp quý tộc. Loại thành bang này phát triển mạnh ở vùng biển Égée, ở Tiểu Á Tế Á, là những thành bang theo chính thể cộng hoà, ở đây chế độ bộ lạc khu vực đã thay thế cho chế độ bộ lạc thị tộc. Ví dụ tiêu biểu nhất là thành Athènes thuộc Hy Lạp, có trình độ văn hóa cũng như các thành tựu kiến trúc đạt tới đỉnh cao.

#### **Quần thể Kiến trúc thánh địa**

Thời kỳ sơ khai, các quần thể kiến trúc vệ thành chủ yếu là nơi ở của các thủ lĩnh bộ lạc, là trung tâm chính trị, quân sự và tôn giáo (điều này thấy rõ ở vân minh đảo Crète và vân minh Micènes).

Đến thời đại Hy Lạp cổ đại chính thống, giai cấp chủ nô, quý tộc rút ra khỏi các khu vực vệ thành thường xây dựng trên những khu đồi cao, sau đó các quần thể kiến trúc thánh địa được hình thành trên các vệ thành cũng như một số khu vực quan trọng của các khu dân cư. Các khu thánh địa này, người dân thờ thần bảo hộ và thần tự nhiên, không giống như các khu vệ thành cũ của giai cấp thống trị chủ yếu là thờ tổ tiên.

Tại các quần thể kiến trúc thánh địa và dân dụng, người dân định kỳ cử hành các lễ hội, thi đấu thể thao, bình luận văn chương, ngâm thơ, diễn thuyết và diễn kịch, có những nơi còn có chức năng trao đổi mua bán. Như vậy, xung quanh những quần thể kiến trúc này người ta xây dựng lên các bãi thi đấu, quán rượu, hội trường, các hành lang thức cột và các loại đèn dài...

Người Hy Lạp cổ đại đua nhau xây dựng các quần thể thánh địa cho mình càng to, càng đẹp hơn các địa phương khác còn để tỏ lòng hiếu khách, đón được nhiều khách hành hương.

Tiêu biểu của kiến trúc thánh địa là quần thể thánh địa Apolo, nằm trên sườn đồi của ngọn núi Parnassus, đó là Delphi quê hương truyền thuyết của nữ thần Muses.

Đối với những người Hy Lạp cổ đại, đây là cái rốn của vũ trụ. Quần thể thánh địa Apolo được xây dựng vào năm 370 tr. CN và phải mất 30 sau đó mới hoàn thành.

Quanh khu vực thánh địa Apolo là địa điểm của các thánh địa khác nhau và là sự hiện hữu của các sân vận động, sân điền kinh, trung tâm thi đấu các môn thể thao.

Quần thể thánh địa Apolo cũng nhấn mạnh vai trò chủ chốt của đền thờ, nhưng các công trình công cộng ở xung quanh và đường đi lối lại được quy hoạch rất tự nhiên, không gò bó mà tùy thuộc vào địa hình, tạo thành một toàn cảnh kiến trúc phong phú, biến hoá, tầng tầng lớp lớp.

Để kỷ niệm việc thần Apolo giết chết Python (con rắn khổng lồ, theo truyền thuyết là con gái của nữ thần đất Gaia), cứ 4 năm lại tổ chức thi điền kinh Phyto một lần tại đền thờ Apolo



Quần thể thánh địa



Thánh địa Apolo

#### Quần thể Kiến trúc công cộng

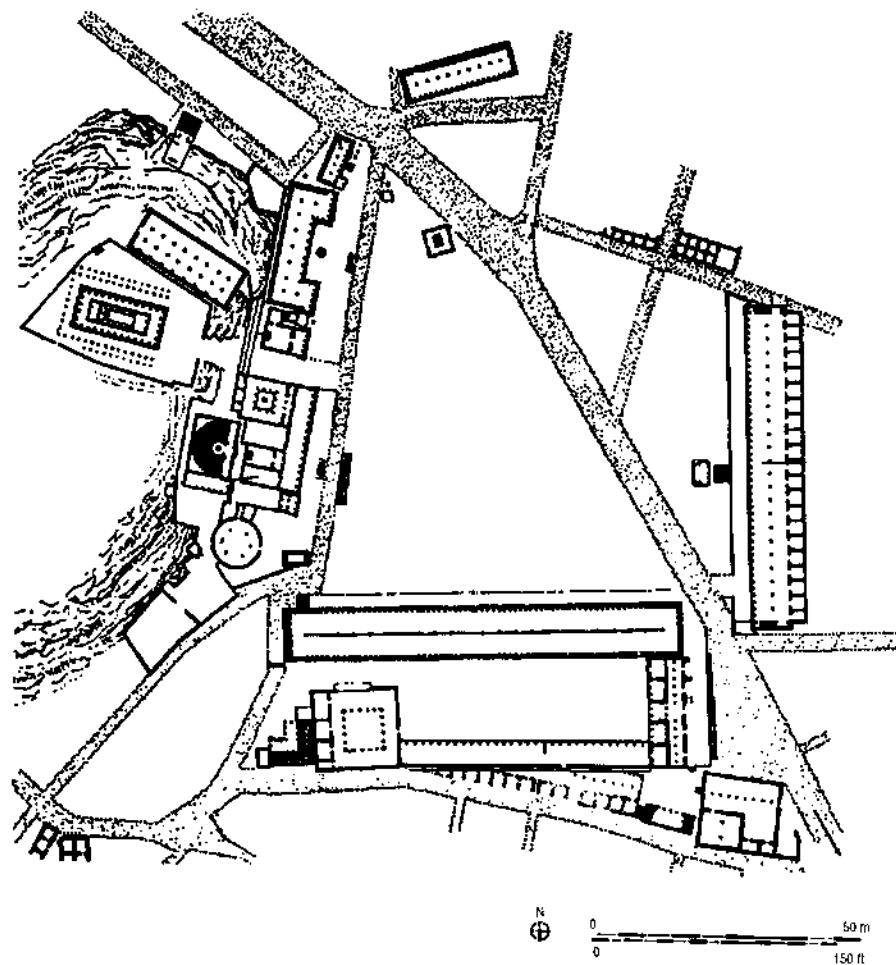
Hai loại quần thể kiến trúc công cộng phổ biến trong đô thị Hy Lạp cổ đại lúc bấy giờ là Agora (quảng trường công cộng, mang nhiều tính chất dân dụng) và Acropole (quần thể kiến trúc với nhiều đền dài, thường xây dựng trên những khu đồi cao).

Agora là trung tâm chính trị, hành chính thương mại của thành phố, bao gồm các quảng trường chợ, các cửa hàng và các nơi sinh hoạt văn hoá công cộng như sảnh hội họp (Eclessiasteron), sảnh hội đồng (Buleuterion) và phòng hội đồng (Pritaneum).

Các agora quan trọng (có niên đại từ thế kỷ V tr. CN) có thể kể ra là agora ở Milet, ở Megalopone, ở Knid và các agora (thuộc Hy Lạp hậu kỳ) như ở Pergam, ở Assos. Diện tích các agora thường chiếm khoảng 5% diện tích đất thành phố.

Những agora thời kỳ đầu có hình dáng bất quy tắc bối cảnh tự do, từ cuối thế kỷ IV tr. CN trở đi bắt đầu có hình dáng hình học, được vây quanh bởi các hàng cột thúc hai tầng, ở đây bày những sạp hàng buôn bán và phục vụ dịch vụ công cộng. Ở giữa mỗi agora có đặt bàn thờ và tượng thần.

Agora ở Assos (xây dựng vào thế kỷ thứ III tr. CN, nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ) là một ví dụ tiêu biểu cho một nền văn hoá dựa trên sự phát triển của kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp phát đạt, nó có dạng hình thang, hai cạnh dài có hành lang thoáng, ở một cạnh ngắn có đền thờ thần.



Mặt bằng quần thể kiến trúc công cộng Agora ở Athènes

Đối với các acropole, nguồn gốc chính của nó là những vách thành đã nổi ở trên, khi chúng tiếp tục phát triển vẫn dựa trên những thế đồi núi cao và bố trí thêm nhiều đền dài đặt theo hướng Đông - Tây. Các đền dài này gắn bó với khung cảnh thiên nhiên, tạo nên các điểm nhìn đẹp cho đô thị.

Các acropole và khu vực thấp xung quanh có lối đi lại phù hợp với tiến trình diễu hành lễ hội. Vào thời kỳ cổ điển thịnh vượng, các acropole được xây dựng thêm các nhà hát ngoài trời có thềm dốc bậc ở các khu vực chân núi.

Những acropol nổi tiếng nhất là Acropole ở Athènes (thời kỳ cổ điển) và acropole ở Pergam (thời kỳ Hy Lạp hoá). Các acropole này có bố cục tự do, tìm đến sự thích hợp giữa các công trình kiến trúc của quần thể với thiên nhiên và địa hình. Các acropole Hy Lạp cổ đại là kết quả lao động của tầng lớp bình dân Hy Lạp cổ đại và cũng là sự phản ánh trung thực niềm vui cuộc sống, sự say mê lễ hội. Người Hy Lạp cổ đại đua nhau xây dựng các quần thể thánh địa cho mình càng to, càng đẹp hơn các địa phương khác còn để tỏ lòng hiếu khách, đón được nhiều khách hành hương.

Bố cục theo kiểu tự do của các acropole có tiền thân là quần thể vừa mang tính chất thánh địa vừa mang tính chất dân dụng như Apollo ở Delphi. Quần thể này cũng nhấn mạnh vai trò chủ chốt của đền thờ, nhưng các công trình công cộng ở xung quanh và đường đi lối lại được quy hoạch rất tự nhiên, không gò bó mà phụ thuộc vào địa hình, tạo thành một toàn cảnh kiến trúc phong phú, biến hoá, tầng tầng lớp lớp.

Trong khi đó, đối với các thành bang chuyên chế và sản xuất nông nghiệp, các vách thành vẫn mang tính chất cũ là căn cứ địa của tầng lớp quý tộc, như ở Italia và Sicile. Đây vẫn là nơi thâm nghiêm cung cốc, không có một mối liên hệ nào giữa kiến trúc với nhân dân. Quần thể nồng nàn, kiến trúc xếp hàng cứng nhắc, không quan tâm đến đặc điểm của địa hình và thiên nhiên. Hai acropole tiêu biểu nhất của các thành bang loại này là ở Selinut và Paestum. Về thời gian, acropole ở Paestum ra đời sớm hơn Acropole ở Athènes cho nên ta thấy sự diễn tiến của quá trình bình dân hóa của kiến trúc là phù hợp với tiến trình lịch sử.

#### **4.4. SỰ DIỄN TIẾN CỦA THÚC CỘT VÀ BA LOẠI THÚC CỘT DORIC, IONIC, CORINTH**

Sự đổi mới quan trọng nhất của đền dài Hy Lạp cổ đại được ghi nhận vào thời điểm thế kỷ VI tr. CN, khi vật liệu gỗ được thay bằng vật liệu đá. Trước khi đền thờ Hy Lạp cổ đại được định hình bằng đá, trong một thời gian dài nó đã dùng kết cấu gỗ, cho nên dễ bị mục, mọt và dễ cháy. Những viên ngói bằng đất sét nung, có niêm đai sử dụng và phát triển vào thế kỷ VII tr. CN, đã góp phần bảo vệ kết cấu gỗ bên dưới và làm cho mái đền thoải hơn.

Nguyên mẫu của kết cấu gỗ và mái làm bằng ngói gốm có bộ phận quan trọng nhất là bộ phận diềm mái (phần kết cấu mái giữa hàng cột chạy bên ngoài và phần tường chính của đền thờ). Ta có thể hình dung bộ phận diềm mái đó có các thành phần và cách cấu tạo như sau:

- Hàng cột chạy bên ngoài và bức tường gạch chạy bên trong.
- Trên hai cột ở vành ngoài được đặt lên dầm dọc
- Một hệ thống dầm ngang đặt lên tường và lên dầm dọc (thẳng góc với tường và với dầm dọc).
- Tường tiếp tục xây lên một độ cao nhất định để lợp mái nghiêng.

Kiến trúc đá sau này, về cơ bản tiếp tục sử dụng những hình thức đã ổn định của bộ phận diềm mái làm bằng gỗ - gạch - ngói gốm đã được làm qua nhiều đời như vậy. Dưới diềm mái và ở bộ phận sơn tường ngay sau này vẫn dùng những tấm ốp và hình thức trang trí bằng gốm nung với nhiều loại hoa văn tráng lệ. Việc chuyển các bộ phận kiến trúc làm bằng gỗ sang làm bằng đá là một bước tiến đáng kể của nghệ thuật tạo dựng không gian kiến trúc lúc bấy giờ của Hy Lạp nói riêng và của nhân loại nói chung.

Cột đá được dùng vào kiến trúc đền đài trước tiên, ban đầu người ta đục cả khối đá dài làm cột, sau đó để tiện cho thi công và vận chuyển, cột được chia thành từng khúc tròn, giữa tiết diện có khắc để khi lắp dựng dùng nêm nêm chặt lại với nhau.

Theo thời gian, hầu hết các bộ phận khác của đền đài Hy Lạp đều được xây bằng đá. Ngay cả các bộ phận đá cần làm phù điêu vẫn có thể có cách làm màu sắc tươi tắn, rực rỡ. Để được như vậy người ta thực hiện những bước sau: trên mặt đá quét một lớp bột đá cẩm thạch, sau đó quét lên tiếp một lớp sáp nóng có pha màu sắc.

Đá được khẳng định là vật liệu xây dựng chính của đền đài Hy Lạp cổ đại, song cùng với kiểu dáng đền có hành lang cột bao quanh, cùng với sự phát triển của kết cấu cột, dầm, diềm mái... đã tạo nên bộ mặt truyền thống của kiến trúc đền đài. Đến thế kỷ VI tr. CN, kiểu cách xây dựng đã tương đối ổn định, kiểu cách này dựa trên một hệ thống cấu trúc gọi là thức cột: Order (tiếng Anh), Ordre (tiếng Pháp), Ordo (tiếng La tinh).

Thức cột là hệ thống tỷ lệ và hình thức trang trí cột, một trong những tìm tòi trí thức nhất của người Hy Lạp cổ đại nhằm đạt đến cái đẹp lý tưởng (hệ thống thức cột Hy Lạp sau này được người La Mã tiếp tục sử dụng và phát triển và còn được thế giới sử dụng cho đến tận thế kỷ XIX).

Những hàng cột thức Hy Lạp - với ba loại thức cột Doric, Ionic, Corinth - đã khẳng định phong cách kiến trúc Hy Lạp cổ đại. Thức cột mang đến cho kiến trúc một hình thức mới, một sức sống mới chịu đựng được sự thử thách của thời gian.

Ba loại thức cột trên đây có xuất sứ địa phương khác nhau, có hình thức đầu cột khác nhau, có tỷ lệ chiều cao khác nhau, có khoảng cách đặt cột khác nhau, đó là những đặc điểm để làm căn cứ phân biệt chúng với nhau.

Thức cột Doric ra đời sớm nhất, từ thế kỷ VII tr. CN. Thức cột Doric do người Doria sáng tạo ra, sau đó phát triển mạnh ở Peloponnese, Nam Italia và Sicile, những thành bang này lúc đó làm nông nghiệp, triều cống quả thực cho quý tộc... và người thợ ở đây trong cảm hứng tự do sáng tạo có bị hạn chế hơn những khu vực khác của Hy Lạp cổ đại. Vì vậy, thức cột Doric toát lên vẻ mạnh chắc, nghiêm túc và suy tư.

Thức cột Doric có cột đặt thẳng lên *bệ nhà* (stylobate) của đền, lần lượt từ chân cột lên đến mái có các thành phần sau đây:

- *Thân cột* (Fut) với 20 gờ đứng (Cannelure) làm cho cột nhẵn mạn được hướng thẳng đứng.
- *Đầu cột* (Sappitro) gồm một tấm vuông (Abaque) phía trên và một mũ đỡ (échine) cong lượn vào phía dưới.

Trên các đầu cột có *dầm ngang* (Architrave) chạy phía trên; những dầm này dùng để liên kết các đầu cột làm cho nhà trở thành một khung cứng, đồng thời dùng để đỡ một băng ngang (Frise) bên trên rất giàu trang trí, được cấu tạo xen kẽ bởi những hình chữ nhật hơi nhô ra (triglyphes) có khắc vẽ lại những rãnh cột và những mảnh vuông lùi vào (Metope), những diện của metope này hoặc được trang trí phù điêu hết sức công phu hoặc để trơn đơn giản.

Tiếp đến bên trên là một diềm ngang đưa ra khỏi mặt đứng (Corniche) và phần diềm mái trên cùng hình tam giác đều (Fronton) với những hình điêu khắc lớn nổi tiếng miêu tả những chủ đề lịch sử.

Ngoài ngôi đền Doric ra đời sớm ở Paestum có cấu trúc nặng nề đã nói ở trên, những giai đoạn sau còn nhiều ngôi đền Doric nổi tiếng khác như đền Hephestyon ở Athènes, đền Apollo Epikourios ở Arkadie, đền Apollo ở Delphi, đền Apollo ở Corinth, đền Heraion ở Olympia, đền Tholos (mặt băng hình tròn) ở Epidaure, đền Parthénon ở Athènes. Ngoài ra còn có những ngôi đền Doric khác không kém phần nổi tiếng nhưng nay đã không còn masonry vết như đền thờ thần Zeus ở Olympia (do Libon thiết kế, có niên đại xây dựng khoảng năm 460 tr. CN).

Những ngôi đền Doric ở khu vực Sicile trông đậm chất, do ảnh hưởng của kiến trúc Ai Cập cổ đại và cũng do sự thích thú, thị hiếu thẩm mỹ riêng của tầng lớp quý tộc. Ví dụ như một ngôi đền ở Syracuse (nửa đầu thế kỷ VI tr. CN), diềm ngang của mái cao bằng 22% chiều cao cột, tỷ lệ đường kính cột trên chiều cao cột bằng 1 : 3,92 đến 1 : 3,96; khoảng cách thông thủy giữa các cột chỉ bằng 0,707 đường kính đáy cột. Ngôi đền Ségeste ở Sicile (thế kỷ V tr. CN) đỡ nặng nề hơn, nhưng chưa được xây dựng xong phần mái và các cột thậm chí còn không có rãnh khía.

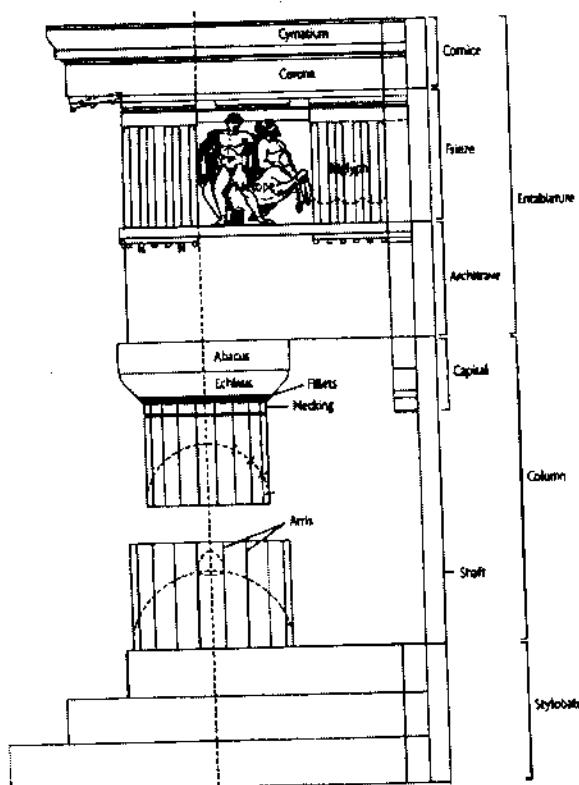
Những ngôi đền Doric có phong cách nhẹ nhàng hơn và có sự hài hòa hơn có thể thấy ở Péloponnèse, nơi tầng lớp bình dân đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội.

Nhìn chung, từ nửa sau thế kỷ VI tr. CN, khi cần vẻ đẹp nam tính cho đền đài, người Hy Lạp lại dùng thức Doric. Lúc bấy giờ tỷ lệ đường kính cột trên chiều cao cột là 1 : 5 đến 1 : 6.

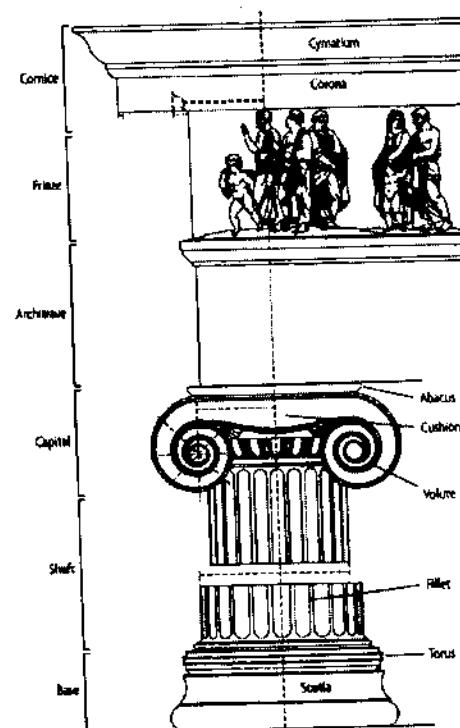
Loại thức cột quan trọng thứ hai là thức Ionic, mảnh dẻ và giàu tính trang trí hơn, nó mang dáng dấp thanh thoát và kiêu hãnh của nữ tính. Quê hương của thức Ioni là Ionia, thuộc địa của Hy Lạp, loại cột này về sau cũng rất phát triển ở Égéc. Ảnh hưởng của Trung Cận Đông làm cho người Hy Lạp di cư và người Hy Lạp chính gốc cảm thấy thức cột phải có đầu cột và phải có bệ cột.

Nếu ở vùng Ephes, Samos, vùng Đông Hy Lạp có những ngôi đền Ionic rất lớn thì vào thế kỷ V tr. CN, ở Athènes thức cột Ionic đã được dùng như một đối cực với thức cột Doric, và hình thức thức cột Ionic ở đây rất thích hợp với các đền đài quy mô nhỏ và vừa.

Trong khi cột Doric chỉ có 20 gờ sống đứng, cột Ionic có tới 24 gờ sống đứng, tỷ lệ đường kính cột trên chiều cao cột là 1 : 9.



Thức cột Doric



Thức cột Ionic

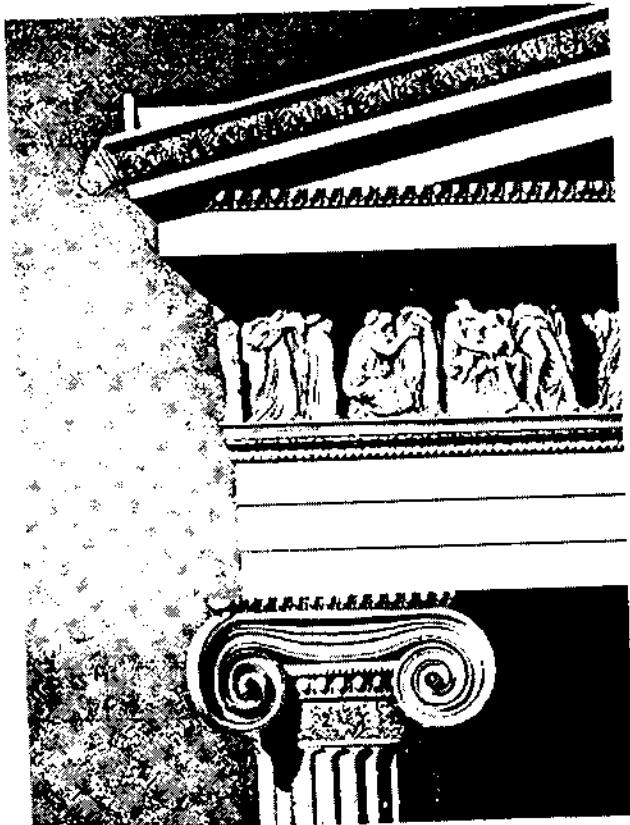
Thức cột Ionic có thêm *đế cột* (ba se) ở phía dưới và đầu cột có *hình đệm* nhỏ (coussinet) phía trên có những *hình xoắn ốc* *löe ra* rồi *cuộn vào* trong rất lịch lâm.

Các dầm ngang (architrave) của cột Ionic được pha mảnh ra làm ba dài bởi những phân vị nhẹ theo chiều ngang. Còn *băng ngang trang trí* (frise) là một tấm phù điêu liên tục mà không bị cắt đoạn thành các metope và các triglyphe như trong cột Doric.

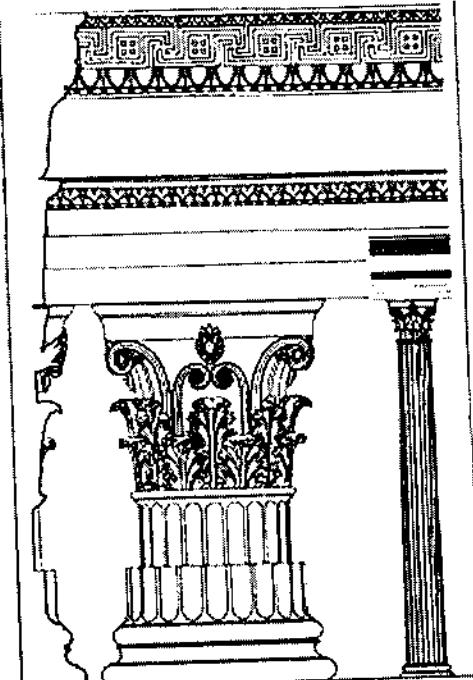
Trước khi đến phần trên cùng là diềm mái hình tam giác (fvonton), ở thức Ionic còn có một thanh mỏng hơi đưa ra khỏi mặt đứng có trang trí khắc ren (còn gọi là denlicules).

Chúng ta thấy các ngôi đền Ionic quy mô lớn đều được xây dựng ở Ephes và ở Samos, Tiểu Á Tế Á (mặt bằng có kích thước lớn, chiều dài đền trên 100 mét, nhiều cao cột cao tới 18 mét), còn các ngôi đền Ionic tiêu biểu khác có thể kể ra là:

- Đền thờ trên đồi Ilissus, Athènes (năm 450 tr. CN).
- Đền thờ Apollo Epicure ở Bassae (năm 426 tr. CN).
- Đền Erecteyon ở Athènes.
- Đền Athena Polias ở Prienc (năm 335 tr. CN).



Đầu thức cột Ionic



Thức cột Corinth

Đền Artemis ở Ephes là một ngôi đền huyền thoại, ngôi đền được xây dựng vào khoảng năm 560 - 430 tr. CN, nay chỉ còn lại một ít dấu vết khảo cổ vì đền bị cháy vào năm 356 tr. CN, đúng vào đêm Alexandre Đại đế ra đời. Ngôi đền này được xem là một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại, sau khi cháy được Alexandre Đại đế chỉ tiến xây dựng lại.

Thức cột Corinth ra đời muộn hơn hai loại thức cột trên, vào nửa sau thế kỷ V tr. CN, có đặc điểm đường nét mảnh mai, giàu trang trí, đầu cột rất hoa lệ, đó là một hình thức giống như một lông hoa kết hợp bằng mấy tầng lá phiên thảo diệp (acanthe).

Thức cột Corinth do kiến trúc sư Callimachus sáng tạo ra, loại thức cột này có hiệu quả trang trí nhiều hơn là hiệu quả cấu trúc; tuy vậy, trong khi cột Ionic chỉ được nhìn thấy từ phía trước, cột Corinth lại có thể được thụ cảm trong không gian, đối xứng nhiều chiều, đặc biệt là đối với các cột biên.

Ví dụ sớm nhất của kiến trúc cột Corinth là đền Apollo ở Bassae (thế kỷ V tr. CN), nay dấu vết còn lại chỉ là một cây cột, còn ví dụ tiêu biểu nhất về đền thờ có thức Corinth là đền Olympéion ở Athènes, thờ thần Zeus (thế kỷ II tr. CN), có quy mô lớn 104 cột (nay chỉ còn lại 15 cột).

Đền đài Hy Lạp làm theo thức cột Corinth không nhiều lám, nhưng về sau được người La Mã cổ đại tiếp tục hoàn thiện và sử dụng rất nhiều, vì hợp với khẩu vị hoàng gia của tầng lớp thống trị.

Về mặt mỹ học, các loại thức cột đã được sáng tác và hoàn thiện theo nguyên tắc tôn trọng "cái đẹp của con người" và "sự hài hòa của toán học".

Thế giới quan cá nhân chủ nghĩa của tầng lớp bình dân đã ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của thức cột; quan điểm thẩm mỹ của thế giới quan này là: "thân thể của con người là đẹp nhất trong mọi sự vật". Phidias nhà điêu khắc vĩ đại nhất thời Hy Lạp cổ đại đã nói: "không có cái gì hoàn thiện hơn hình thể của con người, cho nên chúng ta đem hình thể của con người gửi gắm cho thần linh của chúng ta".

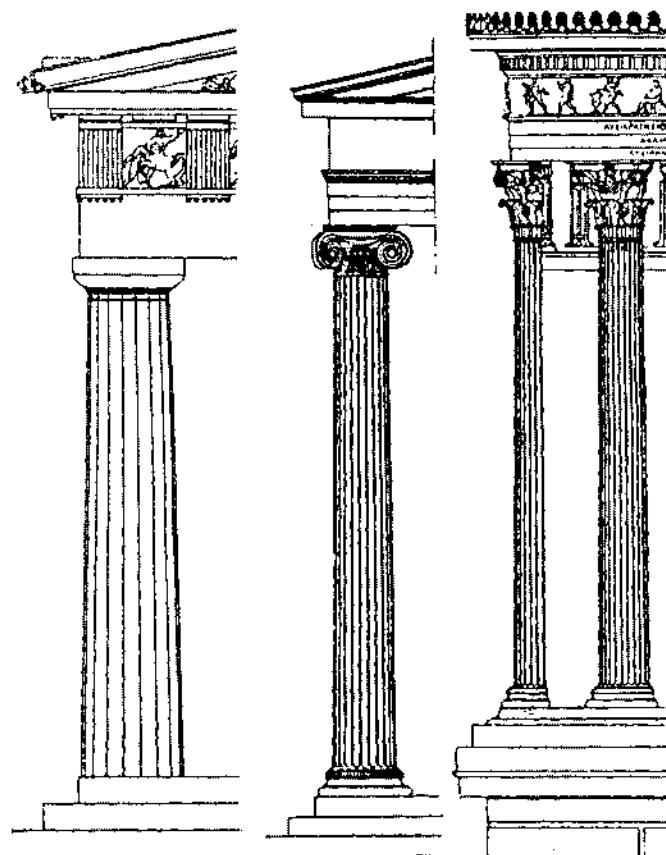
Kiến trúc sư Pollio Vitruvius, nhà lý luận kiến trúc số một thời La Mã cổ đại (nửa sau của thế kỷ I tr. CN) đã trích dẫn ý một câu chuyện Hy Lạp cổ nói rằng: "thức cột Doric mô phỏng thân thể nam giới, thức cột Ionic mô phỏng thân thể nữ giới" ("Mười quyển sách kiến trúc", mục 4, Chương 1).

Trong thực tế nghệ thuật Hy Lạp cổ đại, quả thực đã có những bức tượng nam giới đỡ đầu cột Doric, những bức tượng nữ giới đỡ đầu cột Ionic, quan niệm của cái đẹp nam, nữ về sau được tiếp tục gắn vào các loại đầu cột và thân cột trong kiến trúc.

Đối với việc đưa toán học vào kiến trúc, vào các loại thức cột, người Hy Lạp rất có ý thức. Như vậy, ảnh hưởng của khoa học tự nhiên và tư duy lý tính kèm theo nó đã bắt rẽ vào quan niệm mỹ học Hy Lạp cổ đại.

Ví dụ trong thức cột Doric ở đền thờ thần Zeus ở Olympia (468 - 460 tr. CN), nếu ta lấy chiều ngang của metope là 1 đơn vị, thì chiều ngang của triflyge sẽ là 1,5 đơn vị, đường kính đáy cột sẽ bằng 2,5 đơn vị, cột cao 10 đơn vị, khoảng cách tâm đến tâm cột là 5 đơn vị (với cột biên bằng 4,5), độ cao sơn tường bằng 4, mặt nền nhà dài 61, rộng 26 đơn vị... tất cả đều bằng bội số của nhau.

Mỗi quan hệ số học như vậy không mâu thuẫn với việc mô phỏng hình dáng thân thể con người. Pithagore cho rằng cái đẹp của con người cũng thống nhất với nguyên tắc hài hòa của số học. Nếu một khách thể nào đó hòa đồng được với kích thước con người thì khách thể đó cũng đẹp. Thức cột về mặt quan hệ số lượng cũng tồn tại sự liên quan đến kích thước con người. Vitruvius nhắc lại quan điểm của người Hy Lạp như sau: "Kiến trúc... cần phải tuân theo kiểu dáng của các bộ phận nhân thể để chế định ra những tỷ lệ chặt chẽ" ("Mười quyển sách kiến trúc", Phần 2, Chương 1).



Ba loại thức cột Hy Lạp Doric, Ionic, Corinth

Trong quá trình phát triển, phong cách kiến trúc của thức cột ngày một hoàn thiện và sự thành thục của phong cách đã đúc kết thành tính độc đáo, tính nhất quán và tính ổn định. Đặc biệt thể hiện trong thức cột Doric, Ionic và thức cột Corinth. Ví dụ như ở

cột Doric, tỷ lệ khi đã thuần thục của đường kính cột so với chiều cao là 1:5, 1:5,5, 1:5,75, 1:6; khoảng cách thông thủy giữa các cột bằng  $1,2 \div 1,5$  đường kính cột; trong khi với cột Ionic, độ thanh mảnh là 1:9 và 1:10, khoảng cách thông thủy giữa các cột bằng hai lần đường kính đáy cột. Tỷ lệ phần diêm ngang của mái với chiều cao cột Doric bằng 1:3, với cột Ionic bằng 1 : 4. Trang trí của thức Doric dùng phù điêu khắc sâu, nhấn mạnh tính thể khôi, còn trang trí của thức Ionic dùng phù điêu mỏng, nhấn mạnh đường nét đồ họa.

Tuy các quy định về kiểu thức cột tương đối nghiêm khắc, nhưng các loại thức, nhất là thức Ionic, tính thích ứng với các loại hình kiến trúc rất cao, phù hợp không những với đền đài, mà còn với các công trình kiến trúc công cộng khác, với nhà ở, các công trình kỷ niệm...

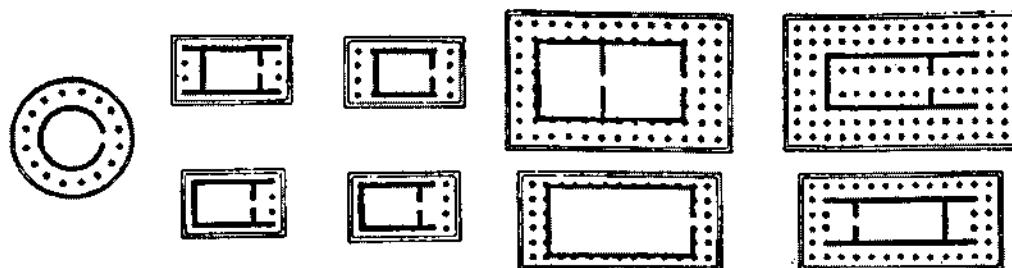
Thức cột là sáng tạo vĩ đại của nhân dân Hy Lạp cổ đại, nó thể hiện đầu óc thẩm mỹ tinh tế và nghị lực phi thường của các kiến trúc sư cũng như tầng lớp bình dân Hy Lạp cổ đại từ đời này sang đời khác. Thành tựu này còn được áp dụng trong kiến trúc suốt thời Trung Đại, văn nghệ Phục hưng, chủ nghĩa Cổ điển, đến tận đầu thế kỷ XX mới chấm dứt.

#### 4.5. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀN ĐÀI HY LẠP CỔ ĐẠI

Trước khi nghiên cứu diễn tiến của quá trình phát triển đền đài Hy Lạp, chúng ta nên tiến hành phân loại các loại hình đền thờ Hy Lạp cổ đại từ kiểu bố trí mặt bằng.

Đền thờ Hy Lạp cổ đại khác với đền thờ Ai Cập cổ đại: trong khi ở Ai Cập các cột bố trí ở trong nội thất để đỡ mái đền, thì các đền thờ Hy Lạp lại có cột chạy vòng ở phía bên ngoài.

Các loại hình đền đài Hy Lạp cổ đại phân biệt theo mức độ phức tạp của cách thiết kế cột chạy viền xung quanh nhà như sau:



1) Loại đền cổ nhất có dạng hình chữ nhật kích thước nhỏ, lối vào chính ở cạnh ngắn, có hai cái cột ở cạnh ngắn này, gọi là đền *Distyle* (ví dụ như ngôi đền thờ thần Themis ở Rhamnus).

2) Loại đền cổ có dạng hình chữ nhật, có hai cột ở cạnh ngắn phía trước và hai cột ở cạnh ngắn phía sau, gọi là đền *Distyle ở hai cạnh* (ví dụ đền thờ Artemis ở Eleusis).

3) Loại đền hình chữ nhật, có bốn cột ở phía trước cạnh ngắn gọi là đền *Prostyle* (ví dụ đền ở Selinus).

4) Loại đền hình chữ nhật, có bốn cột ở cạnh ngắn phía trước, bốn cột ở cạnh ngắn phía sau, gọi là đền *Amphi - Prostyle*.

5) Loại đền hình tròn, vành ngoài có hàng cột vòng quanh gọi là *Tholos* (ví dụ Tholos ở Epidaure).

6) Loại đền hình chữ nhật có tường chịu lực là chính, nhưng mặt ngoài tường ghép thêm các cột, gọi là loại đền có cột giả, hay là đền *Pseudo - Peripteral* (ví dụ như đền thờ thần Zeus ở Olympia).

7) Loại đền hình chữ nhật có một hàng cột chạy ở vòng ngoài chu vi công trình, có tên là đền *Peripteral* (ví dụ như đền Theseion ở Athènes, đền ở Paestum và đền Parthénon ở Athènes).

8) Loại đền hình chữ nhật, có hai hàng cột chạy bao xung quanh công trình, có tên gọi là đền *Dipteral* (ví dụ như đền Olympéion ở Athènes và đền thờ Apollo ở Milet).

Đền dài của Hy Lạp tồn tại và phát triển xuất phát từ việc phục vụ tôn giáo, đó là những ngôi nhà của tinh thần. Điều mà các kiến trúc sư Hy Lạp quan tâm là tìm tòi một hình thức đúng đắn cho những ngôi đền thờ và theo dòng thời gian, các chế định, các quy cách xây dựng đền thờ Hy Lạp cổ đại được hoàn thiện dần.

Những đền dài Hy Lạp là những vật thể có hình thức thuần khiết, được làm nên để hiến dâng cho thần. Người Hy Lạp thờ rất nhiều thần, ví dụ như các thần sau đây: Thần Zeus (thần tối cao, thần của các vị thần); Thần Hera (vợ của thần Zeus). Thần Apollo (con của thần Zeus, cũng là thần Mặt Trời, thần ca hát và âm nhạc, người sáng tạo ra các thành phố); Thần Heracles (thần của sức mạnh và quyền lực); Thần Athena (nữ thần của sức mạnh, hòa bình và thịnh vượng); Thần Poseidon (thần Biển); Thần Dionysos (thần Rượu vang); Thần Demeter (nữ thần Đất và Trồng trọt); Thần Artemis (nữ thần Săn bắn); Thần Aphrodite (nữ thần tình yêu và Sắc đẹp); Thần Nike (nữ thần Thành lợi)...

Người Hy Lạp coi vẻ đẹp là biểu hiện của thần, cho nên nhiệm vụ của kiến trúc là phải làm cho đền dài ngày một đẹp hơn.

Vào buổi ban sơ, đền dài chỉ là một gian thờ, có nguồn gốc từ sảnh chính của ngôi nhà quý tộc, lấy cạnh ngắn của hình chữ nhật làm mặt chính, sau đó sử dụng ngôi bằng gốm, tạo thành hai mái dốc. Mái bằng ngôi đền là hình chữ nhật quy chính, trên mặt chính có hình tam giác, tên chuyên môn gọi là *sơn tường*.



Đền thờ Hera ở Paestum

Ngôi đền này đứng độc lập, bao quanh nó là các nhà ở của quý tộc. Nhưng dần dần, ở những khu thánh địa thờ những thần tự nhiên, đền dài trở thành những công trình công cộng mang tính chất kỷ niệm, không còn bị sự gò ép của các nhà ở quý tộc nữa, nó tồn tại độc lập trên những khu đất cao ráo, mở rộng tầm nhận ra bốn phía.

Những ngôi đền tiền kỵ này vì còn dùng kèo gỗ và tường đất nung, cho nên để bảo vệ mặt tường, con người làm thêm hành lang cột. Các hoạt động tôn giáo và lễ hội tiến hành ngoài trời đền dài chiếm vị trí trung tâm của mọi hoạt động, cho nên hình thức bên ngoài của kiến trúc đền rất được quan tâm. Trong quá trình phát triển lâu dài của kiến trúc đền dài, con người Hy Lạp cổ đại đã nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của hệ thống hành lang cột vây bốn xung quanh, đó là một gạch nối giữa kiến trúc và thiên nhiên, tạo nên sự biến hoá của bóng đổ và sự tương phản đặc rỗng, tránh được cảm giác khô khan trước đây thường có khi bên ngoài kiến trúc chỉ là tường đặc. Như vậy, sự

sống động của hình thức kiến trúc đền dài do hành lang cột vây quanh nhà vừa đáp ứng nhu cầu tôn giáo vừa đáp ứng yêu cầu thế tục.

Đền dài Hy Lạp có thể xây dựng đơn độc, cũng có thể đặt thành từng cụm và dãy trên những khu vực đồi cao của thành phố như những quần thể đền dài ở Delphi, Olympia, Delos, Athènes, Priene... Đền dài trở thành vật trang trí chủ yếu cho thành phố, kể cả ở những thành bang khác như Sparta.

Một trong những ngôi đền thờ Hy Lạp xây dựng bằng đá nổi tiếng còn lại có niên đại sớm nhất là ngôi đền thờ Poseidon ở Paestum, được xây dựng vào thế kỷ VI tr. CN. Ngôi đền này thuộc kiến trúc Hy Lạp tiền kỵ nên phong cách còn nặng nề mà chưa có được vẻ nhẹ nhàng, thanh thoát của kiến trúc đền dài Hy Lạp giai đoạn sau này.

Đền thờ Hy Lạp có tỷ lệ, có mối tương quan thích hợp với kích thước con người và tuân theo các quy luật toán học một cách chặt chẽ.

Đền dài Hy Lạp ở những khu vực phía Đông như khu vực Tiểu Á Tế Á, có những thành bang theo chế độ cộng hoà, được thiết kế hết sức hoa lệ đẹp đẽ, có diện mạo rất cởi mở, và nhiều khi có tới hai hàng cột bao quanh. Quy mô đền dài ở khu vực kinh tế phồn thịnh này rất to lớn, ví dụ như hai ngôi đền sau đây:

- Ngôi đền thờ Artemis ở Ephes, có kích thước  $55,50 \times 109,2$  mét.
- Ngôi đền thờ Hera ở Samos, có kích thước  $54,58 \times 110,5$  mét.

Những ngôi đền Hy Lạp thời kỳ đầu có kích thước mảnh và dài, vì kết cấu chưa vượt được nhịp lớn, sau đó một hàng cột giữa được thêm vào nên chiều rộng có tăng lên chút ít. Tuy vậy, phải từ thế kỷ VI tr. CN trở đi, nội thất có hai hàng cột mới xuất hiện thêm không gian trung tâm, làm chỗ để đặt tượng thờ

Từ thế kỷ V tr. CN trở đi, đền dài phổ biến nhất là kiểu  $6 \times 13$  cột với tỷ lệ chiều dài trên chiều rộng là 2:1 (ví dụ như đền thờ thần Zeus ở Olympia, niên đại xây dựng năm 470 tr. CN).

Mặt bằng lệnh chữ nhật của đền thờ Hy Lạp cổ đại được tạo thành bởi ba thành phần chính: Pronaos (tiền sảnh), Naos (gian thờ), Parthénon (phòng để châu báu); trong một số đền có thành phần thứ tư là hậu sảnh (Opisthodomos).

Vẻ tráng lệ của đền dài Hy Lạp cổ đại gắn liền với sự ra đời và phát triển của các loại thức cột (Order).

#### 4.6. ACROPOLE Ở ATHÈNES

Vào thế kỷ V tr. CN, ở một số thành bang, Hy Lạp có nền công thương nghiệp phát triển từ trong tầng lớp bình dân một số chủ nô lệ công thương. Ở những thành bang này, phương thức sản xuất tiên tiến hơn những thành bang do chủ nô quý tộc làm chủ, tầng

lớp tiểu nông và tiểu thủ công nghiệp do có quyền lợi chính trị nhiều hơn, nên đã tạo đà cho kinh tế và kèm theo đó là nền văn hóa - kiến trúc phát triển.

Thành bang Athènes lúc đó đóng vai trò lãnh đạo toàn bộ Hy Lạp, đã đạt đến sự phát triển đỉnh cao về mọi mặt, trong đó có kiến trúc. Vai trò đứng đầu Đại Hy Lạp của Athènes được thực hiện do những lý do và điều kiện sau đây:

- Vị trí của Athènes thuận lợi cho phát triển công nghiệp, thương nghiệp và hàng hải, do Athènes ở vào điểm giao cắt của những tuyến đường bộ và đường biển của cả một vùng rộng lớn.

- Athènes sau khi đánh bại quân Ba Tư đã trở thành thành bang chủ chốt. Lãnh đạo các thành bang khác, trở thành trung tâm kinh tế văn hóa của khu vực, có chính sách chiêu mộ các thợ giỏi và các thành phần trí thức có năng lực của toàn Hy Lạp, khiến cho bản thân nó trở thành trung tâm giao hòa kiến trúc Doric và Ionic.

- Ở Athènes, chế độ thị tộc kém phát triển, người dân tự do và có ý thức trong chiến tranh và bảo vệ đất nước sau khi hòa bình.

Athènes đã tiến hành xây dựng đại quy mô, để tạo vẻ đẹp cho Athènes các nhà lãnh đạo thành bang đã có những chính sách khuyến khích các loại thị dân các ngành đầu tư công sức cho kiến thiết đồng thời quy định số nô lệ lao động trên các công trường không được vượt quá 25% tổng số người tham gia xây dựng.

Các loại hình kiến trúc ở Athènes đa dạng, phong phú và có nhiều loại mà trước đây chưa từng xuất hiện: đó là các viện nguyên lão, sảnh nghị sự, nhà hát, câu lạc bộ, phòng triển lãm tranh, lữ quán, thương trường, xưởng thợ, bến tàu, sân bãi thi đấu thể dục thể thao...

Đô thị Athènes, do địa hình phức tạp, có quy hoạch mạng lưới đường tự do (ở các nước thuộc địa, người Hy Lạp xây dựng thành phố theo kiểu mạng lưới đường hình học, ô cờ, gọi là hệ thống Gridion).

Tuy vậy, trọng tâm xây dựng của Athènes là Acropole (vệ thành) - quần thể thánh địa tôn giáo lớn nhất Hy Lạp, đồng thời cũng là quần thể ca ngợi thắng lợi vĩ đại của nhân dân Athènes trong chiến tranh, nói hội tụ và ca ngợi cái đẹp của thành bang.

Những đối tượng đáng nghiên cứu ở đây bao gồm Acropole ở Athènes, các đền thờ và các công trình liên quan quan trọng ở trên Acropole như đền Parthénon, đền Erechteion, Sơn mòn Propilée và đền thờ Athènes Nike.

#### + Acropole Athènes

Acropole ở Athènes, được xây dựng trong khoảng 50 năm, vào nửa sau của thế kỷ V tr. CN, "thời đại vàng" của Hy Lạp cổ đại. Sau khi chiến thắng quân Ba Tư, Athènes mất

đi tính chất quân sự, chỉ còn mang tính chất kỷ niệm văn hóa và chính trị. Biểu tượng của chế độ dân chủ nô - chủ Athènes chính là quần thể Acropole ở Athènes (với chữ A viết hoa, khác với acropole ở các thành bang khác).

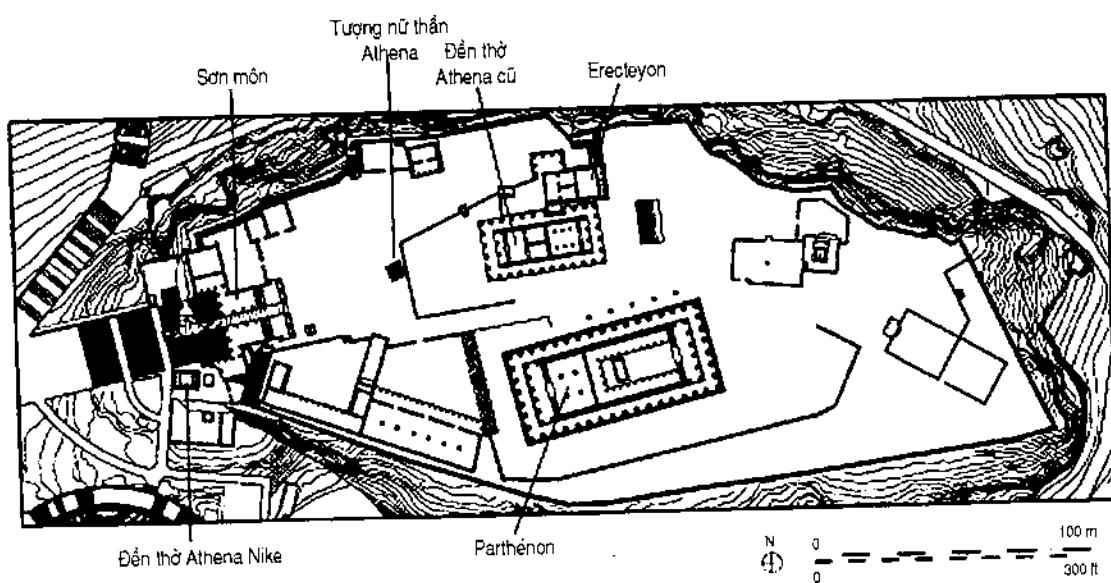
Acropole được xây dựng một cách hùng vĩ xứng đáng là tấm bia kỷ niệm đánh dấu một giai đoạn lịch sử quan trọng. Nghệ thuật Hy Lạp tiền kỵ với những kinh nghiệm bổ ích cùng với cơ sở vật chất giàu mạnh sau chiến tranh đã góp phần tạo dựng quần thể này một cách thuận lợi. Acropole ở Athènes là kết quả của 50 năm phồn vinh về kinh tế chính trị, văn hóa của thời đại cổ điển thịnh kỵ của Hy Lạp.

Để có được 50 năm xây dựng rực rỡ này, trong đó có thời đại hoàng kim tột đỉnh với 16 năm chấp chính (443 - 429 tr. CN) của Pericles, trước đó người Hy Lạp đã phải bỏ ra 50 năm để đánh nhau với người Ba Tư, lập nên những chiến tích lớn lao ở Marathon, ở Thermopyles, cũng như ở trận thủy chiến nhằm dành lấy thắng lợi quyết định cuối cùng ở ngoài khơi Athènes.

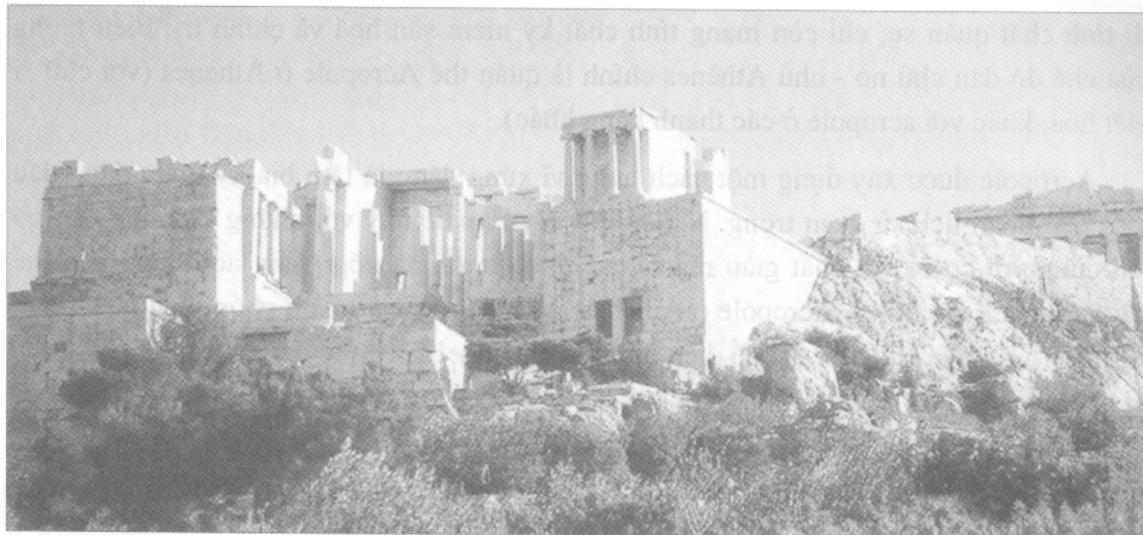
Được đặt trên một khu vực khá bằng phẳng trên đỉnh núi đá cao nằm giữa thành phố, Acropole ở Athènes có kích thước dài 300 mét từ Đông sang Tây, rộng 130 mét từ Bắc xuống Nam, cao 70 mét.

Acropole ở Athènes là biểu tượng của linh thần Hy Lạp cổ đại, là bài thơ ca ngợi sự vui mừng chiến thắng của quân chúng bình dân Hy Lạp cổ đại.

Trên Acropole có ba đền thờ, đều dành để thờ thần Athena, Nữ thần bảo vệ thành phố. Đó là đền Parthénon, đền Erechteion và đền Athena Nike. Khu vực thánh địa này còn một khu vực cửa lén có tên là Propilée (hay Sơn môn).



Mặt bằng quần thể Acropole ở Athènes



Quần thể Acropole ở Athènes

Thời đó, vào những dịp hội hè hàng năm, (mỗi năm tổ chức một lần và cứ bốn năm lại tiến hành đại lễ), quần chúng thường tụ họp ở một quảng trường thành phố phía Tây Bắc Acropole, diễu hành về phía Đông, trên đường đi họ có thể chiêm ngưỡng đền Erechteion và khi vòng xuống phía Nam thì đền Parthénon đột ngột xuất hiện ở trên cao. Sau khi đi gần một vòng trở lại phía Tây, qua nhiều bậc lên và qua cửa Sơn môn Propilée, lúc bấy giờ nội dung chính của nhóm công trình mới được mở ra một cách toàn diện ngay trước mắt mọi người, với tượng đồng Nữ thần Athena, đền Parthénon và đền Erechteion. Tất nhiên, trước đó, từ dưới chân núi, mọi người đã được quan sát Sơn môn và ngay phía bên phải là ngôi đền nhỏ Athena Nike đặt cheo leo trên núi đá.

Quần thể kiến trúc Acropole với các đơn thể của nó, khi thiết kế đã được tính tới một lưu tuyến của dòng người lễ hội sao cho hợp lý đối với việc thụ cảm các hình thức kiến trúc.

2500 năm đã trôi qua kể từ ngày xây dựng, quần thể Acropole với những di tích còn lại đến ngày nay, đã chịu được sự thử thách của thời gian bao gồm cả mặt giá trị tinh thần của nó. Hình ảnh và âm thanh của lễ hội ngày xưa vẫn còn khắc sâu trong tâm trí nhân loại cho đến tận bây giờ. Khi nghiên cứu các tác phẩm kiến trúc trên đồi Acropole ở Athènes, chúng ta nên đi theo trình tự triển khai lưu tuyến của dòng người khi tham gia lễ hội, bắt đầu từ Sơn môn Apolilée, đền Athena Nike, tiếp đến là đền Parthénon rồi đến Erechteion.

#### + Sơn môn (Propylées) - Cửa lén của Acropole

Sơn môn (Propylées) là cửa ngõ của khu vực thánh địa Acropole, được xây dựng vào những năm 437 - 432 tr. CN tác giả là kiến trúc sư Mnesicles. Vì địa hình ở đây phức tạp, phía Tây thấp hơn phía Đông 1,43 mét cho nên khối cửa chính thiết kế chênh nhau

cốt nền và cốt mái, phần cửa chính trước và sau của công trình có sáu cột Doric, ở đây nhịp giữa lớn hơn nhịp biên, phía trên có sơn tường hình tam giác, các cột bên trong nội thất dùng thức Ionic. Cánh Bắc của Sơn môn (sảnh trái) là một phòng trưng bày tranh, cánh Nam (sảnh phải) là một hành lang cột.

Sáu cột Doric ở phía Tây cao 8,81 mét, sáu cột Doric ở phía Đông cao 8,53 - 8,57 mét, đường kính đáy đều bằng 1,56 mét, tỷ lệ giữa đường kính cột với chiều cao bằng 1:5,5, băng ngang diềm mái bằng 1:3,12 chiều cao cột.

Sở dĩ nhịp giữa lớn hơn các nhịp biên là để các xe cộ mang đồ tế lễ có thể vượt qua. Khoảng cách tâm cột đến tâm cột của nhịp giữa này khoảng 5,43 mét (thông thủy 3,85 mét), đậm ngang bên trên nặng 11 tấn.

Với cách xử lý như vậy, phong cách của Sơn môn thoát khỏi vẻ nặng nề thường có đối với kiến trúc Doric. Cột Ionic trong nội thất cao 10,25 mét, rất phù hợp với vị trí bên trong. Việc kết hợp sử dụng hai loại cột Doric và Ionic như vậy, lần đầu tiên được thấy với các kiến trúc ở Athènes.

#### + Đền Athena Nike (thờ thần Thắng lợi)

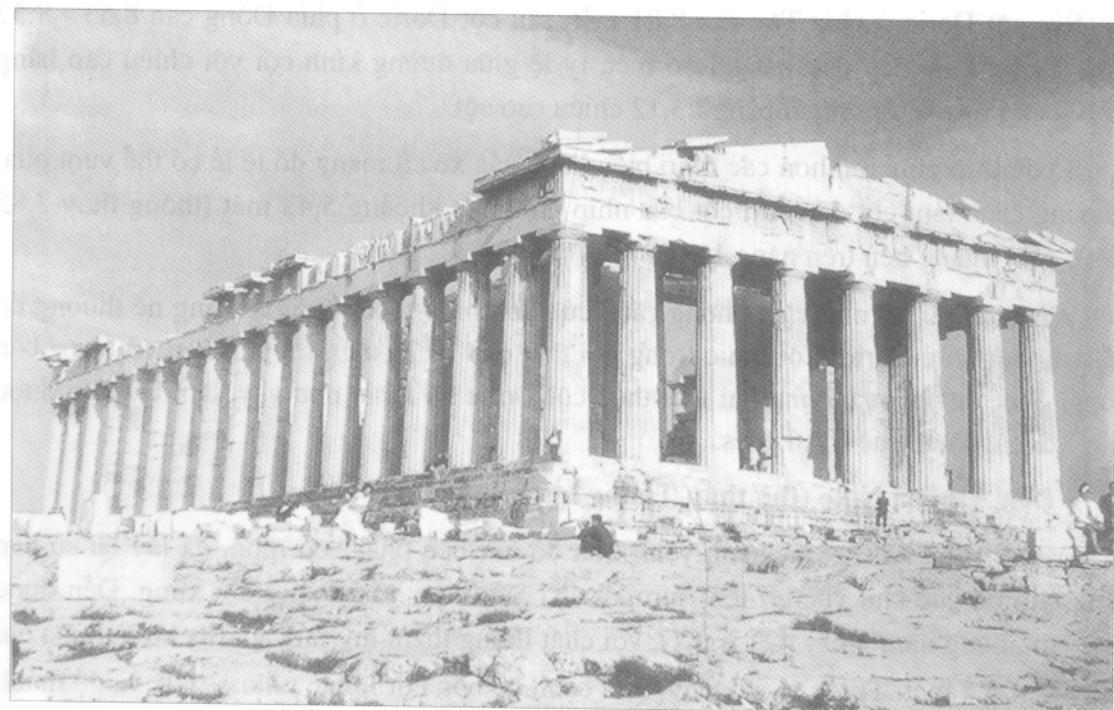
Đền Athena Nike, đặt chênh vênh trên bờ núi bên phải Sơn môn, đã lấy lại sự cân bằng cho bố cục khu vực lối lên Acropole, vì Sơn môn vốn không đối xứng. Đền được xây vào những năm 449 - 421 tr. CN, với chất lượng thẩm mỹ rất cao, tuy kích thước chỉ nhỏ  $8,2 \times 5,4$  mét. Trước và sau đền, mỗi cạnh có bốn cột Ionic, nhưng tỷ lệ và độ mảnh khá lớn (1:7,68) để hài hòa với mặt tiền có cột Doric của Sơn môn. Trên diềm mái của đền Athena Nike có một băng ngang điêu khắc chạy vòng quanh bốn phía (tổng độ dài 26 mét, cao 43 cm) và trên lan can tường bao cao 1 mét chạy quanh đền cũng có một băng phù điêu khác, chủ đề của hai băng trang trí này là ca ngợi chiến thắng, chống xâm lăng. Tác giả của ngôi đền Athena Nike là kiến trúc sư Callicrates.

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, ở khu vực này, các nhà khảo cổ đã tìm thấy một tấm đá cẩm thạch có điêu khắc nổi mà mọi người cho rằng đó chính là một bộ phận của dây lan can nổi tiếng của ngôi đền này. Nữ thần Nike không cánh (để thắng lợi khỏi bay đi mất) này tuy không còn đầy đủ như nguyên tác nhưng vẫn bộc lộ rõ vẻ trác tuyệt của một kiệt phẩm như một con người tràn ngập sức khoẻ đang vận động linh hoạt, với những lượt xiêm y mỏng manh nổi rõ những nếp gọn lăn tăn như sóng nước.

#### + Đền Parthénon

Đền Parthénon là công trình kiến trúc chủ chốt ở trên Acropole. Khi bước qua cửa Propylées, con người bỗng thấy trải ra trước mắt mình một khung cảnh cân bằng không đối xứng được tạo thành bởi ba đơn thể: tượng thần Athena cao vời vợi, hơi chêch phía bên phải là đền Parthénon trang trọng và chêch phía bên trái là đền Erechteion duyên dáng. Tâm vóc kiến trúc của mỗi ngôi đền ở đây đều phù hợp với tỷ lệ con người.

Đền Parthénon được xây dựng vào những năm 447 - 432 tr. CN để mừng thắng lợi của quân dân Athènes đánh thắng quân Ba Tư. Đó là một ngôi đền Doric có kích thước  $30,9 \times 69,5$  mét, với hai mặt chính mỗi mặt có tám cột và hai mặt bên mỗi mặt có 17 cột.



Phối cảnh Đền Parthénon

Trên mặt bằng, Parthénon được chia làm bốn thành phần: Pronaos (tiền sảnh), Naos (gian thờ có chỗ để tượng nữ thần Athena), Parthénon (chỗ để chầu báu) và Opisthodomos (hậu sảnh). Bên trong nội thất ở phòng chầu báu có bốn cột Ionic. Như vậy, bên cạnh tính chất trang nghiêm do dùng cột Doric chạy vòng quanh đền, còn có tính chất phóng khoáng của cột Ionic ở bên trong nội thất.

Hai kiến trúc sư chính của Parthénon là Ictinos và Callicrates, phần điêu khắc do Phidias đảm nhiệm. Ictinos và Callicrates đã có nhiều kinh nghiệm xây dựng riêng trước khi bắt tay vào thiết kế Patthénon.

Ictinos đã từng xây dựng đền Apollo ở Bassae trên núi Peloponnèse và xây dựng công trình Telesterion ở Eleusis. Trong khi đó, Callicrates là tác giả của bức tường thành kép, ở giữa có con đường quân sự nối liền Athènes với Pirée và là tác giả của ngôi đền Apollo ở Delos.

Parthénon có một vẻ nhẹ nhàng, gần gũi, có sắc thái dung dị, tuy là một ngôi đền nhưng nó không bị thần thánh hóa, ở đây con người không cảm thấy mình vô nghĩa như ở trong đền đài Hy Lạp.

nổi tiếng là công trình kiến trúc đẹp và nổi tiếng của thế giới với nét mảng mai đặc trưng.



Mặt đứng Đền Parthénon

Tỷ lệ hài hòa ở đền Parthénon thể hiện ở một số đặc điểm thông số: diềm mái mảnh mai, cao 3,29 mét, tỷ lệ diềm mái trên chiều cao cột bằng 1: 3,17; khoảng cách thông thủy giữa hai cột tương đối lớn bằng 2,4 mét trên mặt chính, lớn khoảng 1,26 lần đường kính cột, cột có độ mảnh lớn bằng 1 : 5,48, đầu cột trong có sức mạnh với độ vát gần bằng 45 độ. Cột biên được xử lý tinh tế để cho kiến trúc thêm trang trọng, đường kính cột biên lớn hơn cột giữa bằng 1,944 mét, khoảng cách thông thủy giữa cột biên với cột tiếp giáp với nó cũng nhỏ hơn bằng 1,78 mét.



Điểm nhìn tổng thể Đền Parthénon



Mặt đứng Đền Parthénon

Tỷ lệ hài hòa ở đền Parthénon thể hiện ở một số đặc điểm thông số: diềm mái mảnh mai, cao 3,29 mét, tỷ lệ diềm mái trên chiều cao cột bằng 1 : 3,17; khoảng cách thông thủy giữa hai cột tương đối lớn bằng 2,4 mét trên mặt chính, lớn khoảng 1,26 lần đường kính cột, cột có độ mảnh lớn bằng 1 : 5,48, đầu cột trong có sức mạnh với độ vát gần bằng 45 độ. Cột biên được xử lý tinh tế để cho kiến trúc thêm trang trọng, đường kính cột biên lớn hơn cột giữa bằng 1,944 mét, khoảng cách thông thủy giữa cột biên với cột tiếp giáp với nó cũng nhỏ hơn bằng 1,78 mét.



Điểm nhìn tổng thể Đền Parthénon

Điểm trên của diềm mái hơi cao vồng lên thành đường cong, với mặt chính vồng lên 7 cm, với mặt bên dài hơn vồng lên 11 cm, trông không gian diềm mái sẽ phẳng, đó chính là việc người Hy Lạp cổ đại biết điều chỉnh độ vi sai khi thu cảm một đối tượng kiến trúc.

Ngôi đền còn nổi tiếng ở phông điêu khắc, do nhà điêu khắc nổi tiếng của thế giới Hy Lạp Phidias thực hiện. Theo thống kê, phù điêu và điêu khắc của Parthenon bao gồm 92 cái metope, 200 mét frise và hai bức sơn tường rất lớn ở hai mặt chính của đền.

Sáng tạo ra cái đẹp tiêu chuẩn, ca ngợi con người với vẻ đẹp thống nhất giữa thể chất và tinh thần, đó chính là thành công của Phidias. Bức sơn tường tam giác phía Đông mang chủ đề "Sự tích ra đời của Nữ thần Athena", bức sơn tường tam giác phía Tây miêu tả "Cuộc chiến đấu giữa Athena và Poseydon dành quyền bảo hộ miền Attic", Phidias đã đưa nghệ thuật điêu khắc lên một tầm cao mới, phối hợp chặt chẽ với ngôn ngữ kiến trúc hoàn thiện của ngôi đền.

#### + Đền Erechteyon

Đền Erechteyon là một ngôi đền nổi tiếng khác ở trên Acropole ở Athènes, vị trí của đền đặt ở phía Bắc đền Parthénon. Được xây dựng vào năm 421-405 tr. CN, Erechteyon có mặt bằng không đối xứng, nó bao gồm ba điện thờ nhỏ, hai hành lang cột thức và một sảnh có tên là Cariatide (dùng các trụ đỡ dưới hình thức đàn bà - cột).



Đền Erechteyon

Đền Erechteyon là một đền Ionic mà vị trí của nó trong tất cả các đền Ionic Hy lạp cũng giống như vị trí của Parthenon trong các đền Doric. Việc sử dụng kiểu mặt bằng tự do ở Erechteyon là hiện tượng có một không hai trong kiến trúc Hy Lạp.

Đền Erechteion là một đơn thể kiến trúc hoàn mỹ, từ sử dụng thức cột, hình dáng mặt bằng, lợi dụng địa thế, phù hợp địa hình, sáng tạo chi tiết kiến trúc mới đều... rất thành công.

Tương truyền ở khu đất mà Erechteion được xây dựng, có những phần mộ của ba vị thần được tôn trọng nhất: Athena, Poseydon và vua truyền thuyết Erechthe, là nơi có chiếc giếng thần hình thành bởi mũi chĩa ba đâm xuống trong cuộc đọ sức giữa Athena và Poseydon.

Tác giả đền Erechteion là kiến trúc sư Pytheos đã đưa ra một giải pháp không bình thường về mặt bằng và hình khối căn cứ vào địa hình có chỗ chênh nhau 3 mét và căn cứ vào tính chất kỷ niệm của khu đất.

Gian thờ Athena ở phía Đông có tiền sảnh có sáu cột Ionic (mỗi cột cao 6,583 mét, đường kính đáy 0,692 mét, độ mảnh bằng 1 : 9,5; khoảng cách thông thủy bằng 2,05 đường kính đáy cột): tiếp tục về phía Tây là gian thờ Poseydon và gian thờ Erechthe, ba phần này tạo thành một hình chữ thập có diện tích 11,63 × 23,5 mét. Ngoài ra có một sảnh vào ở phía Bắc công trình và một khán đài kiểu Cariatide ở phía Nam hướng ra mặt đền Pathénon, chính hai yếu tố này làm cho ngôi đền trở nên không đối称.

Cái đẹp duyên dáng của khu sảnh vào được biểu lộ ở hàng cột thúc mảnh nhẹ cộng với tỷ lệ thích hợp của dải corniche mỏng phía trên hơi đưa ra khỏi mặt đứng công trình đổ bóng xuống dầm ngang.



Một góc Đền Erechteion

Cariatide là một kiểu kiến trúc độc đáo khác thường: cách dùng cột thúc thường thấy được thay bằng tượng sáu cô thiếu nữ. Về vị trí, khán dài này xây chắn trên lối vào cửa một cầu thang đưa đến phần mộ của vua Secropse. Nó tạo trên một không gian trống, tương phản với mặt tường đặc phía sau.

Hình thức những cô gái đỡ mái đèn này có xuất xứ từ sự tích về những nữ tù nhân trẻ tuổi được đưa đến từ Carie, xứ Laconie.

Trong xiêm áo kiểu Ionia, thân thể cân đối, chân hơi cong về phía trước để đỡ sức nặng của công trình, những cô gái miền Carie này có khuôn mặt trong sáng và thoái mái, tóc tết bím dày và nặng.

Để gây cảm giác nhẹ nhàng, phần mái phía trên có chiều dày được giảm nhỏ, kiến trúc sư - tác giả - chỉ cho các cô gái có chiều cao 2,1 mét đỡ một băng ngang architrave, còn không thiết kế phần frise phía trên như thường lệ.

Khán dài Cariatide là một đối tượng quan sát quan trọng và thường xuyên của đoàn người dự lễ hội, đó chính là điểm nhấn của mặt đứng phía Nam đền Erechteion.

Hình thức kiến trúc đàn bà - cột này về sau, vào những thời kỳ lịch sử khác nhau, được sử dụng khá nhiều.

Nhìn chung, trong cả quần thể, Erechteion và Parthénon thể hiện mạnh mẽ tính nhất thống nhất giữa hai mặt đối lập, hai ngôi đền là đối thủ của nhau. Đó chính là tính ghép đôi trong kiến trúc. Tính ghép đôi này biểu hiện sự kết hợp hài hòa, sự so sánh về các mặt thành phần, tính chất và kích thước của các đơn thể. Đó cũng là sự cần thiết song phương của hai ngôi đền đối với nhau.

Khái niệm này cũng tồn tại đối với mối quan hệ giữa Sơn mòn Propilées và đền Athena Nike.

Acropole ở Athènes, từ tổng thể khu vực đến đơn thể các kiến trúc có nhiều phương diện cần nghiên cứu. Không hiểu Acropole, Parthénon, Erechteion... thì cũng có nghĩa rằng không tiếp cận được nền văn minh Hy Lạp cổ đại...

Ảnh hưởng của kiến trúc trên về thành Acropole ở Athènes đối với hậu thế rất lớn, đúng như Mác đã nói về những công trình kiến trúc ở đây như sau: "trong một chừng mực nào đấy, chúng giữ lại cho chúng ta cái giá trị về một tiêu chuẩn và một khuôn mẫu đã đạt đến đỉnh cao".

#### 4.7. NHỮNG LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC KHÁC TRONG THẾ GIỚI HY LẠP CỔ ĐẠI

Từ thế kỷ IV tr. CN trở đi, chế độ nô lệ phát triển toàn diện, đại bộ phận nông dân và dân tiểu thủ công nghiệp bị phá sản làm cho đội ngũ dân nô lệ trở nên rất đông, bị chủ nô công thương nghiệp và chủ nô quý tộc áp bức khắc nghiệt, một số nơi chế độ quân chủ được thiết lập.

Đến nửa sau của thế kỷ IV tr. CN. Maxêdoan thống nhất Hy Lạp, xây dựng một đế quốc lớn bao gồm Hy Lạp, Tiểu Á Tế Á, Ai Cập, Syrie, Luông Hà, Ba tư... Sau đó nhà nước này lại chia thành mấy nhà nước quân chủ tập quyền trung ương. Thời kỳ này trong lịch sử gọi là Hy Lạp hậu kỳ hay là thời kỳ Hy Lạp hóa.

Thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển, giao lưu văn hóa Đông - Tây được tiến hành trên một bình diện rộng, khoa học và kỹ thuật tiến thêm một bước mới.

Ta có thể nói thời kỳ này là thời kỳ của việc khai thác các "lãnh vực mới". Kiến trúc phát triển rầm rộ, quy mô lớn, loại hình đa dạng. Các công trình hội trường, kịch trường, câu lạc bộ, nhà tắm, chợ, khách sạn... trước đây đã phát triển đến lúc này đã được xây dựng theo quy tắc ổn định, còn có những loại hình kiến trúc mới như thư viện, hải đăng, bến tàu... Các thủ pháp nghệ thuật đã đa dạng hóa hơn do có máy nâng cất, máy vận chuyển, làm được dàn gỗ, có gạch xây và gạch ốp lát từ phía Đông đưa tới và đã xây được vòm cuốn.

Tuy vậy, đèn dài - ngôi nhà tinh thần của quần chúng - không được quan tâm như trước nữa, không còn là biểu tượng của thành bang như trước. Tính xã hội, tính thương mại của kiến trúc tăng lên, nhưng tính cộng đồng lại có phần giảm đi. Kiến trúc có quy mô, kích thước lớn lên ngoài không gian, nhưng diêu khắc lại nhỏ đi và được đưa vào trong nội thất. Đối tượng phục vụ chủ yếu của một số loại hình kiến trúc là dành cho tầng lớp quý tộc. Lăng mộ được xây dựng nhiều, tầm vóc lớn hơn. Vai trò của người xây dựng, các loại thợ, thậm chí kiến trúc sư trở nên không quan trọng. Phong cách kiến trúc do tầng lớp trên chỉ đạo, khống chế, càng về sau càng trở nên dung tục, tuy sự khéo tay, tinh tinh xảo trong kiến trúc trong một số trường hợp vẫn được thể hiện.

Những tác phẩm kiến trúc tiêu biểu của kiến trúc Hy Lạp hậu kỳ là: Hội trường và kịch trường ở Megalopolis và ở Epidaure; Điện thờ ở Pergame; Lăng mộ ở Halicamasse; Agora ở Assos và ở Milet; Phường phố và nhà ở ở Olynth và một số khu vực khác.

#### - Hội trường và kịch trường ở Megalopolis và ở Epidaure

Trong kiến trúc nhà công cộng Hy Lạp hậu kỳ, loại hình hội trường bên trong nhà và nhà hát ngoài trời chiếm đa số.

Nhà hát ngoài trời phát triển rất sớm trước lúc đó đến 1,2 thế kỷ, theo kiểu khu vực khán giả ngồi hình nửa tròn, các bậc càng xa sân khấu tròn càng cao dần lên theo thế núi, lối đi lại hình tán xạ là lối đi chính, lối đi vòng cung chỉ là phụ, việc đi lại và tầm nhìn khá thuận tiện.

Đến thế kỷ IV và III tr. CN. khu vực khán giả và ghế ngồi được ken bằng đá, mấy hàng ghế đầu được làm rất cẩn thận để dành cho tầng lớp trên. Phía sau sân khấu tròn có một phòng nhỏ dùng để hoá trang và để đạo cụ. Có trường hợp, người ta xén bớt một phần sân khấu tròn làm thêm một phòng hẹp và dài dành cho ban nhạc.

Trường hợp nhà hát ngoài trời ở Epidaure (năm 350 tr. CN), sân khấu là một hình tròn nguyên vẹn, đường kính 20,4 mét, đường kính khán đài 118 mét, có 34 hàng chỗ ngồi.

Trường hợp nhà hát ngoài trời ở Megalopolis, sân khấu tròn bị cắt đi một phần nhỏ, nhưng số chỗ ngồi lên tới hàng vạn, để có thể họp đại hội các công dân, đường kính khán đài lớn tới 140 mét.

Đằng sau sân khấu của nhà hát Megalopolis, còn dấu vết của một hội trường lớn (niên đại xây dựng khoảng 370 - 360 tr. CN) mặt bằng hình chữ nhật 66 × 52 mét, có thể chứa được một vạn người. Chỗ ngồi ở đây được thiết kế kiểu hình chữ U, điều đáng quan tâm ở đây là các cột được bố trí sao cho không cần nhìn đối với sân khấu.

Càng về sau, hội trường có nhỏ hơn, ví dụ như đối với sảnh nghị sự (Bouleuterion) ở Milet (năm 170 tr. CN), là một sảnh hình chữ nhật chứa được 1200 người, cao tương đương với hai tầng nhà, phía trước có một sân trong có lối vào và hành lang một tầng bao quanh.

#### - Điện thờ ở Pergame

Điện thờ ở Pergame (thờ thần Zeus, xây dựng năm 197 - 159 tr. CN) ở trên acropole ở Pergame, là một điện thờ quy mô to lớn, xây dựng đơn độc. Điện thờ có mặt bằng hình chữ U, được đặt trên một bệ cao 5,34 mét, quanh bệ có một dải điêu khắc lớn khắc các tượng người, trên bệ là một khối chủ thể hành lang cột Ionic cao 3 mét bao quanh, phần chính giữa đặt điện thờ.

Mặt bằng điện thờ dài 36,6 mét, sâu 34,2 mét, các bậc lên có chiều rộng 20 mét. Điện thờ ở Pergame hoàn toàn tuân theo một quy cách, một chế định mới, không gắn bó gì với hình thức đền đài xưa kia. Điện thờ ở Pergame gần như không quan tâm gì đến không gian bên trong, nhưng nó có vẻ ngoài đồ sộ và hoa lệ.

Việc xây dựng điện thờ Pergame thể hiện một thiết chế mới trong việc thờ cúng, khi mà chế độ thành bang tan rã, ý nghĩa chính trị của việc thờ thần trong các đền đài kiểu truyền thống không còn được sử dụng nữa.

#### - Lăng mộ ở Halicarnasse

Lăng mộ của nhà vua Mausol ở Halicarnasse (The Mausoleum Halicarnasse) (335 - 334 tr. CN) được xây dựng dưới sự chỉ đạo của hoàng hậu Artémise, theo đồ án của hai kiến trúc sư Hy Lạp cổ điển huyền thoại là Pithéos và Satiros.

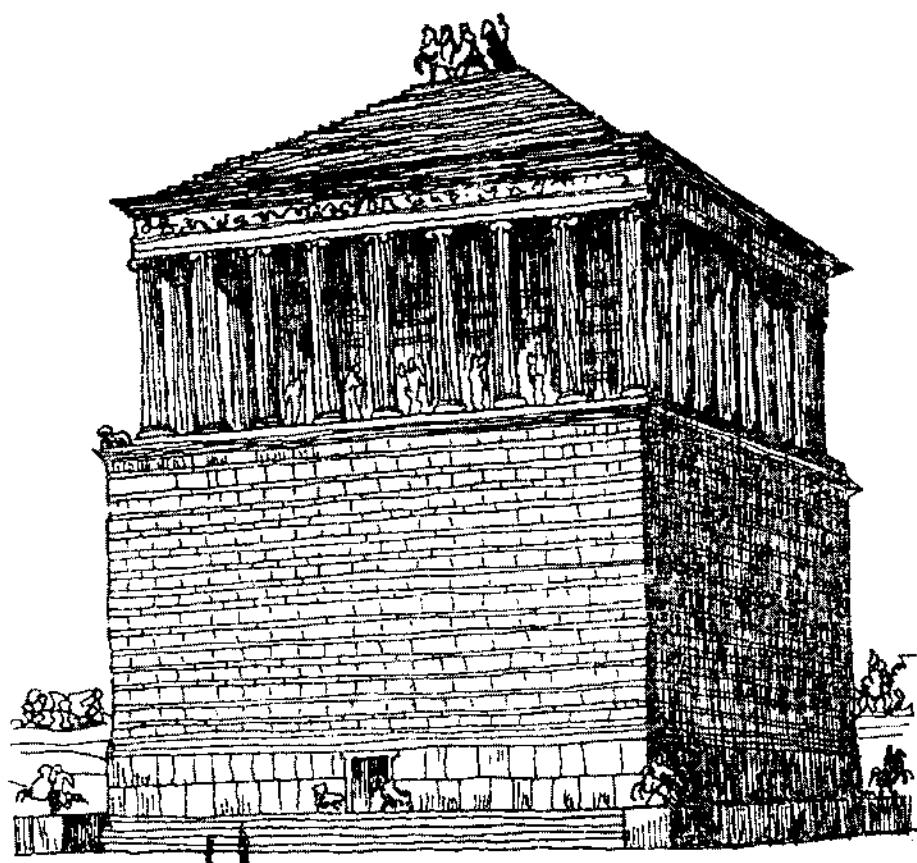
Bố cục mặt bằng, hình khối kiểu tập trung, là một cách bố cục hoàn toàn mới đối với thể loại kiến trúc kỷ niệm. Kiến trúc tòa lăng có kích thước lớn và hình thức nghiêm chỉnh, nhằm thể hiện được quyền uy của chế độ quân chủ.

Công trình chia làm ba phần lớn tính từ dưới lên trên, tầng đế thứ nhất là tầng để thi hài, được xây dựng bằng đá, nền phía dưới được nới rộng ra mấy bậc tam cấp cũng bằng đá. Ở tầng hai, bên trong có phòng tế lê, bên ngoài có hàng cột thúc chạy bao quanh, phần này có nhẹ nhàng hơn khói đặc phía dưới. Phần thứ ba trên cùng có dạng kim tự tháp, trên đỉnh đặt một cụm tượng.

Công trình cao 43,55 mét, là một kiểu hình lăng mộ hoàn toàn mới, theo truyền thống lăng mộ kiểu tập trung ở Tiểu Á Tế Á, phần trên cùng thêm vào kiểu cách Ai Cập. Kiểu bố cục tập trung này rất thích hợp với kiến trúc các công trình kỷ niệm, mộ tang.

Về tên gọi của công trình, chữ *Lăng mộ của Mausol*, lúc bấy giờ chỉ là một tên riêng, sau đã thoát ra khỏi trường hợp bó hẹp đó để trở thành tên gọi chung cho những ngôi mộ có quy mô lớn được xây dựng công phu. Chữ *Lăng* (*Mausoleum*, *Mausolée*) sau này có quê hương ban đầu chính tại miền Carie này.

Trong kiến trúc, Lăng mộ Mausol ở Halicarnasse thuộc vào loại *Mộ đèn* (*Heron*), nó đã góp phần định hình cho loại lăng mộ quy mô lớn của người đời sau.



*Lăng mộ ở Halicarnasse*

### **- Agora ở Assos và ở Milet**

Là trung tâm chính trị, hành chính và thương mại của đô thị Hy Lạp cổ đại, các thành phần của agora bao gồm quảng trường chợ, các cửa hàng và các nơi để sinh hoạt văn hoá công cộng như Sảnh hội họp (Eclessiasteron), Sảnh hội đồng (Bouleulerion) và phòng hội đồng (Pritaneum).

Agora thường đặt ở trung tâm thành phố, ở đây người Hy Lạp cổ đại tiến hành buôn bán, trao đổi, nghe thuyết lý triết học, bình văn, bình thơ.

Agora có hình thức ban đầu từ thời Micenes, đến thế kỷ V tr. CN phát triển mạnh ở Hy Lạp, ví dụ các agora ở Milet, ở Megalopone, ở Knid và sau đó vào thời Hy Lạp hậu kỳ có các agora ở Pergam và ở Assos.

Agora ở Assos (hiện nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ) (khoảng thế kỷ III tr. CN), là một quảng trường hình thang, hai bên có hành lang trống, bảo đảm một độ khép kín vừa phải. Một cạnh của quảng trường có một ngôi đền thờ có hàng cột thúc hướng ra phía quảng trường, mặt sau là tường đặc. Hình thức agora ở Assos là một minh chứng cho sự phát triển kinh tế và văn hoá thời kỳ Hy Lạp hoà.

Agora ở Milel được xây dựng trước agora ở Assos (sau thế kỷ V tr. CN), cũng là một ví dụ điển hình của agora thời kỳ Hy Lạp hoà, có hình thức kiểu hình chữ nhật, phù hợp với quy hoạch đô thị kiểu bàn cờ thích hợp với địa hình vùng Tiểu Á Tế Á.

Quy hoạch đô thị kiểu mạng hình học này do nhà quy hoạch Hippodamus đề ra, được gọi là hệ thống quy hoạch kiểu "gridion". Agora ở Milel ở vào tâm điểm của thành phố, xung quanh quảng trường có đền thờ, sảnh nghị sự, cửa hàng, nhà luyện lập thể dục thể thao, sân bài thi đấu và nhà hát.

Diện tích các agara chiếm khoảng 5% diện tích thành phố.

Agora ở Athènes, vào thời Hy Lạp hậu kỳ (thế kỷ II tr. CN) có hành lang cột rất lớn, dài 111,9 mét (23 bước cột), rộng 20 mét, chia làm hai nhịp, xây dựng bằng đá cẩm thạch trắng.

Nhiều agora cao hai tầng, tầng dưới dùng cột Doric, tầng trên dùng cột Ionic, trang trí rất công phu, chất lượng thẩm mỹ cao.

Qua những hình thức trên, ta thấy đặc điểm của các trung tâm công cộng thời kỳ Hậu Hy Lạp là sử dụng các hành lang mở cho kiến trúc chợ và sử dụng các thức cột tầng trên đặt trực tiếp lên thức cột tầng dưới. Hình thức agora của Hy Lạp sau này được tìm thấy biến thể mới được sử dụng rất rộng rãi ở thời đại La Mã cổ đại, đó là loại hình Forum - tức quảng trường hoàng gia.

### **- Phường phố và nhà ở Hy Lạp cổ đại**

Phường phố và nhà ở Hy Lạp cổ đại được xây dựng và phát triển tương đối sớm. Ở Athènes, do địa hình hạn chế, các nhà ở được xây dựng một cách tự phát, theo từng

phường tùy theo nghề thủ công, các nhà hai tầng chen chúc nhau bên những con đường hẹp.

Trong khi đó, ở khu vực Tiểu Á Tế Á, địa hình bằng phẳng, quy hoạch phường phố có nét riêng của mình. Từ giữa thế kỷ V tr. CN đã bắt đầu đã có những phường phố quy hoạch kiểu ô cờ, đã tạo cho các công dân có điều kiện ở bình đẳng, khu đất xây nhà của mọi người gần bằng nhau. Ví dụ như nhà ở trong các ô phố ở Olynth có kích thước to nhỏ giống nhau.

Mạng lưới ô cờ này vào thế kỷ IV và III tr. CN vẫn được duy trì, nhưng các mảnh đất để xây nhà cho chủ nô và các thương gia ở vào trung tâm thành phố, các dân thường ở khu vực ngoại vi.

Những phường phố có kích thước trung bình khoảng  $30 \times 40$  mét, cụ thể như một số trường hợp ở Priene là  $35 \times 47$  mét, ở Milet là  $30 \times 36$  mét, ở Knid là  $32 \times 48$  mét. Mỗi phường có 4 - 6 nhà, kết hợp chặt chẽ với nhau trong toàn phường như là một tòa kiến trúc lớn. Đối với các nhà giàu, dinh thự của họ có khi diện tích chiếm tới nửa hay cả phường.

Nhà ở của chủ nô lệ hoặc nhà giàu có cách bố cục bốn mặt khép kín, có cổng vào ở một phía, nhà chính ở phía đối diện, hai cạnh bên có hành lang cột hoặc đặt các phòng phụ. Phụ nữ có các phòng sinh hoạt riêng. Các phòng phía Bắc có ánh nắng mặt trời là những phòng chính, có khi cao hai tầng, tận dụng tranh thủ hướng tốt. Phòng ăn của nam giới là phòng được trang hoàng đẹp nhất, bốn phía có bệ xây bằng đất, để các chủ nô lệ ngồi trên đó ăn uống, nền nhà khảm môzaich.

Có một số nhà ở như nhà ở ở Delos, có sân trời trống thoáng lấy ánh sáng ở giữa làm cốt lõi cho toàn nhà, bốn phía đều có các phòng sinh hoạt. Loại nhà này về sau được sử dụng rộng rãi ở trong kiến trúc La Mã cổ đại.

Nhìn chung, kiến trúc Hy Lạp này nở trên một vùng quan trọng của khu vực Địa Trung Hải. Thức cột Doric được phát triển ở Hy Lạp nói riêng, đảo Sicile và miền Nam Italia, trong khi thức cột Ionic phát triển trên những đảo nhỏ của bán đảo Hy Lạp và vùng Tiểu Á Tế Á. Hai loại thức cột này cùng phát triển ở miền Attique và ở Athènes. Nghệ thuật Hy Lạp cổ đại ra đời dựa trên sự kết hợp của hai dân tộc người Doria và Inoia. Kiến trúc Hy Lạp thể hiện cái đẹp hoàn thiện, trong đó có sự hoàn thiện của tổ hợp.

Cái đẹp hình thể, sự cân đối, vẻ hài hòa của khối, sự hoàn chỉnh của chi tiết, sự nổi bật của quần thể... là những đặc điểm quan trọng của kiến trúc Hy Lạp cổ đại. Nhưng phẩm chất cơ bản của kiến trúc Hy Lạp cổ đại vẫn là tính thống nhất và tính logic.

Sự kết hợp giữa cấu trúc và hình thức trong kiến trúc Hy Lạp đạt đến sự hợp lý ở trình độ cao. Kiến trúc Hy Lạp còn thể hiện sự tinh tế bằng cách biết điều chỉnh độ sai thị giác trên mặt đứng công trình. Muốn cho các entablement nhìn trong thực tế có chiều ngang thực sự, thành phần kiến trúc này trong không gian phải xây nghiêng lên từ biển vào giữa.

Kiến trúc Hy Lạp đã kết hợp chất chẽ với những thành tựu của điêu khắc Hy Lạp. Những điêu khắc trang trí mượn từ những yếu tố thiên nhiên khác nhau (những lá cọ, những bó hoa sen, những lá phiên thảo diệp - acanth, kết hợp với những yếu tố trang trí hình học, tiếp theo là những phù điêu mang những chủ đề lịch sử.

Tính thống nhất trong kiến trúc Hy Lạp vẫn là tính thống nhất trong sự đa dạng. Thống nhất và đa dạng trong kiến trúc Hy Lạp không có sự mâu thuẫn với nhau khi xây dựng các công trình ngoài khu vực Hy Lạp bản địa, kiến trúc vẫn thích ứng với các điều kiện khu vực. Ngoài tôn giáo, kiến trúc Hy Lạp còn đáp ứng được những yêu cầu chính trị của các quốc gia thành bang để ra trong suốt quá trình phát triển lịch sử. Trước Hy Lạp cổ đại, chưa có một nền kiến trúc nào có nhiều loại hình kiến trúc - đặc biệt là kiến trúc nhà công cộng như Hy Lạp đã có. Xã hội Hy Lạp đã quan tâm đến tính nhân văn của nghệ thuật kiến trúc. Giá trị không phai mờ của kiến trúc Hy Lạp cổ đại thể hiện rõ nét nhất ở những công trình kiến trúc mang tính chất kỷ niệm và sự hoàn thiện về mặt hình thức của các quần thể kiến trúc tôn giáo như dân dụng.

## Chương 5

### KIẾN TRÚC LA MÃ CỔ ĐẠI

#### 5.1. SỰ RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KIẾN TRÚC LA MÃ CỔ ĐẠI

La Mã vốn là một đất nước theo chế độ nô lệ của người La Tinh ở phía Nam bán đảo Italia. Từ khoảng 500 năm trước Công nguyên (tr. CN), nhà nước này đã tiến hành một cuộc chiến tranh thống nhất bán đảo Italia kéo dài tới 200 năm. Sau khi thống nhất Italia, nhà nước La Mã đã liên tục tiến hành liên tiếp các cuộc hiến tranh xâm lược và chiếm đóng các nước láng giềng. Đến thế kỷ I tr. CN trở thành một đế quốc lớn với ba châu lục Âu, Á, Phi, biển Địa Trung Hải trở thành "một cái hồ nhỏ bé". Ngoài lãnh thổ Italia là chính, La Mã còn chiếm đóng và xây dựng nền kiến trúc La Mã cổ đại trên những khu vực rộng lớn quanh nó: ở Pháp (xứ Gaules), Tây Ban Nha, Hy Lạp, Bắc Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Syria, Đức, Anh.

Kiến trúc La Mã cổ đại ra đời từ kiến trúc của người Étrusque và người Hy Lạp cổ đại. Những người Étrusque, đến từ Tiểu Á Tế Á, chiếm lĩnh khu vực Étrurie (Toscane hiện nay, phía Tây bán đảo Italia), đã để lại những dấu vết kiến trúc đáng trân trọng; họ đã làm cho người La Mã biết xây dựng vòm và cuốn. Sau khi chinh phục Hy Lạp, những người La Mã đã dựng lên nền kiến trúc của mình bắt đầu từ năm 146 tr. CN, và Horace đã nói một câu nói lên mối liên hệ giữa La Mã và Hy Lạp cổ đại: "Hy Lạp đã cầm tù kẻ chiến thắng đáng ghê sợ của họ". Nền kiến trúc La Mã đã kéo dài trong khoảng thời gian bốn thế kỷ, từ 100 năm tr. CN đến năm 300 sau Công nguyên.

Sau thời kỳ Étrusque (kéo dài từ Thế kỷ VIII đến III tr. CN), có thành tựu nổi bật về xây dựng bằng đá, kết cấu vòm, cuốn và cấu tạo kiến trúc gốm, kiến trúc La Mã cổ đại chủ yếu có hai thời kỳ phát triển chính: thời kỳ Cộng hòa La Mã và thời kỳ Đế quốc La Mã.

##### 1. Thời kỳ thịnh kỉ Cộng hòa La Mã (300 năm tr. CN đến 30 năm tr. CN)

Thời kỳ này, nhà nước La Mã trong quá trình thống nhất Italia và xâm lược nước ngoài đã thu thập được một lực lượng lớn sức lao động, của cải và tài nguyên thiên nhiên, nên đã xây dựng rất nhiều đường sá, cầu cống, đô thị, cầu dẫn nước. Đến năm

146 trước công nguyên, chinh phục Hy Lạp xong, lại thừa hưởng được cả một kho tàng văn hoá Hy Lạp và Tiểu Á Tế Á. Nền kiến trúc La Mã lại có điều kiện phát triển tột bậc về quy mô cũng như chất lượng nghệ thuật với nhiều loại hình công trình phong phú như đền thờ, nhà hát, nhà trò, đấu trường, nhà tắm, basilica. Các thức cột cổ điển của Hy Lạp được sử dụng rộng rãi trong kiến trúc La Mã.

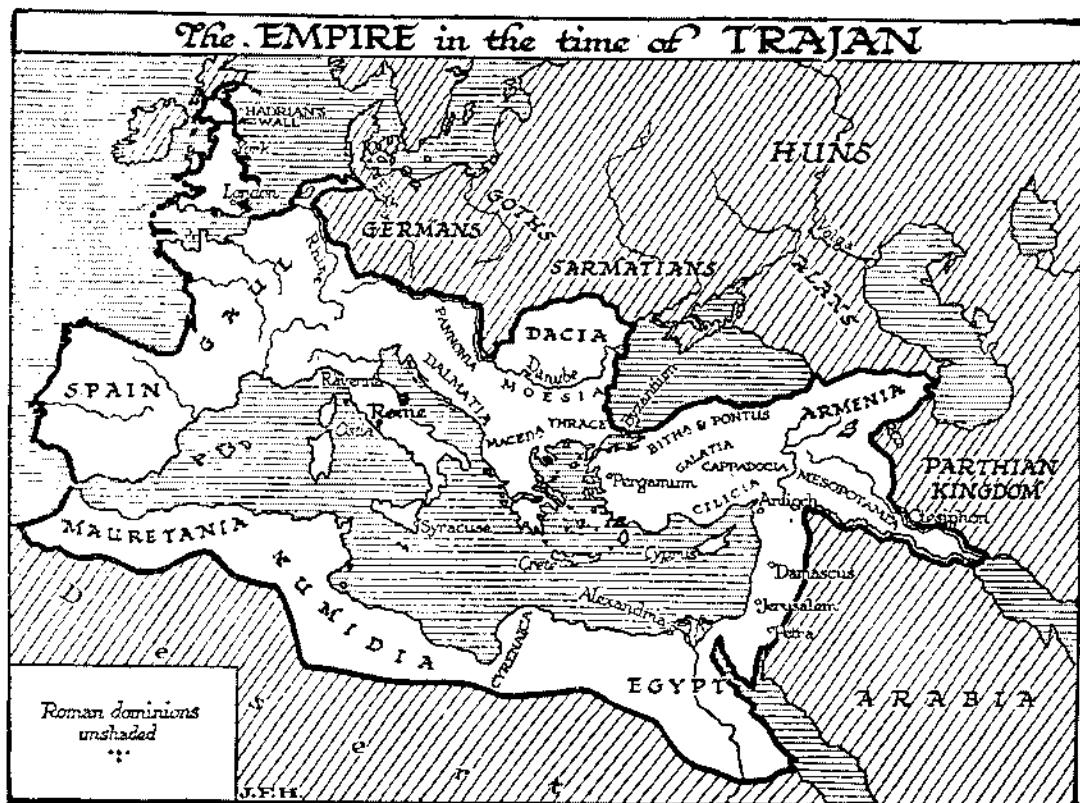
## 2. Thời kỳ Đế quốc La Mã (năm 30 tr. CN đến năm 476 sau Công nguyên)

Năm 30 tr. CN, người chấp chính nền Cộng hoà La Mã là Auguste xưng làm Hoàng đế. Sau khi Đế quốc La Mã được thành lập, La Mã phát triển rất thịnh vượng trong suốt 180 năm. Những loại hình kiến trúc mới như khải hoàn môn, cột ghi công và các Forum (quảng trường mang tên riêng của các nhà vua, đền thờ thần) được phát triển để ca ngợi quyền lực, biểu dương công đức, phô trương của cải. Các loại hình khác như nhà hát, nhà hát hình tròn, nhà tắm công cộng cũng có quy mô hoành tráng, nghệ thuật kiến trúc hoa lệ chưa từng thấy.

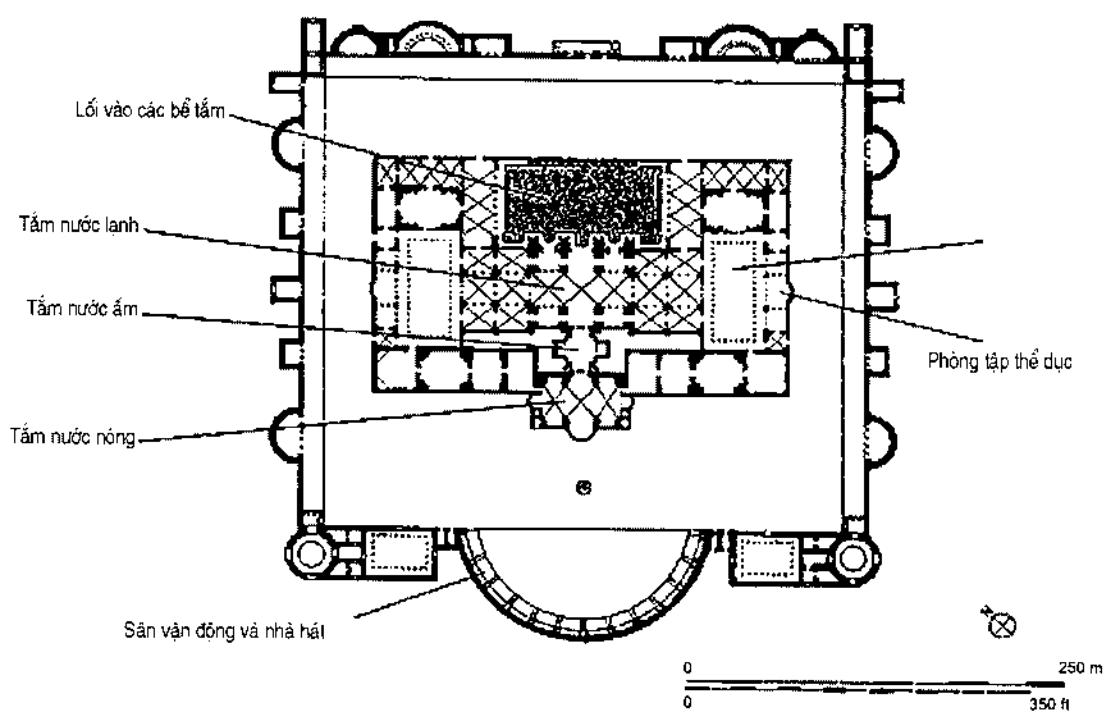
Đến thế kỷ III sau Công nguyên, kinh tế sa sút, kiến trúc suy thoái, tiếp theo năm 330 nhà nước Đông sang Byzantine sau khi La Mã tách thành hai nước Đông, Tây La Mã, sau đó vào năm 476 nhà nước Tây La Mã bị diệt vong.



Lăng mộ vua Hadrian



Bản đồ Đế quốc La Mã thời Trajan trị vì



Mặt bằng và nội thất nhà tắm Diocletian ở Rôma



Mặt bằng và nội thất nhà tắm Diocletian ở Rôma

## 5.2. ĐẶC ĐIỂM VÀ LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC LA MÃ CỔ ĐẠI

Đặc điểm của kiến trúc La Mã bao gồm những nét chung sau đây :

- Số lượng kiến trúc rất lớn, các loại hình kiến trúc chủ yếu là
  - + Đền thờ thần, miếu thờ thần.
  - + Basilica (nơi xử án và sinh hoạt công cộng).
  - + Các công trình hành chính (Curia - Viện nguyên lão), lưu trữ, thư viện.
  - + Quảng trường (Forum - nơi thường đặt các Basilica và Curia, nơi thờ các nhà vua).
  - + Nhà tắm công cộng (Therma).
  - + Hý trường, kịch trường
  - + Đấu trường.
  - + Khải hoàn môn.
  - + Các loại nhà ở, cung điện.
  - + Cầu dẫn nước, cầu cống, đường sá.
- Quy mô kiến trúc đồ sộ, tường dày, hoành tráng bề thế, gây ấn tượng về sức mạnh, quyền lực, tạo cảm giác về một sự bền vững lâu dài, nhiều công trình đã chịu đựng được thử thách của thời gian. Về độ lớn của công trình, có thể kể ra Nhà trò lớn ở Rôma dài 635 mét chứa được 150000 người, Basilica Julia có diện tích rộng 5000 m<sup>2</sup>, nhà tắm công cộng Caracalla cùng một lúc có sức chứa 1600 người... Nếu nghệ thuật Hy Lạp tìm đến một sự hài hòa giữa hình thức và cấu trúc, giữa kiến trúc và trang trí, thì kiến trúc La

Mã, ngược lại, lại là một nghệ thuật ứng dụng nhằm đáp ứng tính cách sôi động và thực dụng của người La Mã.

- Tổ hợp không gian của kiến trúc La Mã rất phức tạp do công năng của công trình cần đáp ứng được yêu cầu ngày càng đa dạng của cuộc sống. Kết cấu các công trình kiến trúc La Mã cổ đại có nhiều tiến bộ nhờ kỹ thuật xây dựng vòm, cuốn bằng đá và nhờ việc tìm ra bêtông thiên nhiên, người La Mã đã thực hiện được những kết cấu không gian lớn.

- Người La Mã đã tiếp tục phát triển ba loại thức cột Doric, Ionic và Corinth của Hy Lạp cổ đại, làm phong phú thêm hình thức của ba loại thức cột này và sáng tạo thêm hai loại thức cột mới là Toscan và Composit.

Khác với nhà nước Hy Lạp cổ đại là một nhà nước nô lệ cấp thấp, dân tự do có tính tích cực cao, nhà nước La Mã cổ đại có nền kinh tế nô lệ phát triển đến giai đoạn cao nhất, số nô lệ rất lớn và sau chiến tranh càng lớn được dùng đại quy mô vào các hoạt động xây dựng. Việc sử dụng phổ biến sức lao động rẻ mạt của nô lệ đã đẩy dân tự do và nông dân vào chỗ phá sản. Do đó mâu thuẫn giai cấp trở nên sâu sắc, và ngoài mâu thuẫn giữa chủ nô và nô lệ, mâu thuẫn bên trong nội bộ của giai cấp thống trị, mâu thuẫn giữa chính quyền trung ương và chính quyền hàng tỉnh cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội.

Thương nghiệp trong xã hội La Mã cổ đại phát triển hơn và đa dạng hơn, ngoài thương nhân kim hoàn là những nhà giàu có vị trí trong xã hội, các thương nhân đầu cơ, cho vay nặng lãi, thương nhân cho thuê nhà ở cũng xuất hiện.

Về tôn giáo, người La Mã thờ Đa thần giáo và Cơ đốc giáo. Người La Mã đã kế tục tôn giáo Etrusque và Hy Lạp nhưng đổi tên các thần theo cách gọi riêng của mình, người La Mã thờ các thần Jupiter (thần sức mạnh, tên Hy Lạp trước đây là thần Zeus), thần Junon (nữ thần Bảo vệ, tên Hy Lạp cũ là Hera), thần Apollon (thần Mặt Trời, bảo vệ nghệ thuật, người Hy Lạp gọi là thần Apollo), ngoài ra còn các thần biển Neptune (Poseidon), thần Tình yêu và Sắc đẹp Venus (Aphrodite), thần Bảo vệ mùa màng Seres (Demeter) v.v...

### 5.3. KỸ THUẬT XÂY DỰNG LA MÃ CỔ ĐẠI

Người La Mã cổ đại có thể hướng tới một nền kiến trúc có kích thước đồ sộ là do họ có kỹ thuật xây dựng cao, thiện nghệ trong việc xây dựng vòm cuốn, tường thành và xử lý chi tiết kiến trúc.

Một bức tường thành La Mã thường có móng đá hộc, hai bên mặt tường thành xây dựng móng đá hộc lớn đeo hình chữ nhật, giữa chèn đá hộc nhỏ, thỉnh thoảng trên các độ cao khác nhau lại xây chèn một băng ngang đá hình bẹt để liên kết cho vững theo chiều ngang.

Người La Mã cổ đại trong xây dựng chủ yếu dùng vật liệu xây dựng toàn khối do họ tìm ra bêtông thiên nhiên và dùng vật liệu xây dựng đá ghép. Việc sáng tạo ra bêtông giải quyết được nhiều vấn đề trong kiến trúc, thành phần chủ yếu của bêtông gồm đá cuội, những mẩu đá vụn, và cát phún thạch núi lửa (pouzzolane) trộn vào với vữa, sau khi đông kết bêtông chịu lực tốt, bền vững và không thấm nước.

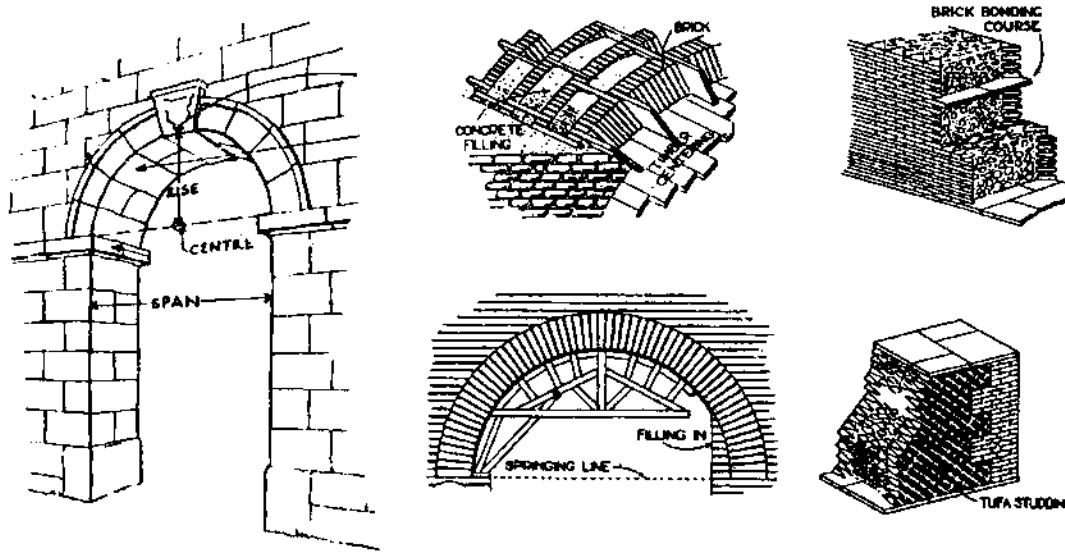
Đầu tiên loại bêtông này chỉ dùng để chèn vào những khoảng trống của móng, nền, bệ nhà và tường.. Từ thế kỷ II trở đi, bêtông trở thành một vật liệu sử dụng độc lập. Tiếp theo, bêtông thiên nhiên trở thành vật liệu toàn khối, được dùng từ chân tường cho đến đỉnh vòm cuốn, lực đẩy nghiêng nhỏ, kết cấu ổn định.

Bêtông được dùng rộng rãi do khai thác và vận chuyển dễ, giá thành hạ, trọng lượng bản thân nhẹ, khi xây dựng trừ một số thợ có tay nghề cao, có thể dùng nô lệ có trình độ kỹ thuật vừa phải, không cần lành nghề như xây đá.

Lúc đầu, người La Mã cổ đại xây cuốn tròn bằng gạch xen với bêtông, họ chú ý đỡ các cuốn tròn bằng các lớp cốt pha gỗ ghép uốn cong, giữa các hàng gạch chèn bêtông, kèm theo việc xen kẽ đặt vào các tấm gạch bản.

Gạch La Mã có các loại chữ nhật, loại bẹt kích thước khác nhau, ngoài ra còn có gạch hình tam giác vuông và tam giác đều.

Khi xây dựng những kết cấu vòm cuốn đá, các phần tường xây dựng bằng đá đặt các viên đá xen kẽ nhau, đến phần vòm, ở chân vòm nửa tròn có đá chèn đáy vòm (Imposte), ở đỉnh vòm có đá khoá vòm (Key Stone), các phần cong khác là đá cuốn hình nêm (Voussoir).



2-6-66

2-6-67

*Kỹ thuật xây dựng vòm cuốn và tường La Mã*

Người La Mã xây dựng đá thành những hình tượng kiến trúc hoành tráng và lộng lẫy, tuy mức độ tinh tế không bằng người Hy Lạp cổ đại. Nhà vua Auguste (năm 27 trước Công nguyên - năm 14 sau Công nguyên) đã tuyên bố: "sẽ biến Rôma từ một thành phố đất sét thành một thành phố cẩm thạch".

Người Hy Lạp trước đây chưa biết xây cuốn đá, mà chỉ dùng hệ kết cấu dầm cột. Kiểu cuốn - cột La Mã là thành tựu lớn về nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật kết cấu của người La Mã cổ đại, đã kết hợp được sự chịu lực của cuốn nửa trụ, dầm ngang phẳng và cột.

Kiểu kết cấu này về sau được tiếp tục dùng rất nhiều ở thời kỳ Văn nghệ Phục Hưng.

Vòm La Mã được sử dụng phổ biến, thông thường có ba loại vòm chính:

a) Vòm nửa trụ, có dạng hình ống, với hình thức nửa tròn (Barrel Vault, Voute en berceau).

b) Vòm giao thoa (Intersecting - Vault, Voute d'arêtes), còn gọi là vòm khía (Groined Vault) vì hai nửa vòm ở phần giao nhau có khía.

Trong trường hợp hai nhịp vòm bằng nhau, hình chiếu của khía có dạng hình chữ thập, nên còn gọi là vòm chữ thập (Cross Vault).

c) Vòm bán cầu (Coupole).

Các thông số đáng kinh ngạc về việc vượt các khẩu độ lớn của kết cấu đá đều được thể hiện trong các tác phẩm lớn tiêu biểu của kiến trúc La Mã cổ đại.

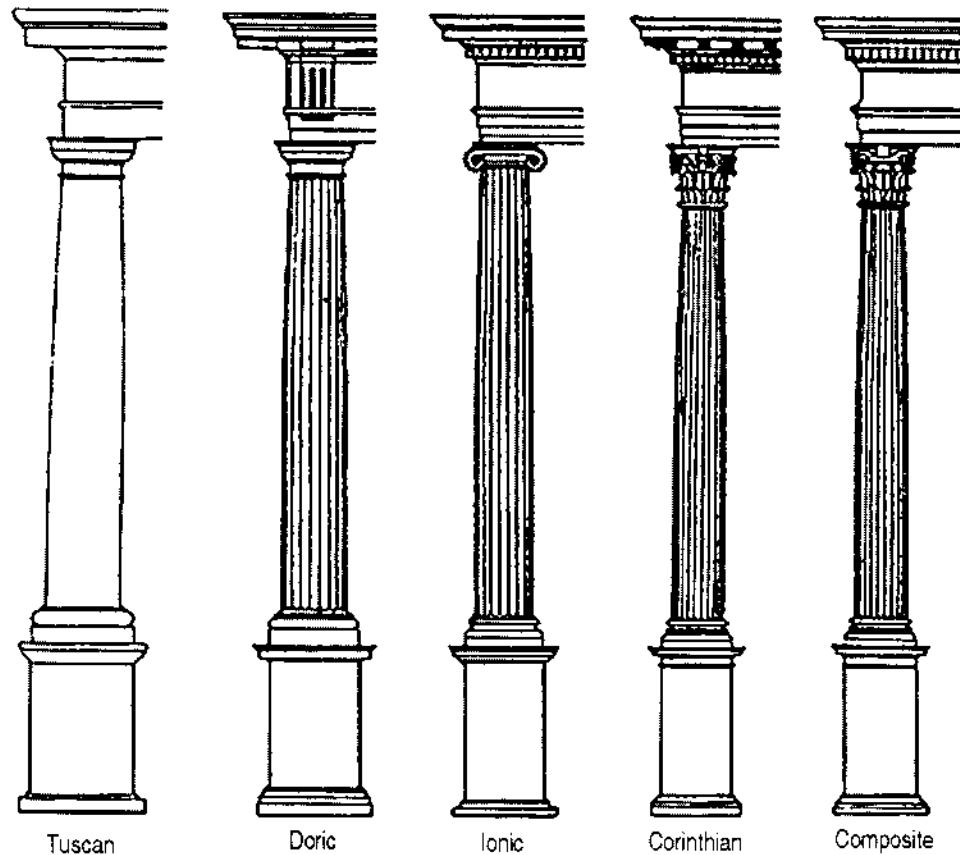
#### 5.4. THỨC CỘT LA MÃ CỔ ĐẠI

Người La Mã cổ đại đã kế thừa thức cột của người Hy Lạp cổ đại, và làm cho nó phát triển mạnh mẽ. Họ đã tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao ba loại thức cột Doric, Ionic và Corinth, đồng thời sáng tạo thêm hai loại thức cột mới là Toscan và Composite (tổ hợp).

Thức Doric La Mã khác hẳn với thức Doric Hy Lạp, tuân theo một quy tắc đơn giản hết sức nghiêm khắc. Thức Toscan là thức Doric La Mã đơn giản hóa và không có trang trí gì, thân cột để trơn. Hiện nay còn lại rất ít các vết tích của thức cột Toscan. Thức Ionic La Mã không khác gì mấy so với thức Ionic Hy Lạp.

Thức Corinth là một sản phẩm La Mã thực thụ, tuy nó bắt đầu có từ thời Hy Lạp cổ đại.

Lúc bấy giờ là vào khoảng thế kỷ V tr. CN, có một người thợ kim hoàn ở Corinth, tên là Callimachus nảy ra ý tưởng làm một đầu cột kiểu Corinth trong khi ra thăm nghĩa địa và nhìn thấy một lăng hoa bao quanh bởi mấy lớp lá Acanth.



5 thức cột La Mã

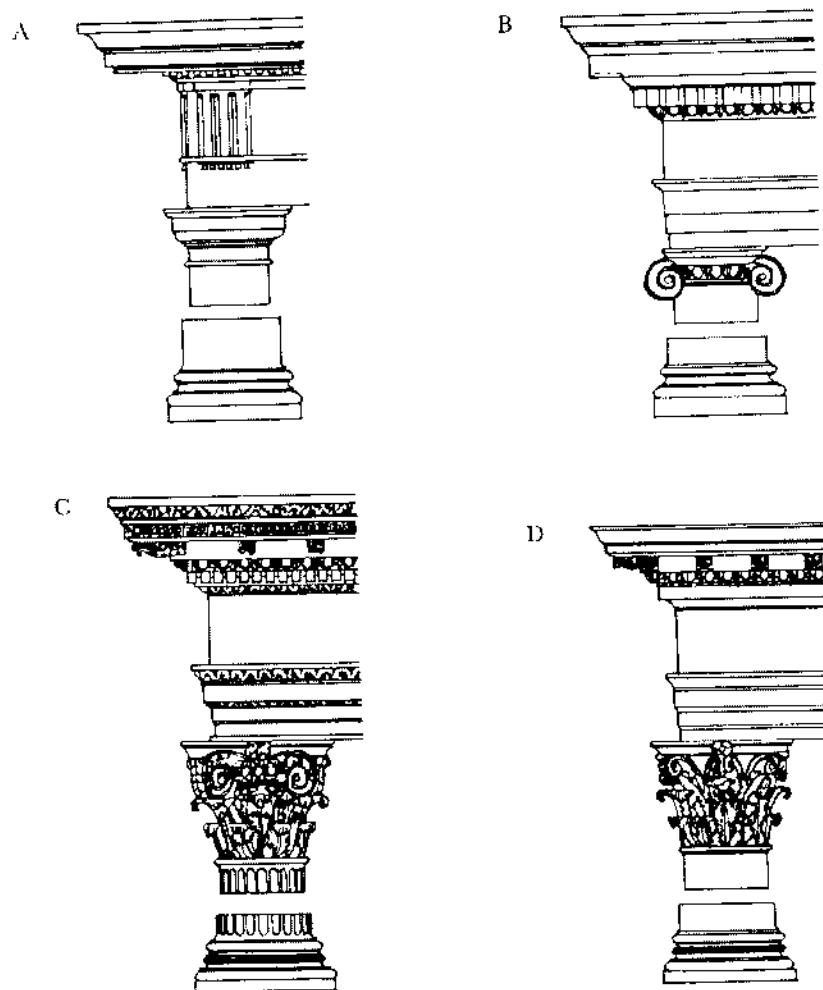
Lúc đầu, đầu cột Corinth được đúc bằng sắt và chỉ có ý nghĩa trang trí thuần túy, sau đó mới dùng cho thức cột.

Đầu cột Corinth có hai loại: loại thông thường, có phần khắc khổ được thấy ở đền thờ Vesta ở Tivoli, và loại đầu cột rất giàu trang trí, rất bay bướm, ví dụ như trường hợp đền thờ Jupiter Stator (còn gọi là đền thờ Castor và Pollux ở Rôma).

Thức cột Composit được phát triển lên từ thức cột Corinth, có thể thấy ở trong nhà tắm công cộng Caracalla. Nếu còn có tầng tư, thì thường xây đá đặc và bổ trụ Corinth. Cột các tầng trên có trụ lùi vào so với trụ cột tầng dưới, cho nên trông tổng thể rất ổn định.

Cấu trúc của thức cột La Mã thường có thêm phần bệ cột và đặt trong một bố cục gọi là hình thức cuốn - cột. Tổ hợp kiểu thức cuốn - cột này rất thành công: bệ tường vuông tương phản với cột tròn, lỗ mở vuông tương phản với cuốn tròn, cuốn tròn lại ăn nhập với hệ thống dầm cột, các gờ chỉ chạy ngang nhấn mạnh thêm sự liên kết giữa các bộ phận với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Một hình thức khác hay được

dùng trong kiến trúc La Mã liên quan đến sử dụng thức cột là dùng các thức khi xây dựng công trình nhiều tầng, thường thấy thức Toscan hay thức Doric được dùng ở tầng dưới cùng, tầng hai dùng thức Ionic, tầng ba dùng thức Corinth.



Một số ví dụ về thức cột La Mã.

- A. Thức Doric; B. Thức Ionic (A và B đều là cột của nhà hát Marcellus);
- C. Thức Composite ở Khải hoàn môn Titus; D. Thức Corinth ở đền Pantheon.

Để giải quyết sự mâu thuẫn giữa việc dùng thức cột và việc hình khối của kiến trúc La Mã rất to lớn, người La Mã phải có biện pháp. Kiến trúc La Mã cao và to hơn kiến trúc Hy Lạp nhiều, cho nên không thể chỉ đơn giản tăng kích thước của thức cột, vì như vậy sẽ nặng nề, trống trải và mất tỷ lệ. Vì vậy, thức cột La Mã phải giàu chi tiết, dùng một nhóm gờ chỉ thay cho một gờ chỉ, và dùng kết hợp các trang trí điêu khắc. Cho nên thức cột Corinth và thức cột Composit, là thức cột Corinth bên trên được thêm vào một đôi vòng xoắn của thức cột Ionic, được sử dụng rất rộng rãi.

## 5.5. CÁC TÁC PHẨM KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU THỜI KỲ LA MÃ CỔ ĐẠI

Nền kiến trúc La Mã cổ đại đã đạt được những thành tựu rất lớn lao trong lịch sử của loài người. Các công trình xây dựng gồm rất nhiều thể loại với quy mô, cũng như tính thẩm mỹ vô cùng to lớn. Phần lớn các công trình được xây dựng rất bền vững và một số công trình vượt qua thử thách thời gian còn tồn tại đến ngày nay.

### 1. Đấu trường Colisée

Đấu trường cũng là một loại hình kiến trúc phát triển mạnh mẽ song song với nhà hát, bắt đầu từ thời kỳ Cộng hòa, được xây dựng rộng rãi ở các thành phố La Mã, có mặt bằng hình elíp, gần như là hai nửa bộ phận dành cho khán giả của nhà hát đối hợp lại với nhau.

Xét về mặt công năng, quy mô, kết cấu và nghệ thuật, đấu trường Colisée ở Rôma (khởi công vào năm 72 và khánh thành vào năm 80 sau Công nguyên) là nổi tiếng nhất. Được xây dựng vào các đời vua Vespatian và Titus, Colisée là một công trình kiến trúc phản ánh đời sống tinh thần của người La Mã cổ đại là thích xem đấu mãnh thú, đấu vật giữa người với nhau, người với mãnh thú cùng các trò vui khác.



Đấu trường Colisée là một trong những công trình kiến trúc La Mã cổ đại nổi tiếng nhất thế giới.

Các thông số của đấu trường Colisée rất lớn, có thể nói là không tiền khoáng hậu:

- Chu vi mặt bằng hình elíp 527 mét, trục dài 188 mét, trục ngắn 156 mét. Sức chứa 50.000 đến 80.000 người.

- Số hàng ghế chạy vòng từ hàng đầu lên hàng cuối là 60 hàng, chia làm năm khu vực để thoát người, toàn bộ công trình có 80 lối thoát.

- Bãi đậu có kích thước  $86 \times 54$  mét, hàng ghế đầu cao hơn bãi đậu 5 mét để bảo đảm an toàn cho người xem.

Hệ tường cột chạy vòng quanh mặt đứng công trình tạo nên 80 cái vòm cuốn đã cùng với hệ tường ngang hình dẻ quạt 80 bức đỡ toàn bộ khán dài và sàn các tầng của công trình.

Hình thức mặt bằng của đấu trường Colisée được phản ánh trung thực trên mặt đứng: toàn bộ công trình cao 48 mét, bốn tầng, ba tầng lấn lượt tính từ dưới lên dùng các thức cột Doric, Ionic, Corinth, chuyển từ nặng đến nhẹ dần, sau đó tầng thứ tư dùng mảng đặc là chính, thỉnh thoảng trổ cửa nhỏ và trang trí cờ xí để phù hợp với không khí lễ hội.

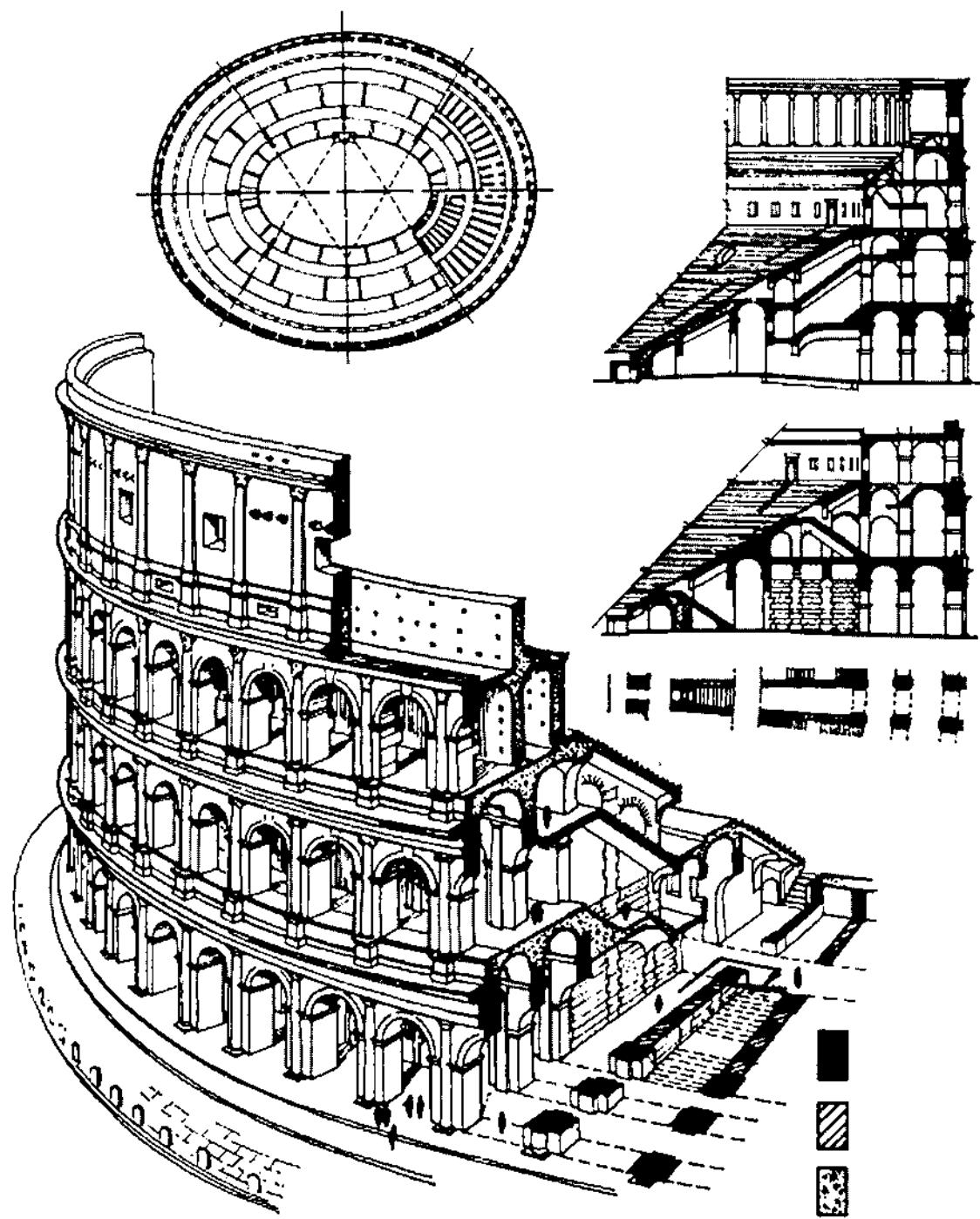
Công trình có phong cách hùng vĩ nhờ ở kích thước to lớn và vẻ khoa trương của các cuốn vòm ở các tầng. Không khí kịch tính cho trận đấu cũng được kích thích thêm bằng cách tổ chức khéo léo các chi tiết kiến trúc.

Kết cấu và vật liệu của công trình Colisée chứng tỏ sự thiện nghệ của kỹ thuật xây dựng La Mã cổ đại. Phía trên tường chịu lực, người ta dùng cuốn hình ống và cuốn giao thoa, vật liệu đá dùng làm bêtông, thì từ dưới lên trên, dùng các loại trọng lượng nặng đến nhẹ dần (đá làm bêtông móng là đá núi lửa, đá làm bêtông tường là nham thạch xám, cột liệu cho cuốn vòm là đá sỏi). Đá cẩm thạch dùng cho những chỗ cần trang trí: cột, các bệ cột, bậc lên xuống, chỗ ngồi.

Mặt ngoài đấu trường Colisée đã sử dụng một công thức mà người cổ La Mã hay dùng và ưa chuộng trong kiến trúc: sử dụng tổng hợp hai yếu tố cuốn cộng với cột thúc. Ở Colisée cũng như nhiều công trình dùng cột và cuốn khác, ví dụ với các khải hoàn môn, bên cạnh hai bên cột, còn có bỗ trụ.

Cột có tác dụng trang trí, làm nhẹ nhịp điệu của mặt đứng công trình và dùng để đỡ dầm ngang bên trên, còn bỗ trụ thì dùng để đỡ phần cuối ở phía dưới dầm ngang đó.

Công trình trông nhẹ nhàng còn do kỹ thuật kết cấu, ở mặt bằng tầng dưới cùng, diện tích kết cấu trên diện tích kiến trúc chỉ chiếm 1 : 6. Sự hài hòa mà thống nhất giữa công năng, kết cấu và hình thức của kiến trúc đấu trường Colisée rất cao. Hình thức mặt bằng của nó cho đến tận bây giờ vẫn thích hợp với loại hình kiến trúc thể dục thể thao. Kiến trúc đấu trường, cụ thể trong trường hợp đấu trường Colisée ở Rôma, là một trong những đỉnh cao của thành tựu kiến trúc La Mã cổ đại.



Mặt bằng, mặt cắt và cắt trích phôi cảnh Đấu trường Colisée.

( ■ A. Travertine, ▒ B. Nham thạch, ☐ C. Bêtông )

## 2. Đền Parthéon ở Rôma

Một trong những tác phẩm kiến trúc tiêu biểu nhất của La Mã cổ đại là đền Parthéon ở Rôma (được xây dựng vào những năm 120 - 124 sau Công nguyên).

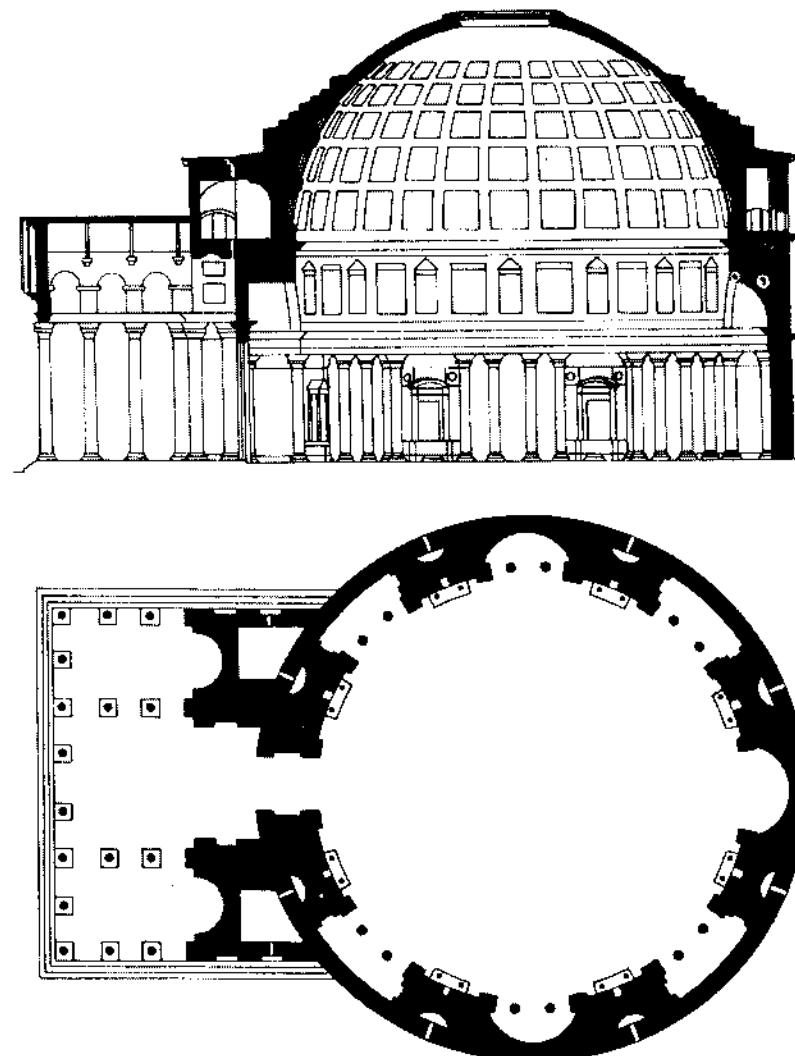
Đền Parthéon còn gọi là miếu vạn thần (đền thờ tất cả các vị thần) có mặt bằng kiểu tập trung, hình tròn. Nhìn chung các đền thờ La Mã cổ đại, với các loại thường thấy, đều không giống Parthéon, mà thường giống các đền thờ Hy Lạp Hậu kỳ.



Đền Parthéon ở Rôma  
(120-124 sau công nguyên)

Ngôi đền Parthéon cũ đã bị sập hỏng (trước ngôi đền Parthéon sau này) vốn là đền kiểu cổ trụ sảnh phía trước; khi xây dựng lại, đền Panthéon mới có hình thức mặt bằng tròn trên có mái vòm lớn, mái vòm lớn tượng trưng cho vũ trụ, cho bầu trời, nơi ở của các vị thần.

Đền Parthéon đã thiết lập một truyền thống kiến trúc và kết cấu mới của thế giới La Mã cổ đại. Nó đánh dấu một thành tựu đáng kể nhất về kỹ thuật kết cấu bêtông La Mã cổ đại: vòm mái của nó vượt một không gian lớn tới 43,3 mét. Phần dưới vòm là một khối trụ tròn lớn có tường dày tới gần 7 mét để đỡ vòm, nhưng phần tường hình vòng tròn này không xây đặc mà có chứa những khoảng trống hình chữ nhật hoặc hình bán nguyệt.



Mặt cắt, mặt bằng đền Parthéon

Những lỗ thủng hình chữ nhật hoặc hình bán nguyệt này, tổng cộng có bảy cái, hình thành bảy hốc ngăn, đã làm phong phú thêm nội thất. Những hốc ngăn ở phần trụ tường tròn đã cùng với những ô gần vuông gọi là ketxông ở vòm mái (vừa để trang trí vừa để nhẹ đi cái mái vòm khổng lồ) và cửa tròn lấy ánh sáng ở đỉnh vòm (đường kính 8,9 mét) đã phá vỡ cảm giác hữu hạn gần như đóng kín của không gian nội thất, làm cho nó phong phú và biến hóa.

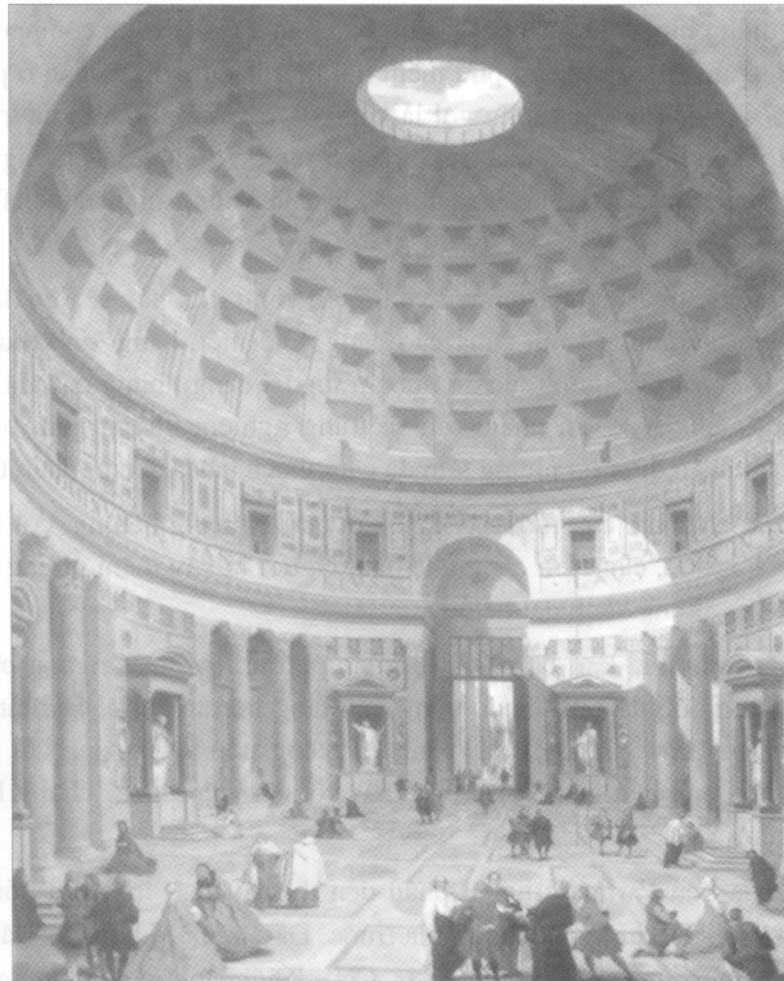
Nếu ta vẽ một vòng tròn nội tiếp với vòm mái, vòng tròn này sẽ tiếp đất. Như vậy từ đỉnh mái đến mặt nền công trình cũng cao bằng 43,3 mét, bằng kích thước của đường kính vòm mái. Nền sàn và tường lúc đó được trang trí bằng những tấm đá cẩm thạch bố trí thành những mảng hoa văn nhằm tôn vinh trang nghiêm không gian bên trong. Mặt tường phía trong, phần dưới lát những tấm đá cẩm thạch dày 1,5 cm, phần trên trát vữa.

Phần kết cấu chịu lực của tường chủ yếu được làm bằng bêtông, cốt liệu phía dưới có trọng lượng lớn hơn, càng lên càng nhẹ dần. Người ta xây thêm những dải gạch kích thước lớn vào giữa những vành đai bêtông.

Mặt tường ngoài chia làm ba phần, mỗi tầng có nấc phân vị ngang phân chia ranh giới, tầng dưới cùng ốp đá cẩm thạch trắng, hai tầng trên trát vữa. Hai tầng dưới tương ứng với phần tường dày của khối xây hình trụ, tầng trên tường ứng với phần đáy của vòm cho nên toàn bộ phần vòm bên trong thấy rõ, còn bên ngoài không bộc lộ hết chỉ nhìn rõ phần trên.

Mặt bằng của đền Parthéon ngoài phần đền thờ có hình tròn lớn nói trên, còn có thêm một khôi sảnh vào hình chữ nhật phía trước. Đây là một khôi sảnh lấy từ một ngôi đền cổ từ đời Auguste (xây dựng năm 27 tr. CN). Khôi sảnh này có vẻ đẹp rất hào hoa lộng lẫy, mang phong cách điển hình của kiến trúc La Mã cổ đại. Mặt chính phía trước sảnh rộng 33 mét, trên mặt chính có tám cây cột Corinth, mỗi cột cao 14,18 mét, đường kính đáy rộng 1,51 mét. Thân cột dùng đá hoa cương Ai Cập toàn khối, mài nhẵn màu đỏ sẫm. Đầu cột, bệ cột, diềm mái làm bằng đá cẩm thạch trắng Hy Lạp. Lùi vào phía trong sảnh là cửa vào chính được làm bằng đồng khảm vàng. Được xây dựng dưới triều vua Hadrien, đền Parthéon được bảo tồn tương đối tốt và độ lớn của vòm mái của nó giữ kỷ lục về khẩu độ của các công trình cùng loại trong suốt gần hai thiên niên kỷ. Trước Parthéon, chiếc vòm mái lớn nhất thuộc về một chiếc vòm của nhà tắm công cộng Avemus ở Rôma xây dựng vào Thế kỷ I sau Công nguyên (đường kính 38 mét).

Nếu so sánh với các thời đại sau này, trong kiến trúc hiện đại, đến tận năm 1959, tòa nhà C.N.I.T (Trung tâm quốc gia về Công nghiệp và Kỹ thuật) ở khu Défense, Paris, Pháp với mái vòm bêtông cốt thép khẩu độ 230 mét, mới phá kỷ lục về khẩu độ vòm do đền Parthéon nắm giữ. Parthéon là một công trình thành công về nhiều mặt, đặc biệt là về xử lý không gian nội thất, vừa hùng vĩ, khoáng đạt vừa sáng sủa, hài hòa. Parthéon là một trong những tác phẩm kiến trúc quan trọng nhất thời La Mã cổ đại.



Nội thất đền Parthéon

### 3. Nhà tắm Caracalla

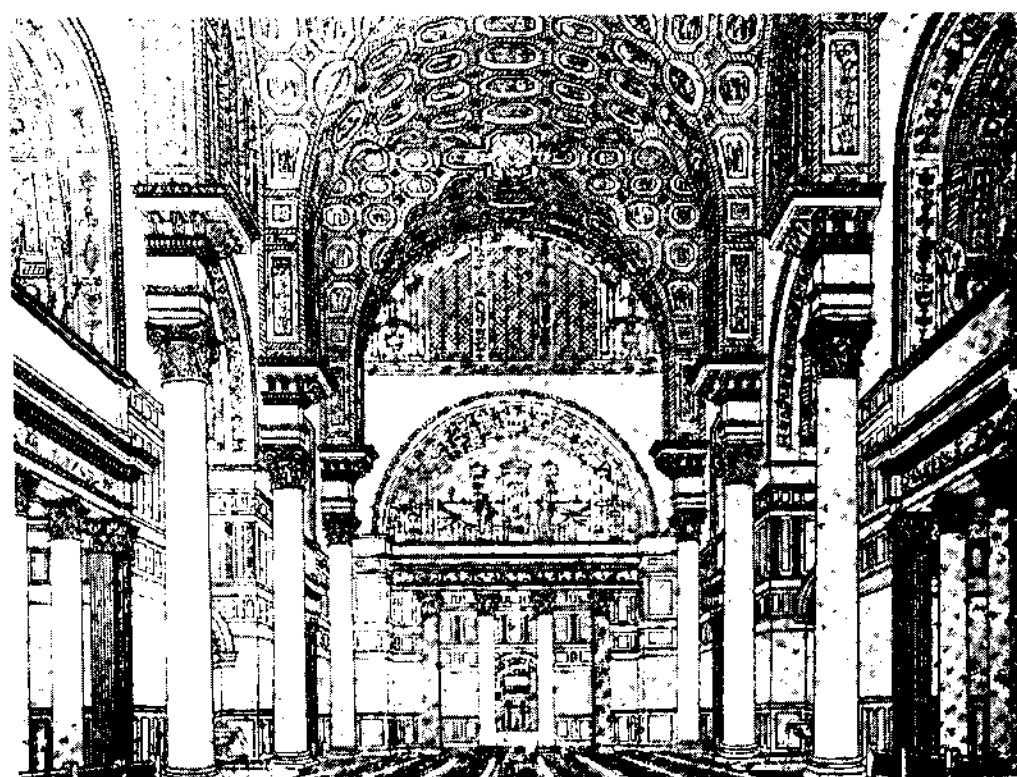
Ngay từ khi nhà nước La Mã thành lập, ở Rôma và ở các thành phố lớn khác, loại công trình nhà tắm công cộng ngày càng trở nên phổ biến.

Nhà tắm công cộng thời kỳ La Mã cổ đại không đơn thuần là một nơi để các tầng lớp nhân dân dấn tắm, mà còn là một trung tâm giao lưu văn hóa và xã giao, rèn luyện thân thể. Tập quán tắm đến từ các nước phương Đông, nhưng khi các tầng lớp trên ở nhà nước La Mã tiếp thu, thấy đó là một phương tiện để hưởng thụ không thiếu được trong cuộc sống. Riêng ở Rôma có tới 11 nhà tắm công cộng loại lớn và hơn 800 nhà tắm loại nhỏ.

Các công trình để tắm, ngoài tiền sảnh và thay quần áo, bao gồm một hệ thống các loại phòng sau đây:

- Phòng tắm với các bể tắm nước nóng (Calidarium).

- Phòng tắm với các bể tắm nước ấm (Tepidarium).
- Phòng tắm với các bể tắm nước lạnh (Frigidarium).
- Phòng tắm hơi (Sudarium hay Laconium).
- Phòng đun nước nóng để ở tầng hầm.

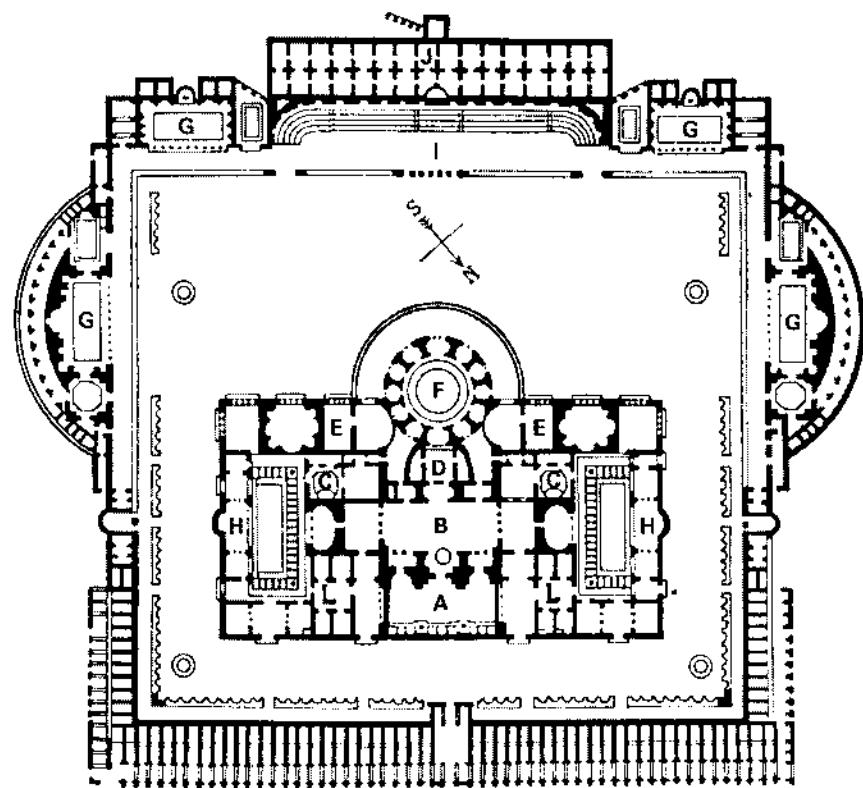


*Nội thất nhà tắm Caracalla*

Những nhà tắm công cộng nổi tiếng nhất như nhà tắm Caracalla và nhà tắm Diocletian, đều ở Rôma. Cả hai nhà tắm này đều là những quần thể kiến trúc hết sức to lớn và đồ sộ.

Nhà tắm Caracalla (năm 211 - 217 sau Công nguyên) có diện tích  $575 \times 363$  mét. Quần thể được xây dựng trên một khu đất cao hình chữ nhật, bao gồm một số công trình kiến trúc chạy vòng quanh ở внешне, sân vườn, và một chủ thể kiến trúc lớn ở khu vực giữa.

Những công trình kiến trúc ở внешне gồm một loạt các cửa hàng với hành lang cột, phía ngoài phố hai tầng, phía trong một tầng (vì độ cao chênh lệch của địa hình), với hai cánh hai bên có hai hình vòng cung chứa hai phòng hình chữ nhật là phòng diễn giả và thư viện, cánh phía sau có sân tập và các bể chứa nước.



*Mặt bằng nhà tắm Calacalla*

- |                  |                    |  |
|------------------|--------------------|--|
| A. Tắm nước lạnh | D. Tắm nước ấm     | H. Thể dục thể thao                    |
| B. Đại sảnh      | E. Các phòng tắm   | I. Sân vận động                        |
| C. Tắm hơi nước  | F. Các phòng giảng | J. Bể chứa nước 2 tầng bài và thư viện |

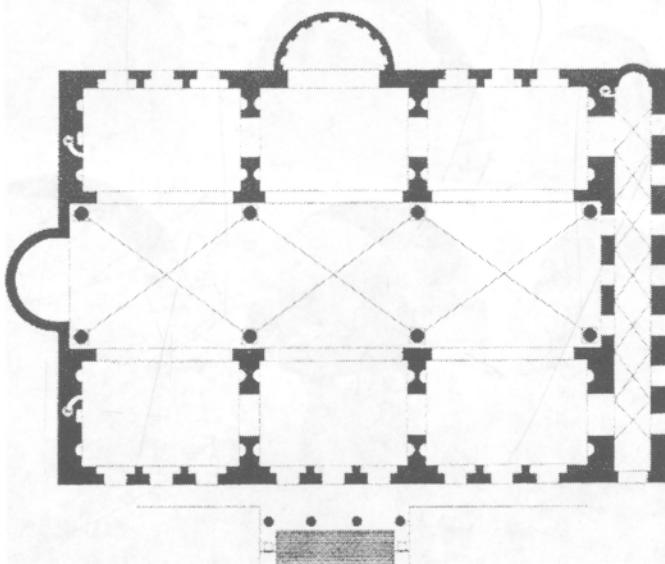
Chủ thể kiến trúc có kích thước  $228 \times 115,82$  mét là một công trình kiến trúc hoàn toàn đối xứng, trên trục giữa lần lượt bố trí các khu vực tắm nước lạnh (Frigidarium) lô thiêng, bốn phía có tường cao bao che, có những móc sắt để có thể căng bạt, tiếp đến là đại sảnh trung tâm tắm nước ấm (Tepiradium), có kích thước  $55,77 \times 24,08$  mét, cao  $32,92$  mét, phần mái tạo thành bởi ba cái vòm chữ thập. Phía trên có những cửa sổ nách lấy ánh sáng đầy đủ cho không gian rộng lớn bên dưới. Cuối trục giữa là đại sảnh tắm nước nóng (Calidarium) hình tròn bên trên lợp một vòm bán cầu đường kính lớn  $35$  mét, đại sảnh có chiều cao  $49$  mét. Đại sảnh này ở giữa có bể tắm, bên trong các bức tường có đường ống dẫn nước tắm. Mỗi một loại phòng tắm đều có các không gian phù trợ kèm theo, các phòng thay quần áo, các tiền sảnh và lối vào. Kết cấu của những loại phòng này thường là kết cấu dầm cột hay vòm cuốn.

Với nhà tắm Caracalla, công năng kiến trúc, kết cấu và nghệ thuật tạo hình đã thống nhất với nhau một cách cao độ, và độ lớn của nó đã hết sức gây ấn tượng, thậm chí làm con người hết sức kinh ngạc. Một trong những điểm trội của nhà tắm Caracalla là nội thất rất phong phú, biến hóa và khoáng đạt.

Các thông số của quần thể nhà tắm Caracalla có thể nói lên độ lớn không tiền khoáng hậu của nó: diện tích 11 ha, nhà chính chứa được một lúc 3000 người, các công trình bể chứa nước chứa được 33000 mét khối (các bể chứa nước này được nối liền với cầu dẫn nước xây dựng bằng đá phục vụ công trình).

#### 4. Basilica Maxentius

Basilica là một thể loại công trình công cộng đặc biệt, có quy mô và diện tích rộng lớn thời La Mã cổ đại, là một kiến trúc mang tính tổng hợp vừa làm nơi giao dịch, vừa làm hội trường lại vừa làm nơi xử án. Hình thức kiến trúc thông thường có dạng mặt bằng hình chữ nhật hai đầu hoặc một đầu có dạng hình nửa tròn (Apse).



Basilica Maxentius

Ngoài Basilica Trajan (năm 98 - 112 sau Công nguyên) là một Basilica lớn nhất (đã nói ở phần Forum La Mã ở trên), Basilica Maxentius (Maxence) (năm 308 - 313), nằm cạnh Forum Romanum cũng là một Basilica hết sức tiêu biểu.

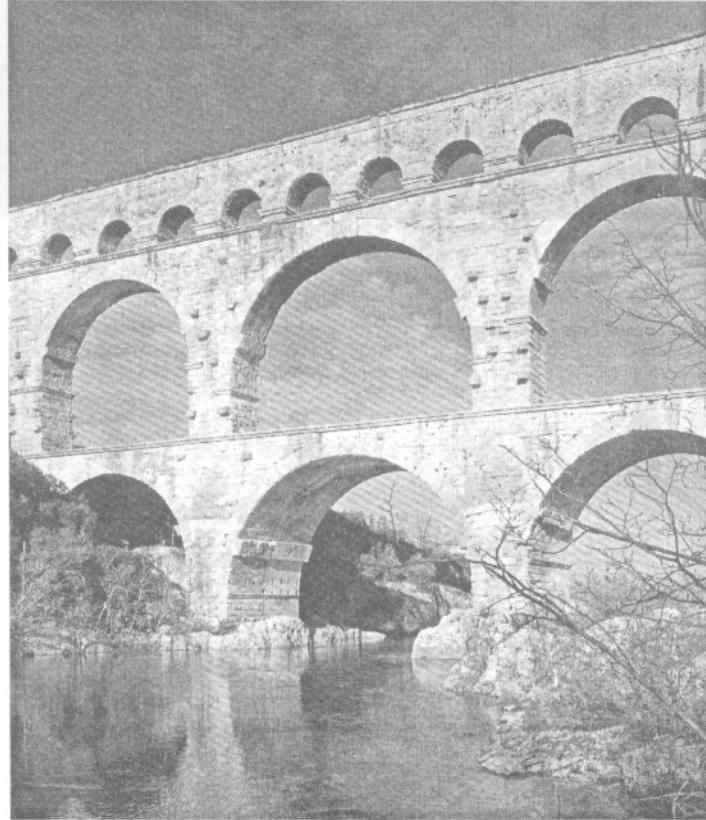
Basilica Maxentius được khởi công và xây dựng bởi nhà vua Maxentius, về sau được nhà vua Constantin hoàn thiện thêm bằng việc xây ghép thêm một tiền sảnh ở cạnh bên. Basilica Maxentius nổi tiếng về các mặt quy mô, tầm vóc, kỹ thuật xây cuốn và vòm và nghệ thuật trang trí.

Chiều dài của Basilica gồm ba bước, toàn bộ 100 mét dài, chiều rộng gồm ba nhịp, tổng cộng 76 mét rộng. Xây dựng một công trình kích thước như vậy đòi hỏi phải có kỹ thuật cao, kích thước cuốn đá nửa tròn của mỗi bước công trình có chiều rộng 20,3 mét, chiều cao 24,3 mét. Chiều cao lên đến đỉnh mái là 36,58 mét.

Kết cấu mái do ba vòm cuốn chữ thập tạo thành. Các hệ cột dùng để đỡ vòm cho nhịp giữa cao hơn, các bỗ trụ có cuốn dùng để đỡ mái hai nhịp biên. Trần vòm và mặt tường bên trong ốp những tấm vật liệu trang trí công phu.

Kết cấu và hình thức kiến trúc như vậy ở những nền nghệ thuật trước La Mã chưa từng có. Mái công trình được lợp bởi những tấm ngói bằng đồng phủ lên lớp bêtông chịu lực.

### 5. Cầu dẫn nước Pont du Gard



Cầu dẫn nước Pont du Gard, Nîmes Pháp

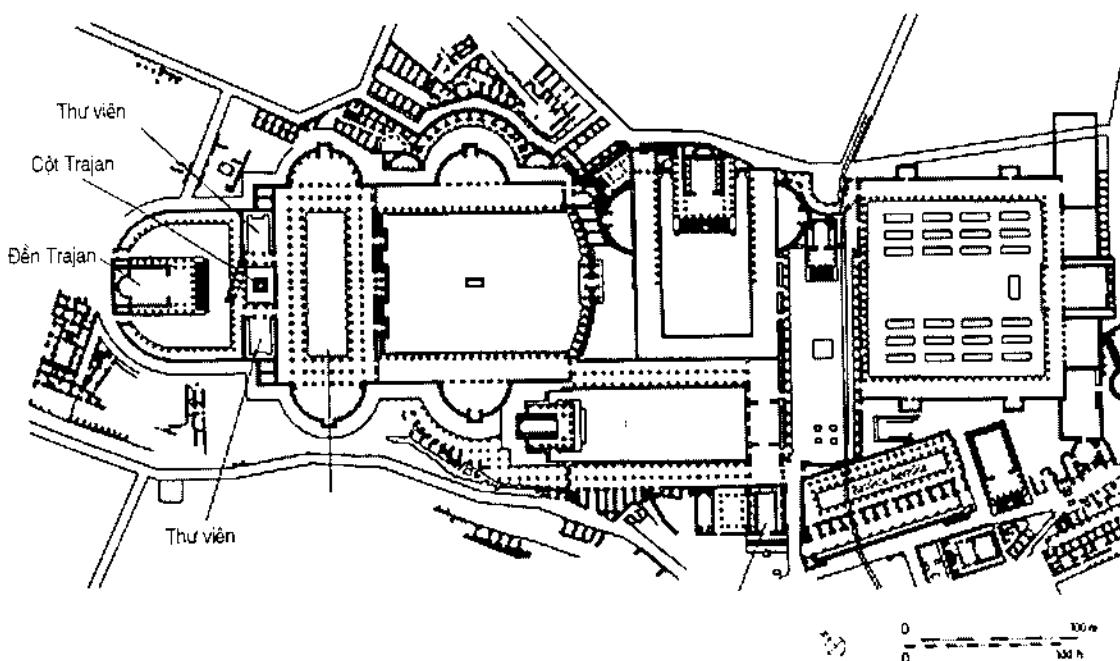
Những công trình kỹ thuật thời La Mã cổ đại là những phản ánh rất trung thực tài năng xây dựng của người La Mã. Để dẫn nước cung cấp cho thành phố, đôi khi từ rất xa về, người La Mã đã xây dựng nhiều đường ống dẫn nước ngầm hoặc cầu dẫn nước chảy trên cao.

Một trong những cầu dẫn nước (Aqueduct) nổi tiếng nhất mà người La Mã đã xây dựng là cầu dẫn nước Gard (Pont du Gard), ở Nîmes, Pháp. Chiều dài của chiếc cầu dẫn nước này nguyên là 40 km, ngày nay còn lại đoạn vượt qua sông Gordon dài 275 mét, chiều cao chỗ cao nhất của máng nước là 48,75 mét so với mặt nước sông, chia làm ba tầng và nhiều nhịp.

Hai hàng cuộn dưới có nhịp cuộn theo chiều đứng cao 19,5 mét, gần vào bờ nhịp có độ lớn 15,6 mét và ở giữa dòng có nhịp cuộn 24,4 mét. Hàng cuộn trên cùng cao 7,45 mét và có nhịp ngang 4,6 mét. Ảnh tượng thẩm mỹ gây ra bởi ba hàng cuộn rất lớn.

## 6. Forum Trajan

Các hệ thống quảng trường khởi La Mã cổ đại Forum (quảng trường thành phố), ban đầu thường là một trung tâm sinh hoạt công cộng dùng cho nhiều hoạt động: hội họp, mít tinh diễu hành, giam tù, xử án, tiến hành các nghi thức tôn giáo v.v... đôi khi ở Forum còn có chợ và là trường đấu. Những Forum ra đời sớm bao gồm một bức tường thành thúc cột, một ngôi đền, tòa thị chính (curia), phòng bầu cử và phòng xử án. Dần dần, Forum trở thành quảng trường hoàng gia chuyên phục vụ cho nhà vua.



Hệ thống Quảng trường hoàng gia Roma

Trong các quảng trường Rôma, hệ thống quảng trường Hoàng gia là hệ thống quảng trường quan trọng nhất, nhóm quảng trường Hoàng gia, (được xây dựng vào khoảng năm 54 tr. CN - năm 153 sau Công nguyên), bao gồm năm Forum: Forum César, Forum Auguste, Forum Hòa Bình, Forum Nerva và Forum Trajan.

Trong số các Forum trên, Forum lớn nhất, hoành tráng nhất, gây ấn tượng nhất và cũng là Forum cuối cùng của các triều đại La Mã là Forum Trajan, do Nhà vua Trajan (98 - 117 sau Công nguyên) tiến hành xây dựng.

Để xây dựng Forum Trajan, người ta đã phải san phẳng cả một ngọn đồi nhỏ giữa hai ngọn đồi Capitole và Quirinal, và đã phá trụi toàn bộ các khu nhà ở ở khu vực này. Forum Trajan được xây dựng vào những năm 112 - 117 sau công nguyên, vào thời kỳ mà nhà vua được thần thánh hóa cao độ.

Cửa vào chính, từ phía Forum Auguste ở phía Nam, là một khải hoàn môn, tiếp đó đến một quảng trường kích thước  $120 \times 90$  mét lát đá cẩm thạch, hai bên có hàng cột thúc và hai hình nửa tròn có đường kính 45 mét để tạo thành trực ngang. Ở giữa quảng trường, chỗ cất nhau giữa hai trực dọc và ngang, đặt tượng Trajan. Tiếp theo là một Basilica đồ sộ và lộng lẫy có kích thước  $120 \times 60$  mét. Basilica này có tên là Basilica Ulpia, thuộc dòng họ Trajan, là một trong những Basilica lớn nhất thời La Mã cổ đại.

Hai đầu Basilica có hai ban thờ hình nửa tròn, vừa để nhấn mạnh trực dọc, vừa để nhấn mạnh mối quan hệ thẳng góc của Basilica đối với quảng trường. Trên mái lợp ngôi đồng dát vàng. Phía sau Basilica là một sân nhỏ kích thước  $16 \times 24$  mét, giữa sân dựng một cột ghi công cao 35,27 mét kể cả bệ, riêng cái cột kiểu Đông La Mã cao 29,55 mét, đường kính đáy 3,7 mét. Cột làm hoàn toàn bằng đá cẩm thạch trắng, chia làm 18 khúc, trong lõi rỗng, có thể theo 185 bậc leo lên đỉnh. Giải phù điêu cuốn quanh thân cột gồm 23 vòng lượn với 200 mét dài, trên khắc sự tích đánh chiếm vùng Dacia.

Hai bên phải và trái có hai thư viện La tinh và Hy Lạp, góp phần hình thành một tổng thể lớn nhỏ, cao thấp khác nhau, gây ấn tượng mãnh liệt.

Đi qua cái sân nhỏ trên, lại tới một sân lớn có hành lang cột thúc bao quanh, ở giữa có một ngôi đền cao lớn sừng sững, mặt chính có tám cột. Đó là đền thờ bản thân Trajan, trang trí hết sức tráng lệ. Kiến trúc sư thiết kế Forum Trajan là Apollodor ở Damasc.

La Mã đã từng là một trung tâm kiến trúc hùng dũng nhất của thời cổ đại, chính vì vậy, mà về cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, đã có câu châm ngôn: "Mọi con đường đều dẫn đến Rôma".

Kiến trúc La Mã, cùng với kiến trúc Hy Lạp, đã tạo nên những "Cái chuẩn" (canon) mà đời sau còn tiếp tục sử dụng lâu dài, như Marx đã viết: "Không có Hy Lạp và La Mã cổ đại, sẽ không có Châu Âu hiện đại".

## Chương 6

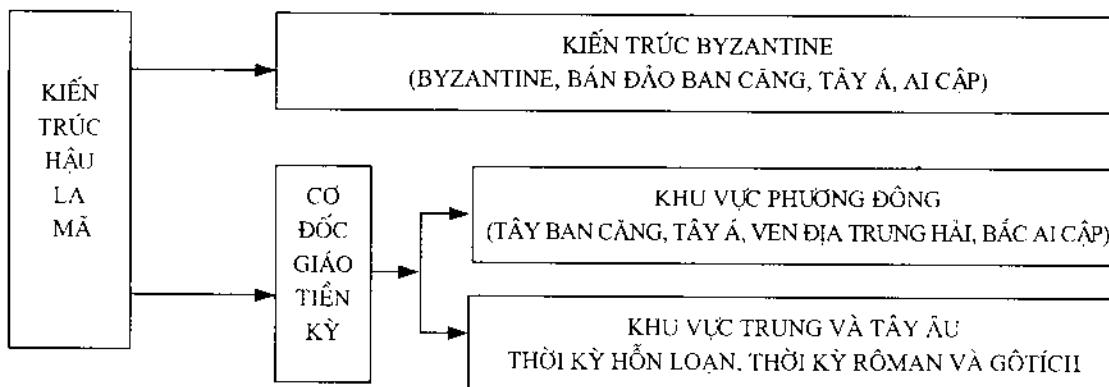
### KIẾN TRÚC CƠ ĐỐC GIÁO TIỀN KỲ, KIẾN TRÚC BYZANTINE VÀ KIẾN TRÚC NGA TRUNG THẾ KỶ

#### 6.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ XÃ HỘI VÀ TÔN GIÁO

Sự diệt vong của đế quốc La Mã (năm 476 sau Công nguyên) đánh dấu sự cáo chung của chế độ nô lệ nhà nước khu vực Địa Trung Hải, nó cũng đánh dấu sự quá độ sang chế độ phong kiến của khu vực Tây Á và Nam Á. Trong lịch sử đã lấy cột mốc này làm ranh giới phân chia giữa lịch sử cổ đại và lịch sử trung đại.

Kiến trúc các nhà nước phong kiến Trung cổ bắt đầu từ thế kỷ V khi nhà nước La Mã tan rã, đến thế kỷ XVIII, vào thời kỳ cách mạng tư sản Châu Âu thì kết thúc, với thời gian kéo dài tới 13 thế kỷ, bao quát hầu hết các nhà nước phong kiến Châu Âu và Châu Á.

Như vậy là vào thời điểm sau Công nguyên 400 năm, xã hội nô lệ đã trải qua một chặng đường 4000 năm, và mâu thuẫn bên trong của phong cách sản xuất của xã hội nô lệ đã dẫn đến việc Đế quốc La Mã rệu rã, phân biệt thành Đông La Mã và Tây La Mã, và nền kiến trúc Hậu La Mã phân liệt theo hai hướng khác nhau.



Trong quá trình phát triển phức tạp và đa dạng như vậy, cần thiết phải có sự xem xét cục diện kiến trúc của thời kỳ Cơ đốc giáo tiền kỉ và của hai nền kiến trúc phong kiến sơ khai là kiến trúc Byzantine và kiến trúc Trung cổ Nga và vùng phụ cận.

Kiến trúc Byzantine và kiến trúc Nga Trung cổ kéo dài từ thế kỷ IV đến thế kỷ XVI. Vào thời điểm ở bên bờ của sự diệt vong, chính quyền nhà nước hủ bại, kinh tế quốc gia

phá sản, cuộc đấu tranh chống chế độ nô lệ phát triển mạnh, Hoàng đế La Mã Constantine năm 330 đã rời đô từ Rôma sang phía Đông, đến vùng eo biển Bosphorus và đổi tên khu vực này thành Constantinople, thuộc khu vực Byzantine. Mục đích của việc dời đô là hy vọng dùng của cải phong phú và chế độ nô lệ tương đối ổn định của phương Đông để hạn chế sự tan rã của chế độ. Tuy vậy nguy cơ này đã không tránh khỏi. Năm 395 sau Công nguyên, nhà nước La Mã tách làm hai, thành Đông La Mã và Tây La Mã. Nhà nước Tây La Mã định đô ở Ravenna, về sau đến năm 476 bị người Germany tiêu diệt. Nhà nước Đông La Mã lấy Byzantine làm trung tâm, đã từng phát triển rất phồn thịnh, trải qua mấy đợt suy thoái, đến tận năm 1453 mới bị Thổ Nhĩ Kỳ tiêu diệt.

Byzantine vốn là thành phố thực dân thời Hy Lạp và La Mã cổ đại, và đế quốc Đông La Mã cũng gọi là đế quốc Byzantine, cho nên nền kiến trúc của nó gọi là kiến trúc Byzantine.

Bản đồ kiến trúc Byzantine bao gồm bán đảo Bancang, khu vực Tiểu Á Tế Á, khu vực Đông Địa Trung Hải và khu vực phía Bắc Châu Phi.

Những địa danh nổi tiếng, cũng là những đô thị then chốt, của kiến trúc Byzantine là:

- 1) Constantinople (nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ)
- 2) Venise (nay thuộc Italia)
- 3) Rôma
- 4) Ravenna
- 5) Tourmanin (Syrie)
- 6) Damascus (Syrie)

Đa phần những địa danh trên đã phát huy ảnh hưởng kiến trúc của mình trong khoảng thế kỷ IV đến thế kỷ VIII. Từ thế kỷ V đến thế kỷ X, kiến trúc Châu Âu bị ảnh hưởng sâu sắc của kiến trúc Byzantine. Tất cả các khu vực phía Đông, Đông Bắc, Bắc, Tây Nam và Nam Byzantine, phạm vi ảnh hưởng của kiến trúc Byzantine đều rất lớn.

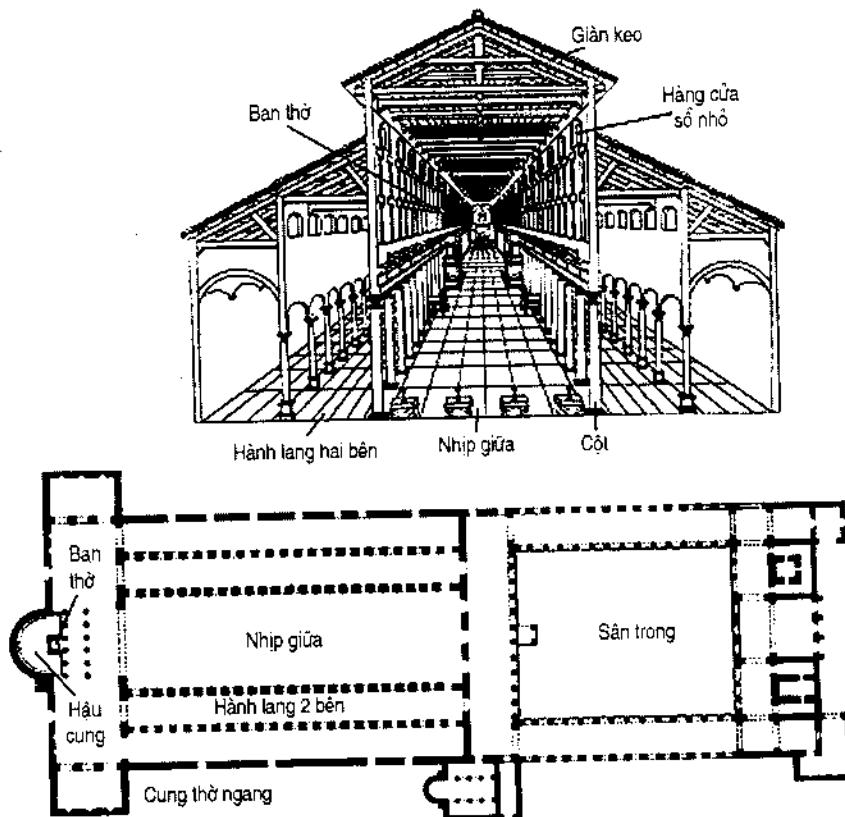
Trong khi đó, kiến trúc nhà nước Nga và các nước Đông Âu, về mặt phong cách, có một sự gần gũi với kiến trúc Byzantine. Vì người Slave từ thế kỷ V đã giao tranh về quân sự với Byzantine, đến thế kỷ IX lại theo Cơ đốc giáo, cũng như về mặt văn hóa có nhiều sự giao lưu. Kiến trúc Nga và Đông Âu tuy ít nhiều chịu ảnh hưởng của kiến trúc Byzantine, nhưng vẫn gắn bó với thực tế xã hội, điều kiện địa lý khí hậu và văn hóa dân tộc nên vẫn có những nét đặc sắc riêng.

## 6.2. KIẾN TRÚC CƠ ĐỐC GIÁO TIỀN KỲ

Trước khi đi sâu vào kiến trúc Bizantine và kiến trúc Nga trung thế kỷ, chúng ta cần đề cập đến một số vấn đề về nền kiến trúc Tây La Mã sau khi nhà nước La Mã phân liệt.

Trước kiến trúc Rôman (thế kỷ X đến XII), Gôtich (thế kỷ XII đến XV), có một giai đoạn từ thế kỷ IV đến IX được gọi là Kiến trúc Cơ đốc giáo tiền kỳ. Giai đoạn này Châu Âu đang trong đêm dài Trung thế kỷ tiền kỳ và là thời điểm chế độ nô lệ tan rã, chế độ phong kiến hình thành. Kiến trúc Cơ đốc giáo tiền kỳ phát triển đồng thời với kiến trúc Byzantine. Byzantine là phần đế quốc phía Đông của đế quốc La Mã, kiến trúc Cơ đốc Byzantine là phần đế quốc phía Tây của đế quốc La Mã sau khi diệt vong, kéo dài khoảng 300 năm. Đó chính là thời kỳ loạn lạc và các nhà nước phong kiến Tây Âu đánh lẩn nhau.

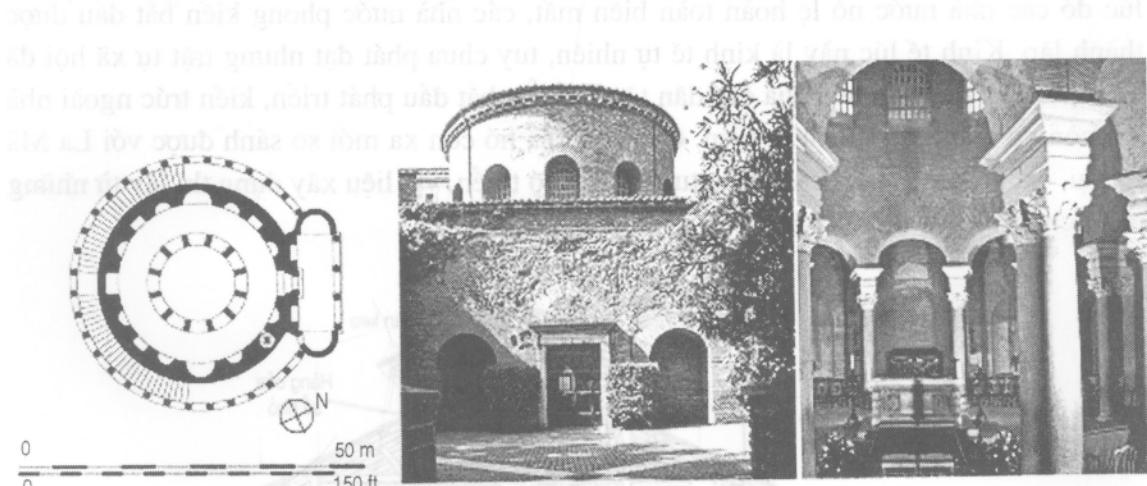
Loại hình kiến trúc chủ yếu của Cơ đốc giáo tiền kỳ là nhà thờ Cơ đốc giáo. Vào khoảng trước và sau thế kỷ IV sau CN, Tây Âu sau một thời kỳ thống nhất ngắn thì tan rã ra thành Pháp, Đức, Ý, Anh v.v. Tổng cộng có khoảng trên 10 nhà nước riêng biệt. Và lúc đó các nhà nước nô lệ hoàn toàn biến mất, các nhà nước phong kiến bắt đầu được thành lập. Kinh tế lúc này là kinh tế tự nhiên, tuy chưa phát đạt nhưng trật tự xã hội đã ổn định. Các nền văn hoá của các dân tộc Tây Âu bắt đầu phát triển, kiến trúc ngoài nhà thờ còn có thành quách và tu viện. Quy mô của nó còn xa mới so sánh được với La Mã cổ đại. Cả thiết kế và thi công đều tương đối thô thiển, vật liệu xây dựng thì lấy từ những phế tích của kiến trúc La Mã.



Nhà thờ St. Peter (Cũ) ở Rôma

Tác phẩm tiêu biểu lúc đó là nhà thờ St. Peter có mặt bằng Basilica, là nhà thờ tiêu biểu nhất của Cơ đốc giáo tiền kỵ. Lối vào phía Đông, phía trước có sân trong, công trình chính dài 60m, kiểu basilica có bốn hàng cột ở giữa. Phân sảnh giữa (Nave) cao rộng, hành lang 2 bên (Aisle) hẹp, thấp, ở phía cuối có một bán cầu là chỗ thờ. Nhịp giữa được chiếu sáng từ phía trên bằng các cửa sổ. Đến thế kỷ XV công trình này bị phá dỡ xây dựng nhà thờ mới.

Tác phẩm thứ 2 là nhà thờ S. Costanza ở Rôma được xây dựng vào năm 330 tr. CN. Nhà thờ này trước đây là mộ của con gái nhà vua Constantine. Đến năm 254 thì đổi thành nhà thờ. Bố cục của nhà thờ kiểu tập trung, đường kính phần trung tâm là 12,2m. Hệ vòm do 12 cặp cột kép đỡ, xung quanh là hành lang quay tròn. Bên trong có trang trí bằng đá màu mosaic rất đẹp.



Nhà thờ S. Costanza ở Rôma

### 6.3. PHÂN KỲ LỊCH SỬ KIẾN TRÚC BYZANTINE VÀ KIẾN TRÚC NGA THỜI TRUNG CỔ

- Kiến trúc Byzantine

*Sự phát triển của kiến trúc Byzantine được chia ra làm ba giai đoạn*

+ Kiến trúc Byzantine tiền kỵ (thế kỷ IV - thế kỷ VI), đây cũng là thời kỳ hưng thịnh của nhà nước Đông La Mã. Việc xây dựng Constantinople được đẩy mạnh và thành phố này được mệnh danh là "chiếc cầu vàng nối liền phương Đông và phương Tây". Kiến trúc có rất nhiều loại hình: thành quách, cổng thành, cung điện, quảng trường, cầu dẫn nước và bể chứa nước,... đặc biệt nhà thờ được đẩy mạnh việc xây dựng, có quy mô càng ngày càng đồ sộ, hình thức càng ngày càng hoa lệ. Trong khi kiến trúc cung điện vẫn được xây dựng theo kiểu kiến trúc La Mã thì nhà thờ, ngược lại, đòi hỏi phải có một chế định mới, vì Cơ đốc giáo là Quốc giáo, khi truyền sang phương Đông còn gọi là Đông

chính giáo. Việc di tìm một truyền thống mới này vào thế kỷ VI được đánh dấu bằng một tác phẩm lớn là nhà thờ Hagia Sophia. Thời kỳ này còn được gọi là thời kỳ hoàng kim của kiến trúc.

+ *Kiến trúc Byzantine trung kỳ (thế kỷ VII - thế kỷ XII)*, do đất đai bị thu hẹp vì bị ngoại xâm, quy mô và số lượng kiến trúc lúc này bị giảm đi, đặc điểm kiến trúc là trên diện tích chiếm đất nhỏ, vẫn lấy việc phát triển theo chiều cao làm chính nhưng không còn những mái vòm lớn có vị trí trung tâm như thời kỳ trước nữa.

Tính chất này được phản ánh vào việc xây dựng một công trình tiêu biểu của kiến trúc Byzantine nhưng được đặt ở Venise, phương Tây là nhà thờ S.Marco.

+ *Kiến trúc Byzantine hậu kỳ (thế kỷ XIII - thế kỷ XV)*, kiến trúc Byzantine giai đoạn này không vươn lên được do nhà nước bị tổn thất vì những cuộc đánh chiếm của quân Thập tự chinh. Quy mô xây dựng nhỏ, quay về trang trí trong nhà là chính, cho đến lúc bị Thổ Nhĩ Kỳ tiêu diệt (năm 1453), kiến trúc không có gì đặc biệt.

Kiến trúc Byzantine nhìn chung những giai đoạn thịnh đạt đạt được những thành tựu nổi tiếng là do đã tổng hợp được những kết quả của việc xây vòm cuồn gạch đá khu vực Tây Á, việc dùng thức cột cổ điển của Hy Lạp cổ đại và việc tìm đến quy mô đồ sộ của kiến trúc La Mã cổ đại.

#### • Kiến trúc Nga và Đông Âu thời kỳ Trung thế kỷ

Sự phát triển của kiến trúc Nga và Đông Âu thời kỳ Trung thế kỷ được chia làm 2 giai đoạn sau:

Kiến trúc thời kỳ nhà nước Kiev (thế kỷ XI - XIV)

Kiến trúc thời kỳ Công quốc Moxkva (thế kỷ XV - thế kỷ XVI).

Các nhà thờ của kiến trúc thời kỳ Nhà nước Kiev được đặc trưng bằng những vòm mái tuy nhỏ nhưng rất giàu sức sống, trong khi kiến trúc thời kỳ Công quốc Moxkva, màu sắc kiến trúc địa phương trong các vòm mái nhà thờ lại rất nổi bật.

### 6.4. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA KIẾN TRÚC BYZANTINE

Sau khi chia thành hai phần Đông và Tây, đế quốc Byzantine ở phía Đông có thành tựu tiếp tục nở rộ. Trong quá trình phát triển của nó, ảnh hưởng của phương Đông đã làm thay đổi phong cách kiến trúc cũ và hình thành một phong cách kiến trúc mới đặc trưng. Vào thế kỷ VI, nhà vua Justinian đã cố gắng chiếm lại những vùng đất trước đây của Đế quốc La Mã cũ như vùng Ravenna (trước đây đã từng là thủ đô của Italia) và đã xây dựng một số nhà thờ Byzantine điển hình ở đó.

Để nhận biết một kiến trúc nhà thờ Byzantine, ta có thể quan sát nó theo những nét đặc trưng sau đây:

- + Mặt bằng có các loại sau: Basilica, chữ thập, tập trung, đa giác.
- + Nghệ thuật Mozaich nổi tiếng trong nội thất.
- + Lối vào chính từ phía Tây, bàn thờ luôn ở phía Đông.
  - + Kiến trúc dùng tường gạch là chính hoặc gạch xây xen kẽ với đá. Bên trong có khảm khắc những hình mẫu trang trí và ốp bằng vữa, mái lợp ngói hoặc lợp bằng những tấm chì.
  - + Phía bên ngoài ít trang trí và thường để thô mộc. Lối vào đôi khi được cấu tạo bằng những hàng cột cuộn không chú trọng trang trí, vẻ ngoài rất mâu thuẫn với bên trong hoa lệ, với trang trí màu lam và màu vàng là chính, theo các chủ đề Kinh thánh và Cung đình.
  - + Vòm buồm là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của kiến trúc Byzantine. Ưu điểm của vòm buồm sau này được kiến trúc Phục Hưng Italia phát triển thêm một cách đáng kể.
- Nhà nước Byzantine là một trong những nhà nước đầu tiên mang tính chất phong kiến hoá, xoá bỏ tàn tích nô lệ, có tôn giáo là Cơ đốc giáo, vừa là nơi giao lưu giữa Đông và Tây, nên kiến trúc Byzantine mang những đặc điểm nổi bật sau đây:
  - Kiến trúc Byzantine có nhiều loại hình mang đậm màu sắc địa phương phương Đông và tinh lọc được những đặc sắc của kiến trúc phương Tây
  - Nhà thờ mang nhiều tính chất của nhà công cộng, nơi các con chiên tụ họp thường xuyên để tiếp thu những ảnh hưởng xoá bỏ tàn tích nô lệ nên được xây dựng rất công phu, tinh tế của phương Đông và quy mô đồ sộ của phương Tây.
  - Cụ thể hơn, hình thức mặt bằng nhà thờ bấy giờ có các loại sau:
    - + Mặt bằng kiểu Basilica hình chữ nhật
    - + Mặt bằng kiểu tập trung (Hình tròn hoặc hình đa giác, ở giữa có mái vòm)
    - + Mặt bằng kiểu chữ thập (Mặt bằng có khu vực trung tâm ở giữa lợp mái vòm, bốn phía có không gian vuông ra xung quanh).
- Thế kỷ V và VI, đế quốc Byzantine rất rộng lớn, bao gồm cả Syrie, Palestine, Tiểu Á, Bancāng, Ai Cập, Bắc Phi và Italia, nên có điều kiện thu hút những tinh hoa của cả hai nền văn minh Đông, Tây. Bên cạnh Giáo hội, ảnh hưởng của cả hai nền văn minh quý tộc, của các tầng lớp thị dân đô thị, cũng rất lớn, do đó tính chất thế tục của nền kiến trúc nhà thờ cũng lớn. Do vậy, kiến trúc Byzantine đã xây dựng cho mình những đặc sắc riêng dựa trên di sản kiến trúc La Mã và kinh nghiệm kiến trúc bản địa.
- Kiến trúc Byzantine rất chú ý và có nhiều thành tựu trong việc tổ chức không gian bên trong.

Trong kiến trúc Hy Lạp và La Mã cổ đại, nghi thức tôn giáo và lễ hội dân gian (Đa thần giáo và các lễ hội dân gian) thường được cử hành ở ngoài trời, nên diện tích công trình lớn hay nhỏ không được quan tâm nhiều, không gian ngoài nhà lúc đó rất quan trọng. Sang kiến trúc Byzantine, nghi thức tôn giáo được cử hành bên trong nhà thờ, Giáo hội quản lý toàn bộ hoạt động cuộc sống của tín đồ cho nên nhà thờ là nơi tụ tập, hội họp của nhân dân, kiến trúc tôn giáo Byzantine đòi hỏi phải có những không gian lớn, phải có được sức chứa lớn và cảm giác vô hạn về không gian. Vì vậy mặt bằng kiểu tập trung hay kiểu chữ thập có diện tích lớn, không gian phong phú biến hóa dần dần được sử dụng rộng rãi. Trong khi đó mặt bằng kiểu Basilica mảnh và dài chỉ được dùng trong thời kỳ kiến trúc Byzantine mới phát triển.

Thành tựu của việc tổ chức không gian bên trong của kiến trúc Byzantine có được là nhờ người Byzantine nắm được kỹ thuật kết cấu không gian lớn và tìm ra cũng như đẩy mạnh việc sử dụng một loại vòm gọi là *vòm buồm*.

Nền kiến trúc Hy Lạp cổ đại không có vòm, nền kiến trúc La Mã cổ đại mới chỉ dùng vòm bán cầu. Vòm bán cầu La Mã mới chỉ vượt được một không gian lớn vừa phải, vì loại vòm này đặt trực tiếp lên đáy tường hình tròn hoặc đa giác ở bên dưới.

Trong khi đó vòm buồm Byzantine đặt lên cột, lợp được cả một không gian rộng rãi hơn. Nếu là một tổ hợp vòm buồm, với một vòm chính ở giữa cao hơn và bốn vòm buồm xung quanh, không gian lại càng rộng rãi và biến hóa hơn nữa.

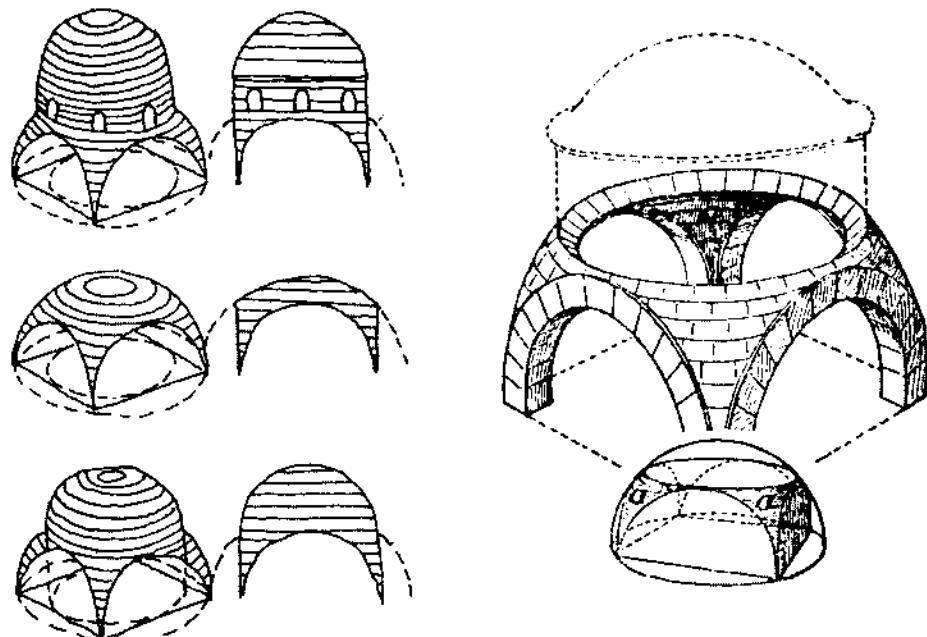
Chỉ có phát triển vòm buồm mới thực hiện được ý đồ kiến trúc mặt bằng kiểu tập trung. Về mặt kết cấu, vòm buồm (dome on pendentives) bao gồm một vòm bán cầu đặt lên trên một bộ phận gọi là cuốn buồm (pendentive).

Nếu cuốn buồm nằm trên một mặt cầu với vòm bán cầu, ta có vòm buồm đơn giản; nếu mái bán cầu được nâng cao lên, có cổ chống đỡ và cuốn buồm xoè rộng ra, ta có vòm buồm phức tạp.

Đây là một phát kiến lớn, đã triệt để giải quyết được vấn đề hình thức kiến trúc và kết cấu vòm buồm có mặt bằng hình vuông. Cách làm cuốn buồm là trên một mặt bằng hình đáy vuông, men theo các cạnh hình vuông xây cuốn tròn, mái của cuốn buồm giống như một khối nửa tròn bị cắt vẹt đi phần không gian của đường tròn ngoại tiếp với mặt bằng hình vuông đó.

Một giải pháp kết cấu như vậy làm hài hòa, đơn giản hơn nhiều sự kết hợp một mặt bằng hình vuông và một mái cuốn tròn, tái trọng lại chỉ tập trung ở bốn cột, triệt tiêu được nội lực xuất hiện trong vòm.

Ba thành phần cuốn buồm, cổ trống, vòm bán cầu, là những thành phần cơ bản của vòm buồm, về sau đổi với kiến trúc các công trình kỷ niệm Châu Âu ảnh hưởng rất lớn. Cụ thể là nền kiến trúc Phục hưng Italia đã kế thừa thành tựu xây dựng kiểu vòm này, nâng cao thành hệ thống vòm ovan hai lớp vỏ có thể lợp được một không gian cực lớn.



Cấu tạo hệ thống vòm buồm trong kiến trúc Byzantine

Vòm buồm Byzantine đương thời làm bằng gạch lớn hoặc đá nhẹ, cũng có khi làm bằng tấm gốm, trọng lượng vòm nhỏ và khi xây không dùng cốt pha. Khối xây ở dưới thường dùng bê tông hoặc có khi là những dải gạch xen vào những lớp vữa hay đá.

#### - Kiến trúc Byzantine có nghệ thuật trang trí hào hoa và tinh tế

Nghệ thuật trang trí trong kiến trúc Byzantine gắn bó chặt chẽ với vật liệu và kỹ thuật của nền kiến trúc này. Vật liệu xây dựng ở vùng trung tâm Byzantine chủ yếu là gạch xây chen với những lớp vữa dày, còn dùng cả bê tông có xuất xứ từ La Mã. Vì những vật liệu đó có bề mặt bên trong cũng như bên ngoài, có phần dưới vòm trần trông đậm bạc, nên cần phải gia công trang trí những diện tích lớn đó, vì vậy đã xuất hiện nghệ thuật Mozaich khảm khắc pha lê, các chạm vẽ bột màu và điêu khắc để làm cho kiến trúc Byzantine đạt được hiệu quả lộng lẫy. Đó cũng là một đặc điểm nổi bật của nghệ thuật kiến trúc Byzantine.

Phần tường của nội thất kiến trúc Byzantine được trang trí bằng những tấm đá cẩm thạch, nhưng bề mặt vòm và cuốn lại không thích hợp với việc ốp đá cho nên dùng Mozaich (tranh ghép gốm hay khảm pha lê bằng những miếng nhỏ) hoặc vẽ bột màu.

Mozaich vào thời Hy Lạp hậu kỳ đã lưu hành ở vùng phía Đông Địa Trung Hải, Mozaich của Byzantine phát triển lên từ truyền thống làm Mozaich của thành phố Alexandria. Mozaich thường được tạo thành bởi những miếng thủy tinh nhỏ nửa trong suốt (đục mờ). Để đảm bảo sự thống nhất sắc độ của những mảng Mozaich lớn, đầu tiên người ta quét lên mặt sau của những miếng thủy tinh một lớp màu nền, màu nền này từ

thế kỷ VI trở về trước dùng mầu lam là chính, còn từ thế kỷ VI trở về sau, có nhiều công trình kiến trúc lớn dùng mầu nền là màu nhũ kim. Những mầu sắc đa dạng khác quét lên mặt ngoài các miếng thủy tinh, có mầu nền là lam hay kim nhũ, tạo thành một tổng thể khảm khắc rất huy hoàng và tráng lệ.

Mặt ngoài các miếng thủy tinh có độ nghiêng khác nhau, tạo thành hiệu quả lấp lánh, đồng thời khoảng cách giữa các miếng thủy tinh cũng không liền mạch, tạo nên vẻ hài hòa giữa tranh khảm với công trình xây dựng.

Đối với công trình kiến trúc không quan trọng lắm, người ta làm các bức tranh bột mầu lên tường. Tranh bột mầu có hai loại, một loại vẽ lên khi vữa đã khô, không được bền mầu lắm, một loại vẽ lên lúc vữa còn ướt, có độ bền lâu tốt và chất lượng thẩm mỹ cao.

Đề tài của Mozaich và tranh bột mầu đều là những đề tài mang tính tôn giáo hoặc gắn bó với những sự tích của nhà vua. Hai thể loại trang trí này cũng có một mối liên hệ nhất định với trang trí gạch men lưu ly Lưỡng Hà và Ba Tư trước đó.

Nghệ thuật khảm đá của kiến trúc Byzantine cũng rất đặc sắc ở các cuốn, chân cuốn, đáy vòm, đầu cột... và nhiều bộ phận khác được xây dựng bằng đá, đều có những điêu khắc trang trí trên các bề mặt, đề tài chính là hoa văn hình học hoặc hoa lá thực vật.

Đặc điểm của điêu khắc đá là giữ nguyên được hình dáng hình học của cấu kiện kiến trúc, phần khắc lõm vào hình chữ V hoặc hình chữ U, cách làm này có nguồn gốc từ nghệ thuật truyền thống Arménia, vùng Trung Á.

Sự lộng lẫy này có thể thấy được trong nội thất của rất nhiều kiến trúc Byzantine, ví dụ như nội thất bên trong của Lăng mộ Galla Placidia ở Ravenna, xây dựng khoảng năm 425. Các bức tường được ốp đá cẩm thạch, vòm mái được khảm khắc bằng những miếng Mozaich sống động, nhiều năm sau mầu sắc vẫn còn tươi nguyên.



Nội thất lăng mộ Galla Placidia ở Ravenna,  
xây dựng năm 425

thế kỷ VI trở về trước dùng mầu lam là chính, còn từ thế kỷ VI trở về sau, có nhiều công trình kiến trúc lớn dùng mầu nền là màu nhũ kim. Những mầu sắc đa dạng khác quết lên mặt ngoài các miếng thủy tinh, có mầu nền là lam hay kim nhũ, tạo thành một tổng thể khảm khắc rất huy hoàng và tráng lệ.

Mặt ngoài các miếng thủy tinh có độ nghiêng khác nhau, tạo thành hiệu quả lấp lánh, đồng thời khoảng cách giữa các miếng thủy tinh cũng không liền mạch, tạo nên vẻ hài hòa giữa tranh khảm với công trình xây dựng.

Đối với công trình kiến trúc không quan trọng lắm, người ta làm các bức tranh bột mầu lên tường. Tranh bột mầu có hai loại, một loại vẽ lên khi vữa đã khô, không được bền mầu lắm, một loại vẽ lên lúc vữa còn ướt, có độ bền lâu tốt và chất lượng thẩm mỹ cao.

Đề tài của Mozaich và tranh bột mầu đều là những đề tài mang tính tôn giáo hoặc gắn bó với những sự tích của nhà vua. Hai thể loại trang trí này cũng có một mối liên hệ nhất định với trang trí gạch men lưu ly Lưỡng Hà và Ba Tư trước đó.

Nghệ thuật khảm đá của kiến trúc Byzantine cũng rất đặc sắc ở các cuốn, chân cuốn, đáy vòm, đầu cột... và nhiều bộ phận khác được xây dựng bằng đá, đều có những điêu khắc trang trí trên các bề mặt, đề tài chính là hoa văn hình học hoặc hoa lá thực vật.

Đặc điểm của điêu khắc đá là giữ nguyên được hình dáng hình học của cấu kiện kiến trúc, phần khắc lõm vào hình chữ V hoặc hình chữ U, cách làm này có nguồn gốc từ nghệ thuật truyền thống Arménia, vùng Trung Á.

Sự lộng lẫy này có thể thấy được trong nội thất của rất nhiều kiến trúc Byzantine, ví dụ như nội thất bên trong của Lăng mộ Galla Placidia ở Ravenna, xây dựng khoảng năm 425. Các bức tường được ốp đá cẩm thạch, vòm mái được khảm khắc bằng những miếng Mozaich sống động, nhiều năm sau màu sắc vẫn còn tươi nguyên.



Nội thất lăng mộ Galla Placidia ở Ravenna,  
xây dựng năm 425

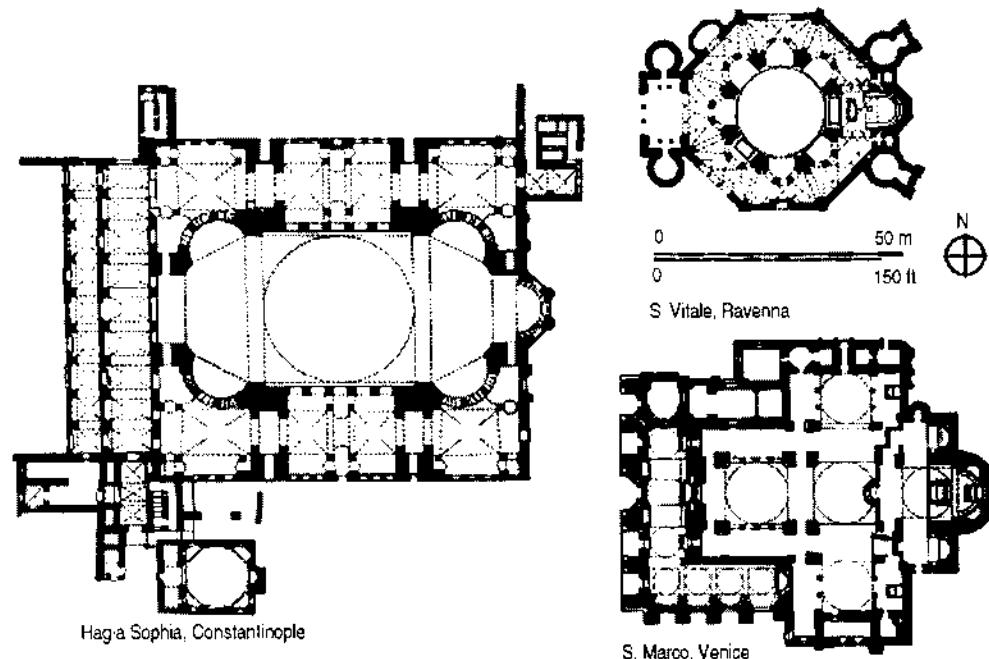
Trong khi nội thất của kiến trúc Byzantine tìm đến sự lộng lẫy, tinh tế thì mặt ngoài của nó lại rất đơn giản, thô mộc. Ngoại thất các nhà thờ Byzantine được tạo thành bởi các dải gạch có màu sắc khác nhau, xen kẽ vào đó là các gờ đá đơn giản. Cũng có lúc chịu ảnh hưởng của Arménia, mặt tường ngoài thêm một ít các điêu khắc nhỏ. Đến tận thế kỷ XI, do ảnh hưởng của kiến trúc Hồi giáo (kiến trúc Islam), trang trí mặt tường ngoài mới được phong phú, tinh vi hơn.

### 6.5. NHỮNG NHÀ THỜ TIÊU BIỂU CỦA KIẾN TRÚC BYZANTINE

Những nhà thờ điển hình Byzantine thông thường bao gồm một vòm bán cầu chính đặt tại vị trí trung tâm, thông qua bốn "tay đỡ hình tam giác", chuyển tải trọng xuống bốn cột lớn; những cột này được nối kết lại với nhau bằng những cái cuộn; từ đó tỏa ra bốn khoảng không gian xung quanh đó là lối vào chính (tên chuyên môn gọi là Narthex), đối diện với nó qua vòm chính là không gian để ban thờ, hầm mộ, (không gian này ngăn cách với vòm chính bởi một vách ngăn (Cloison) trang trí những tranh thánh (gọi là Iconostase) hai không gian hai bên có chiều cao bằng một nửa, là những không gian - hành lang dành cho phụ nữ. Theo thời gian và theo địa điểm, mặt bằng và không gian nhà thờ Byzantine có những biến tấu khác nhau.

Ba nhà thờ tiêu biểu nhất của kiến trúc Byzantine là:

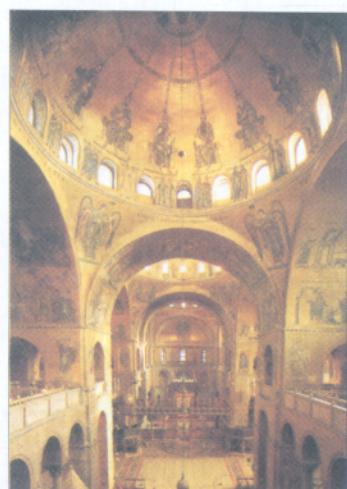
- Nhà thờ Hagia Sophia, ở Constantinople (nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ).
- Nhà thờ S. Vitale, ở Ravenna (nay thuộc Italia)
- Nhà thờ S. Marco ở Venise (Italia)



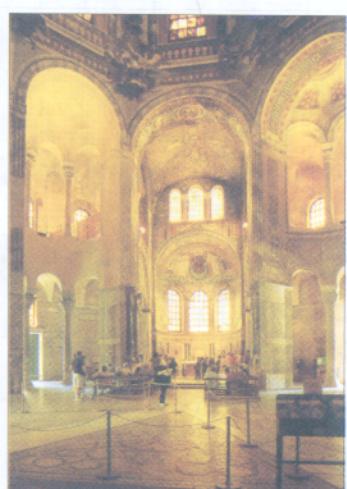
Mặt bằng ba nhà thờ tiêu biểu cho kiến trúc Byzantine



NỘI THẤT NHÀ THỜ HAGIA SOPHIA Ở CONSTANTINOPE



NỘI THẤT NHÀ THỜ S.MARCO Ở VENISE (ITALIA)



NỘI THẤT NHÀ THỜ S.VITALE Ở RAVENNA

*Sự tương đồng giữa nội thất của 3 nhà thờ tiêu biểu của kiến trúc Byzantine*

*Đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển văn hóa*

### Nhà thờ Hagia Sophia ở Constantinople

Nhà thờ Hagia Sophia ở Constantinople là nhà thờ lớn nhất đế quốc Byzantine, xây dựng dưới triều vua Justinian, vào những năm 532 - 537. Hai kiến trúc sư tác giả của nhà thờ này là Anthesmius ở Tralles và Isidore ở Milet đều là người Tiểu Á Tế Á. Nhà thờ Hagia Sophia là tấm bia kỷ niệm lớn của một thời đại huy hoàng nhất của nhà nước Byzantine, là nhà thờ chính của Đông Chính giáo, nơi cử hành các nghi lễ trọng thể của nhà vua.

Nhà thờ Hagia Sophia có mặt bằng kiểu tập trung kết hợp với kiểu Basilica, từ Đông sang Tây dài 77m, từ Bắc xuống Nam dài 71,7m, đỉnh vòm chính đạt tới chiều cao 65m. Lối vào chính là hai hành lang kép. Nét nổi bật của nhà thờ thể hiện ở những mặt kết cấu, không gian bên trong và màu sắc.

Về mặt kết cấu, chiếc mái vòm trung tâm của nhà thờ có đường kính 32,6m, cao 15m, với 40 cái gờ sống chịu lực, đặt trên bốn cái cuốn buồm, truyền tải trọng xuống bốn cái bệ cột lớn có chiều rộng tới 7,6m. Một phần của lực đạp được truyền xuống hai bán vòm đặt ở hướng Đông và hướng Tây, lực của mỗi hai bán vòm lại do hai bệ cột có kích thước trung bình gánh chịu. Hai bức tường hình nửa tròn góp một phần chịu tải cho cuốn buồm vòm chính trung tâm được đặt theo hướng Nam Bắc có đường kính lớn 18,3m.

Một hệ thống kết cấu logic và xác đáng như vậy làm cho nhà thờ Hagia Sophia trở thành nhà thờ có những thông số không gian lớn nhất Byzantine, thể hiện sức mạnh của chính quyền và uy tín của giáo hội.

Vật liệu xây dựng nhà thờ là dùng đá bọt nhẹ để xây vòm, đá thiên nhiên để xây cột, vòm tường làm bằng gạch có những lớp vữa dày.



Nhà thờ Hagia Sophia ở Constantinople

Đặc điểm nổi bật thứ hai của kiến trúc nhà thờ Hagia Sophia là không gian nội thất bên trong vừa thống nhất hài hòa vừa biến hóa phong phú, khung cảnh bên trong hết sức rộng rãi, mênh mông và khoáng đạt. Nghi thức tôn giáo cử hành trong nhà, nên không gian bên trong của nhà thờ càng rộng càng tốt, phần không gian lớn của mặt bằng nơi tụ họp con chiên có kích thước  $68,6 \times 32,6$ m, chiều cao 65m từ đất đến đỉnh vòm cũng vượt xa kỷ lục chiều cao đền Panthéon của kiến trúc La Mã giữ trước đó. Tính phức hợp của kết cấu không gian của nhà thờ Hagia Sophia cũng nổi trội hơn tính đơn nhất của không gian của đền Panthéon, tuy vậy sự thuần khiết của không gian thì không bằng đền Panthéon, vì yêu cầu của nghi thức tôn giáo khác nhau.

Dưới chân vòm chính, giữa những gân sống chịu lực của vòm là 40 cái cửa sổ nhỏ, lấy ánh sáng thiên nhiên vào bên trong, làm cho nội thất nhà thờ thêm cảm giác vừa mông lung vừa thanh thoát. Có thể nói đó là một "Tác phẩm của ánh sáng".

Không gian bên trong tạo được tính hướng tâm và tính trình tự của không gian do vị trí của các vòm được bố trí minh bạch.

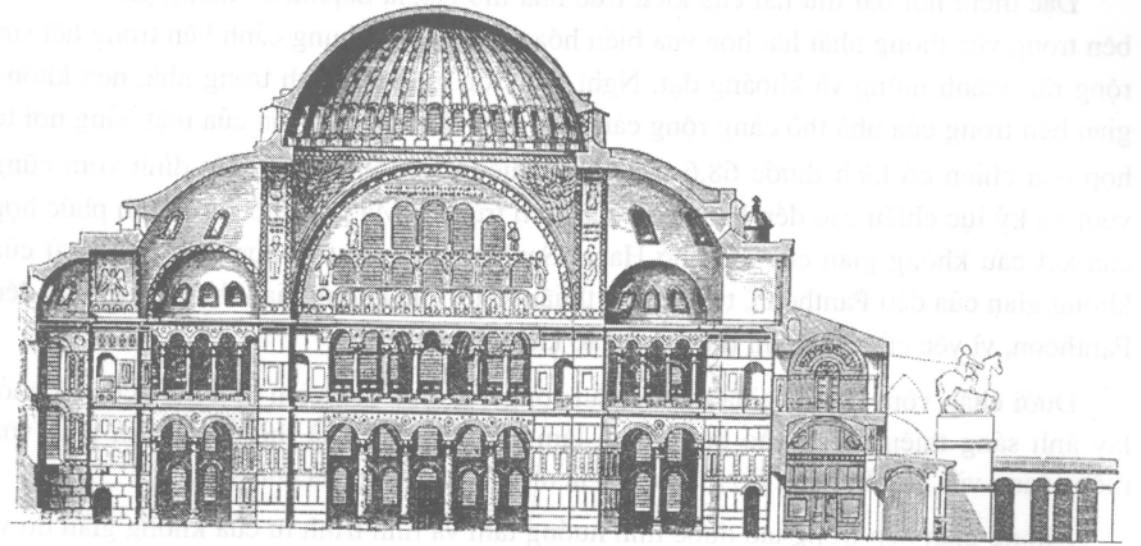
Hai cánh Nam - Bắc bố trí mỗi cánh hai tầng, không giống như một tầng cao thông suốt ở hai phía Đông - Tây, dùng cho các nữ tín đồ, ở tầng hai phân vị cột nhỏ và mảnh nhẹ, lại càng làm tôn chiều cao của khu vực trung tâm của nhà thờ lên.

Điểm trội thứ ba của nhà thờ Hagia Sophia là sự đặc sắc của màu sắc và trang trí. Ảnh tượng về sự tráng lệ của nội thất được tạo nên do việc dùng nhiều đá cẩm thạch ốp cột và chân tường, dùng điêu khắc cho đầu cột và pha lê khảm đỉnh vòm. Đá cẩm thạch có nhiều màu khác nhau: trắng, xanh lá cây, đỏ, đen,... làm thành các mảng hoa văn trang trí dùng cho bệ cột và tường. Đá cẩm thạch xanh lá cây đậm, đỏ đậm,... dùng cho cột. Vòm và cuốn vòm khảm khắc pha lê, nền vàng hoặc lam. Nền nhà lát Mozaich.

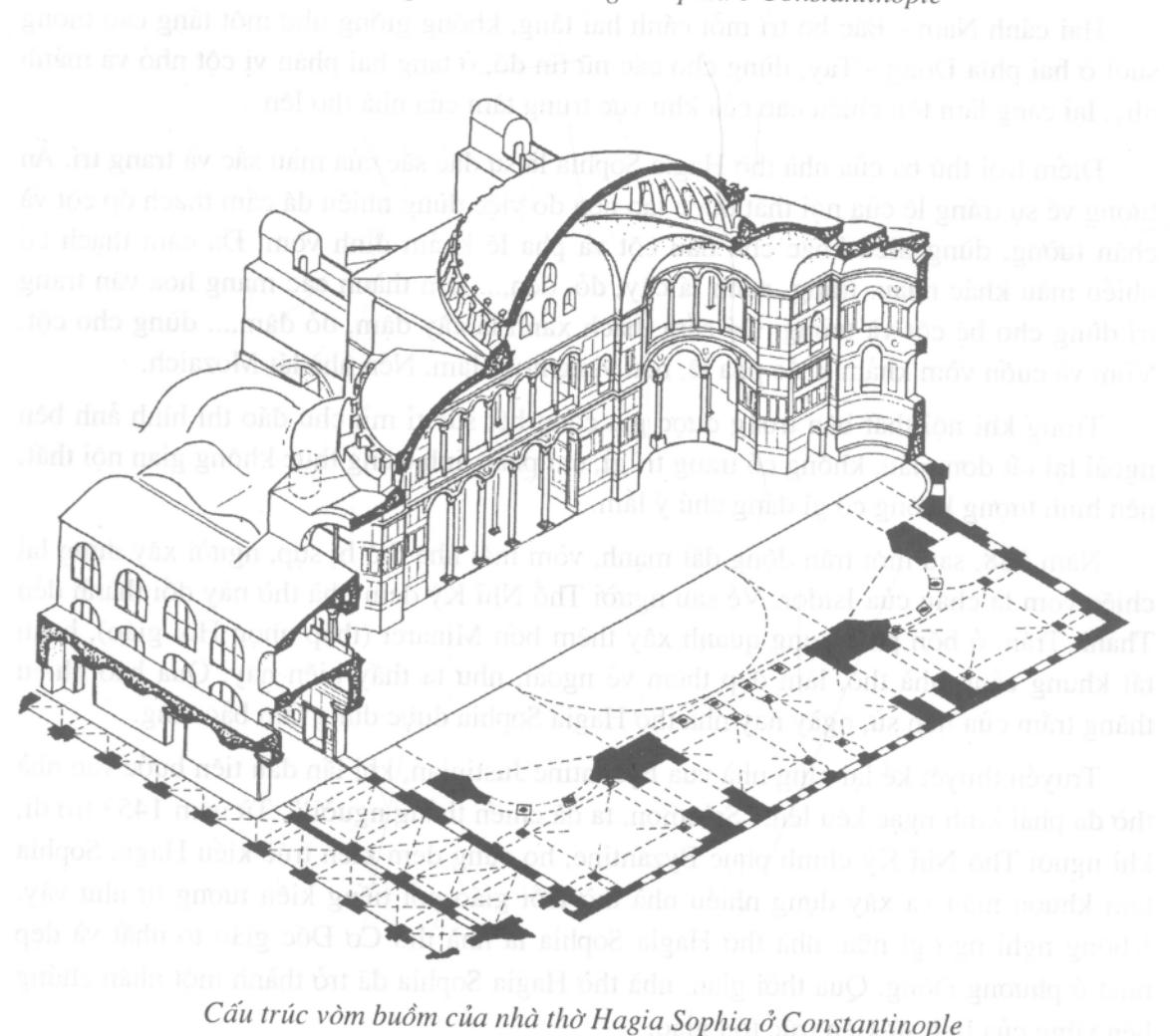
Trong khi nội thất bên trong được gia công hết sức tỉ mỉ, chu đáo thì hình ảnh bên ngoài lại rất đơn giản, không có trang trí gì, chỉ phản ánh trung thực không gian nội thất, nên hình tượng không có gì đáng chú ý lắm.

Năm 588, sau một trận động đất mạnh, vòm mái nhà thờ bị sụp, người xây dựng lại chiếc vòm là cháu của Isidor. Về sau người Thổ Nhĩ Kỳ đem nhà thờ này đổi thành đền Thanh Trấn, ở bốn phía xung quanh xây thêm bốn Minaret (tháp nhọn Hồi giáo), hoàn tất khung cảnh nhà thờ, làm đẹp thêm vẻ ngoài, như ta thấy hiện nay. Qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, ngày nay nhà thờ Hagia Sophia được dùng làm bảo tàng.

Truyền thuyết kể lại rằng nhà vua Byzantine Justinian, khi lần đầu tiên bước vào nhà thờ đã phải kinh ngạc kêu lên: "Salomon, ta đã chiến thắng người!". Từ năm 1453 trở đi, khi người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục Byzantine, họ cũng đem kiến trúc kiểu Hagia Sophia làm khuôn mẫu và xây dựng nhiều nhà thờ Hồi giáo nổi tiếng kiểu tương tự như vậy. Không nghi ngờ gì nữa, nhà thờ Hagia Sophia là nhà thờ Cơ Đốc giáo to nhất và đẹp nhất ở phương Đông. Qua thời gian, nhà thờ Hagia Sophia đã trở thành một nhân chứng bền vững của lịch sử kiến trúc tôn giáo.



*Mặt cắt ngang của nhà thờ Hagia Sophia ở Constantinople*



*Cấu trúc vòm buồm của nhà thờ Hagia Sophia ở Constantinople*

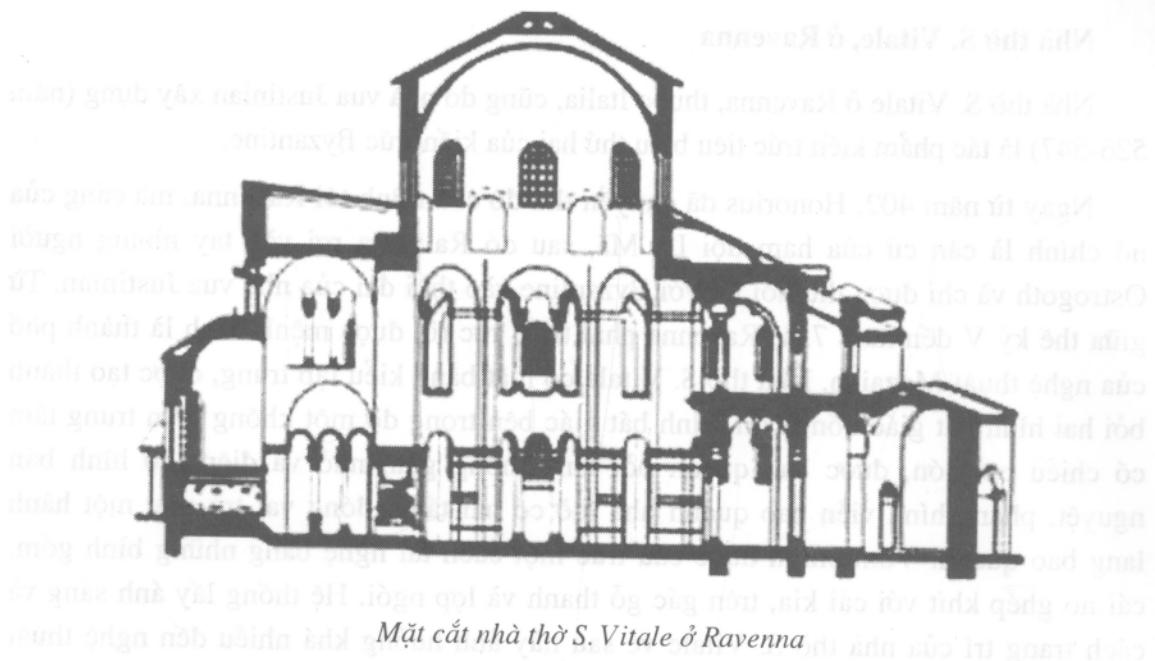
## Nhà thờ S. Vitale, ở Ravenna

Nhà thờ S. Vitale ở Ravenna, thuộc Italia, cũng do nhà vua Justinian xây dựng (năm 526-547) là tác phẩm kiến trúc tiêu biểu thứ hai của kiến trúc Byzantine.

Ngay từ năm 402, Honorius đã chuyển thủ đô của mình tới Ravenna, mà cảng của nó chính là căn cứ của hạm đội La Mã, sau đó Ravenna rơi vào tay những người Ostrogoth và chỉ được thu hồi lại với Byzantine vào thời đại của nhà vua Justinian. Từ giữa thế kỷ V đến năm 751, Ravenna phát triển rực rỡ, được mệnh danh là thành phố của nghệ thuật Mozaich. Nhà thờ S. Vitale có mặt bằng kiểu tập trung, được tạo thành bởi hai hình bát giác đồng tâm, hình bát giác bên trong đỡ một không gian trung tâm có chiều cao lớn, được bao quanh bởi tám không gian nhỏ và điện thờ hình bán nguyệt, phần chính viền bao quanh nhà thờ có hai tầng, đóng vai trò như một hành lang bao quanh. Vòm chính được cấu trúc một cách tài nghệ bằng những bình gốm, cái nẹp ghép khít với cái kia, trên gác gỗ thanh và lợp ngói. Hệ thống lấy ánh sáng và cách trang trí của nhà thờ S. Vitale về sau này ảnh hưởng khá nhiều đến nghệ thuật kiến trúc Baroque.



Nhà thờ S. Vitale ở Ravenna



Mặt cắt nhà thờ S. Vitale ở Ravenna



Bản đồ Byzantine vào năm 550 sau CN

#### • Nhà thờ S. Marco ở Venise

Tác phẩm tiêu biểu thứ ba của kiến trúc nhà thờ Byzantine là nhà thờ S. Marco ở Venise, Italia. Nhà thờ S. Marco là "đứa con đẻ muộn" của kiến trúc Byzantine, đồng thời cũng là "chiếc cầu nối" giữa phương Tây và phương Đông.

Nhà thờ S. Marco được xây dựng vào những năm 1063-1071 nhằm mục đích thể hiện sự gắn bó với Byzantine, lúc đó đang ủng hộ khu vực nước cộng hòa Venise muốn giành độc lập, chống lại Giáo hoàng.

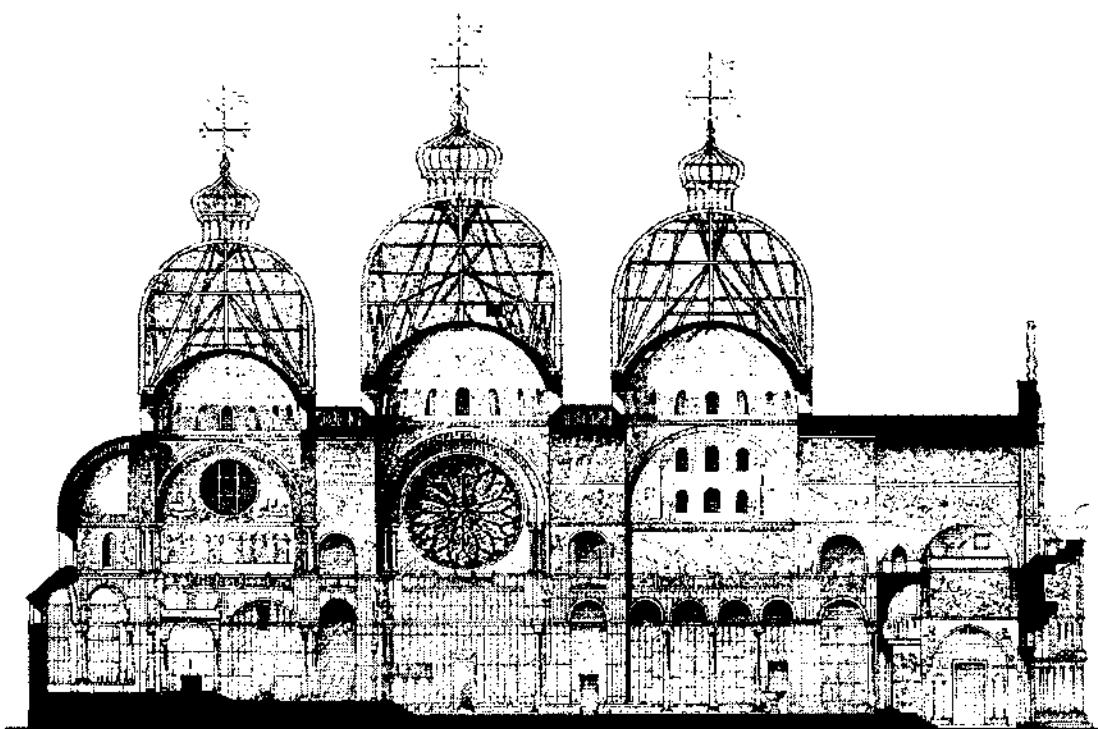
Năm 1063, thống lĩnh Cộng hòa Venise quyết định xây dựng lại hoàn toàn nhà thờ S. Marco, làm cho nhà thờ này trở thành một biểu tượng huy hoàng của Venise qua nhiều thế kỷ. Đó là một hình mẫu hoàn toàn Byzantine, sao chép giống như nhà thờ các thánh Apôtres ở Constantinople xây dựng trước đó 500 năm. Sự vay mượn này thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa Byzantine và Venise, cả về mặt kinh tế (Byzantine muốn các thành phố trên lãnh thổ của mình và thành phố Venise trở nên phồn vinh, có lợi cho việc buôn bán), lẫn về mặt nghệ thuật (qua Venise phát huy ảnh hưởng văn hóa Byzantine đối với các thành phố khác ở Italia).

Mặt bằng của nhà thờ S. Marco có hình chữ thập, gần như đều cạnh, với năm mái vòm bán cầu. Vòm chính ở giữa và vòm phía trước lối vào có kích thước lớn hơn và chiều cao cao hơn so với hai vòm hai bên và vòm phía sau, mục đích là để đột xuất được những khu vực quan trọng có tính chất trọng điểm. Hệ thống năm cái vòm của nhà thờ trông rất giàu sức sống, cùng với hệ thống không gian lưu thông bên dưới chúng và một số vòm nhỏ khác ở khu vực viền ngoài phía trước tạo nên một không gian nội thất giàu tính biến hóa và sự hài hòa.

Mặt đứng phía trước của nhà thờ được chia cắt bởi năm cái vòm cổng có chiều sâu lớn, là những lối vào chính của công trình. Những cái vòm cổng này được đóng khung bởi hai hàng cột chồng xếp lên nhau thành hai tầng, những chiếc cột này được mang về từ Byzantine.



Nhà thờ S. Marco ở Venise, Italia



*Mặt cắt nhà thờ S. Marco*

Phần nội thất chính của nhà thờ S. Marco chia ra làm ba nhịp, nhịp giữa lớn hơn hai nhịp biên, không gian này được tạo thành bởi những hàng cột hoặc tường, chạy dọc theo một trục giữa đến ban thờ. Những hàng cột có tiết diện vuông ở đây điểm nhịp cho không gian nội thất, dùng để đỡ các vòm chính. Phần mở rộng bên dưới vòm chính và hai vòm bên là điện thờ, nơi thiêng liêng dành cho các giáo sĩ. Đầu cột có hình tạo thành bởi hai cái đầu đặt lên nhau.

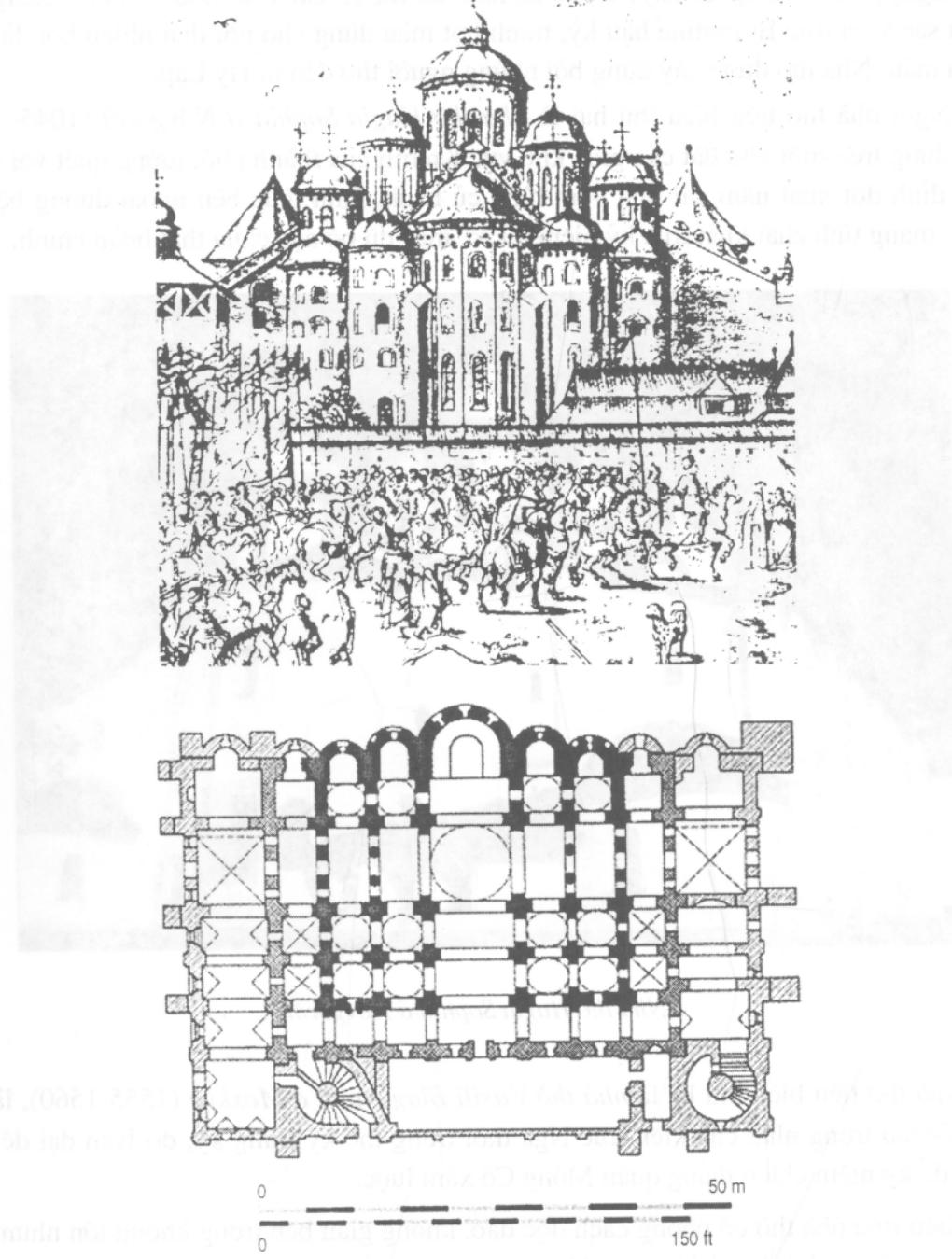
Bên trong nhà thờ S. Marco rất giàu tính trang trí, trên tường là những bức Mozaich lớn, tổng số diện tích lên tới  $5000\text{m}^2$ , làm bằng các mảnh thủy tinh nhỏ, kể sự tích của thánh Marc, trên một nền dát vàng mỏng. Công việc trang trí này được kéo dài trong nhiều thế kỷ, bắt đầu từ trước năm 1100.

#### 6.6. CÁC NHÀ THỜ NGA THỜI TRUNG THẾ KỶ

Vào năm 988, thân vương Vladimír ở Kiev chấp nhận việc truyền bá Cơ đốc giáo vào vương quốc của ông ta. Thân vương Vladimír không những chỉ vay mượn thể chế mà còn tiếp thu cả tinh hoa kiến trúc đến từ Constantinople. Nhưng nếu dùng cả hệ mái vòm lớn thì về mặt chịu lực, mái không gánh nổi tải trọng của tuyết cho nên hệ thống mái phải chia nhỏ ra và thay vì một số ít vòm lớn, người ta đã dùng một hệ thống nhiều vòm nhỏ ghép lại.

nhà thờ Hagia Sophia ở Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, là một ví dụ tiêu biểu nhất về kiến trúc Byzantine. Tuy nhiên, có một số điểm khác biệt so với Hagia Sophia. Đầu tiên, nhà thờ Hagia Sophia ở Kiev có một mái vòm trung tâm lớn hơn và không có các vòm phụ nhỏ xung quanh. Thứ hai, nó có một số cửa sổ và lỗ thông hơi trên mái vòm trung tâm.

Nhà thờ Hagia Sophia ở Kiev là một công trình kiến trúc tuyệt vời, phản ánh sự giàu có và uy quyền của đế chế Byzantine. Tuy nhiên, nó cũng là một minh chứng cho sự sụp đổ của đế chế này sau khi bị người Hồi giáo đánh bại.



Nhà thờ Hagia Sophia ở Kiev

Tác phẩm quan trọng đầu tiên của kiến trúc Nga và khu vực phụ cận là *nha tho Hagia Sophia o Kiev*, được xây dựng vào năm 1037. Ảnh hưởng của kiến trúc Byzantine đọng lại ở mức độ vừa phải: một cái vòm gạch tương đối lớn ở chính giữa, còn lại một số vòm nhỏ và mái cuốn ở xung quanh, công trình sâu năm nhịp. Đây cũng là ví dụ tiêu biểu của

kiến trúc Nga tiền kỳ: mặt bằng gần với hình chữ nhật, phía Đông có năm đòn thò hình bán nguyệt. Tường ngoài dày và cửa sổ nhỏ, có tới 13 cái vòm nhỏ cả thảy, mang đậm màu sắc kiến trúc Byzantine hậu kỳ, tranh bột màu dùng cho nội thất nhiều hơn là tranh kính mầu. Nhà thờ được xây dựng bởi những người thợ đến từ Hy Lạp.

Ngôi nhà thờ tiêu biểu thứ hai là *nha tho Hagia Sophia o Novgorod* (1045-1052), xây dựng trên một khu đất cao giữa khu vực Kreml của thành phố, tường quét vôi trắng, trên đỉnh đột xuất năm cái mái vòm hình củ hành, hình thức bên ngoài đường bê, đơn giản, mang tính chất kiến trúc kỷ niệm rất rõ, mặc dù bối cục chưa thật hoàn chỉnh.



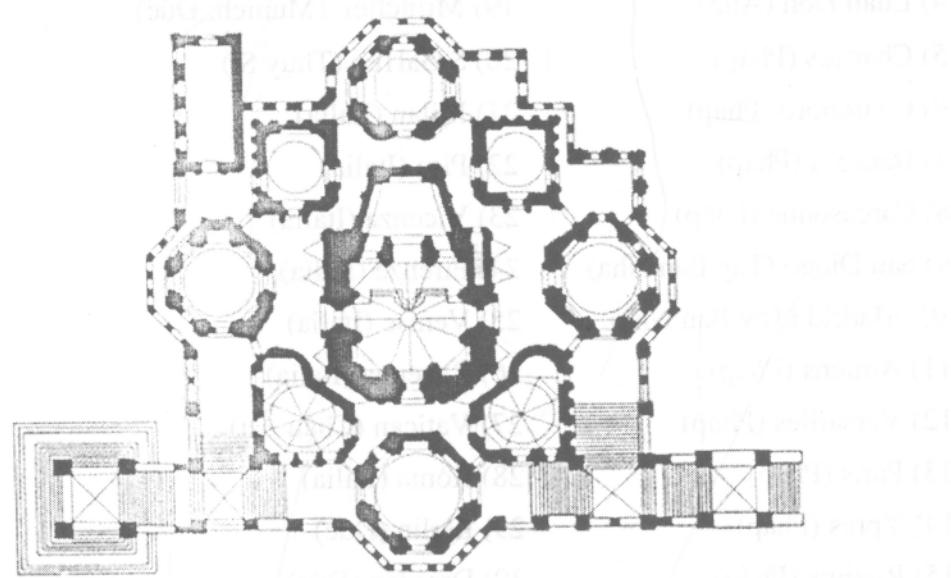
*Nha tho Hagia Sophia o Novgorod*

Nhà thờ tiêu biểu thứ ba là *nha tho Vaxili Blagiennui o Mozkva* (1555-1560), là tác phẩm quan trọng nhất của kiến trúc Nga thời trung thế kỷ trung kỳ, do Ivan đại đế xây dựng để kỷ niệm chiến thắng quân Mông Cổ xâm lược.

Kiến trúc nhà thờ có phong cách độc đáo, không gian bên trong không lớn nhưng ấn tượng mạnh mẽ lại do xử lý ngoại hình mang lại, giống như là hình thức của một công trình kỷ niệm. Ở giữa là một tháp nhọn nhiều cạnh kiểu lều trại, cao 47m, xung quanh là tám vòm mái hình củ hành, kiểu mái vòm đặc biệt của đất nước Nga. Kiến trúc được xây bằng gạch đỏ, trang trí thêm bằng đá trắng, các vòm mái cao thấp lô xô, màu sắc rực rỡ, giống như những bó đuốc. Hai kiến trúc sư chính xây dựng nhà thờ là Barma và Pôxnhich.



Nhà thờ Vaxili Blagiennui ở Moxkva



Mặt bằng nhà thờ Vaxili Blagiennui ở Moxkva

## Chương 7

### KIẾN TRÚC RÔMAN

#### 7.1. SỰ RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KIẾN TRÚC RÔMAN

Một thời gian sau khi chế độ Đế quốc La Mã tan rã, các nhà nước Đông và Tây Âu lâm vào một thời kỳ đen tối, các nhà nước phong kiến được thành lập trong đó có sự ra đời của triều đại Carolingian. Năm 800 sau CN, khi Charlemagne đăng quang hoàng đế, đế quốc này tồn tại được một thời gian ngắn cho tới khi bị người Normandes xâm lược (từ năm 843 đến năm 911).

Nền kiến trúc Trung và Tây Âu thế kỷ XI và thế kỷ XII có tên gọi là kiến trúc Rôman hay phong cách Rôman (Roman style). Kiến trúc Rôman trải dài trên một bình diện rộng, bao gồm nhiều địa danh, nhiều thành phố ở các nước khác nhau :

- |                            |                           |
|----------------------------|---------------------------|
| 1) Caen (Pháp)             | 16) Bruxelles (Bỉ)        |
| 2) Angoulême (Pháp)        | 17) Louvin (Bỉ)           |
| 3) Salisbury (Anh)         | 18) Nancy (Pháp)          |
| 4) Luân Đôn (Anh)          | 19) München (Munich, Đức) |
| 5) Chartres (Pháp)         | 20) S.Gallen (Thụy Sĩ)    |
| 6) Chambord (Pháp)         | 21) Milan (Italia)        |
| 7) Bourges (Pháp)          | 22) Pisa (Italia)         |
| 8) Carcassonne (Pháp)      | 23) Vicenza (Italia)      |
| 9) San Diego (Tây Ban Nha) | 24) Firenze (Italia)      |
| 10) Madrid (Tây Ban Nha)   | 25) Venise (Italia)       |
| 11) Amiens (Pháp)          | 26) Ravenna (Italia)      |
| 12) Versailles (Pháp)      | 27) Vatican (Châu Âu)     |
| 13) Paris (Pháp)           | 28) Rôma (Italia)         |
| 14) Ypres (Pháp)           | 29) Berlin (Đức)          |
| 15) Rheims (Pháp)          | 30) Dresden (Đức)         |

Với những địa danh trên, ta thấy kiến trúc Rôman phát triển ở các nước Tây Âu và Trung Âu là chính, gồm Pháp, Anh, Italia, Đức, Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha... và thành phố lúc này đã bắt đầu gượng dậy nhưng bộ mặt kiến trúc nhiều công trình còn thô sơ.

Nền văn hóa đô thị lúc bấy giờ không khác xa với văn hóa lanh địa nông thôn trước đó ít lâu, vì các tầng lớp dân đô thị cũng vừa mới ở nông thôn ra, họ mới là các thế hệ thi dân đầu tiên.

Tuy vậy, từ thế kỷ X, nông nghiệp và thủ công nghiệp đã phục hồi và phát triển, người dân đã xây nhà không chỉ bằng gỗ, mà còn bằng gạch, bằng đá, nhằm "xây nhà như người La Mã cổ đại".

Hơn mươi quốc gia dân tộc Tây Âu và Trung Âu đã chính thức tiến vào xã hội phong kiến, với nền kinh tế tự nhiên, trật tự xã hội tương đối ổn định.

## 7.2. ĐẶC ĐIỂM VÀ LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC RÔMAN

Vào giai đoạn Rôman tiền kỵ, mái nhà được làm bằng gỗ và rất dễ cháy nên thời kỳ này vết tích không còn để lại cho đời sau bao nhiêu. Thời gian tiếp theo, kiến trúc Rôman dần dần tiến thêm một số bước mới, để nhận biết được kiến trúc Rôman ta có thể căn cứ những đặc điểm sau:

- Chịu ảnh hưởng của kiến trúc La Mã cổ đại và kiến trúc Byzantine, do một số khu vực của kiến trúc Rôman nằm trong biên giới đế chế La Mã trước đây.
- Kiến trúc có số lượng không nhiều, nằm rải rác ở các địa phương.
- Loại hình kiến trúc không đa dạng, phần lớn là kiến trúc tôn giáo như là nhà thờ, tu viện và các nhà ở và công trình kiến trúc có tính phòng thủ của giai cấp phong kiến.
- Kiến trúc không có quy mô to lớn và cầu kỳ như kiến trúc La Mã cổ đại. Phần nhiều công trình có mặt ngoài thô ráp, ít yếu tố trang trí, kiến trúc nặng nề, sử dụng cửa đi và cửa sổ kích thước nhỏ.
- Về kết cấu, nó sử dụng nhiều cuốn nứa trụ, vòm nội và vòm bán cầu, các loại mái vòm được làm bằng đá và kỹ thuật còn hạn chế nên mặt bằng kiến trúc các bộ phận thường chỉ là vuông hoặc tròn hoặc hình chữ thập La tinh.
- Phía Tây nhà thờ Rôman thường nổi bật lên hai hay nhiều tháp cao, những tháp này có hình trụ tròn hoặc có dáng hình học, trong khi đó ở phía Đông thân nhà thờ được cắt bằng một cánh ngang.
- Bàn thờ được đặt ở phía Đông của nhà thờ để hướng về phía Jerusalem và tầng hầm mộ đặt dưới thành phần này của kiến trúc.

## 7.3. KỸ THUẬT XÂY DỰNG RÔMAN

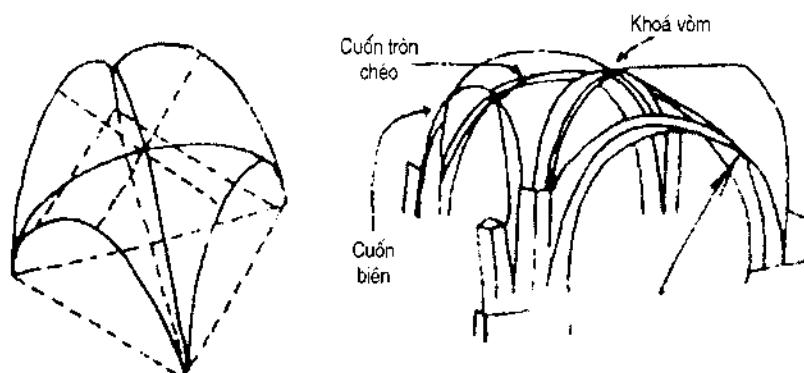
Cái tên kiến trúc Rôman nói lên phong cách kiến trúc của người đương thời hơi giống và muốn tìm đến chút ít cách thức của kiến trúc La Mã cổ đại. Tuy vậy về quy mô cũng như hình thức, kiến trúc Rôman còn xa mới đạt được trình độ như của người La Mã

cổ đại, thiết kế và thi công còn thô sơ, vật liệu có lúc lấy từ những công trình đã hoang phế của kiến trúc La Mã. Về mặt dùng kết cấu cuốn nửa trụ, kiến trúc Rôman học tập cách làm của người La Mã. Tuy vậy kiến trúc Rôman không phải là không có những bước tiến nhất định về mặt loại hình và về mặt kết cấu, góp phần đáng kể vào việc hình thành kiến trúc Gótich sau này.

Kỹ thuật xây tường, xây cuốn có sống và xây cột trụ dần dần làm cho kiến trúc trở nên tốt hơn. Tường đá dày, các lớp vữa còn dày, cửa sổ mở nhỏ và ít ánh sáng, một mặt thể hiện trình độ xây dựng chưa chín muồi nhưng mặt khác lại phù hợp với tư tưởng cấm dục của tôn giáo. Sự phát triển của kỹ thuật kết cấu của kiến trúc Rôman là dựa trên tay nghề của những người thợ dân gian. Do kỹ thuật xây dựng còn hạn chế nên đặc điểm của các nhà thờ Rôman là khá thấp, chiều cao tối đa thường không quá 20m.

Cùng với việc dùng nhiều các loại hình kết cấu tường, cuốn có sống và cột, kiến trúc Rôman lại không nhất quán trong việc dùng thức cột.

Việc sử dụng đại trà tường và vách ngăn đã đưa đến một kết quả là phải tìm tòi một sức biểu hiện mới cho những bức tường và vách ngăn đó, do vậy, đã dẫn đến việc trang trí gắn với công việc nề. Những bức tường đầu tiên xây dựng bằng đá mảnh và đá cuội trộn lẫn với vữa, sau đó dùng tường gạch, giai đoạn sau cùng dùng đá tấm với vẻ đẹp mộc mạc được bộc lộ trung thực ra phía ngoài. Hậu quả là tường rất dày, nhầm mục đích chịu lực hơn là mục đích bảo vệ. Tường dày như vậy dùng để chống đỡ các cuốn. Mỗi một tầng có cuốn tương ứng, tầng dưới cuốn to, tầng trên hẹp dần, làm thành những cửa sổ ghép đôi hoặc ghép ba, có nghĩa là lỗ mở của cuốn được chia làm hai hay ba phần, đỡ bởi những cột hình tròn hoặc hình nhiều cạnh.

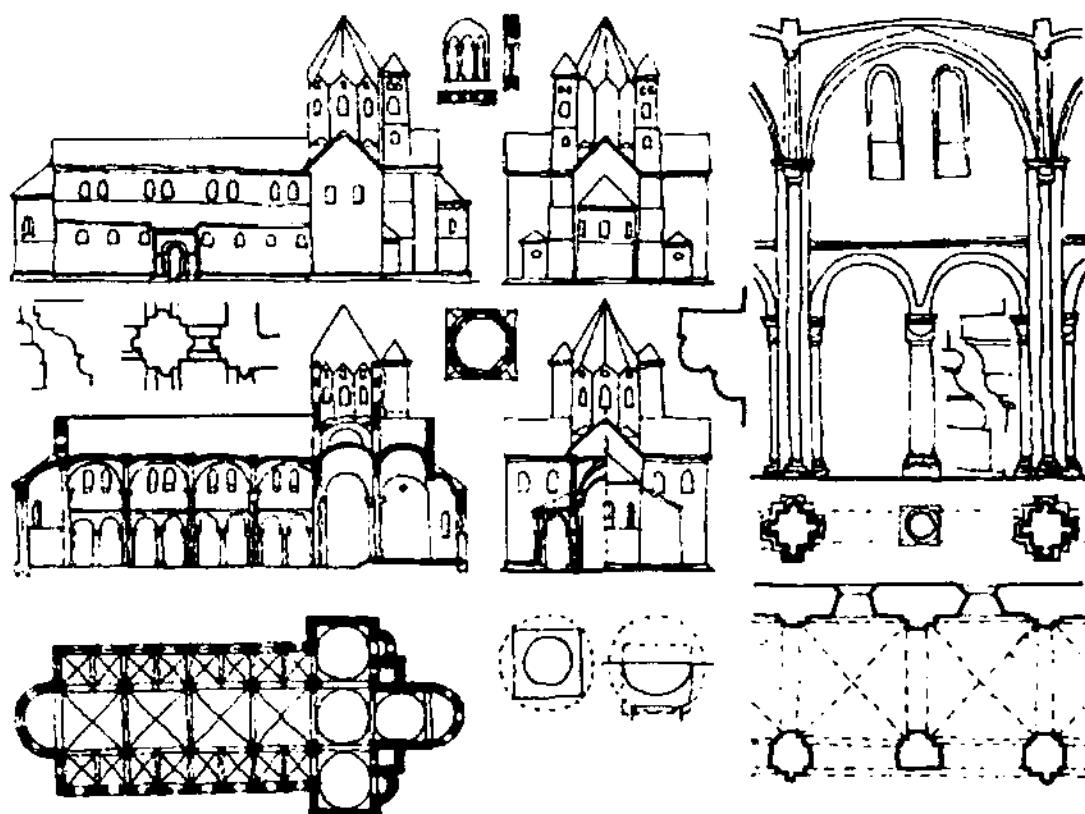


Hệ thống kết cấu vòm Rôman

Chân cột, thân cột của kiến trúc Rôman rất khác nhau, các đầu cột thường có hình cái đầu ngược, được trang trí bằng hoa lá (lá acanthe - phiên thảo diệp) hoặc bằng những trang trí hình học cuộn vào nhau, cũng có lúc đầu cột trang trí bằng cảnh người hay thú.

Hệ thống kết cấu Rôman sơ dĩ có những bước tiến sơ khởi là do tính chất thế tục, dân gian của kiến trúc nhà thờ đã mạnh lên, tính chất này do những người thợ ở nông thôn ra tạo nên, do tư tưởng của họ đã được giải phóng ở mức độ nhất định. Những kỹ năng dân gian này trái ngược với tư tưởng bảo thủ của tầng lớp tăng lữ, muốn nghiêm ngặt tuân theo quan điểm của tôn giáo.

Mặt cắt điển hình của một nhà thờ Rôman gồm một nhịp giữa cao hơn và hai nhịp biên thấp hơn, nhịp biên có hai tầng để tầng sàn góp phần gia cường kết cấu. Do ánh sáng phải xuyên qua cửa sổ của hai tầng ở hai nhịp biên mới vào nhịp giữa nên nội thất nhà thờ không được sáng sủa.



Nhà thờ kiểu Rôman ở Knechtsteden (1138-1165)

Nhà thờ ở Knechtsteden (1038 - 1165) cho thấy quy cách điển hình của hệ thống kết cấu vòm Rôman, vì dùng vòm cuốn nửa trụ, nên các lát chiếu của mặt bằng đều có dạng hình vuông.

Cho đến giữa thế kỷ XII, tuy có những tiến bộ nhất định, kiến trúc Rôman trông vẫn thiếu vẻ nhẹ nhàng và kết cấu chưa thuần túy, ví dụ bài toán xây vòm có hình chiếu mặt bằng hình chữ nhật, phải đến kiến trúc Gótich mới giải quyết được.

## 7.4. NHÀ THỜ VÀ TU VIỆN TRONG KIẾN TRÚC RÔMAN

Xem xét kiến trúc nhà thờ Rôman, ta thấy sự diễn tiến và quá trình phân loại nên được nghiên cứu theo ba trình tự sau đây:

- Tìm hiểu mặt bằng kiểu chữ thập tự La Tinh.
- Nhà thờ của tu viện.
- Nhà thờ của thành phố.

Do sự phân biệt của xã hội phong kiến và tính độc lập tương đối của Giáo hội các khu vực nên những chế định về mặt bằng nhà thờ có những nét dị biệt. Tuy vậy những nét dị biệt này cũng không lớn lắm, vì nhà thờ thời kỳ tiền Rôman và Rôman về cơ bản vẫn tuân theo những kiểu cách của nhà thờ Cơ đốc giáo tiền kỵ được xây dựng vào giai đoạn mạt kỵ của Đế quốc La Mã.

### + Basilica kiểu chữ thập La Tinh

Basilica là sản phẩm của thời kỳ Cơ đốc giáo ra công khai, sau này vào giai đoạn tiền Rôman, Giáo hội vẫn lấy kiểu hình dáng Basilica làm nhà thờ, về sau có thêm hai cánh ngang, hình thành mặt bằng kiểu chữ thập, nên có tên gọi chung là mặt bằng kiểu chữ thập La tinh.

Basilica vốn có mặt bằng hình chữ nhật, mảnh và dài, chạy dọc theo chiều dọc có mấy hàng cột, chia chiều ngang ra làm nhịp giữa và nhịp biên; nhịp giữa thường rộng hơn và có chiều cao cao hơn. Nhịp giữa được gọi là trung sảnh, hai nhịp biên được gọi là hành lang bên. Vì nhịp giữa cao hơn, nên ở phần chênh lệch so với nhịp biên, người ta mở cửa sổ. Ban đầu, Basilica đa phần dùng kèo gỗ, lợp mái nhẹ, nên cột không cần lớn. Vì sức chứa của Basilica lớn, kết cấu giản đơn, là nơi quen tụ tập của quần chúng, nên kiểu kiến trúc này phù hợp với ý đồ của Giáo hội.

Theo quy định của tôn giáo, cửa vào nhà thờ ở phía Tây, đài thánh của nhà thờ ở phía Đông. Khi số lượng các con chiên tăng lên, phía Đông nhà thờ làm thêm một cái sân rộng, sân này được bao quanh bởi một hành lang cột thức, giữa sân có bể nước rửa tội, hành lang chỗ cửa vào phía Tây rất rộng, là nơi để cho những người chưa thật tin đạo sử dụng.

Đài thánh phía Đông hình bán nguyệt, lợp bằng mái nửa bán cầu. Từ Đông sang Tây, lần lượt đến đài tế, chỗ cho ban hát Thánh khí. Nghi thức tôn giáo ngày càng phức tạp, người đến lễ càng đông, phần không gian phía trước đài tế được mở rộng theo chiều ngang, chiều ngang này có thể có một nhịp, loại chiều ngang lớn có ba nhịp, cũng gồm một nhịp giữa và hai nhịp biên, chiều ngang và chiều cao bằng tương ứng với các nhịp theo chiều Đông - Tây của nhà thờ. Tuy chiều ngang của hai cánh phía Bắc - Nam không rộng bằng chiều sâu của phần chính nhà thờ phía Đông - Tây, nhưng có tên gọi chung là mặt bằng kiểu "chữ thập La Tinh".

Với một kiểu mặt bằng như vậy, các con chiên ở vị trí nhịp giữa hay hai nhịp biên đều có thể hướng mặt về phía đàn thánh, đàn thánh được trang trí đẹp đẽ, trên đàn khâm môzaich, gần như là trang trí duy nhất được nhấn mạnh trong nhà thờ, nhìn chung một bố cục như vậy phù hợp với nghi lễ tôn giáo, và kiến trúc nhà thờ cùng với tôn giáo đã tìm được một sự hài hòa chung. Ngoài ra, hình tượng chữ thập cũng là biểu tượng của sự khổ nạn của Chúa.

Kiến trúc Basilica Rôman có một ý nghĩa kép về mặt thiên nhiên và về mặt tinh thần. Nó được đặt ở những nơi thiêng liêng, ở chỗ giao cắt của những con đường hành hương và đặt trên những nơi được coi là những phần mộ tượng trưng hay nơi có một thánh tích được sùng bái.

Các thành phần của Basilica cũng có ý nghĩa tượng trưng rất lớn, nội thất của Basilica là biểu hiện của những yếu tố trong thế giới thường nhật (civitas mundi) mà con người thấy trong thành phố của mình. Sảnh chính tương ứng với đại lộ, sảnh phụ tương ứng với các hàng cột thức, khán dài tương ứng với nơi ở của các thầy tu, ban thờ tương ứng với các nơi chốn thiêng liêng, hầm mộ tương ứng với nghĩa địa v.v... Basilica có hình thức mặt bằng được dùng trong nhà thờ của vua chúa, nhà thờ của tu viện, nhà thờ của công xã... với những nét đặc trưng đáng kể, đã liên kết các thầy tu và các khách hành hương, các lãnh chúa và các kỵ sĩ, các công dân và các nhà buôn trước mặt Chúa.

#### + Nhà thờ của các tu viện

Phong cách Rôman có thể bắt đầu ở vùng Normandie, Italia vào thế kỷ IX, nhưng kiến trúc Rôman thật sự ra đời cùng với sự xuất hiện dòng tu Benedictine ở Pháp vào năm 910.

Thế kỷ X, nền kinh tế Pháp hồi phục, Giáo hội thịnh vượng, sự sùng bái các "thánh tích" trở nên cao trào và dòng các tín đồ hành hương đi tìm các "thánh vật và thánh cốt" trở nên ngày một đông đảo và cuồng nhiệt.

Bên cạnh các tuyến đường hành hương, Giáo hội xây dựng các tu viện để khách hành hương có thể trú ngụ, ăn uống và làm lễ. Nhà thờ được xây dựng bên trong tu viện, cùng với tu viện trở thành quần thể kiến trúc lớn, nhiều khi vượt quá phạm vi cần thiết của một địa phương.

Nước Pháp và cái nôi của các kiến trúc nhà thờ xây dựng kèm với các tu viện. Loại nhà thờ này thường được xây dựng cùng với nhà ở của các thầy tu, tu viện, nhà nghỉ v.v... đôi khi gây ấn tượng như một thành phố.

Các nhà thờ bên trong tu viện tiêu biểu ở Pháp lúc đó gồm có:

- Nhà thờ ở Cluny.
- Nhà thờ Saint - Sernin ở Toulouse.
- Nhà thờ Sainte Gétrusde ở Nivelles.

- Nhà thờ Saint Foy ở Conques.

- Nhà thờ Saint Étienne ở Caen.

Nhà thờ ở Cluny là một nhà thờ có quy mô lớn, đã trải qua ba lần xây dựng lại (1088 - 1103), dài 127 mét, rộng 40 mét, sảnh giữa cao 30 mét. Nhà thờ này về quy mô, độ lớn ở Châu Âu chỉ thua nhà thờ St. Peter xây dựng vào thời kỳ Văn nghệ Phục hưng ở Rôma, Italia. Nhà thờ Cluny I xây dựng vào năm 910, nhà thờ Cluny II (Cluny I xây dựng lại) có niên đại 955 - 991, sau đó lại bị phá đi để xây Cluny III. Cluny III đến thế kỷ XIX cũng bị phá hủy (năm 1810).

Nhà thờ có chiều dài lớn nhất nước Pháp này thật ra là một phức hợp thể kiến trúc tôn giáo, được xây dựng bằng những bức tường rất dày, trung sảnh (nhịp giữa) rất đồ sộ, mỗi bên có hành lang biên kép (mỗi bên sảnh chính có hai nhịp biên), hai cánh ngang rất nhiều gian thờ nhỏ phù trợ vẻ tinh.

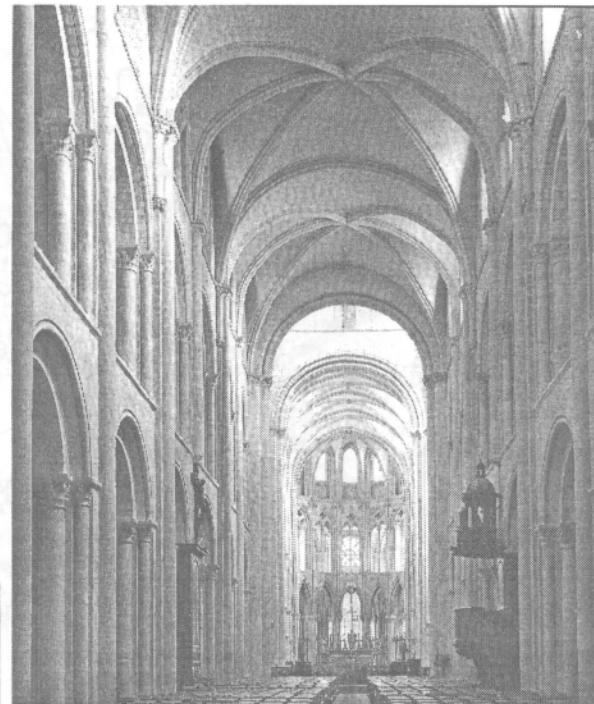
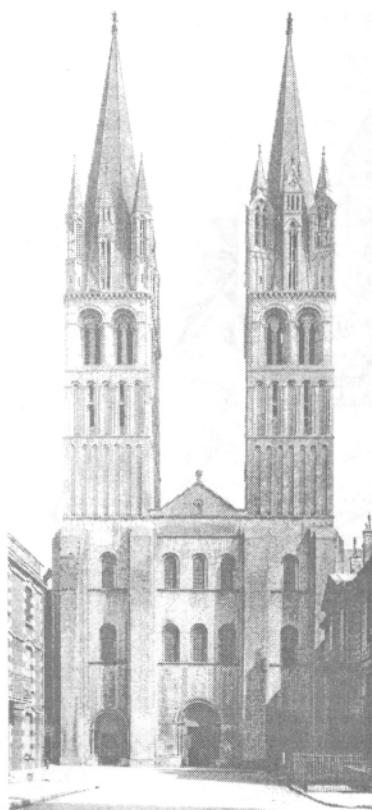
Nhà thờ Saint Sernin ở Toulouse (1060 - 1150), có chiều dài 112 mét.

Nhà thờ Sainte Gétrude ở Nivelles là hình mẫu tiêu biểu của thể loại nhà thờ bên cạnh tu viện của Hoàng gia ở các tỉnh biên giới.

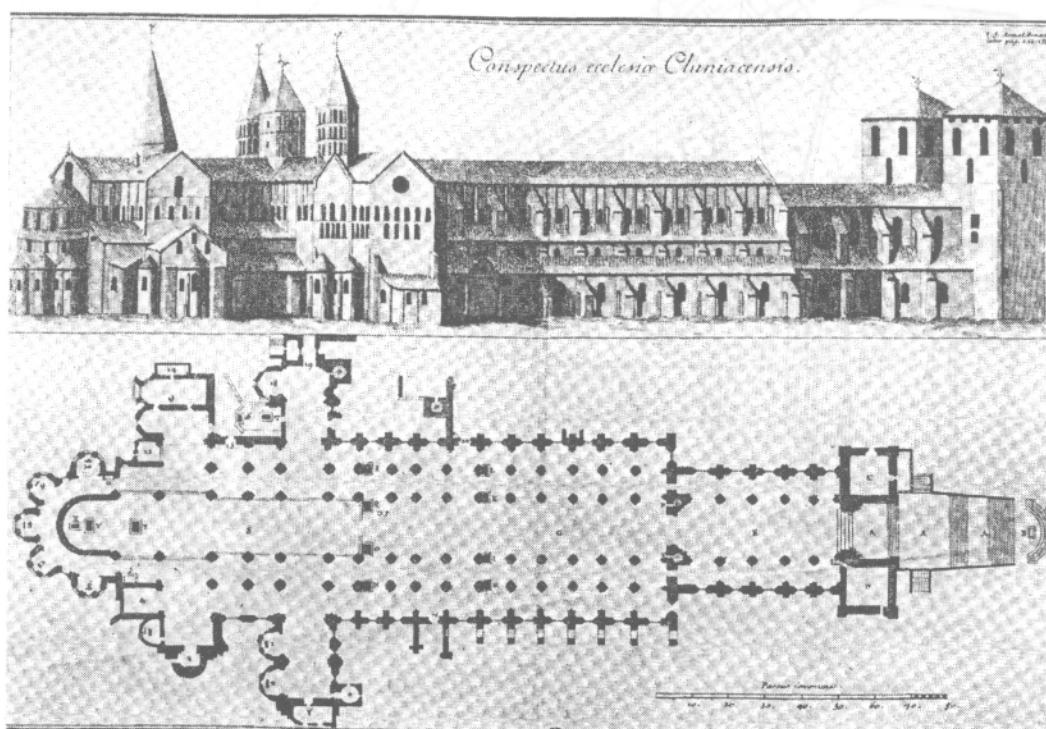
Nhà thờ Saint Foy ở Conques, miền Nam nước Pháp, được phát triển lên từ một tu viện vào năm 1050-1065, sau đó nhà thờ và phần chính là hậu cung và tháp đèn được xây dựng vào những năm 1120 - 1130, cũng là một ví dụ tiêu biểu khác của loại nhà thờ dành cho khách hành hương, có đặc điểm là có nhiều gian thờ hình bán nguyệt tỏa ra quanh hậu cung và gắn vào cánh ngang. Mặc dù kích thước nhà thờ bé nhưng lại có đặc trưng tiêu biểu của loại nhà thờ bên cạnh tu viện: trung sảnh mảnh và dài, cửa sổ tương đối lớn, phần chính điện có khối tích mang lớn đủ để thông thoáng cho một số lượng đông khách hành hương và ban hát Thánh khí.

Nhà thờ Saint Étienne (bắt đầu 1063 - 1115, sảnh chính được xây dựng lại vào thế kỷ XIII) là một ví dụ tiêu biểu của nhà thờ Rôman vùng Bắc Pháp thuộc dòng tu Benedictine. Nó chịu ảnh hưởng của kiến trúc La Mã, được định hình bằng mặt đứng phía trước có hai tháp chuông cao hai bên và các đường phân vị các tầng hay phân vị thẳng đứng khúc triết, rõ nét hơn, phần trung sảnh phía trong nội thất rất cao, vòm mái trên trung sảnh có sáu mũi, mặt trước và mặt bên nhà thờ có tường bỗ trụ, đều là những hình thức kết cấu sơ khởi của kiến trúc Gô-tích sau này. Hai tháp chuông của nhà thờ này có chiều cao rất lớn đặt hai bên mặt chính phía trước cao ba tầng, ba tầng này có phân vị ngang rất rõ nét.

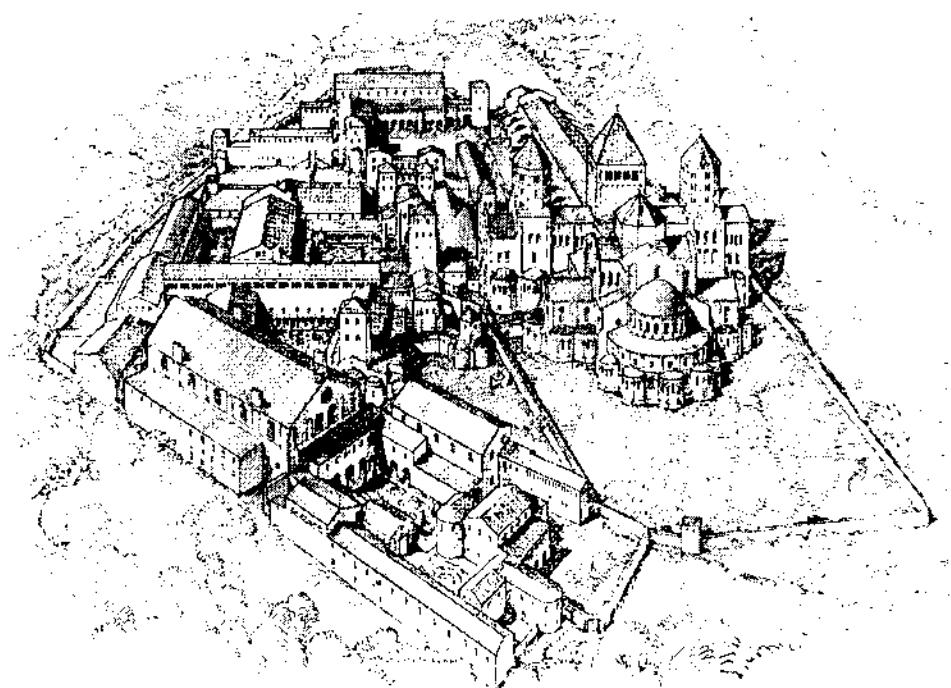
Vai trò tháp chuông của nhà thờ đã dần dần được khẳng định và định hình trong kiến trúc nhà thờ Rôman, bình thường nó dùng để hiệu triệu tín đồ, khi có chiến tranh, dùng để quan sát được xa, và lúc đó, nhà thờ và tu viện phải bền chắc, xem như dinh lũy và lô cốt. Đầu tiên, tháp chuông đặt độc lập một bên mặt chính, sau đó trở thành tháp đôi, đóng góp đáng kể vào bộ mặt kiến trúc nhà thờ.



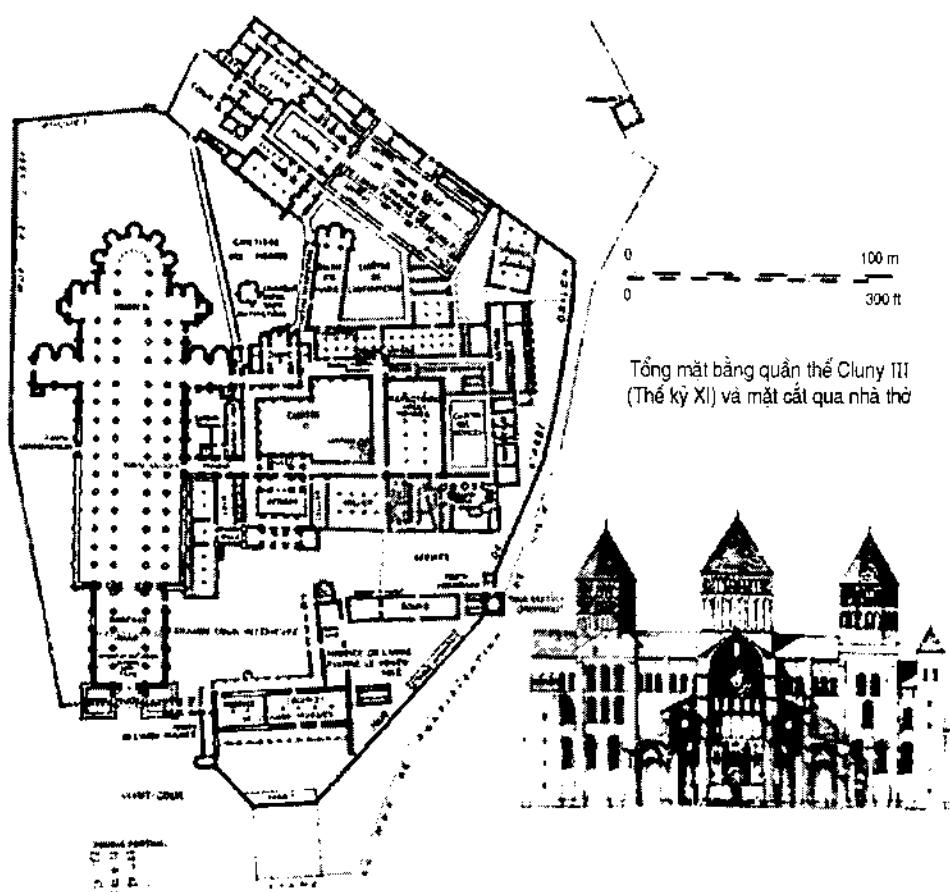
Mặt đứng và nội thất nhà thờ  
St. Etienne, Caen, Pháp (1068 - 1120)



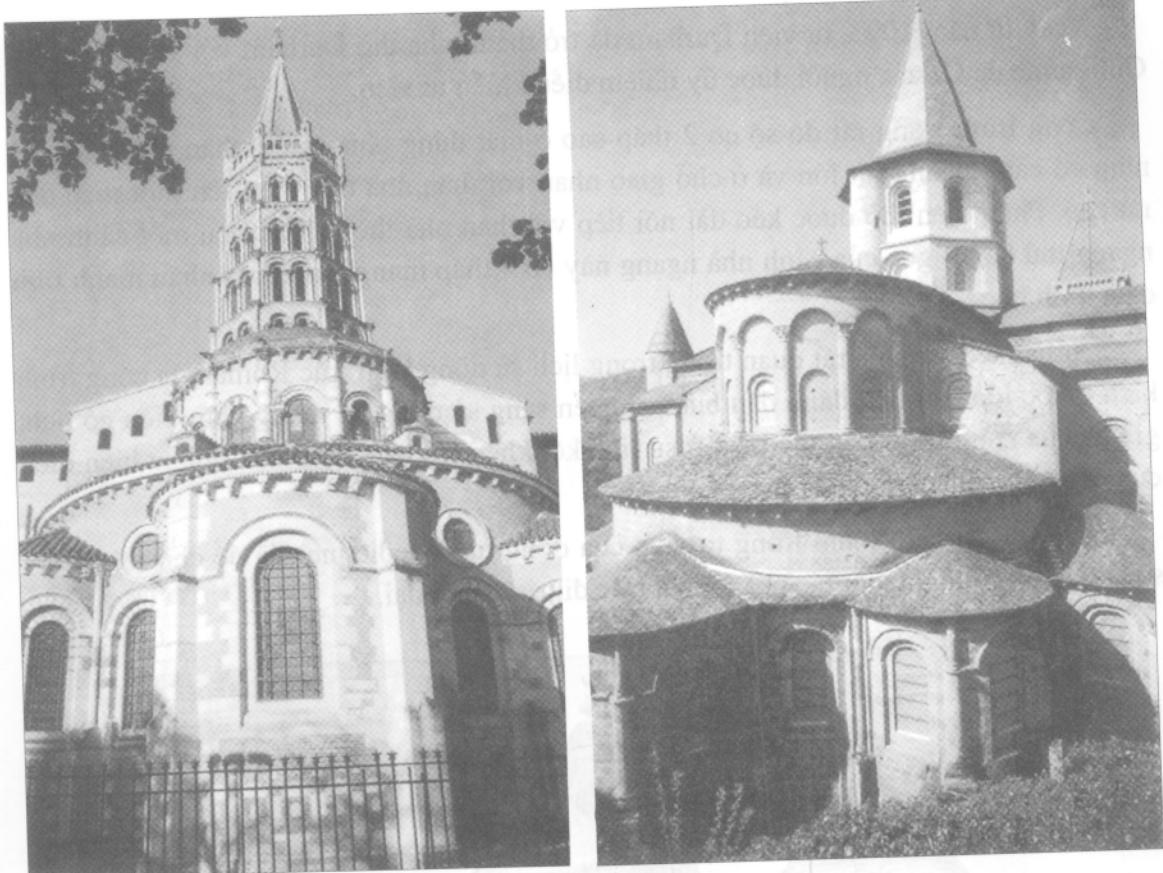
Nhà thờ Cluny, kiến trúc Rôman Pháp



Hình ảnh xây dựng lại của nhà thờ và tu viện Cluny III nhìn từ hướng Đông



Tổng mặt bằng quần thể Cluny III  
(Thế kỷ XI) và mặt cắt qua nhà thờ



Nhà thờ Saint Sernin ở Toulouse (1060-1150), Saint Foy ở Conques (1120 -1135)

Ở phần trung sảnh và cánh ngang gặp nhau, trên mái có tháp lấy ánh sáng, chiếu sáng đàn tế, tháp này sau này trở thành tháp đèn, đến kiến trúc Gô tích có chiều cao rất lớn.

Đối với loại hình nhà thờ của tu viện ở bên ngoài phạm vi nước Pháp, trong những tác phẩm nổi tiếng nhất có nhà thờ Durham, Anh. Là kiệt tác kiến trúc kiểu Anglo-Norman (kiểu Anh có ảnh hưởng phong cách vùng Normandie), nhà thờ Durham được xây dựng vào những năm 1090 - 1145, hai tòa tháp thấp phía Tây được hoàn tất năm 1220 mang tính chất đặc trưng rõ nét của kiến trúc Rôman, trong khi tòa tháp cao ở giữa cánh ngang mang phong cách Gôtích muộn lại được hoàn tất vào thời kỳ 1465 - 1490.

Việc chọn lựa địa điểm ở đây có thể nói là đắc địa, từ phía Tây - phía bờ sông Wear nhìn sang nhà thờ, ba tòa tháp nổi trên trông rất có sức mạnh. Đây cũng chính là một bức tường thành kiên cảng và vững chắc của người Normandie đã dựng lên và chống lại được người Ecosse trong nhiều thế kỷ.

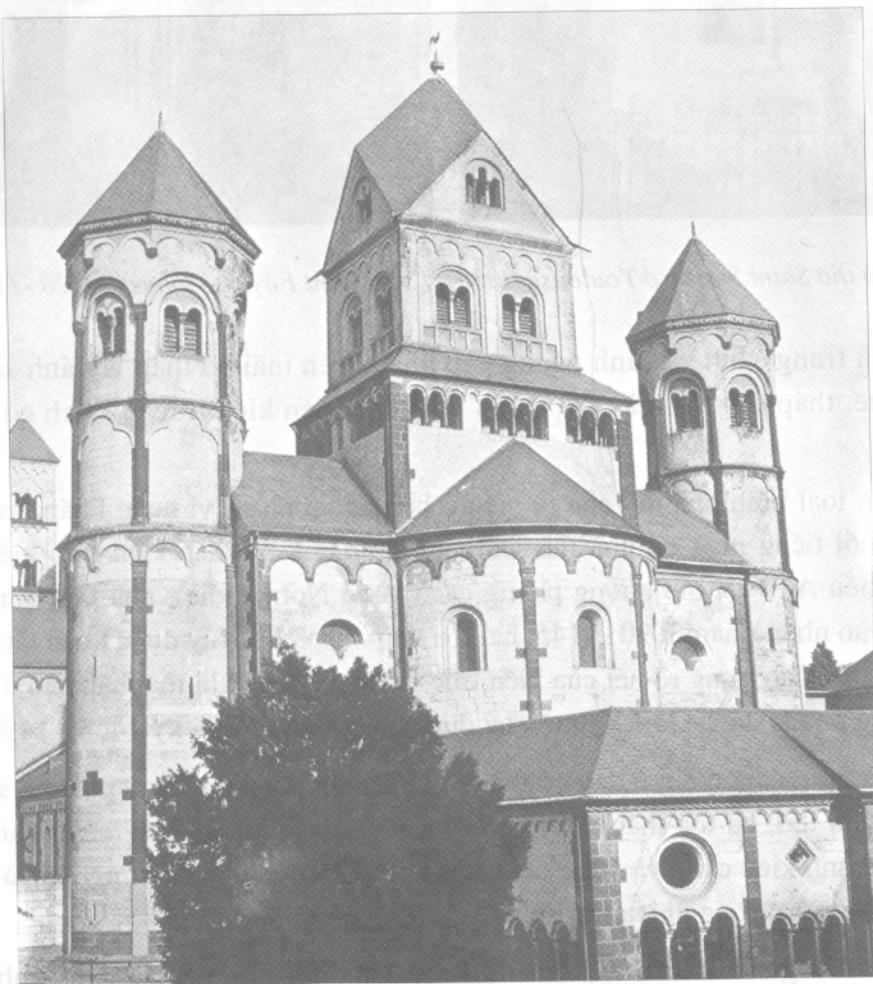
Là biểu tượng của kiến trúc Rôman đã đạt đến đỉnh cao, với lâu đài và nhà thờ xây dựng vào những năm 1100.

Ngay từ năm 1093, tu viện Durham đã trở thành nhà thờ Durham với sáng kiến của Guillaume de Calais, người được ủy nhiệm điều khiển tu viện.

Công trình trông rất đồ sộ có 2 tháp cao ở mặt đứng phía trước, thân nhà thờ có 3 nhịp có cánh ngang rất lớn và ở chỗ giao nhau với thân nhà thờ vươn lên một tháp đèn rất cao. Phần điện thờ được kéo dài nối tiếp với thân nhà thờ và dẫn đến một cánh nhà ngang thứ hai. 4 góc của cánh nhà ngang này có 4 tháp mang hình thức nhấn mạnh tính chất hình học.

Durham có ý nghĩa rất quan trọng trong lịch sử dòng kiến trúc Rôman, là công trình kích thước lớn đầu tiên đánh dấu bước chuyển sang sử dụng hệ thống vòm kiểu gô tích, giá trị của công trình còn thể hiện ở sự liên kết khéo léo các khối nhà, với sự hiện diện của các trần vòm nhiều múi.

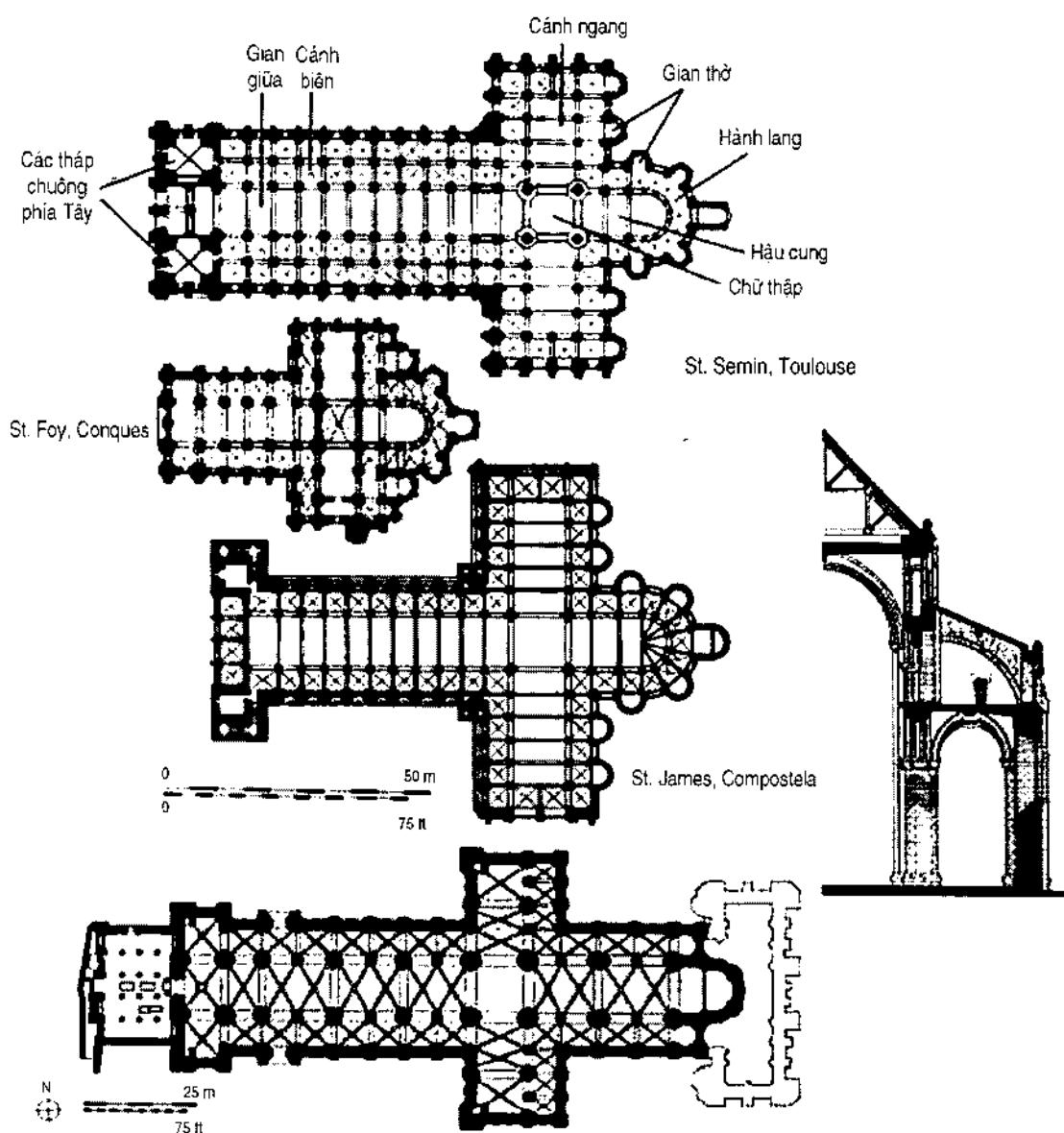
Nhà thờ Durham (nằm trong tu viện của dòng tu Benedictine) đã để cho người đời sau thấy được như là một tác phẩm kiến trúc đi trước thời đại.



Nhà thờ Maria Laach ở Đức (1093- 1156)

Đa số những người xây dựng các nhà thờ của các tu viện là tu sĩ, họ vừa và kiến trúc sư vừa là đốc công.

Nhà thờ Maria Laach ở Đức (1093- 1156) cũng là nhà thờ tu viện phong cách Đức gồm nhiều tháp nhọn trang trí ở các góc. Nhà thờ này gồm một hậu cung và đại sảnh. Bên ngoài nhà thờ được trang trí bằng các đường viền kiểu Lombard, sử dụng các hình khối lập thể tròn trịa nhẵn nhụi, nhẵn mạnh rất rõ tính thể khối hình học.



Từ trên xuống dưới, từ trái sang phải là mặt bằng các nhà thờ:  
St. Sernin, Toulouse (khoảng 1077-1119); St. Foy, Conques (khoảng 1050 - 1130),  
St. James, Compostela (khoảng 1075 - 1211);  
Nhà thờ ở Durham (1093 - 1133) và mặt cắt nhà thờ Durham.

Vào thời kỳ Rôman, thường hay có các cuộc hành hương, đa số là các khách hành hương là đi đến Jerusallem, nhiều người khác đi đến Rôma hoặc Santiago de Compestela ở Tây Ban Nha.

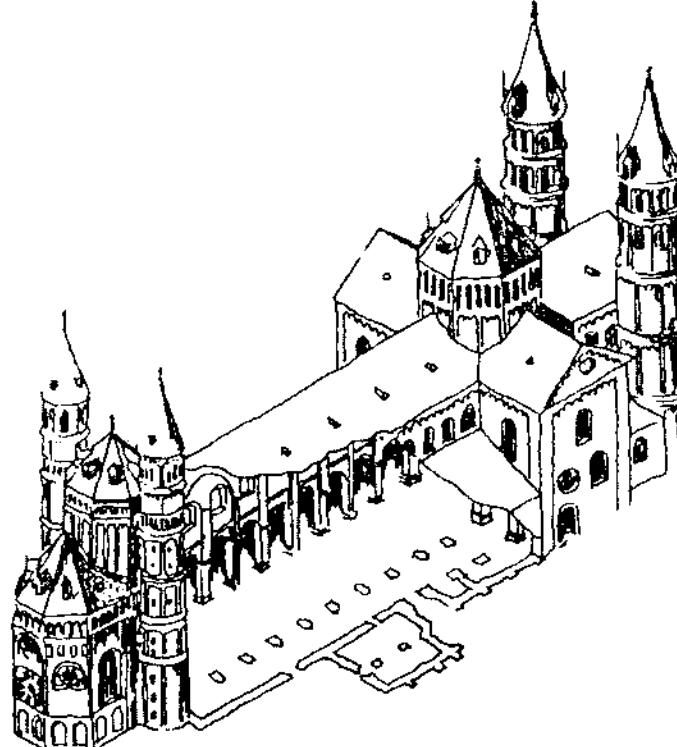
Có năm ở nước Pháp có tới 50 vạn người đi hành hương. Áp lực đó đã đè nặng lên các nơi thờ cúng ở rất nhiều thành phố, do đó xuất hiện các nhà thờ dành cho khách hành hương. Đặc điểm của các nhà thờ này là đầu phía Đông ở hậu cung có một lối đi vòng tròn bao quanh ban thờ.

#### + Nhà thờ của thành phố

Những nhà thờ của tu viện thuộc giai đoạn Rôman tiền kỳ, có hình khối tương đối đơn giản, tường và bô trụ nặng nề, mạch vữa dày và bề mặt kiến trúc không phẳng, phủ định cuộc sống hiện thực, không quan tâm đến trang trí, đến tỷ lệ. Giai đoạn cuối nhà thờ của tu viện có chỉnh chu hơn nhưng vẫn là những dindh lũy giống như dindh lũy của chủ nghĩa phong kiến.

Song song với nhà thờ của tu viện, có một loại nhà thờ khác có phong cách đối lập hẳn, đó là nhà thờ của các thành phố.

Những nhà thờ thành phố, do những người thợ dân gian có tay nghề cao đảm nhiệm, đã chú trọng hơn nhiều đối với tính chất mỹ quan của công trình.



Nhà thờ Worms ở Đức  
(Bắt đầu xây dựng năm 1171)

Các nhà thờ thành phố của Pháp và của Đức, dần dần khẳng định vai trò quan trọng của hai tòa tháp phía Tây nhà thờ, tác dụng của các yếu tố này quan trọng ở chỗ nó có thể khắc phục, tránh được vẻ nặng nề của công trình; tiếp theo, tháp lấy ánh sáng (tháp đèn), đàn thánh, các gian thờ nhỏ đều giàu tính trang trí hơn, vượt qua cả những quy định khắt khe trước đây của Giáo hội, chỉ cho trang trí cẩn thận mỗi một chỗ đàn thánh. Điều khác cũng được chú trọng, phạm vi đê tài của điêu khắc nhà thờ được mở rộng hơn, dàn dã hơn.

Nhà thờ của thành phố cuối cùng là một công trình kiến trúc đối lập, thách thức với các nhà thờ của tu viện, cân xứng, hài hòa và tinh tế hơn, kể cả từ tổng thể đến chi tiết.

Sự thay đổi của phong cách nhà thờ lúc đó thể hiện sự đối lập giữa thế giới quan thần học của tôn giáo và thế giới quan đời thường của tầng lớp thị dân.

Các tác phẩm kiến trúc tiêu biểu của nhà thờ thành phố theo phong cách Rôman có thể thấy ở các nhà thờ sau :

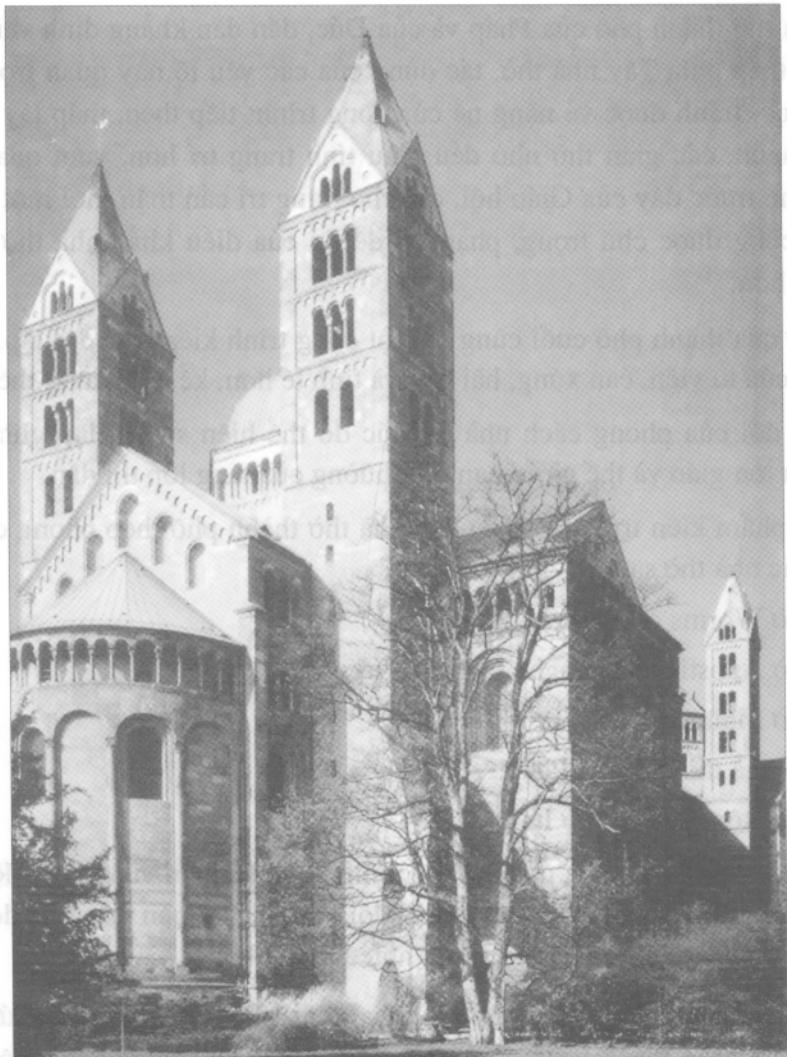
- Nhà thờ Worms ở Đức.
- Nhà thờ Apostles ở Cologne (Kohn), Đức.
- Nhà thờ Mainz ở Đức.
- Một số nhà thờ ở Caen, Pháp.
- Quận thể tôn giáo Pisa ở Italia.

Nhà thờ ở Worms, Đức là nhà thờ điển hình kiểu Rôman vùng sông Ranh, xây dựng vào thế kỷ XII (1110 - 1181), có mặt bằng đối xứng hoàn toàn qua trục dọc, có nơi tụng niệm ở hai đầu Tây - Đông nhà thờ và rất nhiều tháp nhọn.

Ở hai đầu nhà thờ Worms, mỗi đầu có hai tháp nhọn hình côn đối xứng nhau, trong các tháp có bồng cầu thang xoắn ốc, là đặc trưng của kiến trúc nhà thờ Rôman Đức. Một tòa tháp nhọn kiểu đầu bút chì, có tám cạnh được bố trí ở điểm rút của cánh ngang gấp trung sảnh, chiếm vị trí trung tâm, được "hô ứng" bởi một tháp kiểu tương tự nhưng nhỏ hơn ở phía Tây. Vì nơi tụng niệm (hậu cung) đặt ở hai đầu Tây và Đông cho nên những lối vào nhà thờ được bố trí từ mặt Nam và Bắc.

Nhà thờ Speyer ở thung lũng thượng nguồn sông Ranh, Đức, được xây dựng vào năm 1030 có bố cục tương tự nhà thờ Worms cũng là tác phẩm kết hợp một cách hoàn hảo các cách thức bố cục và trang trí của kiến trúc Rôman. Nhà thờ này có bốn tháp nhọn ở bốn góc tạo nên hình dáng thanh thoát và hùng vĩ, nổi bật trong cảnh quan. Ngoài ra trang trí mặt tiền của nhà thờ gồm những cột phụ đỡ những vòm cong phần tiếp giáp mái và những vòm trang trí khoét lõm trên mặt tường cũng tạo ra cảm giác mạnh mẽ và chắc chắn, đây cũng là hình thức trang trí điển hình của kiến trúc Rôman Đức.

Một trong những tính chất nổi bật của hình thức nhà thờ thành phố của kiến trúc Rôman là sự dính kết chặt chẽ giữa các hình khối và tạo được cho tổng thể kiến trúc một vẻ uy nghiêm.



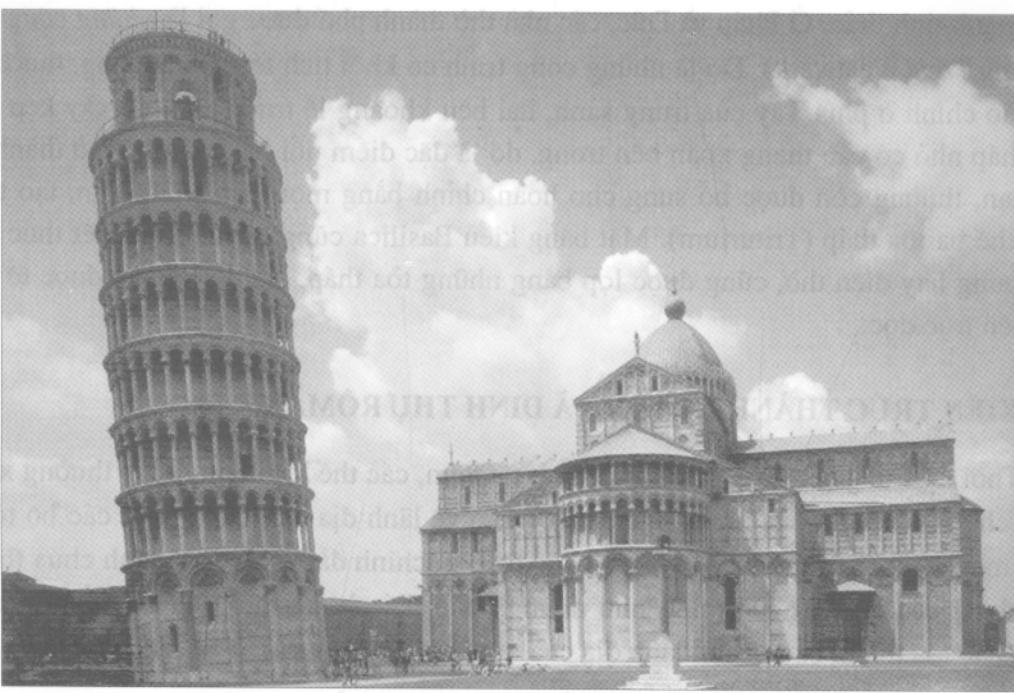
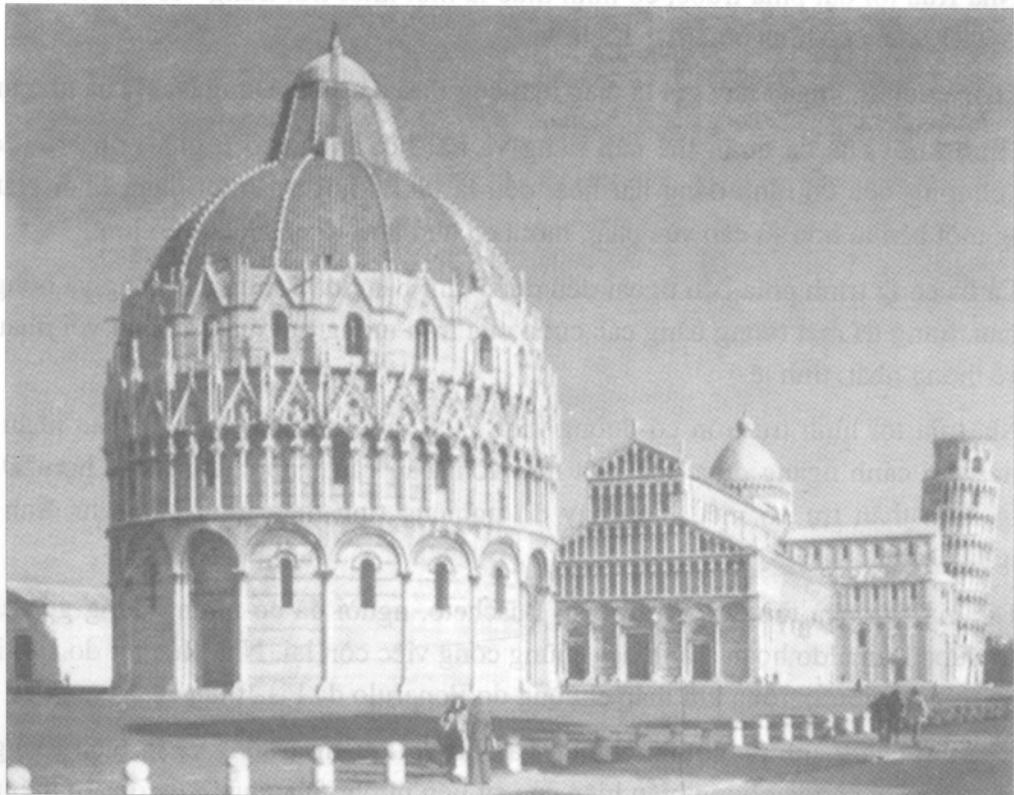
Nhà thờ Speyer (Kiến trúc Rôman Đức) là một nhà thờ nổi tiếng nhất của phong cách kiến trúc Rôman.

Nhà thờ Mainz ở Đức và một số nhà thờ ở Caen, thuộc vùng Normandie, Pháp, cũng là những kiến trúc nhà thờ thành phố bộc lộ được vẻ đối lập một cách rõ rệt so với các nhà thờ của tu viện.

Cũng thuộc loại hình này, ở Italia, có quần thể tôn giáo Pisa, được coi là sự tổng hợp nhuần nhuyễn của ánh sáng và đá cẩm thạch.

Quần thể tôn giáo Pisa (thế kỷ XI - thế kỷ XIII) là tác phẩm xuất sắc của kiến trúc Rôman Italia thể hiện sự kết nối truyền thống kiến trúc La Mã. Quần thể này bao gồm ba đơn thể thành phần xây dựng trong 3 thời gian khác nhau tổ hợp thành:

- Nhà thờ Pisa (1063 - 1118, 1261 - 1272).
- Nhà rửa tội The Baptistry (1153 - 1265).
- Tháp chuông The Campanile (1174 - 1271).



*Quần thể tôn giáo Pisa, Italia* (thế kỷ XI - XIII)

Nhà Rửa tội đặt phía trước, có hình thức là một khối trụ, trùng với trục dọc của nhà thờ kiểu Basilica có hình chữ thập La tinh.

Tháp chuông - ngày nay gọi là tháp nghiêng Pisa đặt phía Đông Nam của nhà thờ.

Hình khối của cả quần thể cân bằng và hài hòa, nhà thờ ở giữa, nhà rửa tội và tháp chuông đều có hình dáng hài hòa, đều là hình khối trụ (một dạng khối platô) nhưng một bên to hơn và cao vừa phải, một bên nhỏ hơn và có chiều cao lớn.

Cả ba công trình phía bên ngoài đều được làm bằng đá vân thạch trắng và hồng xen kẽ nhau, trang trí mặt tường bằng các cuộn nửa tròn tương tự giữa các tầng với nhau, tạo nên vẻ thống nhất, tinh tế.

Nhà rửa tội hình trụ tròn có đường kính 39,3 mét, nhà thờ ở phân giao nhau giữa Basilica với cánh ngang được lợp một mái vòm bán cầu tháp chuông cao hơn 50 mét, đường kính thân trụ 16 mét, hiện nay độ nghiêng tính theo hình chiếu từ đỉnh tháp xuống là 4 mét.

Tác giả của nhà thờ là kiến trúc sư Buscheto, người đã có những đóng góp chính, sau đó được Rainaldo hoàn thành nốt những công việc còn lại. Nhà Rửa tội do Diotisalvi là kiến trúc sư chính, trong khi tháp chuông do Bonarulo da Pisa thiết kế.

Nhà thờ của thành phố, nhìn chung, gắn bó với quảng trường và là biểu tượng của vương quốc. Đó còn là những biểu hiện của sự liên minh giữa những uy quyền thế lực và sức mạnh tinh thần. Ở Pháp và Đức, các nhà thờ thành phố được gọi là *những công trình phương Tây* (Westwerk). Đó là những công trình có khối tích lớn, nhiều tầng, thường có lối vào chính ở phía Tây của trung sảnh, hai bên khoang lề trước bàn thờ xây kẹp thêm hai tháp nhỏ có cầu thang xoắn bên trong, đó là đặc điểm nổi bật của nhà thờ thành phố Rôman, thường còn được bổ sung cho hoàn chỉnh bằng một tháp trung tâm, tạo thành một thế ba tòa tháp (Triturium). Mặt bằng kiểu Basilica cũng có thể được kết thúc bằng hậu cung hay điện thờ, cũng được lợp bằng những tòa tháp, lúc đó lối vào được tổ chức hai bên trục dọc.

## 7.5. KIẾN TRÚC THÀNH QUÁCH VÀ DINH THỰ RÔMAN

Thời kỳ trung cổ, do tình hình an ninh rất kém, các thế lực phong kiến thường xuyên xâm chiếm lãnh địa của nhau, ngoài ra để bảo vệ lãnh địa của mình khỏi các bộ tộc du mục man rợ chuyên cướp bóc và các cuộc thập tự chinh đẫm máu, các lãnh chúa thường xây dựng các lâu đài của mình như những pháo đài phòng thủ kiên cố cũng như xây dựng các tòa thành bao quanh lãnh địa của mình.

Cấu trúc các tòa thành thời trung cổ có những đặc điểm sau đây:

- Bên ngoài có các tường thành kiên cố, cao và dày thường được xây dựng bằng các vật liệu sẵn có của địa phương như gạch, đá, gỗ... Mặt trên tường thành thường làm kiểu

răng cưa để nấp bắn, các phần tường răng cưa cũng có thể nhô ra ngoài theo kiểu côngxon tạo ra lỗ hở trên mặt thành để thả đá hay đổ vạc dầu xuống quân địch. Tùy vào quy mô của tòa thành mà có thể có một hay hai lớp tường thành.

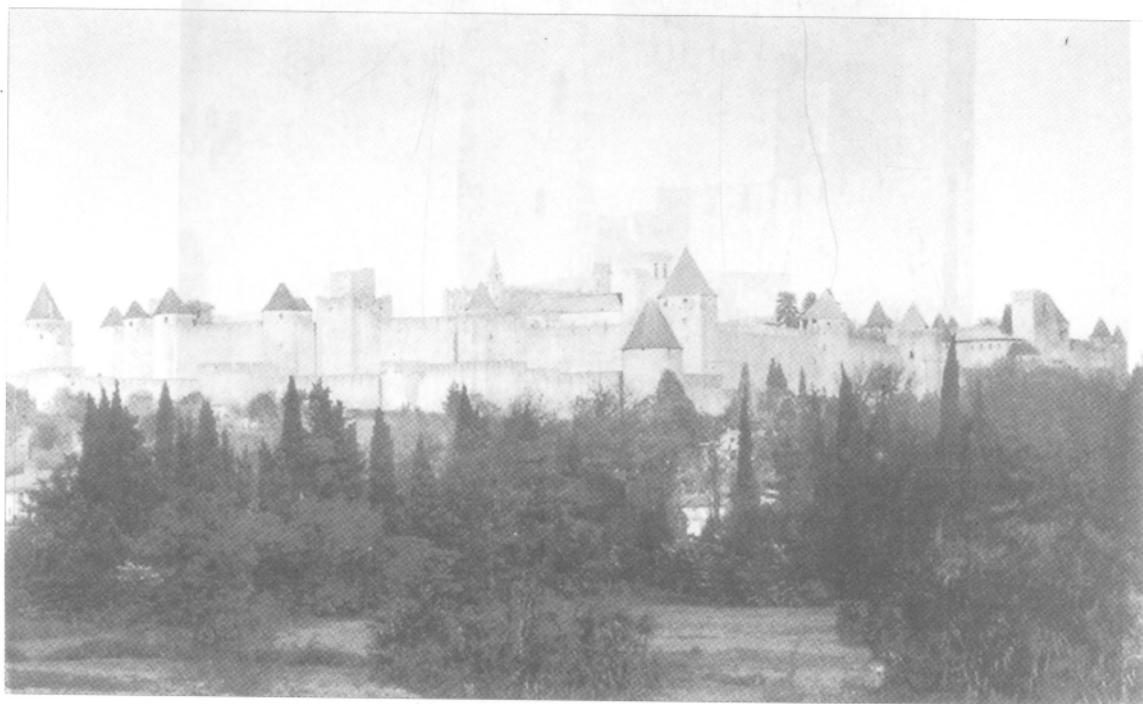
- Phía ngoài thành thường có hào sâu bảo vệ, cửa vào thành thường là cầu dây xích có thể nâng lên hạ xuống.

- Trên tòa thành có các vọng lâu cao để quan sát, trên vọng lâu bố trí các lỗ chau mai.

- Phía trong thành có tháp trung tâm (tháp này cũng thường là lâu đài của giai cấp phong kiến). Tháp này dùng để cố thủ khi quân giặc đã vào trong thành, hoặc để đối phó trong trường hợp nông dân, binh lính trong thành nổi dậy.

- Thành thường bố trí ở những vị trí hiểm yếu như ở các khu vực có độ cao có thể khống chế toàn khu vực, ở cửa sông, cửa biển.

Trong số các công trình phòng thủ thời trung cổ, nổi tiếng nhất là Thành phố pháo đài Carcassonne ở Pháp được xây dựng từ thế kỷ XIII. Thành phố này có cấu trúc gồm hai lớp tường thành bên ngoài. Mặt ngoài cao 10 mét, mặt trong cao 14 mét. Trên tường thành bố trí nhiều tháp có hình dạng khác nhau: tròn, vuông, đa giác, trên các tháp canh có bố trí các lỗ chau mai. Các tháp canh phần lớn đều được lợp ngói màu xanh, đỏ với độ cao khác nhau nên nhìn trên tổng thể rất sinh động.



Toàn cảnh thành phố pháo đài Carcassonne.

Các tường thành và pháo đài nổi tiếng khác của kiến trúc Rôman còn có :

+ Lâu đài kiểu pháo đài Coucy de Chateau ở Pháp, có lô cốt, cửa vào có đường kính 30m, cao 64m, phần tường phía dưới dày 10m. Phía ngoài có hào nước bảo vệ và phía trong có sân trong.

+ Tòa thành Krak des Chevalier ở Syrie (giữa thế kỷ XII đến giữa thế kỷ XIII) có vị trí án ngữ trên đồi cao, có tháp canh nhiều tầng, với các lỗ chàm mai cũng như cửa cuốn vòm, hình thức kiến trúc khô khan và nặng nề.

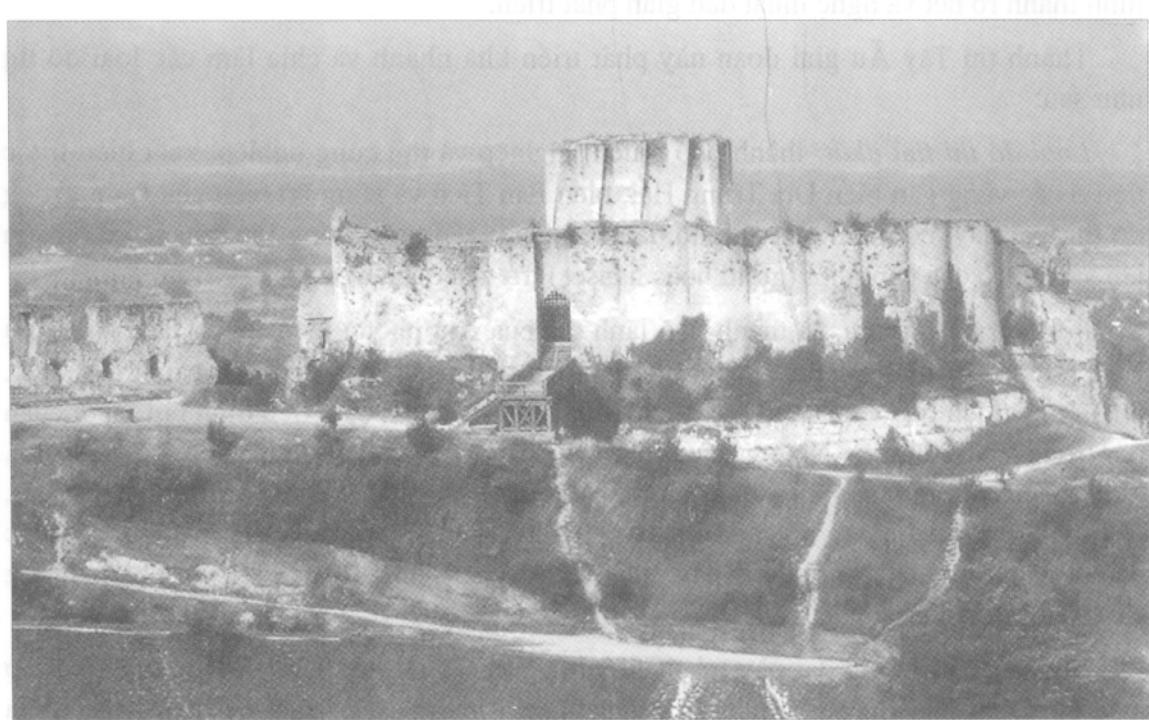
Một ví dụ nữa về loại hình thành quách thời trung cổ là Chateau - Gaillard xây dựng vào cuối thế kỷ XII có hình khối kiến trúc hoành tráng rất ăn nhập với khối núi đá mà nó đặt trên đó.



Một góc thành phố pháo đài Carcassonne



Tòa thành Krak des Chevalier ở Syria.



Thành Chateau - Gaillard ở Les Andelys, Pháp (1196-1198)

## Chương 8

# KIẾN TRÚC GÔTÍCH

### 8.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA KIẾN TRÚC GÔTÍCH

#### *Quá trình hình thành và phát triển của kiến trúc Gotic*

Kiến trúc Gotic hình thành ở Tây Âu từ cuối thế kỷ XII đến giữa thế kỷ XVI, trước hết là ở Pháp sau đó lan sang Đức, Anh, Italia.

Đến thế kỷ XII, xã hội phong kiến Tây Âu đã có sức bật lớn cùng với sự phát triển của kinh tế thương phẩm thành thị. Nền kinh tế tự cung tự cấp trước đó đã tan rã, nhưng hành hội thủ công nghiệp đã dành được nhiều thắng lợi. Ngôn ngữ các địa phương được hình thành rõ nét và nghệ thuật dân gian phát triển.

Thành thị Tây Âu giai đoạn này phát triển khá nhanh và chia làm các loại đô thị như sau:

*Loại đô thị thứ nhất:* thành phố thương nghiệp và thủ công nghiệp, xuất hiện trước tiên ở các vùng gần biển Địa Trung Hải, biển Ban Tích và vùng bờ biển của Anh. Trong đô thị loại này, có những thành phố đã có được quyền tự trị, tầng lớp hữu sản đã mạnh lên và vai trò của hàng hội (guild hoặc hances) trở nên quan trọng.

*Loại đô thị thứ hai:* là thành phố lãnh địa của chủ phong kiến (tiếng Đức có tên là Burg), một loại hình đô thị được xây dựng đầu tiên nhằm đáp ứng yêu cầu chiến lược, nhằm mục đích bảo vệ. Đặt trên các đảo giữa sông, các bán đảo, trên đỉnh núi, dưới chân núi trong thung lũng... Những thành phố này có tường dày, có tháp canh, có hào rãnh, hình thành một đường vành đai là tường bao quanh và một hệ thống đường xuyên tâm, có quy hoạch kiểu mạng nhện, khi thành phố có nhu cầu mở rộng, tường thành cũ được phá đi và tường thành mới được xây dựng, cứ như vậy, nhiều thành phố có nhiều đường vành đai là các tường thành cũ.

Những đường vành đai này trở thành những đại lộ rất nổi tiếng, không những chỉ ở Đức có thành phố Burg (Hamburg, Magdeburg, Kvelinburg...) mà ở Pháp, Anh, Italia cũng có thành phố kiểu này, Pari là một thành phố mở rộng dân bắt đầu từ đảo nhỏ LaCité trên sông Seine. Venise, Luân Đôn cũng có sáu, bảy bức tường thành tương tự.

*Loại hình đô thị thứ ba:* thành phố tôn giáo, giai đoạn này quyền lực của giáo hội trở nên rất mạnh và thịnh vượng, tạo điều kiện cho kiến trúc tôn giáo phát triển mà chủ yếu kiến trúc nhà thờ, dinh thự.

Nhìn chung các loại thành phố trên là thành phố nào cũng có nhà thờ. Nhà thờ Gótich được xây dựng trong thành phố nhằm phô diễn sự bê thế và vẻ kiêu hãnh của nó, nó gần gũi với nhà thờ Rôman của thành phố và không giống với nhà thờ Rôman của các tu viện. Nhìn toàn cục, nhà thờ Gótich có những bước tiến về nhiều mặt so với nhà thờ Rôman.

Kiến trúc Gótich bao gồm những loại hình chủ yếu sau đây:

- Nhà thờ.
- Quảng trường thành phố.
- Tòa thị chính.
- Các trụ sở hàng hội thủ công nghiệp, thương nghiệp.
- Thành quách.
- Cung điện, lâu đài và nhà ở.

Kiến trúc Gótich đại diện cho một trào lưu kiến trúc mới, tuy nó hoàn toàn thoát ly ảnh hưởng của văn hoá La Mã cổ đại. Chữ "Gótich" thật ra là ngôn từ mà thời kỳ văn nghệ Phục hưng sau này gán ghép cho phong cách kiến trúc Châu Âu thời kỳ thế kỷ XII đến thế kỷ XV, có ý miệt thị thời kỳ này không coi trọng văn hoá cổ điển. Chữ "Gótich" thật ra được dùng một cách không chính xác, nó xuất phát từ chữ Goth là một tên bộ tộc man dã chuyên sống bằng cướp bóc, không có sáng tạo gì về nghệ thuật và kiến trúc; sau đó nhiều thế kỷ, chữ "Gótich" mới mang ý nghĩa tích cực, dùng để chỉ một nền kiến trúc của chế độ phong kiến Châu Âu Trung thế kỷ trung kỳ có nhiều thành tựu. Vì vậy, việc biểu thị sự phủ định như đã nói ở trên là một dụng ý không đúng, kiến trúc Gótich không phải là "man dã" hoặc "bán khai hoá" như đã từng bị phê phán một cách không công bằng.

Kiến trúc Gótich theo một số nghiên cứu, được chia thành 5 giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn thứ nhất (nửa cuối thế kỷ XII): chuyển từ kiến trúc Rôman sang kiến trúc Gótich, giai đoạn này còn mang nặng đặc điểm kiến trúc Rôman.
  - Giai đoạn thứ 2 (thế kỷ XIII): giai đoạn Gótich chính thống - 1, đây là giai đoạn Gótich hoàn chỉnh và đỉnh cao của nghệ thuật xây dựng, sử dụng cung gãy lưỡi mác, không có gác lửng, sử dụng mặt bằng công trình hình vuông hoặc hình chữ nhật, bên trên có vòm 6 mũi. Cột chịu lực lớn, đôi khi sử dụng nhiều cột (cột chùm), không gian nhận nhiều ánh sáng thông qua cửa kính.
  - Giai đoạn thứ 3 (thế kỷ XIV): giai đoạn Gótich chính thống - 2, đặc trưng của giai đoạn này là cửa sổ tròn lớn ở mặt đứng có các nan hướng tâm, cửa sổ này có hình dáng giống hoa hồng nên gọi là cửa "Hoa hồng", cột của công trình nhỏ hơn giai đoạn thứ 2, vòm mái trở về loại 4 mũi.
  - Giai đoạn thứ 4 (thế kỷ XV): giai đoạn Gótich chính thống - 3, hình thức kiến trúc lúc này rất phức tạp, đắp điếm; hình thức cung quai giò và chạm trổ nhiều nhánh cây,

hoa lá được sử dụng nhiều trong điêu khắc và bên ngoài công trình; vòm mái giai đoạn này vẫn sử dụng 4 múi.

- Giai đoạn thứ 5 (thế kỷ thứ XVI): giai đoạn chuyển sang kiến trúc Phục hưng, vẫn mang hình thức chính của kiến trúc Gôtích chủ yếu ở giai đoạn chính thống - 3 nhưng có chuyển dần sang thời Phục hưng, xuất hiện nhiều kiến trúc La Mã.

#### ***Đặc điểm của kiến trúc Gôtích:***

Ta có thể nhận biết kiến trúc Gôtích bằng những đặc điểm chính sau đây:

- Thường có chiều cao lớn từ 38- 42 mét, riêng tháp lấy ánh sáng cao đến 60 mét, cửa sổ kính màu ở mặt đứng có thể lớn tới 8-12 mét.

- Công trình mở nhiều cửa sổ rộng, bên trong công trình tràn ngập ánh sáng.

- Các cửa sổ Hoa hồng rất lớn và giàu tính trang trí, thường đặt ở đầu hồi cánh Nam và Bắc.

- Các tác phẩm điêu khắc kiến trúc cũng như kính màu được sử dụng rộng rãi.

- Kiểu mặt bằng cơ bản là kiểu mặt bằng chữ thập La tinh, mặt đứng phía Tây có cửa vào được trang trí lộng lẫy nhất; ở phần Hậu cung phía Đông thường có những gian thờ hình nửa đường tròn.

- Hình thức bên ngoài phản ánh trung thực hình thức kết cấu bên trong.

- Kết cấu sử dụng vòm mái hình múi có sống, khung sườn và cuốn bay chịu lực, tường xây mỏng, nhẹ.

- Công trình cao lớn, đồ sộ và các bộ phận chi tiết kiến trúc vượt quá sự phù hợp với tỷ lệ của con người.

- Cảm giác về chiều cao của nhà thờ Gôtích là do chiều cao thật của nó quyết định và một phần nữa là do ảo giác quyết định, ảo giác này là do cột cuốn, gờ sống và vòm trần gây nên.

## **8.2. NUỐC PHÁP - CÁI NỘI CỦA KIẾN TRÚC GÔTÍCH**

Kiến trúc Gôtích ra đời đầu tiên ở Pháp vào năm 1140, và nhà thờ Gôtích Pháp phát triển rất mạnh mẽ trong khoảng thời 1150 đến 1300 và lần lượt ảnh hưởng ra các nước xung quanh như Anh, Đức, Tây Ban Nha, Italia.

Lần đầu tiên kiến trúc Gôtích đã thay thế cho kiểu Rôman ở Pháp. Paris vốn được mệnh danh là "nguồn nước tươi của các miền đất" đã trở thành trung tâm văn hóa của Pháp từ thế kỷ XVII. Vào thời gian đó và còn cho đến tận ngày nay, không chỉ ở Paris mà còn có các thành phố khác như: Amien, Reim và Ruan cũng được xem là kho báu của nghệ thuật Gôtích.

Đến thời kỳ Gótich, trên phạm vi nước Pháp cũng như một số nước khác, nhà thờ chính của thành phố chiếm địa vị chủ đạo, hoàn toàn thay thế cho nhà thờ của tu viện. Từ thế kỷ XII đến thế kỷ XV, đã có 60 nhà thờ chính của các thành phố được xây dựng, đó là những biểu tượng sự giải phóng của các đô thị cũng như sự mạnh và giàu có của những đô thị đó.

Ở Pháp phong cách Gótich được thịnh hành hơn ba thập niên: một phần ba cuối của thế kỷ XII đến một phần tư đầu của thế kỷ XIII - là thời kỳ đỉnh cao của phong cách Gótich và thế kỷ XIV - XV là thời kỳ cuối; ban đầu là giai đoạn "toả sáng" và sau đó là giai đoạn "rực cháy".

Nhà thần học nổi tiếng nhất thời kỳ Gótich Thomas Aquinas (1227 - 1274) đã đưa ra những chủ kiến không nhất trí hoàn toàn với quan điểm của Giáo hội tiền kỵ, ông vẫn cho rằng "cái đẹp của thương đế là cái đẹp tối cao" nhưng cũng cho rằng "cái đẹp cảm tính cũng quan trọng" và nói: "cái mà khiến cho người ta thỏa mãn lúc cảm thấy chính là cái đẹp".

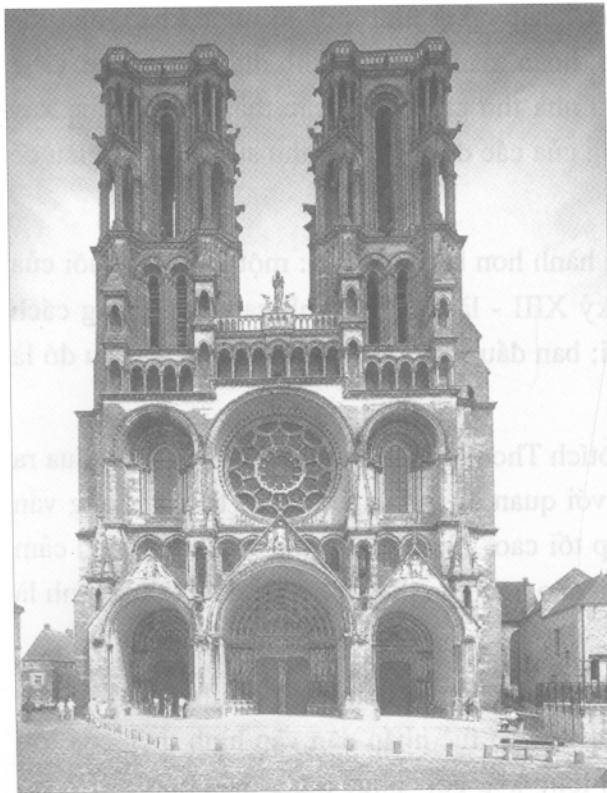
Tuy vậy, một số giới thần học trong nhà thờ cũng đã tiến hành các hoạt động, xây dựng các lý luận để chống lại sự thâm nhập của trí tuệ nhân dân vào hình thức của tôn giáo vào thế kỷ XIII đã có một trào lưu lạc lõng kêu gọi "phục hưng thần học". Một vài nơi đã có hiện tượng cấm trang trí điêu khắc, hạn chế làm cửa sổ kính màu và không được làm tháp chuông.

Kiến trúc nhà thờ Gótich thế kỷ XII - XV thể hiện một sự đấu tranh về mặt chính trị và văn hoá tư tưởng không khoan nhượng, trong khi nhà vua dành phần thưởng có phần nào khoan nhượng, để cho nhân dân đẩy mạnh việc xây dựng những nhà thờ đồ sộ, to đep thì thế lực đối lập là lãnh chúa phong kiến lại có một bộ phận đứng ra phản đối. Người bảo vệ mạnh mẽ nhất cho quan điểm của giai tầng đại phong kiến là thánh đỗ Bernard de Clairvaux (1091 - 1153).

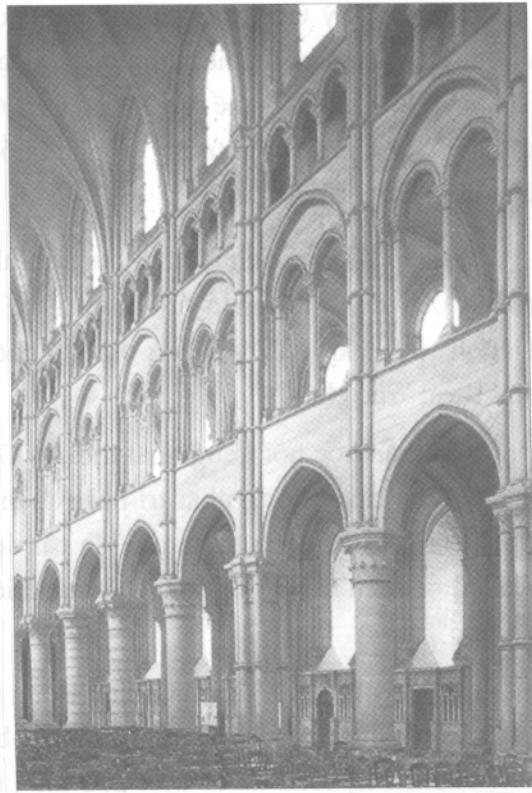
Nhà thờ ở Notre Dame, Laon (xây dựng trong những năm 1155 - 1205) là một trong những nhà thờ thể hiện nguyên vẹn làm chủ của tầng lớp thị dân. Nhà thờ không còn là kiến trúc tôn giáo thuần túy và cũng mất đi tính chất của một dinh luỹ, mà trở thành một trung tâm sinh hoạt công cộng, là nơi tụ họp, vui chơi, cử hành hôn lễ, ma chay của người dân. Tính chất dân gian, thế tục của nhà thờ ngày một nâng cao.

Nhà thờ Notre Dame De Paris (khởi công xây dựng năm 1163) cũng là một chứng tích lịch sử về hình thức kiến trúc Gótich Pháp.

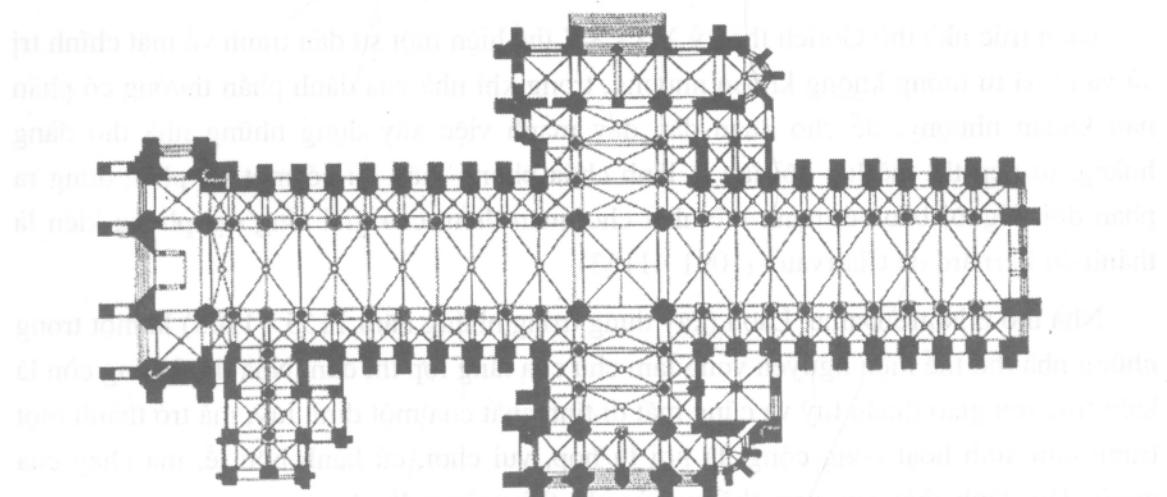
Cái đẹp thế tục, cái đẹp cảm tính dần dần được thừa nhận. Điều này có thể thấy trong nhà thờ Saint Denis (xây dựng 1135 - 1144), tác phẩm đầu tiên của kiến trúc Gótich Pháp.



Nhà thờ Notre Dame, Laon



Nội thất nhà thờ Notre Dame, Laon

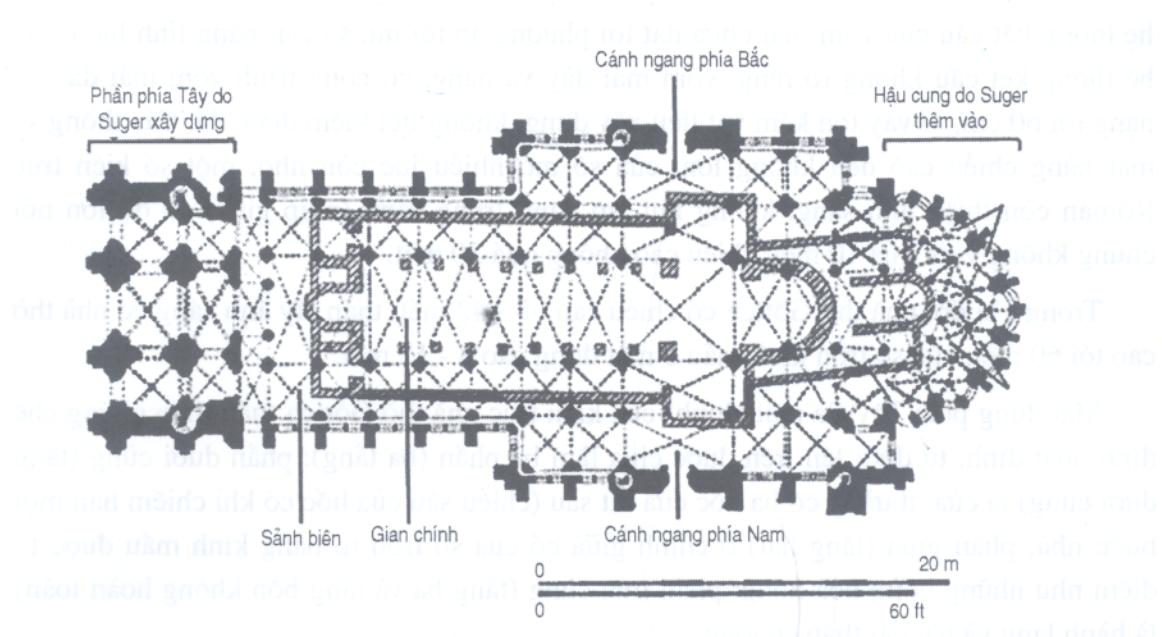


Mặt bằng Nhà thờ Notre Dame, Laon

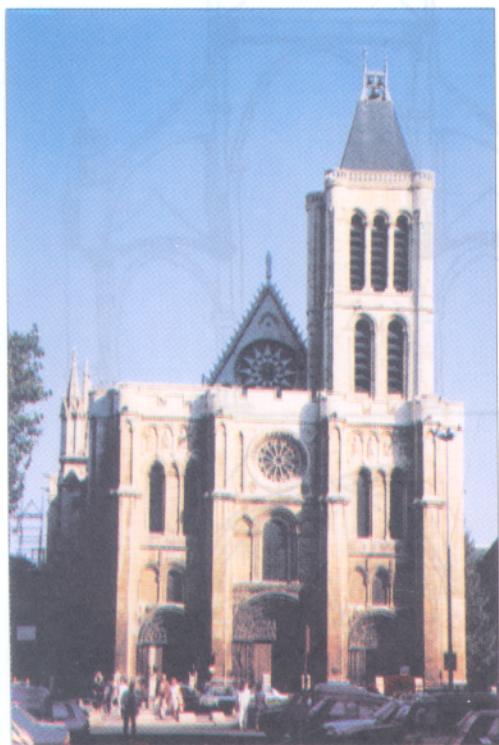
Nhà thờ Saint Dains, ở phía Bắc Paris, là một nhà thờ có phong cách hoa lê, sáng sủa, thể hiện việc thừa nhận cái đẹp thế tục tương thích với kiến trúc tôn giáo.

Một đặc trưng nổi bật trong kiến trúc Nhà thờ Gô tích là nội thất có nhiều cửa kính màu, trên vòm mái cũng có nhiều kính màu để ánh sáng tràn ngập bên trong nhà thờ với

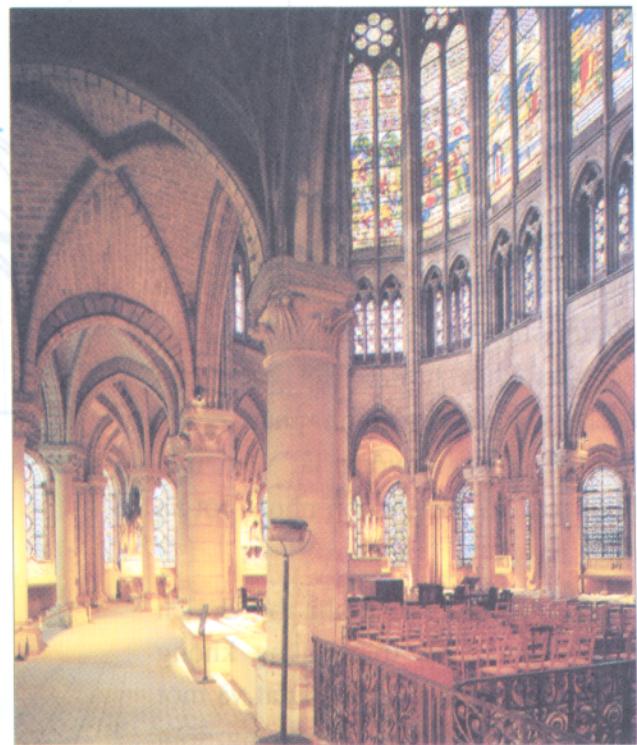
màu sắc vô cùng phong phú và sống động. Điều này được thể hiện rõ trong nội thất nhà thờ Saint Denis, Paris.



Mặt bằng nhà thờ Saint Denis, Paris. (Xem chi tiết ảnh số 153)



Mặt đứng nhà thờ Saint Denis, Paris.



Nội thất nhà thờ Saint Denis, Paris.

### 8.3. HỆ THỐNG KẾT CẤU NHÀ THỜ GÔTÍCH

Trong kiến trúc nhà thờ Rôman, sự tiến bộ của hệ thống kết cấu còn nhiều hạn chế, hệ thống kết cấu của vòm mái chưa đạt tới phương án tối ưu, sự cân bằng tinh lực trong hệ thống kết cấu không rõ ràng, vòm mái dày và nặng, có công trình vòm mái dày và nặng tới 60 cm, vì vậy tốn kém vật liệu xây dựng, không tiết kiệm được đá. Các thông số mặt bằng chiều cao đều không lớn, cửa sổ mở nhiều lúc còn nhỏ, một số kiến trúc Rôman còn thiếu ánh sáng, không khí ẩm đạm, trung cảnh (nhịp giữa) có độ lớn nói chung không vượt quá 10 mét, chiều cao không quá 20 mét.

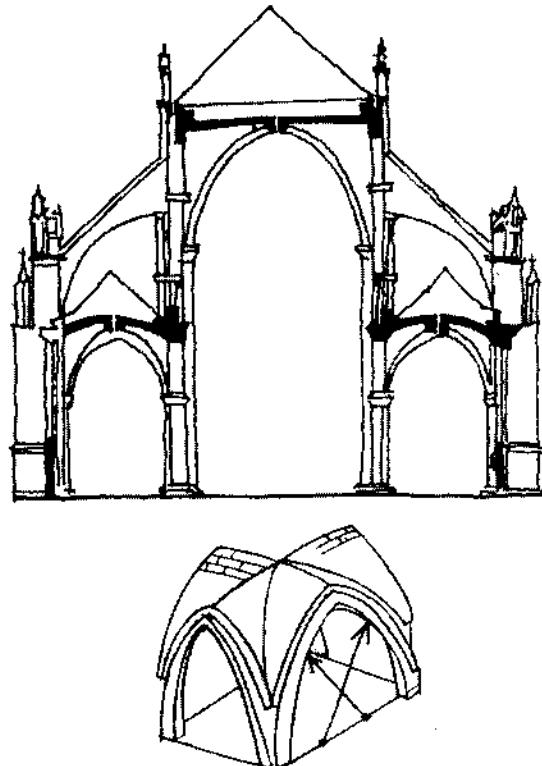
Trong khi đó, nhà thờ Gôtích có chiều cao 38 - 42 mét, tháp lấy ánh sáng có nhà thờ cao tới 60 mét, cửa sổ tròn kính mầu ở mặt đứng cao 8 - 12 mét.

Mặt đứng phía Tây (là mặt chính) của kiến trúc nhà thờ Gôtích tuân theo những chế định nhất định, từ dưới lên trên được chia làm ba phần (ba tầng): phần dưới cùng (tầng dưới cùng) là cửa, thường có ba hốc cửa rất sâu (chiều sâu của hốc có khi chiếm hẳn một bước nhà; phần giữa (tầng hai) ở chính giữa có cửa sổ tròn to bằng kính mầu được tô điểm như những bông hoa hồng; phần trên cùng (tầng ba và tầng bốn không hoàn toàn) là hành lang và hai cái tháp chuông.

Kết cấu nhà thờ Gôtich là một trong những sáng tạo đặc biệt nhất, tạo cho kiến trúc nhà thờ những ưu việt và vẻ đẹp đặc biệt, mà trước đó các hệ thống kết cấu, kể cả những nền kiến trúc phát triển cao như La Mã cổ đại, chưa đạt được.

Hệ thống kết cấu nhà thờ Gôtich là một hệ thống không gian lớn, dùng khung chịu lực, tách biệt rõ rệt giữa kết cấu chịu lực và kết cấu ngăn cách; với những thành phần chính tính từ đổ mái xuống là: vòm mái hình mũi cá sống, cuộn nhọn, cột và cuộn bay.

Hệ thống kết cấu nhà thờ Gôtich đã tạo cho kiến trúc những không gian mênh mông, khoáng đạt và một khung cảnh nội thất nhẹ nhàng, tràn ngập ánh sáng.



Mặt cắt và vòm mái có 2 tâm  
của kiến trúc Gôtich

Hệ thống kết cấu vòm  
Gótich giải được bài toán xây  
dụng vòm có hình chiếu trên  
mặt bằng hình chữ nhật, điều  
mà hệ thống kết cấu vòm  
Rôman chưa giải quyết được.

Trong các công trình kiến  
trúc Gótich, khi xây dựng vòm  
mái bằng hình chữ nhật, thông  
thường người ta thường gấp  
mái cong hai chiều rất phức  
 tạp, như vậy khi mặt chiếu  
bằng của nó là hình chữ nhật,  
chiều cao của cuốn vẫn bằng  
nha, khiến xử lý kiến trúc vòm  
có mũi đơn giản hơn nhiều.

Hệ thống kết cấu của vòm  
Gótich không còn một chút  
gắn bó nào với kết cấu của  
kiến trúc La Mã cổ đại, tính  
chất cách tân của kiến trúc  
Gótich có được là nhờ những  
cuộn nhọn (đến từ kiến trúc phía Đông, mái vòm tròn có bốn cuộn nhọn có mũi đõ).  
Vòm mái hình mũi có sống trong kiến trúc mái nhà thờ Gótich chia ra các loại:

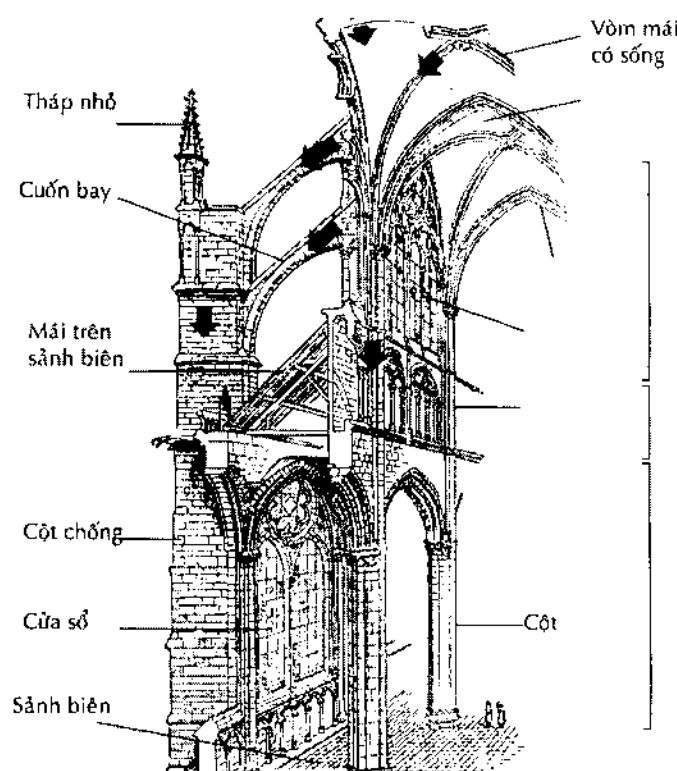
- Vòm có sống bốn mũi có hình chiếu mặt bằng hình chữ nhật: vòm mái được đỡ bởi bốn cuốn biến có sống (mỗi cuốn nhọn có hai tâm, chiều cao cuốn cạnh bé bằng chiều cao cuốn cạnh lớn) và hai cuốn chéo có sống cắt nhau qua tâm.

- Vòm có sống sáu mũi có hình chiếu bằng hình chữ nhật: đem nhịp lớn (cạnh lớn của hình chữ nhật) chia làm hai, có sáu mũi vòm xây trên sáu cuốn biến có mũi và ba cuốn chéo cắt nhau ở giữa. Kiểu vòm này là kiểu vòm đặc trưng của kiến trúc Gótich thế kỷ XII.

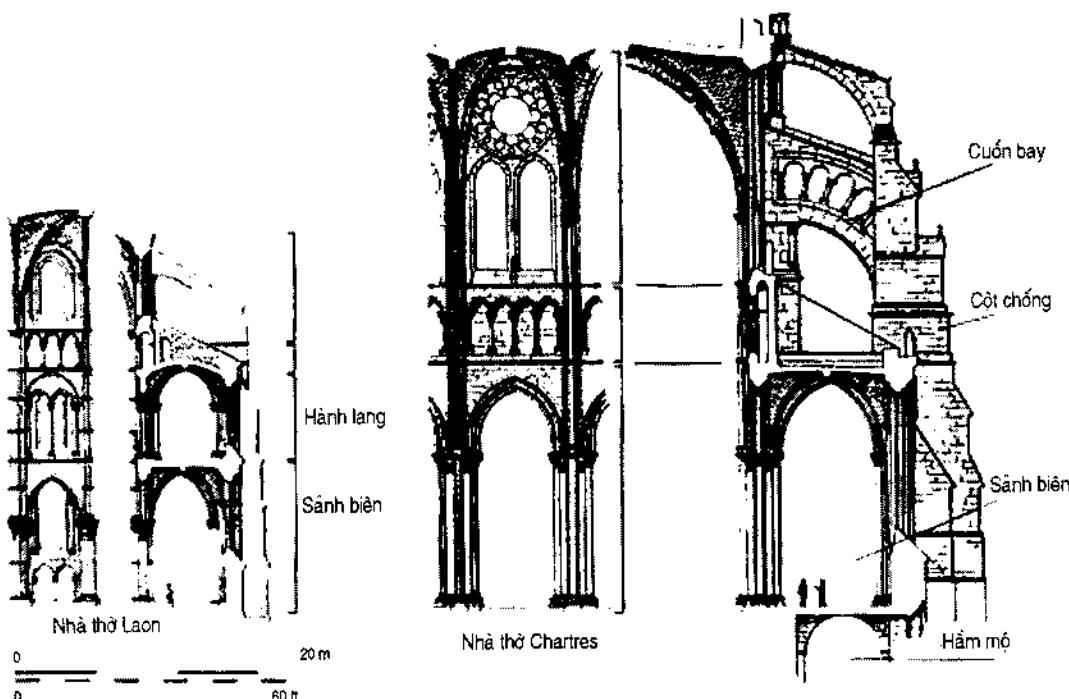
- Vòm có nhiều sống và nhiều mũi hình sao có mặt chiếu hình chữ nhật, trên bốn cuốn biến có mũi, thêm vào rất nhiều gân sống phụ, thành hình sao hay các dạng hoa văn khác nhau. Loại vòm mái phức tạp này là sản phẩm của kiến trúc Gótich hậu kỳ.

Bốn chân vòm của kiến trúc truyền tải xuống và cột và một phần của tải trọng xuống cuốn bay.

Cuốn bay là một thành phần quan trọng của hệ thống kết cấu nhà thờ Gótich, chia sẻ với cột tải trọng của vòm, làm giảm tiếp diện của cột khiến cho công trình có thể mở cửa sổ lớn được và làm cho đường nét kiến trúc thêm thanh thoát.



*Hệ thống kết cấu Nhà thờ Gótich*



Một số bộ phận cấu tạo nhà thờ Gotic

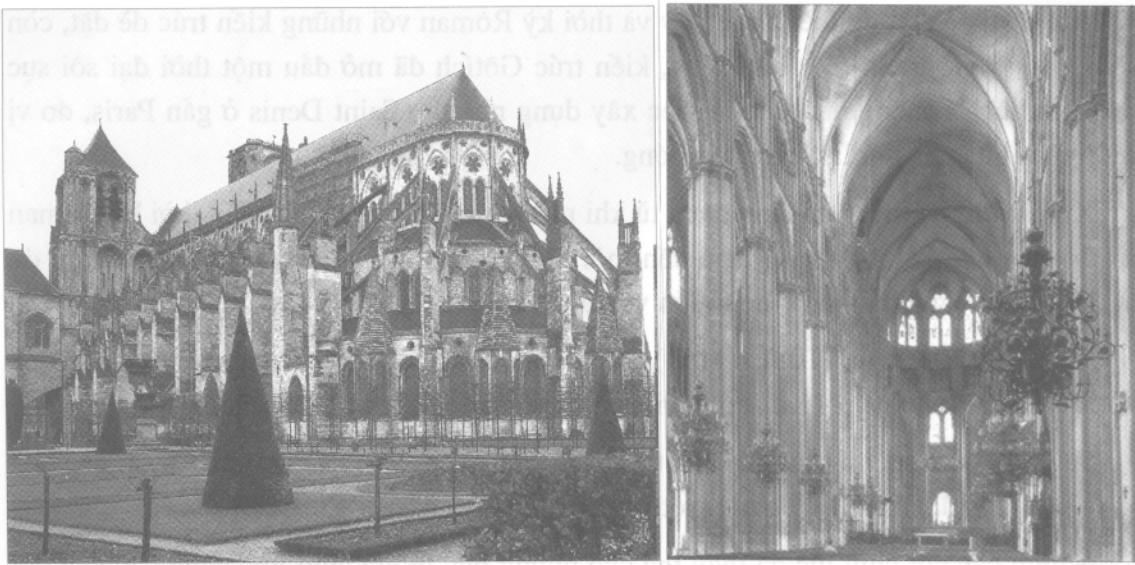
Cuốn bay (Flying buttress) bao gồm những cái cuốn nghiêng trong không trung và những bệ cột đứng, là một sáng tạo lớn khác cho kiến trúc Gotic. Cuốn bay, cũng giống như những cột bồ trụ, được xây dựng dùng để đỡ những lực đạp ở mặt bên, nhưng vì cấu tạo thì khác xa cột bồ trụ. Cuốn bay cũng góp phần làm cho gắn bó hơn mối liên kết giữa nhịp lớn ở giữa (trung sảnh) và nhịp biên (hành lang bên), khiến cho kích thước cột của hai bộ phận này giảm nhỏ.

Hệ thống kết cấu nhà thờ Gotic đưa đến kết quả là tiết kiệm được nhiều vật liệu cho vòm, chiều dày của vòm chỉ còn khoảng 25 - 30 cm, vòm mái hình mũi cá sống còn hợp được nhiều loại mặt bằng khác nhau, chẳng hạn trong trường hợp mặt bằng hình dáng phức tạp của đàn tế nhà thờ Saint Denis.

#### 8.4. CÁC PHONG CÁCH KIẾN TRÚC VÀ CÁC THẾ HỆ NHÀ THỜ GÔTÍCH PHÁP

Sau xuất phát điểm của kiến trúc Gotic là nhà thờ Saint Denis, các nhà thờ thuộc loại xây dựng đầu tiên trong kiến trúc Gotic Pháp trong những năm 1140 - 1200 được gọi là thế hệ các nhà thờ Gotic nguyên thuỷ (bao gồm các nhà thờ ở Noyon, Laon, Paris).

Tiếp theo là các nhà thờ xây dựng trong khoảng những năm 1200 - 1250, được gọi là thế hệ các nhà thờ Gotic cổ điển, hay các nhà thờ xây dựng có tháp lấy ánh sáng (tháp đèn) (bao gồm các nhà thờ ở Reims, nhà thờ ở Beauvais, Auxerre, Chartres, Rouen, Bourges (xây dựng từ năm 1195 - 1250) và nhà thờ Sainte Chapelle ở Paris.



*Phối cảnh và nội thất nhà thờ St. Etienne, Bourges.*

#### \* Phong cách các nhà thờ Gótich toả sáng

Là phong cách của những nhà thờ Thiên Chúa giáo được xây dựng trong khoảng 1260 - 1380 (nửa sau thế kỷ XIII và suốt thế kỷ XIV), thời kỳ phát triển toàn diện và chín muồi của kiến trúc Gótich. Tác phẩm tiêu biểu của thế hệ các nhà thờ Gótich toả sáng là các nhà thờ ở Amiens, ở Strasbourg ở Metz.

#### \* Phong cách các nhà thờ Gótich rực cháy

Là phong cách của nhà thờ được xây dựng trong khoảng những năm 1380 - 1540, ví dụ các nhà thờ Saint Maclou ở Rouen, nhà thờ Saint Gervais, Saint Merri ở Paris, nhà thờ Saint Pierre ở Avignon, nhà thờ Harfleur ở Normandie. Toà án ở Rouen cũng thuộc dòng kiến trúc này.

Danh từ "kiến trúc Gótich rực cháy" chỉ việc đổi mới của kiến trúc Gótich ở giai đoạn cuối, mà đặc trưng là việc sử dụng các đường nét lượn sóng như các ngọn lửa đang lung linh cháy trong một số bộ phận kiến trúc.

Trong các phong cách kể trên và theo sự phát triển của kiến trúc Gótich, có các nhà thờ Gótich Pháp sau đây được xem như là những ví dụ quan trọng nhất :

- Nhà thờ Saint Denis
- Nhà thờ Notre Dame de Paris
- Nhà thờ Reims
- Nhà thờ Amiens
- Nhà thờ Chartres

Sau đêm dài Trung thế kỷ tiền kỳ và thời kỳ Rôman với những kiến trúc dè dặt, còn trong tình trạng tranh tối tranh sáng, kiến trúc Gôtich đã mở đầu một thời đại sôi sục mới, mà tiếng chuông đầu tiên là việc xây dựng nhà thờ Saint Denis ở gần Paris, do vị trưởng lão của nhà thờ là Suger đề xuất.

Khái niệm đô thị đã bị lãng quên từ khi nhà nước La Mã sụp đổ, đến thời kỳ Rôman bắt đầu được hồi sinh, nhưng phải đến thời kỳ Gôtich, mới chính thức có lại những đô thị đích thực, với những nhà thờ to lớn và tráng lệ.

Vị trưởng lão Suger (1081 - 1151) chính thức đặt viên đá xây dựng đầu tiên cho nhà thờ Saint Denis vào năm 1135, công việc xây dựng kéo dài trong tám năm.

Suger đã là người đề xuất đầu tiên cho một phong cách nghệ thuật mới, nhà thờ Saint Denis đã dành dấu sự đoạn tuyệt với kiến trúc Rôman.

Những cột chịu lực đã thay thế cho những bức tường chịu lực, nâng cao đến tận chân vòm, những phần tường xây nề biến mất, nhường chỗ cho những bức tranh kính mầu minh họa những đê tài lịch sử.

Sự ra đời của nhà thờ Saint Denis gắn liền với sự sáng tạo nên hai đặc điểm của nhà thờ Gôtich: một hình thức mặt đứng kiểu mới và một nội thất kiến trúc tràn ngập ánh sáng.

Sự đổi mới bắt đầu bằng việc xây dựng mặt chính ở phía Tây: thực hiện một thềm quan ở phía trước. Tam quan ba cửa ở tầng dưới cùng này tạo thành ba nhịp điệu, do bốn bệ cột cao chịu lực tạo nên, ở phần giữa, bên trên, có một cửa tròn lớn, tiền thân của loại "cửa sổ hoa hồng" nổi tiếng sau này.

Mặt đứng ba nhịp với ba cửa chính tượng trưng cho Tam vị nhất thể, đồng thời cũng tạo nên hình ảnh quyền lực của nhà vua qua dáng vẻ kiêu thành quách của kiến trúc, tạo nên hình mẫu mặt đứng cơ bản cho các nhà thờ Gôtich tiếp sau Saint Denis.

Việc sử dụng ánh sáng một cách tài tình nhờ kỹ thuật mới của hệ vòm mái hình móng cổ sống và cửa sổ kính mầu là yếu tố cơ bản khác của kiến trúc Gôtich, nó góp phần dọi chiếu một cách thực thể cũng như một cách ẩn dụ không gian bên trong nhà thờ. Theo các nhà nghiên cứu kiến trúc và lịch sử, nhà thờ Gôtich là một sản phẩm trí tuệ, kết hợp bên trong nó một cấu trúc của tư tưởng triết học kinh viện. Nhiều thành phần của mặt bằng và số tầng cao được phân chia theo một trật tự có tính kỷ luật cao và mang tính chất ẩn dụ mạnh. Ví dụ toà chính điện là biểu tượng của cửa thiên đường. Ngoài ra, những hình ảnh mê tín dị đoan, quái vật, làm mọi người e sợ trên trang trí mặt đứng đã được thay bằng những trang trí có chủ đề thiên nhiên.

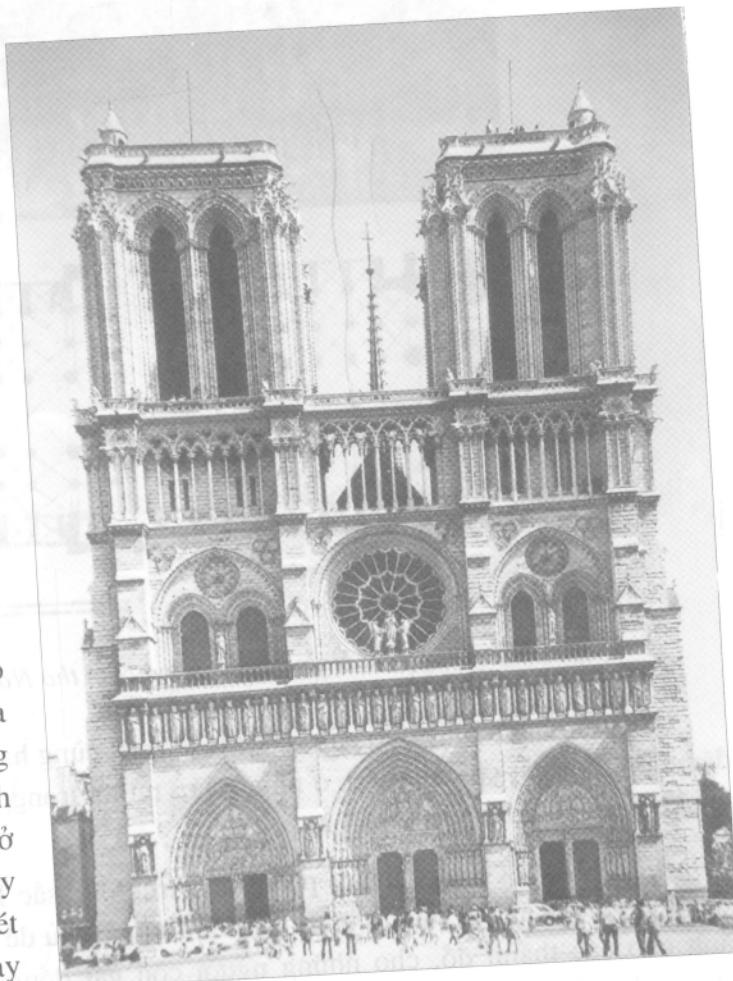
Sau nhà thờ Saint Denis, vào cuối thế kỷ XII và suốt thế kỷ XIV, nước Pháp và Tây Âu bước sang "thời đại Vàng của các nhà thờ", nhân dân các thành phố rầm rộ đấu tranh để xây dựng nhà thờ Gôtich đẹp nhất cho thành phố của mình.

Nhà thờ Notre Dame de Paris là một nhân chứng hùng hồn của thế hệ các nhà thờ đó. Nhà thờ Notre Dame de Paris (khởi công xây dựng năm 1163) cũng là một chứng tích lịch sử về hình thức kiến trúc Gotic Pháp. Công trình nhà thờ đồ sộ này được chia làm 3 phân vị ngang trên mặt đứng. Phân vị ngang thứ nhất có 3 sảnh ra vào, trong đó có một lối vào chính và hai lối vào phụ, các cửa ra vào lùi sau vào bức tường chia thành nhiều lớp vòm cuốn gạch mang phong cách Gothic, phía trên riềng của phân vị thứ nhất có 28 bức tượng người đặt trong các hốc tường. Phân vị thứ hai cũng sử dụng vòm cửa có 28 bức tượng người đặt trong các hốc tường. Phân vị tầng thứ 3 có hệ thống hành lang với 21 cột tròn ở bên ngoài, phía trên các đầu cột là vòm cuốn Gothic. Tầng trên cùng được kết thúc bởi hai cửa vòm cuốn lớn, hẹp và cao tạo cho công trình có ấn tượng mạnh mẽ của hình khối kiến trúc.

Nhà thờ Notre Dame de Paris là nhà thờ Gothic nguyên thuỷ, bắt đầu xây dựng năm 1163 dưới sự điều phối của Đức Giám mục Maurice de Sully, đến năm 1200 hoàn thành về cơ bản, hai ngọn tháp ở mặt đứng phía Tây hoàn thành vào năm 1245, chiếc pháp đèn mành và nhọn phía sau mãi đến năm 1345 mới hoàn tất.

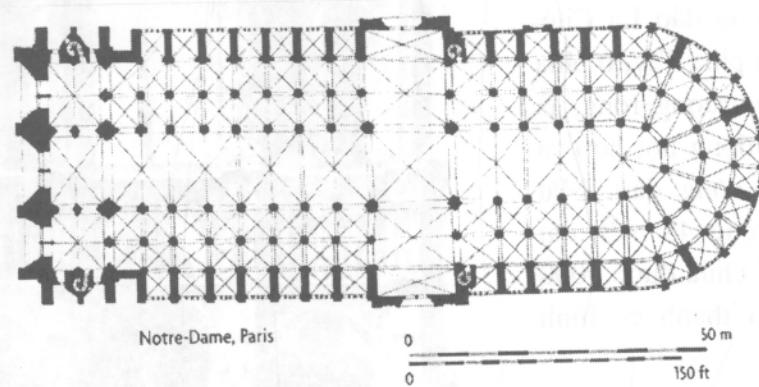
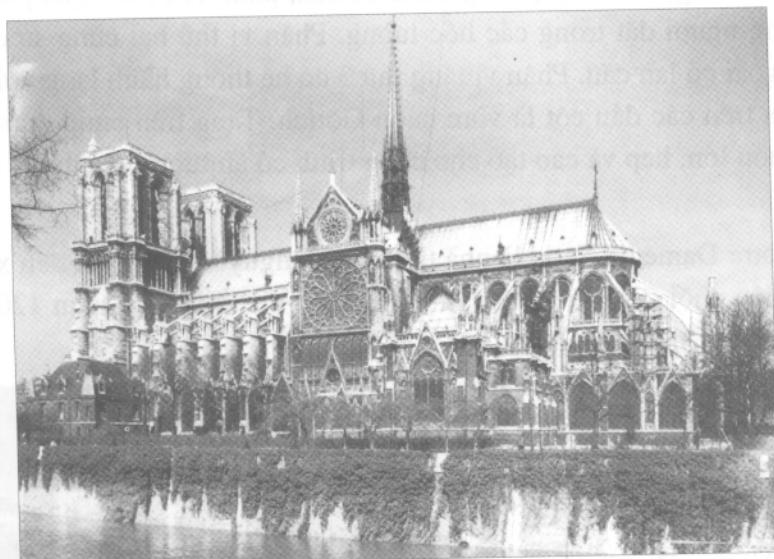
Nhà thờ Notre Dame de Paris đặt trên hòn đảo La Cité, lối vào chính từ phía Tây, ở phía trước có quảng trường rộng, là trung tâm hoạt động hội họp và lễ tết của các công dân. Mặt bằng nhà thờ rộng 48 mét, dài 130 mét, có thể chứa được 9000 người, phía đài thánh có hình bán nguyệt.

Sảnh chính (trung sảnh) cao 35 mét, sảnh bên cao 9 mét, cửa kính mở rộng khiến ánh sáng tràn ngập, mái vòm phần sảnh chính hình sáu mũi có sống, ở giữa có khoá vòm, cuốn bay vượt một khoảng không 15 mét nên tạo một ấn tượng hết sức bay bổng cho kiến trúc mặt Nam và mặt Bắc.



Nhà thờ Notre Dame de Paris

Ở mặt chính phía Tây, có hai toà tháp cao hơn 60 mét, phân vị đứng có bốn bệ cột cao đồ sộ chia mặt chính ra làm ba phần, hai băng đều khắc trang trí hình băng ngang liên kết chúng lại theo chiều ngang. Tầng một là ba cửa vào chính có chiều sâu lớn, tầng hai ở giữa có "cửa sổ hoa hồng" đường kính lớn 13 mét, hai bên có cửa sổ hình cuốn nhọn.



Mặt đường phía Nam và mặt bằng Nhà thờ Notre Dame de Paris

Đặc biệt, ngọn tháp đèn phía sau cao 90 mét cùng hai ngọn tháp phía trước trở thành đặc điểm nổi bật của nhà thờ, ở những nơi rất xa trong thành phố cũng đều thấy rõ ràng các thành phần kiến trúc này.

Nhà thờ còn có một thành phần kiến trúc đặc sắc nữa là chiếc "cửa sổ hoa hồng" ở phía Nam, có đường kính 18 mét, trên vẽ chủ đề Chúa Jesus đang ban phước ơn lành cho các thánh đồ, cho những người con gái đồng trinh ngoan và không ngoan. Chiếc cửa sổ hoa hồng này được hoàn thành năm 1260, do kiến trúc sư lớn nhất nước Pháp thế kỷ XIII là Pierre Montreuil thiết kế.

Mặc dầu mặt chính chia làm ba phần, nội thất bên trong lại chia làm năm nhịp, nhịp giữa (sảnh chính) lớn hơn hai lần bốn nhịp biên.

Qua ba cửa vào ở phía Tây, lần lượt triển khai phần thân của nhà thờ (nơi con chiên đến làm lễ), phần cách ngang, không gian dành cho ban hát Thánh thi và cuối cùng đến Đàn Thánh.

Nhà thờ Reims ở vào một trung tâm tôn giáo phồn thịnh nhất nước Pháp lúc bấy giờ, trên vị trí nhà thờ cũng bị cháy, nhà thờ được xây dựng lại trong khoảng những năm 1211, đến năm 1316 mới hoàn tất.

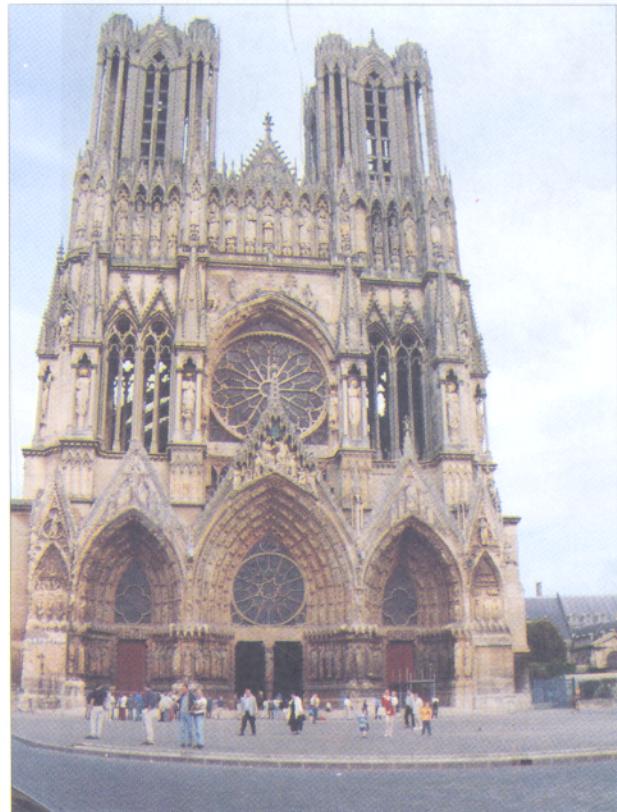
Nhà thờ Reims là biểu hiện rực rỡ của tinh thần của thời đại, là nơi đăng quang của các nhà vua Pháp.

Nhà thờ Reims là nhà thờ chính của Giáo khu, hình dáng cân đối, trang trí tinh tế, vòm mái bốn mũi đạt đến độ cao 38 mét, phân vị đứng chắc chắn ở phần cột và thanh thoát ở phần vòm, mặt đứng có diện mạo hoành tráng ở phần cửa vào và mảnh mai, hoa lệ ở những phần trên. Công trình trông đồ sộ mà vẫn như đang phép phói bay lên.

Mặt bằng nhà thờ có cấu trúc hình chữ thập rõ nét để đáp ứng các nhu cầu nghi lễ. Tuy thời gian xây dựng dài nhưng phong cách kiến trúc tổng thể rất hài hòa và thống nhất.

Những cửa sổ kính tọa lạc phía trên cửa đi ở mặt đứng phía Tây nhà thờ Reims đã thay thế cho hốc cửa hình tam giác truyền thống. Hệ thống cuốn bay và cột của nó được thiết kế mảnh mai và thanh lịch. Vé của nhà thờ Reims gắn liền với tài nghệ bậc thầy của những người thợ xây dựng.

Nhà thờ Amiens (1220 - 1288) là nhà thờ lớn nhất nước Pháp, cao 42,3 mét, sảnh chính rộng 15 mét. Nhà thờ do hệ thống vòm mái hình mũi có sống đan xen, cao thấp khác nhau và bệ cột xây dựng theo kiểu các cột bó vào nhau nên khi quan sát nội thất còn cảm thấy khoáng đạt, cao rộng hơn cả trong thực tế.



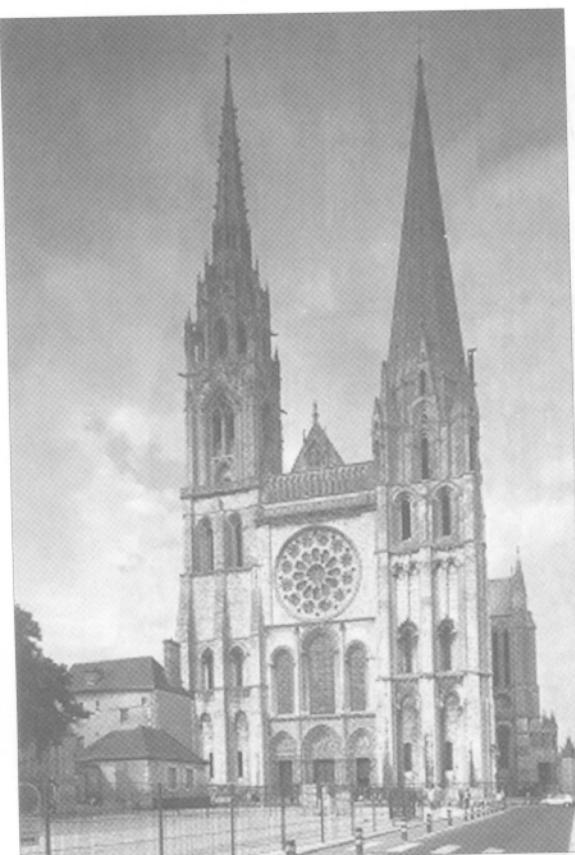
Nhà thờ Reims

Mặt bằng của Nhà thờ Amiens có thể coi như mặt bằng điển hình của kiến trúc nhà thờ Gotic cổ điển. Thân nhà thờ sát với lối vào và cách ngang đều thiết kế theo kiểu ba nhịp, nhịp giữa lớn và có dạng hình chữ nhật, hai nhịp biên nhỏ và có dạng hình vuông, phần hậu cung có năm nhịp, hành lang quanh chính điện hình bán nguyệt và các bàn thờ như những vệt tinh xảo bám vào xung quanh. Nhà thờ Amiens chỉ có hai tháp cao ở phía trước.

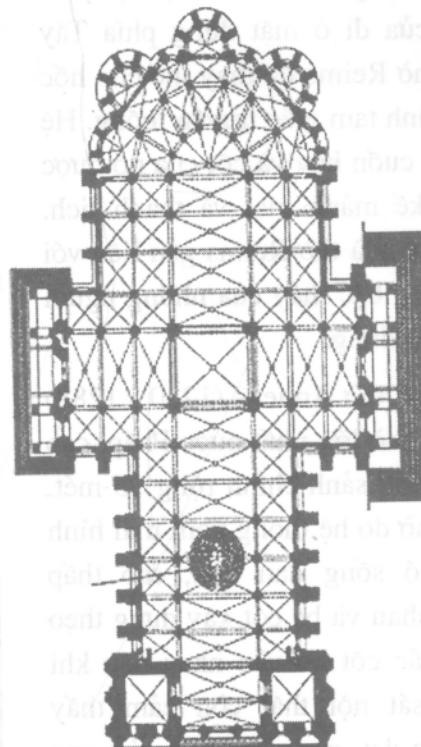
Nhà thờ Chartres, một kiệt tác kiến trúc Gothic Pháp khác (xây dựng 1149 - 1260) có hai toà tháp phía trước không giống nhà thờ Notre Dame de Paris cũng như nhà thờ Reinms, mà hình vuốt nhọn. Hai ngọn tháp xây dựng cách nhau một khoảng thời gian tới 400 năm nên hình thức rất khác nhau.

Đỉnh tháp nhọn phía Nam (bên phải) cao 107m, dựng vào thế kỷ XII, là một nhọn bát giác, đó có một sự nối tiếp tuyệt diệu với toà tháp vuông phía dưới. Trong khi đó, đỉnh tháp nhọn phía Bắc (bên trái) xây dựng vào năm 1507 lại thể hiện một sự hoa mỹ, tương phản với trụ tháp mộc mạc bên dưới cũng như với ngọn tháp thanh mảnh phía Nam.

Hai toà tháp nhọn có hình thức khác nhau nhưng cùng gây ra một ấn tượng mãnh liệt. Nếu xem xét kỹ ngọn tháp bát giác tròn phía Nam, có thể thấy đó là một sự kỳ diệu của kiến trúc.



Nhà thờ Chartres



Mặt bằng nhà thờ Chartres

Những cửa kính màu của nhà thờ Chartres đã thật sự cho thấy một hình ảnh chân thực của nghệ thuật đương thời, đó là những tác phẩm mà John Ruskin, nhà phê bình nghệ thuật thời Victoria đã gọi là "những món đồ trang sức rực cháy". Những bô trù của cuốn này càng lên cao càng giật khắc, thu hẹp lại, đỡ vòm mái hình mũi có sống có vẻ đẹp nhẹ nhàng và lộng lẫy. Về đẹp thanh tú của chiếc cửa sổ hoa hồng hoàng gia phía Nam cũng góp phần đáng kể vào vẻ đẹp tổng thể của công trình.

Nhà thờ Reims, Nhà thờ Amiens và Nhà thờ Chartres, thực sự đã là những đỉnh cao chín muồi của nhà thờ Gótich Pháp.

### 8.5. KIẾN TRÚC GÒTÍCH Ở ANH, ĐỨC VÀ ITALIA

Trong các nhà thờ tiêu biểu nhất của kiến trúc Gótich trong phạm vi nước Pháp, các đối tượng nên nghiên cứu của môn khoa học lịch sử kiến trúc.

- Nhà thờ Salisbury ở Anh.
- Nhà thờ Cologne ở Đức.
- Nhà thờ Sienna và nhà thờ Milan ở Italia.

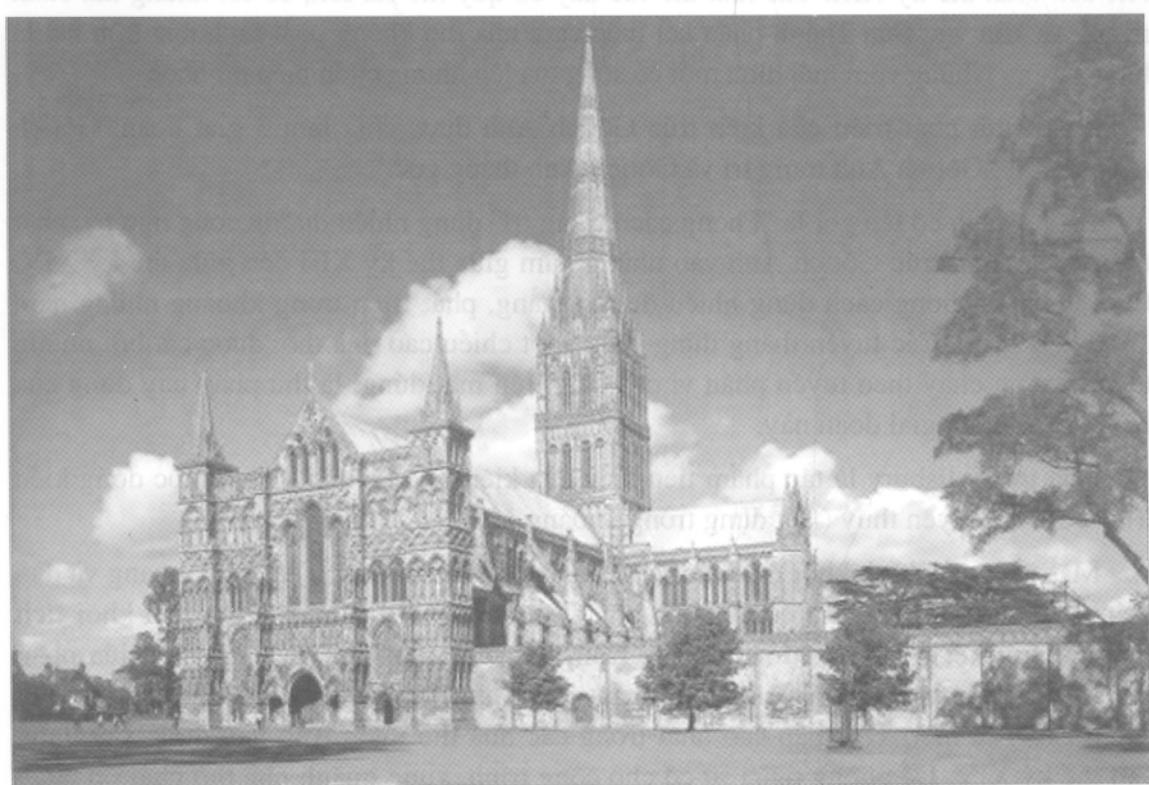
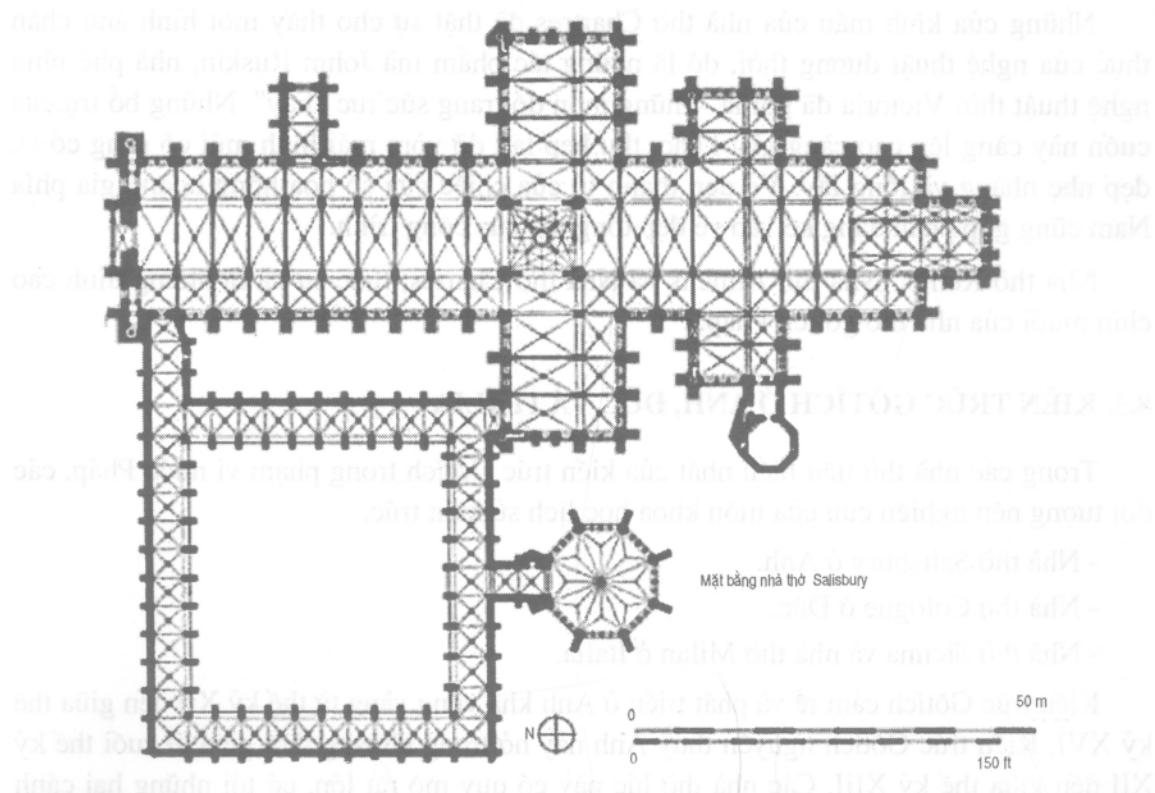
Kiến trúc Gótich cẩm rễ và phát triển ở Anh khá vững vàng từ thế kỷ XII đến giữa thế kỷ XVI. Kiến trúc Gótich nguyên thuỷ Anh này nở trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XII đến giữa thế kỷ XIII. Các nhà thờ lúc này có quy mô rất lớn, có tới những hai cánh ngang và khu vực Đàn Thánh phân kết thúc cuối nhà thờ không phải hình nửa tròn mà là hình vuông. Những vòm mái hình mũi có sống tựa lên những cuốn biên rất nhọn.

Quá trình phát triển của kiến trúc Gótich Anh được chia làm 3 giai đoạn: Gótich Anh tiền kỳ, Gótich Anh trang trí và Gótich Anh thẳng góc.

Phong cách có tên gọi là "Phong cách trang trí" dùng nhiều đường cong nguyệt, phát triển trong kiến trúc Gótich Anh vào những năm giữa thế kỷ XIII đến giữa thế kỷ XIV. Cuối cùng là phong cách dùng nhiều đường thẳng, phát triển trong khoảng những năm 1360 đến 1550. Các tuyến thẳng đứng chạy suốt chiều cao nhà thờ, được cắt bởi những tuyến ngang chạy theo tuyến phân vị các tầng trên mặt đứng, là thủ pháp hay dùng của kiến trúc Gótich giai đoạn này.

Nhà thờ Salisbury là tác phẩm tiêu biểu của kiến trúc Gótich Anh, thuộc dòng kiến trúc Gótich nguyên thuỷ (xây dựng trong khoảng 1220 - 1280).

Mặt bằng của hình khối thể hiện rõ nét tính chất hình học, có hai cánh ngang và dàn thánh hình vuông. Hai tháp ở cửa vào phía Tây không bộc lộ rõ nét lắm, có khối tích không đáng kể, trong khi đó toà pháo trung tâm, nằm ở khu vực giao cắt giữa phần thân và cánh ngang lớn của nhà thờ lại rất nổi bật, đột xuất với một toà tháp đèn với chiều cao 123 mét. Toà tháp cao nhất trong các nhà thờ nước Anh này được xây dựng vào thế kỷ XIV. Để phòng ngừa sự cố cho công trình, xung quanh nhà thờ phải ốp thêm những bệ tường đỡ. Phòng họp của các thày tu được xây dựng vào thế kỷ XIII, cho đến nay vẫn như giữ được nguyên vẹn vẻ đẹp cổ kính.



Mặt đứng nhà thờ Salisbury ở Anh (1220-1258), tháp chuông (1334-1380)